50 BỨC THƯ NỔI TIẾNG THẾ GIỚI

Biên dịch

LƯU VĂN HY - THANH HOA - THANH LOAN



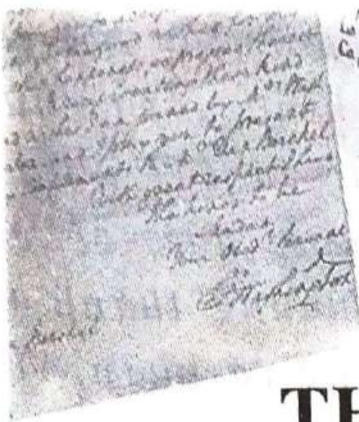
NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

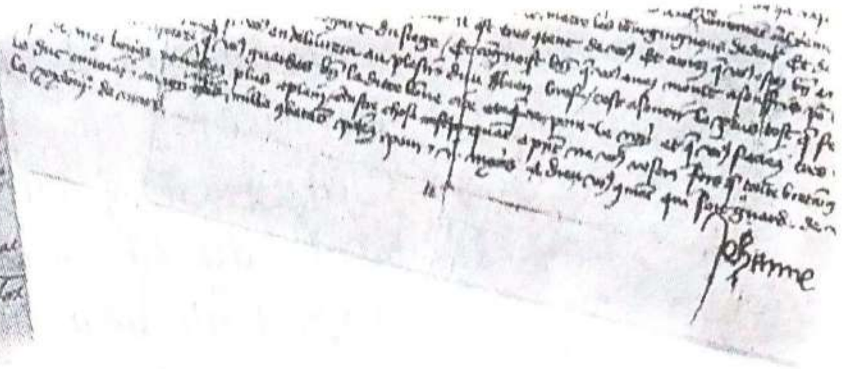
50 Bức Thư
Nổi Tiếng Thế Giới

LƯU VĂN HY - THANH HOA -THANH LOAN

50 BỨC THƯ NỔI TIẾNG THẾ GIỚI

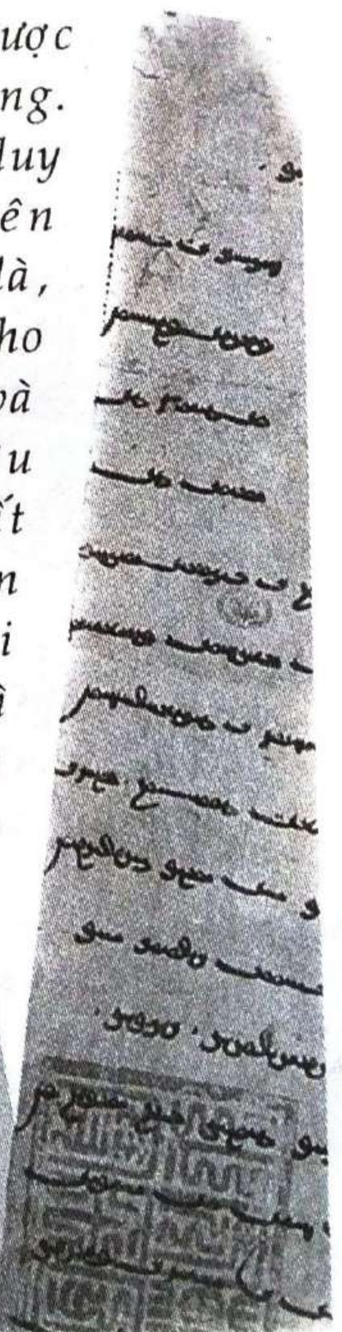
NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN
2002

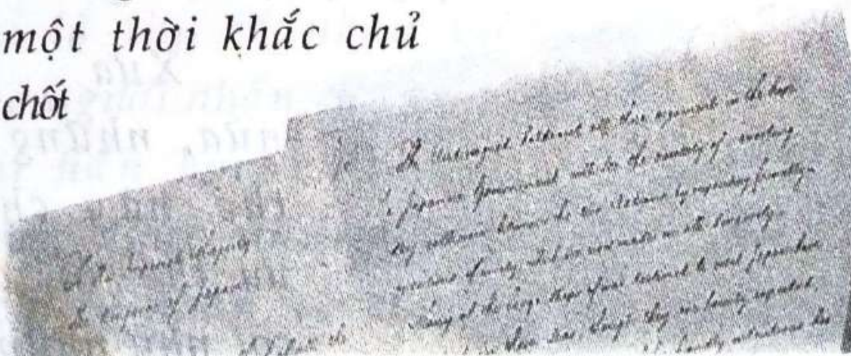




THAY LỜI TỰA

Sử sách còn bao gồm cả những bài viết có ảnh hưởng và điêu luyện được tuyển dưới hình thức viết trang trọng. Nếu như quá khứ là khung cửa sổ duy nhất, tầm nhìn của chúng ta sẽ trở nên nhỏ hẹp và thành kiến. Nhưng may là, những nguồn tư liệu khác nhau đã cho chúng ta một tầm nhìn rộng hơn và cân bằng hơn. Trong số những tài liệu thành văn này, có lẽ thứ thú vị nhất là những bức thư đã tồn tại lâu hơn cả mục đích nguyên thủy mà người viết dành cho người đọc. Thường thì chúng được viết cho một người, bày tỏ những suy nghĩ và tình cảm thâm sâu nhất của người viết, đồng thời tỏa nguồn sáng duy nhất lên một thời khắc chủ chốt







nào đó của lịch sử, của bối cảnh chính trị, và chính sách chung. Chúng cũng cho ta cái nhìn bẽ bàng, dù là thoáng qua, về cuộc sống, tình yêu, những thành tựu, và những thất vọng cá nhân.

Những thư này còn có nhiều dạng. Một số thư công khai là những tư liệu luật pháp. ***Lettre de cachet*** *(chiếu tống giam), hay thư khống chỉ, trao quyền hành động chính thức cho cá nhân.* ***Lettre de cachet được*** *viết dưới vương triều Bourbon trước cuộc Cách mạng Pháp, đã trao quyền cho nhà vua được kết tội lưu đày bất kỳ ai mà không cần xét xử. Những bức thư khác viết để công bố tức thời, như sắc lệnh của Giáo hoàng–chỉ dụ có đóng ấn của Giáo hoàng; thư của vị chủ chăn gửi cho giáo dân; rồi thư ngỏ của ủy viên công tố; và thư nặc danh, đặc biệt phổ biến ở những xã hội không được quyền tự do ngôn luận.*



Xưa hơn nữa, những thư thế này chiếm ưu thế vì, được coi như những tư

liệu công khai và thường hợp pháp, nên được coi trọng cần được bảo quản. Thế nhưng, thời gian gần đây hơn, những thư từ cá nhân ngày càng gia tăng số lượng, góp thêm vào kho tàng tư liệu mà các sử gia chọn ra để khai mở và hiểu về quá vãng. Những sự kiện được thu thập từ những bức thư và giọng điệu trong đó, thường hé mở rõ ràng cả về cuộc sống cá nhân và hoàn cảnh xã hội đương thời của tác giả. Trong những bức thư không có ý định công bố hoặc ngờ vực thường chỉ là thư cá nhân viết cho người nhận có ghi địa chỉ hẳn hoi, chúng ta thấy được những suy nghĩ cá nhân, có khi cả

sự bộc bạch, của người gửi. Chính những câu nói khi được công khai có thể làm người viết ngượng ngùng lại kéo chúng ta hiểu thêm một quá vãng sinh động, trong khi những sự kiện được hé mở có thể gây xáo trộn toàn bộ tài liệu chính thức.

Việc thu thập các bức thư này trải dài cả một khoảng thời gian hơn 2.000 năm thư từ. Một số thư được chọn là những tuyên bố chính trị mang tính công khai. Một số thư biểu trưng những quan hệ ngoại giao và chính thức giữa các nền văn hóa thiếu một ngôn ngữ chung. Một số nữa thì trực tiếp hơn, được viết ra để tường trình một khám phá, để kích động con người hành động, để cải chính điều sai, hay để chống đối kẻ thù. Những bức khác lại là những liên lạc riêng giữa bạn bè hay thù địch. Và còn có những thư là những nỗ lực thanh minh của người này, người kia đối với bạn bè, hay thế hệ mai sau.

Sự thể là, những bức thư này có sức mạnh để biện hộ hành vi và để bộc lộ động cơ, khiến người viết có sức ảnh hưởng đến các sự kiện và có khi làm thay đổi lịch sử. Những nhà soạn kịch và tiểu thuyết gia thường khai thác điểm này và biến thư từ thành bước ngoặt trong một cốt truyện. Nhà sử học Tacitus đã mô tả một ví dụ về đế chế Roma trong bức thư của Hoàng đế Tiberius gửi cho Nguyên lão viện Roma. Nó đã được đọc trong buổi họp của các Nguyên lão viện, trước hết là ca ngợi Sejanus khả ái của Hoàng

đế, sau đó chuyển sang tố cáo ông ta mãnh liệt và kết luận là ông ta đáng tội chết. Sức mạnh kích tính của bức thư làm tăng tính chất giả tạo hay sự xuyên tạc–một dạng như là: một số sử gia cổ đại thêm mắm dặm muối vào các bài viết của họ bằng những bức thư có tính chất hư cấu để lay động quan điểm của độc giả. Chỉ những ai thân cận với một nhân vật danh tiếng mới có thể ngăn chặn những bức thư nào muốn trình bày bậc vị một cách mập mờ như vậy, kiểu mà những kẻ thù cá nhân truyền bá hình ảnh sai lạc bằng cách cho lưu hành những mạo thư. Một bức thư thật phải có chữ ký hay con dấu ở cuối thư như một bằng chứng thể hiện trách nhiệm của người viết về nội dung của bức thư. Trong bộ sưu tập này có một số thư thấm ý nhất, như thư của Nữ hoàng Pháp – Marie Antoinette, gửi cho chị dâu vài giờ trước khi bị hành quyết do những giả mạo của kẻ thù của bà.

Mục đích của việc sưu tập các bức thư nổi tiếng này là vừa mang tính thông tin, vừa mang tính thư giãn cho độc giả, đồng thời cũng nhằm cho thấy hết phạm vi ảnh hưởng của việc viết thư trong từng thời kỳ, từng nơi chốn, và cả ý định của người viết. Những bức thư này được trình bày ngắn gọn và chuyển sang văn phong tiếng Anh hiện đại, để người đọc ngày nay có thể tiếp cận dễ dàng thông điệp của người viết.

Raymond Chandler đã có lần nói: "Bản chất một bức thư đã là sản phẩm tổng hợp (một phần mang tính chất bộc bạch, một phần như một tường thuật, một phần là nhật ký, và một phần là lời thoại) và một bức thư hay phải sử dụng nhuần nhuyễn, hòa hợp điều này, có khi còn biến nó thành nghệ thuật. Một bức thư hay là một hành vi bao quát: nó sử dụng tiếng nói thể hiện những suy nghĩ của người viết và tiếng nói mà người viết gióng lên với chính mình". Sự chọn lọc kỹ lưỡng này nhằm đưa người đọc tới những giờ khắc được đề cập trong thư và làm cho những tiếng nói của quá khứ được tái lên tiếng một lần nữa.



NHỮNG ĐỐI ĐẦU VÀ NHỮNG KHÁM PHÁ

Tháng Bảy 1969, khi Neil Armstrong đặt chân lên mặt trăng, thông điệp mà ông gửi cho thế giới, "đây là bước tiến nhỏ của con người, nhưng là một bước nhảy khổng lồ cho nhân loại", được tiếp âm tức thời về trái đất và đồng thời được phát đi toàn cầu. Những nhà thám hiểm trước không được hưởng tính nhanh chóng hoặc dễ dàng của sự thông tin liên lạc; trước khi phát minh ra radio, việc tiếp xúc với những nhà thám hiểm ở những vùng đất xa lạ hầu như chỉ dựa trên hình thức gửi thư ít tin cậy và chậm chạp.

Trên đường trở về từ cuộc viễn du đầu tiên mà ông nghĩ là vùng đất kỳ bí của Cipangu hồi tháng Hai 1493, Christopher Columbus e rằng con tàu của ông sẽ bị nhận chìm trong bão tố. Ông đã viết một bức thư, cuộn nó trong tấm vải dầu, đặt nó vào vỏ trái dừa và thả xuống biển, với hy vọng mong manh là một ngày nào đó người ta sẽ tìm thấy và đọc. Song Columbus đã trở về Tây Ban Nha an toàn, báo cáo bằng văn bản những thành tựu của ông giống hệt báo cáo của nhà khoa học về Tân Thế giới. Nó đã chính thức được Vua và Hoàng hậu Tây Ban Nha sao chép và chuyển đến những người có quan hệ.

Trong những năm trước khi tạp chí khoa học ra đời, các nhà khoa học thường tường trình các phát minh và khám phá của họ bằng những lá thư cá nhân gửi cho những người làm việc trong cùng lĩnh vực, những người mà họ biết rằng sẽ ủng hộ và đánh giá đúng mức khám phá của họ. Vì thế, ngay từ trước khi chính thức công bố những phát hiện của mình, Galileo đã thông báo trong một bức thư gửi tới các đồng sự về những bí mật của hành tinh mà ông khám phá qua viễn vọng kính. Tương tự, Benjamin Franklin, một trong những nhà khoa học vĩ đại của thế kỷ XVIII, đã viết thư cho ngài Joseph Banks, nhà thực vật học tài ba ngang tầm và là lãnh đạo của Hiệp hội Hoàng gia Anh, để trình bày những gợi ý xa xa về khinh khí cầu dựa trên những gợi ý công nghệ mới để đưa



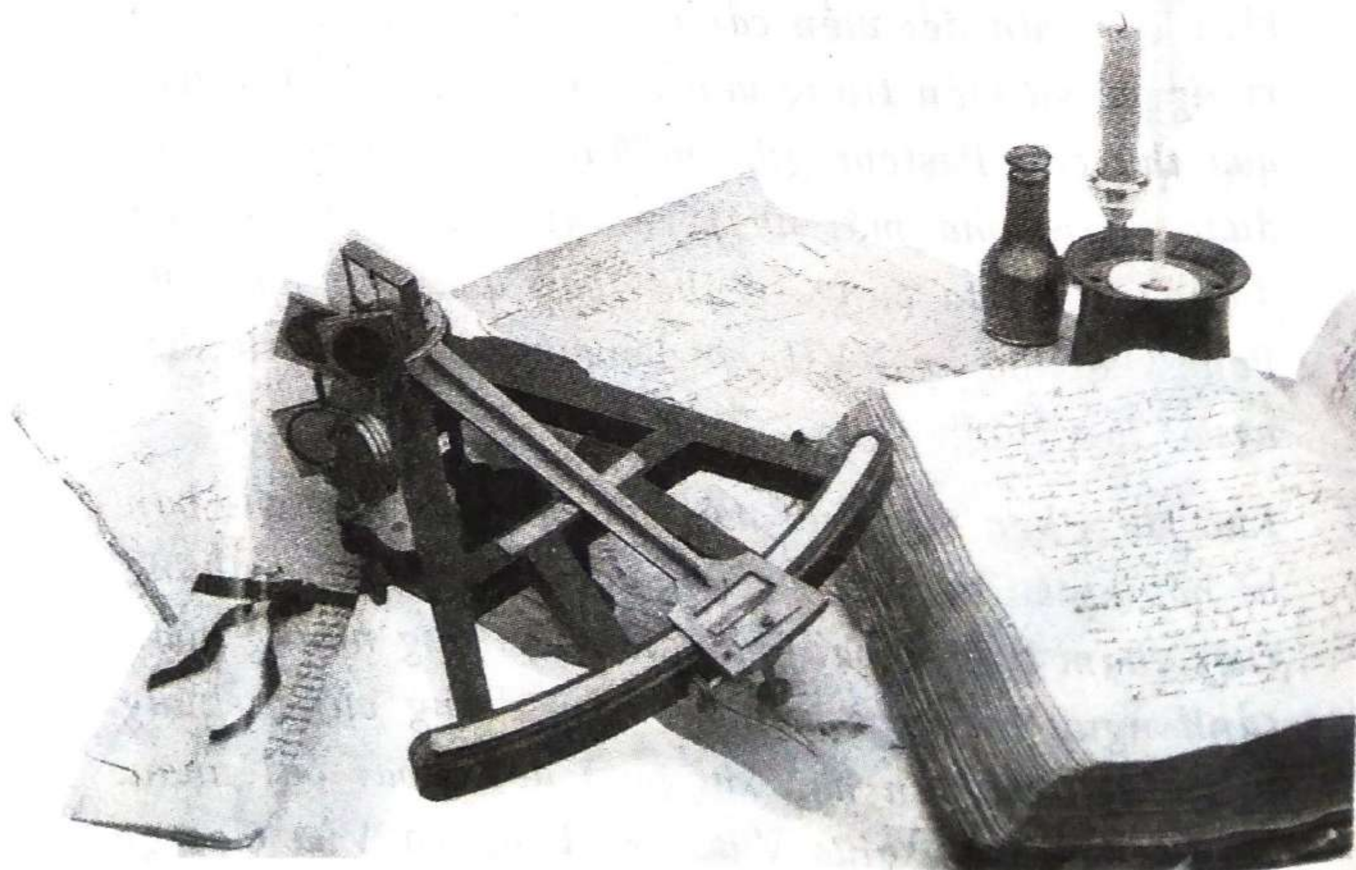
lên bằng khí nóng được triển khai ở Paris trong thập niên 1780.

Cả Albert Einstein cũng sử dụng hình thức viết thư gửi Tổng thống Hoa Kỳ lúc ấy nhằm lưu ý những gợi ý chính trị về nguyên tử năng đang nhen nhúm trong cộng đồng các nhà vật lý hạt nhân trong thập niên 1930. Thật thú vị, Einstein không tự mình viết thư, nhưng chữ ký nổi tiếng thế giới của ông trên đó đã làm cho bức thư nhanh chóng chiếm được lòng tin to lớn về bức thông điệp lưu tâm đến tương lai của thế giới.

Các nhà thám hiểm và các khoa học gia có thể trình thuật trong thư, khá khách quan, những khám phá của họ. Một số thư cá nhân còn cho thấy mặt khác của vấn đề: viễn cảnh hấp dẫn theo quan điểm riêng về sự kiện trọng yếu trong lịch sử. Chẳng hạn qua thư của Pasteur gửi cho các con, chúng ta biết được khám phá mới nhất về thuốc tiêm phòng kỳ diệu. Chúng ta cũng có thể thấy qua ánh mắt của Pepys hồi thế kỷ XVII, khi London bị bệnh dịch chết người tấn công.

Khó khăn hơn việc viết một bức thư mộc mạc cho bạn bè hay người thân là việc trao đổi thư từ trong những cuộc chạm trán ngoại giao, diễn ra trong những hoàn cảnh nguy hiểm và với các bên không cùng chung ngôn ngữ và văn hóa khi phải đối thoại với nhau. Những trao đổi giữa Vua Càn Long và Vua George

của nước Anh, hoặc giữa Oa Khoát Đài Mông Hãn và Giáo hoàng, tin vào những vị đại sứ dũng cảm (hoặc liều lĩnh) xâm nhập vào cơ quan đầu não của đất nước thù nghịch. Những vị đại sứ khác như thiếu tướng hải quân Perry, mang thông điệp của Tổng thống Hoa Kỳ gửi Nhật hoàng, có phần an toàn hơn vì dựa vào thế mạnh quân sự. Trong mỗi trường hợp, cách thức viết thư làm tăng thêm trọng lượng và quyền lực cho các hình thức giao tiếp này, đã được trù tính nhằm chi phối dòng sự kiện của loài người.



THÁNH JEROME

Vị học giả và thầy dạy vĩ đại của giáo hội Roma nói về cơn choáng của mình khi nghe tin thành Roma bị quân rợ đánh bại.



Chân dung Thánh Jerome qua nét vẽ của họa sĩ Pháp, Georges de la Tour.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Sự sụp đổ của thành Roma kiêu hùng, chưa hề nếm mùi thất bại trước bất cứ kẻ thù nào trong gần 800 năm, đã gây xúc động cho toàn cõi Roma. Tin này đã tới Palestine, nơi nhà nghiên cứu Kinh thánh hàng đầu, Thánh Jerome, tu viện trưởng ở Bethlehem, đang tiến hành việc chuẩn bị diễn giải các sách Cựu ước. Ngài đã viết phần dẫn nhập một số bản diễn giải dưới hình thức thư từ cho một cựu học sinh và cũng là chỗ thân tình, và ngài thường bày tỏ nỗi lo sợ cấp bách về cuộc sống cũng như thời đại của ngài.

Năm 410, Thánh Jerome đã nổi tiếng là tấm gương về đời sống tu trì. Sinh ra ở Dalmatia, vùng duyên hải của Croatia ngày nay, ngài đã được đào luyện về tu từ học và văn học La-Hy tại Roma. Sau lần thị kiến, ngài lui về ẩn dật tại sa mạc Syrian ba năm. Những thành quả của ngài với tư cách là một học giả và dịch giả thật phi thường: ngoài những diễn giải Cựu ước, ngài đã đưa ra chuẩn tắc đầu tiên cho bản văn Latin của Kinh thánh. Mặc dù ngài là một con người khắc khổ, nóng tính, và khinh khỉnh với những ai bất đồng với ngài, nhưng ngài lại được đại đa số phụ nữ yêu mến. Khi ngài rời Roma năm 385, sau 3 năm đứng đầu "trường" thần học, ngài thường giao du với một nhóm phụ nữ Kitô giáo ngoan đạo, trong đó có góa phụ giàu có Paula đã đi theo ngài về Palestine. Ở Bethlehem, bà này đã xây một tu viện cho thánh Jerome mà ngài là tu viện trưởng, cùng một tu viện nữ do bà này cai quản.

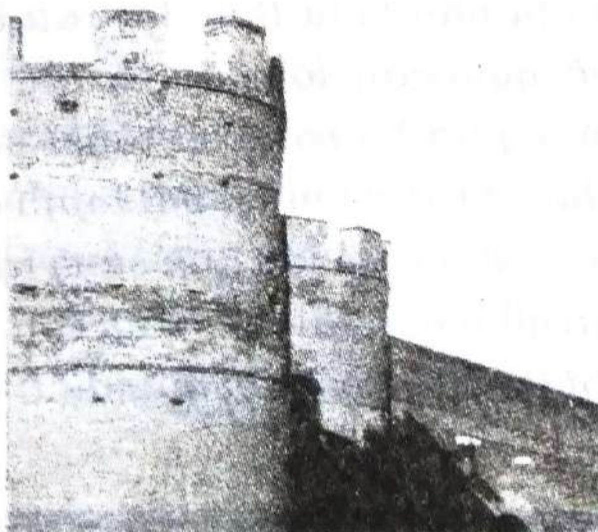
Mười năm sau khi Jerome rời Roma, hoàng đế Theodosius băng hà, đế chế được các con trai của nhà vua phân chia. Arcadius cai trị ở phía đông, còn Honorius ở phía tây. Nhà cai trị có thực lực ở Ý là tổng tài Stilicho của Honorius, đã thất bại khi đương đầu với sự bành trướng thế lực của dân Visigoths (dân Đức), dân mà trước khi Theodosius qua đời đã cho phép họ, dưới quyền vua của họ là Alaric, được định cư ở các vùng biên giới của Roma.

Năm 406, dân Đức này xâm lấn Pháp, đã chiếm mất của Roma phần lãnh thổ ấy, và Alaric chớp cơ

hội để đòi tiền và đất của Roma. Bị khước từ, ông này đưa quân vây hãm các cổng thành của Roma suốt 3 năm liên tiếp. Các cổng thành đã bị nội gián mở để ông này tiến vào (410), nhưng xảy ra ít đổ nát, vì Alaric là một Kitô hữu nên ông ta cấm không được đánh phá các dinh thự tôn giáo.

Tiểu sử :

Thánh Jerome (khoảng năm 341-420), tên thật của ngài là Eusebius Hieronymus, sinh tại Strido, Dalmatia, học ở Roma (nơi ngài đã được đặt rửa tội), sau ngài du hành về phương Đông. Nhưng sau một cơn bạo bệnh khi ở Antioch, ngài lui về sa mạc Chalcis (374-78). Năm 379, ngài được thụ phong linh mục. Năm 382 ngài đi công cán tới Roma, ở lại đó 4 năm làm thư ký cho Giáo hoàng Damasus. Năm 386 ngài định cư hẳn ở Bethlehem, nơi ngài đứng đầu một tu viện. Ngài đã dịch kinh Cựu ước từ tiếng Do Thái sang tiếng Latin và duyệt lại bản dịch Latin cuốn Tân ước. Jerome là nhà thông thái và có tài hùng biện bậc nhất trong hàng ngũ các giáo sĩ của Giáo hội buổi sơ khai.



THƯ CỦA THÁNH JEROME GỬI EUSTOCHIUM NĂM 412 SAU CÔNG NGUYÊN

Eustochium, nữ tỳ của Đức Kitô, sau khi hoàn tất bộ 18 quyển giảng giải về tiên tri Isaiah, ta rất muốn trình bày tiếp về tiên tri Ezekiel, đúng như ta đã thường hứa với con và mẹ Paula, người phụ nữ thánh thiện. Nhưng quả như câu ngạn ngữ: "Nói trước bước chẳng qua" vì hỡi ôi, ta bỗng nhận được tin Pammachius và Marcella qua đời, thành Roma bị vây hãm, và cảnh hoang mang lo sợ của các anh chị em đồng đạo. Ngày đêm ta những sững sờ và khiếp đảm, chẳng còn đầu óc nào để nghĩ suy điều gì khác ngoài sự an nguy của cộng đoàn; nó tựa hồ ta đang bị câu thúc cùng các con chiên của Chúa, đồng thời chẳng biết nói gì cho tới khi nào hiểu thực hư của vấn đề. Suốt thời gian này, lòng đầy lo âu, ta đang dao động giữa hy vọng và tuyệt vọng, và đang khổ sở trước những bất hạnh của các đồng đạo. Nhưng cả khi ánh sáng rạng ngời của trần gian này tắt lịm, hay, còn hơn thế nữa; khi Đế chế Roma bị hủy diệt, mà, nói

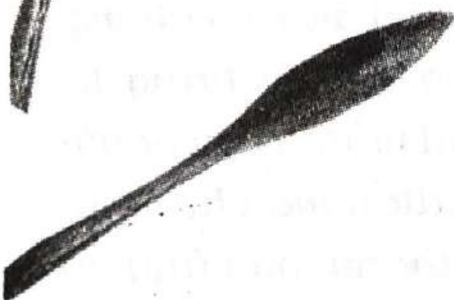
chính xác hơn, cả thế giới này tàn lụi như một thành trì, ta cũng chỉ biết lặng đi và thấy mình có là gì đâu, để rồi cứ lặng câm dù ai có nói hay đến thế nào đi nữa, để nỗi đau vẫn òa ra, con tim cứ hừng hực lửa lòng vào những lúc ta trầm ngâm.

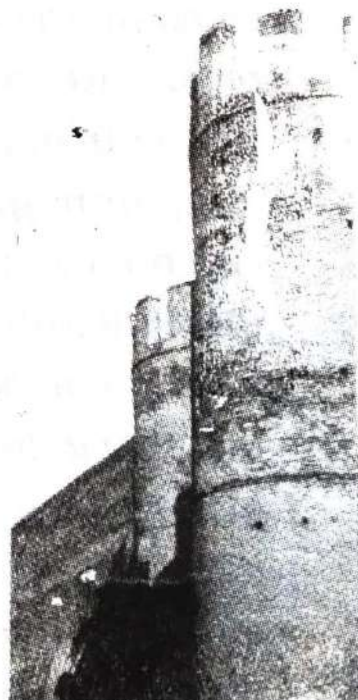
Nào ai ngờ rằng Roma được xây dựng nhờ sức mạnh chinh phục toàn thế giới mà giờ sụp đổ hoang tàn, rằng mẫu quốc cũng có ngày trở thành mồ chôn của các chư hầu; rằng của cả khắp trời Đông, của Ai cập, châu Phi mà một thời thuộc về kinh thành uy quyền, giờ bị tràn ngập các bọn tôi tớ của nó, rằng có ngày mà hàng ngày chúng ta (đang) phải tiếp nhận tại thành Thánh Bethlehem này các quý ông và quý bà đã một thời là (những) quý tộc và giàu có nhưng giờ đây trở thành nghèo khó? Chúng ta không thể (làm gì để) an ủi những con người chịu đựng đau khổ này; điều mà chúng ta có thể làm được là cảm thông và cùng họ (mà) than khóc. Mối ưu tư của nghĩa cử này là cái chúng ta có thể gánh vác được; cảnh những người lang thang, lẩn trong các đám đông, làm chúng ta quá đỗi đau xót; và vì thế chúng ta đành gác việc trình bày về

Ezekiel, và hầu như toàn bộ việc nghiên cứu, để nguyện sao những lời của Kinh thánh biến thành hành động, cũng đừng nói những điều thánh thiện mà hãy làm (gì) cho họ. Dầu sao, Eustochium, nữ tỳ của Đức Kitô, để đáp lại sự nhắc nhở của con, chúng ta lại tiếp tục công việc bị bỏ dở; và (chúng ta) tiến hành quyển sách thứ ba của chúng ta.

JEROME







*** Ghi chú của người dịch:** *Những từ trong ngoặc đơn (...) được thêm vào trong bản dịch vừa mang tính chất làm rõ nghĩa, vừa như những từ đệm cần thiết trong văn phong tiếng Việt.*

SAINT JEROME TO EUSTOCHIUM

A. D. 412

Having completed the eighteen books of the exposition of Isaiah, I was very desirous, Eustochium, Christ's virgin, to go on to Ezekiel, in accordance with my frequent promises to you and your mother Paula, of saintly memory, and thus, as the saying is, put the finishing touches to the work on the prophets. But alas! I was suddenly told of the death of Pammachius and Marcella, the siege of Rome, and the falling asleep of many of my brethren and sisters. I was so stupefied and dismayed that day and night I could think of nothing but the welfare of the community; it seemed as thought I was sharing the captivity of the saints, and I could not open my lips until I knew something more definite. All the while, full of anxiety, I was wavering between hope and despair; and was torturing myself with the misfortunes of other people. But when the bright light of all the world was put out, or, rather; when the Roman Empire was decapitated, and, to speak more correctly, the whole world perished in one city, I became dumb and

humbled myself, and kept silence from good words, but my grief broke out afresh, my heart glowed within me, and while I meditated the fire was kindled.

Who would believe that Rome, built up by the conquest of the whole world, bad collapsed, that the mother of nations bad become also their tomb; that the shores of the whole East, of Egypt, of Africa, which once belonged to the imperial city, were filled with the hosts of her men-servants and maid-servants, that we should every day be receiving in this holy Bethlehem men and women who once were noble and abounding in very kind of wealth, but are now reduced to poverty? We cannot relieve these sufferers: all we can do is to sympathize with them, and unite our tears with theirs. The burden of this holy work was as much as we could carry; the sight of the wanderers, coming in crowds, caused us deep pain; and we therefore abandoned the exposition of Ezekiel, and almost all study, and were filled with a longing to turn the words of Scripture into action, and not to say holy things but to do them. Now, however; in response to your admonition, Eustochium, Christ's virgin, we resume the interrupted labor; and approach our third Book.

JEROME

KUYUK, MONGOL KHAN (OA KHOÁT ĐÀI MÔNG HÃN)

Nhà cai trị tối cao của Mông Cổ, tự tin vào quyền lực của mình, đã trả lời thư của Giáo hoàng bằng một bức thư nổi danh.



Kuyuk, Mongol Khan, chúa tể của các tiểu vương, người đã lệnh cho Innocent là hãy "phải tùng phục và thần phục ta."



Innocent đệ tứ, người từng xưng có quyền tối thượng trên các vua chúa trần gian, kể cả "vua của người Tartar."

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Sự bành trướng của đế chế Mông Cổ là một trong những hiện tượng xôn xao nhất trong lịch sử thế giới. Temujin, được biết tới nhiều hơn dưới danh hiệu Thành Cát Tư Hãn, thủ lĩnh của một thị tộc

du cư châu Á vô danh, sống từ (khoảng 1162-1227), nhưng vì có tài thao lược nên đã trở thành người cai trị một đế chế trải từ biển Đen tới Thái Bình Dương. Con trai Ogodei của ông và là người kế vị (1185-1241) đã lấy việc đi thôn tính xứ người làm sự nghiệp. Sau khi càn quét qua nước Nga, các tướng soái của Đại Mông, Batu và Subedei, mưu tính xâm lược châu Âu, năm 1240 đã đưa quân tấn công hai mũi.

Cuộc tiến quân này bị tạm ngưng khi Ogodei đột tử. Batu và Subedei được triệu hồi về Karakorum, Mông Cổ, đứng đầu "Đại Hội đồng" để tuyển chọn người kế vị. Những cuộc tranh luận trong triều khiến việc nối ngôi bị trì hoãn nên mãi đến năm 1246, Kuyuk, trưởng tử của Ogodei, được chọn làm chúa tể của các tiểu vương, người cai trị tối thượng của Mông Cổ.

Cùng lúc ấy, Giáo hoàng Innocent đệ tứ đã gửi một bức thư cho "vua dân Tartar" yêu cầu ông ta tránh tấn công những Kitô hữu, và dọa ông ta về sự thịnh nộ của Thượng đế ở đời này cùng chịu đày địa ngục sau này.

Các công sứ của Giáo hoàng, một phái đoàn dưới sự hướng dẫn của thầy dòng Phanxicô là Giovanni Piano Carpini, đã thi hành sứ mệnh trong hai năm (1245-1247). Carpini đã phải đi lại từ hết tiểu vương này tới tiểu vương khác cho tới khi ông này tới Kiev. Ông ta cùng các cộng sự phải chịu đựng mùa đông khắc nghiệt ở Nga để tới doanh trại của Batu bên bờ Volga. Batu đang bận rộn về việc

nối ngôi, đã đọc bức thư nhưng không muốn dính vào việc này. Ông này đã đưa Carpini và thêm duy nhất một thầy dòng nữa tới gặp hội đồng ở Karakorum. Họ đã đi mất 17 tháng, vượt hơn 4.500 cây số từ sau khi rời Roma, nhưng rồi phải đợi cho tới mùa đông, khi Kuyuk được phê chuẩn trở thành tân hoàng đế. Sau đó, ông ta đã viết thư trả lời, mà phần sau đây là đoạn trích dẫn. Ý nghĩa của thư thật minh bạch, nhất là lời cảnh cáo: "Làm sao biết được điều gì sẽ xảy ra cho ngài? Chỉ có trời biết."

Đúng thế, chỉ có trời biết. Đế chế Mông Cổ hung tàn đã bị suy yếu vì cuộc nội chiến và những tranh giành trong vương triều, đã cứu châu Âu khỏi những cuộc tàn phá thêm nữa.

Tiểu sử

Kuyuk (1206-1248), còn gọi là Guyuk, cháu nội của Thành Cát Tư Hãn, nắm quyền tối cao trong đế chế Mông Cổ năm 1246. Triều đại của Kuyuk kéo dài chưa được 2 năm. Vốn nghiêm khắc, kiêu căng và nghiêm nghị, ông là vị Hoàng đế hà khắc và khó gần, người luôn tự mình giám sát mọi việc, chẳng bao giờ tha thứ cho bất kỳ lỗi lầm nào, nghiêm trị những kẻ tham nhũng, bất tài, và chẳng hề đàm đạo với ai trực tiếp cả. Có lẽ ông qua đời do bệnh xơ gan trên đường đến phương Tây chống lại Batu, người đã tự xưng là hoàng đế đầu tiên của Golden Horde. Vị quan ly khai này là người sống lâu nhất của đế chế Mông Cổ bị phân rẽ, và đã để lại dấu ấn lâu dài trong lịch sử của nước Nga.

THƯ CỦA KUYUK MONGOL KHAN GỬI GIÁO HOÀNG INNOCENT ĐỆ TỨ NĂM 1246

Nhân danh quyền năng của Thượng đế, ta là hoàng đế tối thượng của mọi đại quốc. Đây là lệnh của ta: Nó là chiếu chỉ được gửi tới ngài Giáo hoàng để ngài được tường và xem xét.

Sau khi tham khảo ý kiến với các quốc vương dưới quyền thống lĩnh của ngài, ngài đã gửi cho ta một kiến nghị có tính chất xem thường, mà ta đã nhận được từ vị công sứ của ngài. Ngài đã (dám) bảo rằng chớ gì chúng ta trở thành những Kitô hữu. Đích thân ngài viết cho ta về vấn đề này, và đã đặt thành lời đề nghị đối với ta. Ta chẳng thể hiểu được điều này. Khi ngài nói: "Tôi là một tín đồ Kitô giáo. Tôi nguyện Chúa Trời..." sao ngài biết ai đang làm đẹp lòng Chúa và ai là người được Chúa chúc phúc? Ngài hiểu gì mà dám nói ra những lời

như vậy? Bằng vào quyền năng của Thượng đế, mọi miền đất nước, từ đông sang tây, được giao cho ta. Ai có thể làm gì khác ngoài việc tuân theo ý trời? Giờ ta nói thẳng với ngài là, "Ta sẽ chinh phục và thiết lập quyền lực của ta lên lãnh thổ của ngài." Với tư cách đứng đầu các quốc vương, tất cả không trừ ai, phải phục tùng và thần phục ta. Còn nếu ngài không tuân lệnh trời, và chống lại lệnh ta, ta coi ngài như thù địch.

Đấy là những gì ta cần báo cho ngài. Nếu ngài không thi hành theo lệnh này, làm sao biết được điều gì sẽ xảy ra cho ngài? Chỉ có trời biết.

KUYUK MONGOL KHAN



Kuyuk, Mongol Khan
to
Pope Innocent IV
1246

By the power of the Eternal Heaven, we are the all-embracing Khan of all the great nations. It is our command: This is a decree, sent to the great Pope that be may know and pay heed.

After holding counsel with the monarchs under your suzerainty, you have sent us an offer of subordination, which we have accepted from the hands of your envoy. You have said it would be well for us to become Christians. You write to me in person about this matter, and have addressed a request to me. This we cannot understand. When you say: "I am a Christian. I pray to God..." how do you know who is pleasing to God and to whom be allots his grace? How can you know it, that you speak such words? Thanks to the power of the Eternal Heaven, all lands have been given to us from sunrise to sunset. How could anyone act other than in accordance with the commands of Heaven? Now your own upright heart must

tell you: " We will become subject to you, and will place our powers at your disposal." You in person, at the head of the monarchs, all of you, without exception, must come to tender us service and pay us homage, then only will we recognize your submission. But if you do not obey the commands of Heaven, and run counter to our orders, we shall know that you are our foe.

That is what we have to tell you. If you fail to act in accordance with this, how can we foresee what will happen to you? Heaven alone knows.

KUYUK

CHRISTOPHER COLUMBUS (KHA LUÂN BỐ)

Người châu Âu đầu tiên tường trình từ Caribê nói về sự phồn vinh và những vui thú của quần đảo.



Christopher Columbus, người mà đến khi qua đời vẫn tin rằng mình đã tới Ấn Độ.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Thứ Sáu, ngày 3 tháng Tám 1492, Christopher Columbus giương buồm từ Saltes, một hòn đảo gần Palos, Tây Ban Nha. Ông chỉ huy 3 con thuyền: *Santa Maria* có 50 thủy thủ, và hai thuyền buồm nhỏ hơn, *Niđa* và *Pinta*. Cả thảy chỉ khoảng 120 người. Cuộc hành trình này là quyết định tối thượng sau 7 năm điều đình với nhà vua và hoàng hậu Tây Ban Nha là Ferdinand và Isabella, còn đối với Christopher Columbus thì giấc mơ từ năm 18 tuổi nay thành hiện thực để ông có thể giong thuyền về hướng tây băng qua Đại Tây Dương và từ đó tới đảo Cipangu (Nhật Bản) mà Marco Polo đã nói tới; Polo xác định

Nhật Bản nằm cách Cathay (Trung Quốc) 2.413km về hướng đông.

Sau khi ghé quần đảo Canary, Christopher Columbus giong thuyền về hướng tây vào vùng đất xa lạ. Ngày 10 tháng Mười, ông và thủy thủ đoàn phải vận dụng tất cả kiến thức về hàng hải và thấy rằng còn xa mới tới điểm mà Christopher Columbus cho rằng có thể thấy đất liền. Nỗi lo sợ đẩy thủy thủ đoàn đến chỗ muốn nổi loạn. Dòng lịch sử có thể đã khác đi nếu họ không nhìn thấy những đàn hải âu bay ngang trên đầu ở hướng tây nam. Lấy lại can đảm và nhờ gió mậu dịch (luồng gió mạnh thổi liên tục từ đông nam hoặc đông bắc về hướng xích đạo) giúp họ tăng tốc đi về hướng tây, và ngày 11 tháng Mười, Christopher Columbus và những thủy thủ còn tiếp tục cuộc hành trình đã thấy những cành cây và mía trôi giạt. Ngày 12 tháng Mười, đất liền hiện ra và ngày hôm sau họ cập vào hòn đảo mà dân địa phương gọi là Guanhani. Nghĩ rằng mình đã tới Ấn Độ nên Christopher Columbus đã gọi dân bản xứ là "người Ấn Độ" Christopher Columbus giong thuyền quanh các đảo khác thuộc nhóm đảo này để tìm vàng của "Cipangu" Ông tìm thấy vàng trên đảo Hispaniola, và đã thiết lập một khu dân cư nhỏ.

Nhiều chỗ trong trích đoạn của bức thư ở đây cho thấy Christopher Columbus tả chi tiết khám phá thần thoại này qua vẻ đẹp và cảnh quan, nguồn tài nguyên thiên nhiên mà ông đã tìm thấy, và về tính hòa hiếu của dân địa phương trên quần đảo.

Sự trần truồng của người bản xứ là điều gì thật lạ lùng đối với người châu Âu thế kỷ XV, cũng

giống như dân bản xứ thấy xa lạ khi nhìn những người mới tới áo quần chỉnh tề. Lưu tâm đến sở thích của quốc chủ về các kho báu của "Cathay", Christopher Columbus nhấn mạnh rằng người dân ở đây có thể sẵn sàng trở lại đạo vì họ có vẻ thán phục Christopher Columbus và mọi người của nhóm và sẵn lòng trao đổi những món đồ của họ để lấy những đồ trang sức lòe loẹt rẻ tiền.

Con thuyền *Santa María* bị mắc cạn ở Hispaniola không thể kéo ra được nên Christopher Columbus đã trở về quê hương bằng hai thuyền buồm nhỏ.. Ông đã bị trễ lại vì bão nhưng đã về lại Palos ngày 15 tháng Ba 1493. Bức thư này đã được niêm lại và chỉ có một bức viết cho Ferdinand và Esabella lại bị thất lạc. Thực ra bức thư này không có ý gửi riêng cho một ai mà muốn công bố chung về cuộc thám hiểm và những khám phá của Christopher Columbus.

Ferdinand và Isabella đã có một số bản sao viết tay của bức thư dành cho các cận thần quan trọng trong triều, một trong những bản này đã tới tay Luis de Santangel và Raphael Sanchez, hai vị quan coi về công khố, những người đã giúp tăng ngân sách cho cuộc hành trình của Christopher Columbus. Bản gốc bằng tiếng Tây Ban Nha đã nhanh chóng dịch sang tiếng Latin, phần là để giáo hoàng có thể phân xử những xác quyết của Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha về Tân Thế giới.

Thư được đề ngày 15 tháng Hai 1493, "trên con thuyền rời quần đảo Canary", nhưng các sử gia đã phỏng đoán là thật ra Christopher Columbus đã viết nó dưới sự chứng kiến của người Azores trong cuộc hành trình trở về. Rõ ràng ông muốn khơi gợi

sự quan tâm của nhà vua để cả vua và hoàng hậu hỗ trợ ông thêm một chuyến nữa.

Christopher Columbus không kể về đường đi của cuộc hải hành, cũng chẳng đề cập đến những tính toán chết người trên đường đi, phòng nếu bức thư rơi vào tay kẻ thù hoặc những thủy thủ thù nghịch. Cả chuyện con thuyền bị mắc cạn cũng không được ông đề cập tới.

Việc so sánh với cuộc hành trình của Christopher Columbus cho thấy bức thư này như một bản tóm tắt các sự kiện thật xuất sắc và sinh động, những mong Ferdinand và Isabella đáp trả những gì ông từng hy vọng. Thư của Don Cristóbal Colón, tư lệnh hải quân và là phó vương, đồng thời là thủ hiến các đảo mà ông đã khám phá ra, đã khuyên ông nên quay lại Tân Thế giới ngay, hứa sẽ tài trợ đủ một khi ông hiện diện ở cung đình.

Tiểu sử

Christopher Columbus (1451 -1506), sinh ra ở Genoa, Ý. Lúc 14 tuổi ông đã đi biển, sau này ông ấp ủ tham vọng đến Ấn Độ bằng thuyền về hướng tây. Ông đã thực hiện nhiều chuyến hải hành đến Sierra Leone và Cape Verde để biến mình thành một thủy thủ chuyên nghiệp. Mãi năm 1492 ông mới hoàn thành thắng lợi chuyến hải hành tới vùng Caribê. Ông đã tiếp tục những chuyến đi trong các năm từ những năm 1493-1496, 1498, và, khi ông giong thuyền tới bờ biển Nam Mỹ vào năm 1502-1504. Ông vẫn đoan chắc rằng mình đâu khám phá ra Tân lục địa mà là tìm ra con đường mới đi đến Ấn Độ. Ông mất tại Valladolid, Tây Ban Nha.

THƯ CỦA CHRISTOPHER COMLUMBUS GỬI LUIS DE SANTANGEL
Ngày 15 tháng Hai 1493

Khi biết ngài sẽ rất vui mừng về thắng lợi lớn mà Hoàng đế đã giao cho tôi trong chuyến hải hành, tôi viết cho ngài thư này để ngài tường, trong hai mươi ngày vượt biển tới Ấn Độ và những vùng lân cận, nơi tôi đã khám phá rất nhiều đảo có đông dân cư sinh sống. Thật khó mà tin, nếu không thấy, lại có những hải cảng và nhiều sông ngòi lớn, cùng những vùng sông nước tuyệt vời, mà hầu như đều chứa vàng. Cây trái ở đây khác xa cây trái ở Juana. Ở đây có rất nhiều loại gia vị, những mỏ vàng và các kim loại khác thật lớn. Người dân trên đảo, và cả những nơi khác nữa, đàn ông cũng như đà bà, tôi đều thấy họ đi lại trần truồng như lúc mới sinh. Nếu hỏi xin bất cứ thứ gì mà họ có, chẳng bao giờ họ khước từ, mà còn như mời người ta nhận, tỏ ra rất khao khát cho đi với cả tấm lòng. Còn thứ cho lại họ, dù là giá trị hay chỉ là thứ vặt vãnh, họ đều tỏ ra hài lòng.

Họ tỏ ra yêu quý và phục tùng Hoàng đế và tổ quốc Castilia của họ. Họ tìm cách

cho chúng tôi thứ mà họ dư dật, hay thứ mà chúng tôi cần. Họ chẳng biết đến chuyện giáo phái hay chuyện sùng bái thần tượng; ngoại trừ việc mà mọi người đều tin rằng quyền năng và điều thiện thì ở trên trời. Họ cũng tin chắc rằng tôi cùng với những con thuyền và thủy thủ đoàn này đều từ trời đến. Điều tin tưởng này chẳng phải vì họ dốt nát; mà ngược lại, họ lại là những người rất khôn khéo, những con người vượt mọi biển khơi, những con người tính toán tài tình–có điều do họ chưa bao giờ nhìn thấy những người mặc quần áo hoặc thứ giống như những con thuyền của chúng ta. Cộng đồng Kitô giáo phải hết sức hoan hỉ về điều họ sẽ có được nhờ việc nhiều dân tộc trở về với Đức tin Thánh của chúng ta; rồi tới lợi ích vật chất sẽ mang lại (như) đồ ăn thức uống cùng lợi lộc, không chỉ cho Tây Ban Nha mà cho toàn thể tín đồ Kitô giáo. Tôi chỉ xin ngắn gọn theo đúng sự thật. Thư viết ngày 15 tháng Hai năm 1493, trên chiếc thuyền buồm nhỏ đang rời quần đảo Canary.

Người thừa hành của ngài,

:Xpo FERENS:/

CHIRSTOPHER COLUMBUS TO LUIS DE SANTANGEL

February 15, 1493

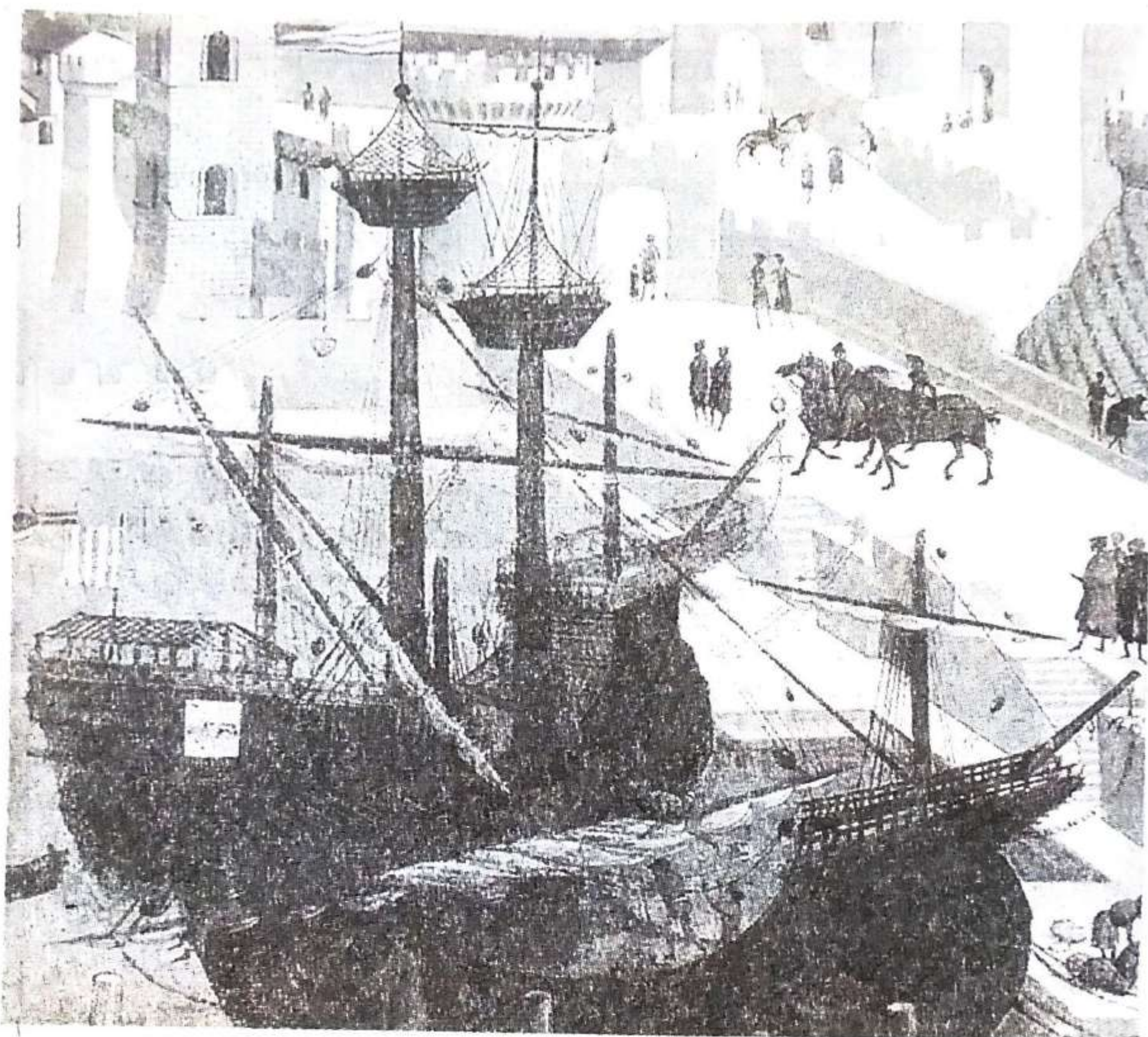
As I know that you will have pleasure of the great victory which our Lord hath given me in my voyage, I write you this, by which you shall know that, in twenty days I passed over to the Indies, where I found very many islands peopled with inhabitants beyond number. There could be no believing, without seeing, such harbors as are here, as well as the many and great rivers, and excellent waters, most of which contain gold. In the trees and fruits and plants, there are great differences from those of Juana. In this, there are many spiceries, and great mines of gold and other metals. The people of this island, and of all the others that I have found all go naked, men and women, just as their mothers bring them forth. Of anything they have, if it be asked for, they never say no, but do rather invite the person to accept it, and show as much lovingness as though they would give their hearts. And whether it be a thing of value, or one of little worth, they are

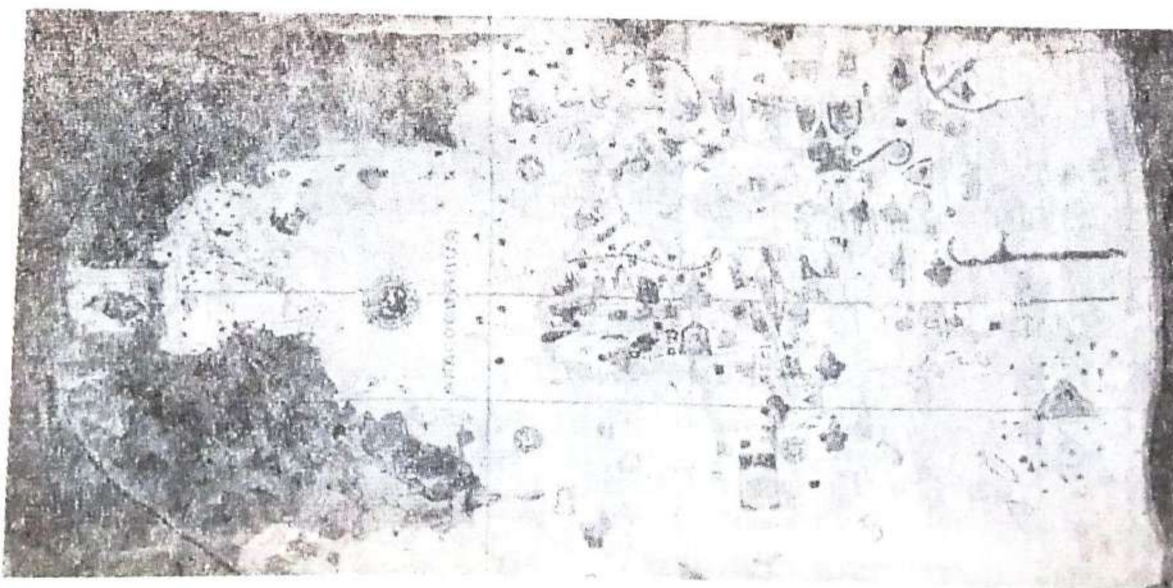
straightways content with whatsoever trifle of whatsoever kind may be given them in return for it.

They are inclined to the love and service of their Highnesses and of all the Castilian nation, and they strive to combine in giving us things which they have in abundance, and of which we are in need. And they know no sect, or idolatry; save that they all believe that power and goodness are in the sky, and they believed very firmly that I, with these ships and crew, came from the sky; And this comes not because they are ignorant; on the contrary, they are men of very subtle wit, who navigate all those seas, and who give a marvelously good account of everything–but because they never saw men wearing clothes or the like of our ships. Christendom should give solemn thanks for the great exaltation they shall have by the conversion of so many peoples to our Holy faith; and next for the temporal benefit which will bring hither refreshment and profit, not only to Spain, but to all Chistians. This briefly, in accordance with the facts. Dated, on the caravel, off the Canary Islands, the 15 February of the year 1493.

At your command,

:Xpo FERENS./





Bản đồ Tân Thế giới do Juan da Costa, bạn đồng hành với Christopher Columbus trong chuyến hải hành thứ hai, đã vẽ. Ở mãi xa phía trái, hình ảnh Thánh Christopher hiện ra lờ mờ một chấm, nơi Christopher Columbus hy vọng tìm thấy con đường đi về hướng tây.

HERNANDO PIZARRO

Một thực dân Tây Ban Nha sửng sốt giải trình trước hội đồng chính quyền điều mình nhìn thấy trong cuộc phục kích và bắt giữ vua của người Inca.



Hình ảnh Hernando Pizarro được hai họa sĩ thuộc hai thế hệ sau phác lại.



Cảnh họp hội đồng được Hernando thuật lại.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Ngày 16 tháng Mười Một 1532, bằng vũ lực mạnh, một toán quân nhỏ của những tay thực dân Tây Ban Nha dưới quyền chỉ huy của Francisco Pizarro đã tấn công bất ngờ vua người Inca là Atahualpa. Đây là cuộc chinh phạt đầu tiên của người Tây Ban Nha vào Peru, nơi mà cung tên cùng súng bắn đá của quân phòng vệ không cân xứng

với kỵ binh được trang bị nặng và sự quyết tâm của những kẻ xâm lăng.

Trong cuộc tiến quân của Pizarro, Atahualpa đã tự mình dâng nộp vùng Cajamarca, doanh trại cuối cùng, cho người Tây Ban Nha. Điều gì khiến ông này và người của ông ta, những con người cho đến lúc ấy chưa được nghe về ngựa, hoảng sợ trước một nhóm người và những con vật lạ của họ? Và rồi tuân theo lời mời của Pizarro tới dự cuộc họp tại Cajamarca. Ông này tới đó đúng theo nghi thức nhà nước trên kiệu cáng được viền những chiếc lông vẹt đuôi dài và trang hoàng vàng bạc, làm ra vẻ còn thanh thản lắm khi bên mình có vài ngàn chiến binh trang bị bằng những lưỡi rìu nhỏ và ná bắn đá. Bức thư của Pizarro mô tả cách mà 62 kỵ binh cùng 106 binh lính đang chực sẵn ở Cajamarca đã có thể đánh bại một lực lượng hàng ngàn chiến binh người Inca trong quảng trường chính của vùng này và đã lừa bắt được ông vua tối cao của người da đỏ mà không tốn giọt máu nào của người Tây Ban Nha.

Dòng họ Pizarro là một trong những dòng họ thực dân nổi tiếng nhất. Francisco (khoảng 1478-1541) phục vụ dưới quyền Balboa, người châu Âu đầu tiên nhìn thấy Thái Bình Dương (1513). Francisco và bạn của ông ta là Diego de Almagro, trở thành những nhà thám hiểm tư trong thập niên 1520 và đã biết được sự giàu có của đế chế Inca. Quyết tranh giành các chiến công của Cortés, kẻ chinh phục người Mexico, Francisco trở về Tây Ban Nha năm 1529 để tranh thủ sự phê chuẩn của

nhà vua đi chinh phục Peru. Charles đệ ngũ đã cắt cử ông làm tướng chỉ huy hải quân, cùng Almagro chỉ huy đánh vào Tumbes. Tháng Mười Hai 1531, Pizarro giương buồm từ Panama với chỉ 183 binh lính, và tháng Năm 1532 đã đổ bộ vào Tumbes trên vùng bờ biển của người Peru, từ đó tiến vào nội địa.

Dòng họ Pizarro có tiếng là tàn ác và xảo quyệt, đã bao lần thất hứa trong việc giữ gìn an toàn cho người Inca. Sau khi hứa trả tự do cho Atahualpa để đổi lấy tiền chuộc là vàng ròng, thì Francisco đã nhận vàng nhưng rồi vẫn hành hình vị vua này hồi tháng Bảy 1533.

Đâu chỉ có mình dân Inca chịu đựng dưới bàn tay của dòng họ Pizarro. Sau khi chiếm Cuzco, thủ đô của Inca được gọi là Thành phố Mặt trời và dựng nên người cai trị bù nhìn, Francisco lại tiến đánh Lima và các thành phố khác, trong lúc Diego de Almagro đảm nhiệm việc chinh phạt Chile. Những cuộc nổi dậy của người Inca năm 1536 nhằm bao vây Cuzco chỉ bị phá tan khi Almagro trở về từ Chile. Almagro không tìm thấy của cải ở Chile nên muốn hất cẳng ông bạn cũ là Francisco Pizarro. Francisco phái em trai của mình là Hernando chống lại Almagro. Hernando ra lệnh chém đầu ông này, một hành động đưa lại hai hậu quả sâu rộng–những người theo Almagro đã ám sát Francisco Pizarro, còn Hernando bị triệu về Tây Ban Nha và bị tước hết quyền hành. Ông ta bị cầm tù 20 năm. Người cuối cùng của dòng họ Pizarro, Gonzalo (khoảng 1506-1548), đã dấy loạn chống lại phó vương của Tây Ban Nha tại Peru, và đã giết chết ông này trong

trận chiến. Vị sứ thần kế vị đã tập hợp binh hùng tướng mạnh đánh bại Gonzalo và chém đầu ông ta.

Cuộc chinh phạt Peru xảy ra trong giai đoạn then chốt của lịch sử người da đỏ. Không như Cortés, người đã chạm trán với quân Aztecs của Mexico lúc họ đang mạnh, dòng họ Pizarro chạm trán với một đế chế đang thịnh–người Inca khởi sự bành trướng thế lực lên Peru khoảng năm 1440. Dòng họ Pizarro gặp sự may mắn lạ lùng. Họ tiến vào Peru lúc cuộc nội chiến tranh giành ngôi báu đẫm máu diễn ra. Atahualpa mới chỉ giành quyền lực lúc đụng độ với Pizarro. Giá như những thực dân Tây Ban Nha này đổ bộ sớm hơn hay trễ hơn vài năm, họ sẽ đụng phải lực lượng Inca hùng mạnh.

Tiểu sử

Hernando (1501-1578), người con trai thứ ba còn nổi tiếng hơn cả Francisco Pizarro, người chinh phục Pêru. Pizzarro là một dòng họ ở Trujillo, Tây Ban Nha, gồm những người thích phiêu lưu mạo hiểm (cả bốn anh em đã dự phần vào cuộc chiến chinh phục Pêru). Hernando đã cùng Francisco tới Pêru năm 1531. Năm 1534, ông được phái về Tây Ban Nha để dâng lên Hoàng đế Tây Ban Nha–Charles bộ sưu tập châu báu Inca. Ông trở lại Pêru làm thống soái Cuzco, sau bị lôi kéo vào cuộc xung đột giữa những thế lực thực dân thù địch nhau. Năm 1538, ông bị thế lực thù địch bắt và từ đó bị cầm tù 21 năm ở Tây Ban Nha (1540-1561), nhưng ông đã chết trong sự giàu sang tột cùng từ số vàng bạc mà ông chiếm đoạt được ở Inca.

THƯ CỦA HERNANDO PIZARRO GỬI CÁC THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG ĐẤT ĐAI SANTO DOMINGO

Ngày 23 tháng Mười Một 1533

Những người Tây Ban Nha được trang bị vũ khí và áo giáp đã thúc ngựa lao thẳng vào dân bản xứ không vũ trang đang tập trung ở quảng trường. Tiếng kèn vang lên và quân Tây Ban Nha hô vang tiếng xung trận "Tiến về Santiago!" Tất cả thúc ngựa chạy rầm rập để áp đảo (tinh thần) người da đỏ. Tiếng súng nổ xen lẫn tiếng kèn rộn rã cùng tiếng rầm rập của đội kỵ binh khiến những thổ dân da đỏ hỗn độn và hoảng loạn. Người Tây Ban Nha tấn công và bắt đầu chém giết. Lúc ấy những người da đỏ không vũ trang đã bị đánh tan tác, chẳng gây tổn thất nào cho quân Kitô giáo.

Vị thủ lĩnh mặc áo giáp hai lớp, đã tuốt gươm và dao găm, cùng những người Tây Ban Nha thuộc cấp, xông vào đám đông người da đỏ. Với vẻ táo tợn, ông ta bước đến kiệu của Atahualpa. Ông ta hùng hổ nắm cánh tay trái của vị tù trưởng và hét "Santiago" nhưng ông ta không thể lôi Atahualpa ra khỏi kiệu vì kiệu ở trên cao.

Tất cả những người đang khiêng kiệu của Atahualpa có vẻ là những yếu nhân, nhưng họ đã chết sạch, cùng những người đang đi trong những cái kiệu và cáng. Họ (quân Tây Ban Nha) tiếp tục tấn công một hồi lâu, áp đảo và chém giết thổ dân da đỏ cho đến khi không còn sức nữa, một người Tây Ban Nha vung dao găm [về phía Inca] hòng giết ông này. Nhưng Francisco Pizzaro đã gạt ra, và cú gạt này làm vị thủ lĩnh bị thương ở tay. Bảy, tám người Tây Ban Nha cưỡi trên ngựa đã thúc ngựa tiến lên, nắm lấy cạnh kiệu, đu người lên khiến kiệu nghiêng qua một bên. Atahualpa đã bị bắt và vị thủ lĩnh đưa ông ta về chỗ tạm giam. Những người khiêng kiệu và những người hộ tống [tù trưởng] chẳng bao giờ bỏ rơi ông ta: tất cả đã chết quanh ông ta.

Trong vòng hai giờ... tất cả toán quân này đã bị tiêu diệt. Bữa đó, sáu đến bảy ngàn người da đỏ đã ngã xuống trên cánh đồng nhưng số bị thương còn nhiều hơn... Chính Atahualpa cũng thừa nhận là chúng ta đã giết bảy ngàn người da đỏ trong trận chiến đó. Thật là điều lạ thường khi thấy một thủ lĩnh quyền uy như thế lại bị bắt nhanh như vậy.

PIZARRO

HERNADO PIZARRO TO THE OIDORES OF THE AUDIENCIA REAL OF SANTO DOMINGO

November 23, 1533

The Spaniards in armor and chain mail charged their horses straight into the mass of unarmed natives crowding the square. Trumpets were sounded and the Spanish troops gave their battle cry "Santiago!" they all placed rattles on their horses to terrify the Indians. With the booming of the shots and the trumpets and the troop of horses with their rattles, the Indians were thrown into confusion and panicked. The Spaniards fell upon them and began to kill. And as the Indians were unarmed they were routed without danger to any Christian.

The Governor armed himself with a quilted cotton coat of armor, drew his sword and dagger and entered the thick of the Indians with the Spaniards who were with him. With great bravery, he reached Atahualpa's litter. He fearlessly grabbed [the Inca's] left arm and shouted "Santiago," but he could not pull him out of his litter, which was on high. All those who were

carrying Atahualpa's litter appeared to be important men, and they all died, as did those who were traveling in the litters and hammocks. They continued in this way for a long while, overpowering and killing the Indians until, becoming exhausted, one Spaniard stabbed [at the Inca] with his dagger to kill him. But Francisco Pizarro parried the blow, and from this parry the Spaniard, trying to strike Atahualpa, wounded the governor on the hand. Seven or eight [mounted] Spaniards spurred on and grabbed the edge of the litter, heaved on it and turned its into it side. Atahualpa was captured in this way and the governor took him to his lodging. Those who were carrying the litter and those who escorted [the Inca] never abandoned him: all died around him.

In the space of two hours. . .all those troops were annihilated. That day, six or seven thousand Indians lay dead on the plain and many more had their arms cut off. . . Atahualpa himself admitted that we had killed seven thousand of his Indians in that battle. It was an extraordinary thing to see so great a ruler captured in so short a time, when he had come with such might.

PIZARRO

GALILEO GALILEI

Galileo mô tả những chi tiết xưa nay chưa từng biết về mặt trăng, lúc ấy đã hiện rõ qua kính thiên văn mạnh của ông.



Galileo Galilei: bầu trời mà ông quan sát thấy không như bầu trời mà thời của người ta tin tưởng.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Khi Galileo chứng minh rằng tất cả các thể rơi, lớn hay nhỏ, sa xuống với cùng vận tốc, đồng thời ông đã bác giả thuyết được thiết lập xa xưa của Aristotle cho rằng những vật thể nặng hơn luôn rơi nhanh hơn. Lúc ấy, Galileo là một giảng viên toán học ở đại học Pisa, Ý. Khám phá độc đáo này của ông đã làm ông nổi tiếng, nhưng không lâu trước đó phe thù nghịch ủng hộ tư tưởng của Aristotle đã ép ông rời giảng đường đại học. Sau đó ông làm giáo sư toán ở Padua. Ở đây ông đã hoàn thiện chiếc kính thiên văn, một phát minh gần đây của người Hà Lan, khiến hình ảnh của ông được cả thế giới biết đến nhưng cũng đưa ông trở thành người đối lập với

giáo hội. Galileo đã tạo ra và cải thiện kính thiên văn riêng cho mình, ứng dụng tài năng toán học vào các vấn đề về khúc xạ (ánh sáng lệch đi khi đi qua kính), và đã mài giũa, đánh bóng kính để làm thấu kính. Ông đã trình bày thiết bị này cho vị bảo trợ, tổng trấn Vinice, tại tháp chuông thánh đường Thánh Marco ở Venice, làm ông này sửng sốt khi thấy cảnh của Padua cách xa đó gần 40 cây số. Chưa thỏa lòng, Galileo làm ra những kính viễn vọng khác có độ phóng đại gấp 20 đến 30 lần.

Xoay thiết bị kỹ thuật trợ thị này lên trời, ông đã quan sát thấy là, trái đất dường như không đứng yên ở trung tâm hệ hành tinh, như kiểu người ta hiện thừa nhận về vũ trụ. Ông tin rằng nhà thiên văn học Ba Lan, Nicolas Copernicus (1473-1543), đã đúng khi thừa nhận vào năm 1543 là mặt trời, chứ không phải trái đất, ở trung tâm của hệ thống hành tinh này.

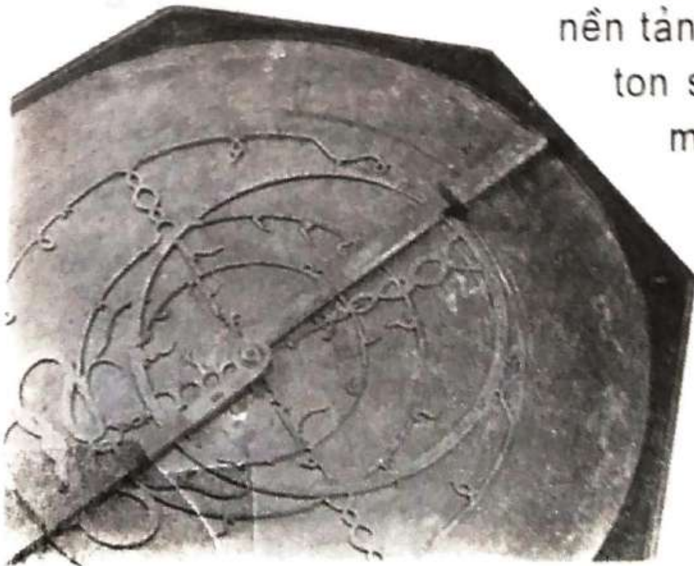
Galileo tiếp tục vẽ về sự chuyển động của các hành tinh trong quan hệ với mặt trời. Ông đã nghiên cứu mặt trăng và mô tả những quan sát của ông thật chi tiết trong bức thư gửi cho bạn đồng sự và được trích đoạn ở đây. Ông công bố Ngân hà là tập hợp của hàng hà sa số các tinh tú và đã luận ra sự xoay vòng của mặt trời. Ông còn khám phá ra bốn vệ tinh của Mộc tinh.

Tiếc là, những khám phá của Galileo gặp phải sự trấn áp của giáo hội. Các nhà lãnh đạo giáo hội luôn sợ bất kỳ tư tưởng tự do nào, nhất là khi nó liên can đến sự giải thích kinh thánh. Năm

1616 Galileo chịu khuất phục sức ép của giáo hội, hứa không ủng hộ các học thuyết "dị giáo" nữa. Năm 1632, ông đánh giá là đã có thể công bố an toàn công trình lớn về vũ trụ học. Thế nhưng, ông đã bị đưa ra tòa án dị giáo, cuốn sách đã bị cấm, còn ông bị tuyên án tù. Bản án này đã được giảm và ông đã sống những năm cuối đời dưới sự quản thúc tại gia.

Tiểu sử

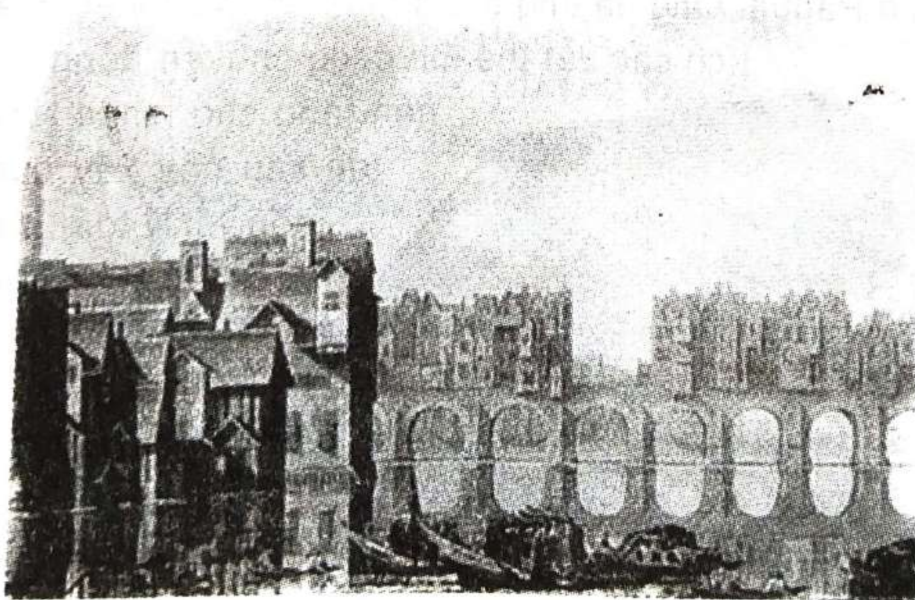
Galileo Galilei (1564-1642) khởi đầu con đường học vấn của mình là ngành y ở đại học Pisa, còn việc nghiên cứu toán học là việc làm riêng. Trong khi quan sát bóng đèn đu đưa trên trần đại thánh đường, ông luận ra rằng sự dao động có những nhịp lắc bằng đúng với bất cứ thứ gì cùng dãy của chúng. Sau đó nguyên tắc này được áp dụng cho những chiếc đồng hồ. Năm 1589, ông là giảng viên ở đại học Pisa, và năm 1592, ông là giáo sư toán ở Padua. Ông đã ứng dụng toán học vào việc phân tích các vật thể lúc đang chuyển động, đặt nền tảng cho Isaac Newton sau này xây dựng môn vật lý toàn diện của mình. Galileo Galilei còn là một họa sĩ tài năng, biết thổi sáo và đọc nhiều tác phẩm kinh điển.



THƯ CỦA GALILEO GALILEI GỬI BELISARIO VINTA

Ngày 7 tháng Giêng 1610

Để bạn được hài lòng, tôi thuật ngắn gọn điều tôi đã quan sát được với một trong những chiếc kính viễn vọng của tôi khi nhìn bề mặt của mặt trăng, một mặt trăng mà tôi có thể thấy rất gần; tôi đã dùng chiếc kính viễn vọng có độ phóng lớn bằng 20 lần so với mắt thường, từ đó, bề mặt (của mặt trăng) được nhìn thấy gấp 400 lần và thể tích tăng lên 8.000 lần so với lúc nó xuất hiện bình thường. Điều gì được phân biệt khi thấy quá rõ, sự thật là ta thấy mặt trăng đâu hẳn là phẳng, nhẵn nhụi, và đều đặn cả, như phần lớn người tưởng về mặt



trăng và các thiên thể khác, mà trái lại, nó gồ ghề và không đều. Nó đầy những chỗ lồi và những hốc lõm giống như những dãy núi và các thung lũng trải khắp bề mặt của trái đất, nhưng lớn hơn nhiều. Đường ranh giữa phần sáng và phần tối còn lại của thiên thể (được) thấy không phải là một phần của đường bầu dục được vạch sắc nét, mà lại là đường ranh rất nhập nhằng, thô và gãy. Gần đường ranh là những điểm sáng khác nhau được định vị trong phần tối và được phân cách hẳn khỏi chóp nhọn sáng, những điểm nào dần dần phát triển và lớn ra để sau vài giờ chúng hợp lại với phần sáng.

Nhìn xa hơn ở phần sáng, có rất nhiều những điểm đen nhỏ được những mép tỏa sáng (cục bộ) bao quanh mà toàn bộ bề mặt này hướng về phía ánh sáng mặt trời chiếu tới. Tôi đã quan sát nhiều chi tiết khác nữa, và tôi hy vọng còn thấy nhiều về chúng. Chúng ta có thể tin rằng chúng ta là những người đầu tiên trên thế giới khám phá bất cứ điều gì về những thiên thể một cách kề cận và rõ ràng đến thế.

Galileo Galilei

GALILEO GALILEI
TO
BELISARIO VINTA
January 7, 1610

To satisfy you I shall briefly recount what I have observed with one of my telescopes looking at the face of the Moon, which I have been able to see very near; I having employed a telescope that represents it of diameter twenty times that which appears to the naked eye, whence the surface is seen 400 times and the volume 8.000 times that which it ordinarily displays. What is there can be discerned with great distinctness, and in fact it is seen that the Moon is most evidently not at all of an even, smooth and regular surface, as a great many people believe of it and of the other heavenly bodies, but on the contrary it is rough and unequal. It is full of prominences and cavities similar, but much larger, to the mountains and valleys spread over the Earth's surface. The boundary between the lighted part and the rest of the dark body is seen to be not part of an oval line sharply marked, but a very confused boundary, rough and broken. Near this are seen various luminous points



situated in the dark part and completely separated from the lighted horn, which points gradually go growing and enlarging so that after some hours the unite with the luminous part.

There are further seen in the lighted part a great many small dark spots bounded by certain luminous (partial) rims which all face toward the side from which the light of the Sun is coming. I have observed many other details, and I hope to observe still more of them. We may believe that we have been the first in the world to discover anything of the celestial bodies from so near, and so distinctly.

Galileo Galilei

SAMUEL PEPYS

Người viết nhật ký và là công chức người Anh mô tả nỗi sợ hãi về trận dịch hạch trong một thành phố đông dân



Samuel Pepys, người ghi nhớ nhiều nhất để viết thành nhật ký, cuốn nhật ký được giải mã và được xuất bản năm 1825.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Khi Pepys viết lá thư được trích đoạn ở đây, London chìm ngập trong trận dịch. Nước Anh bị phát dịch trước hết vào các năm 1603, 1625, và từ 1640 đến 1647, trong lúc xảy ra nội chiến ở Anh. Đại dịch năm 1664-1665 đã cướp đi trên 70.000 người, mà đỉnh điểm là tháng Tư, và càng lúc càng tăng cùng với cái nóng khô của mùa hè. Ngày 30 tháng Tư, Pepys bắt đầu nói về những cái chết của "căn bệnh" trong cuốn nhật ký của ông,và ngày 7 tháng Sáu, ông thuật lại cảnh một ngôi nhà được vạch các chữ thập đỏ cảnh báo là bên trong căn nhà ấy đang có dịch bệnh.

• Với hệ thống vệ sinh thô sơ và kiến thức y học kém cỏi, việc ngăn chặn dịch bệnh của London mang tính chiếu lệ. Một số người được gọi là "các y tá chăm sóc" lại là những phụ nữ có tuổi cố giành giật với thần chết; các nạn nhân bị nhốt trong nhà; người ta đào những cái hố lớn để chôn tập thể trong khi vẫn còn những người đổ xuống đường chết rữa ra. Các cửa hiệu và rạp hát đều đóng cửa. Cung điện và cơ quan công quyền rời về miền quê.

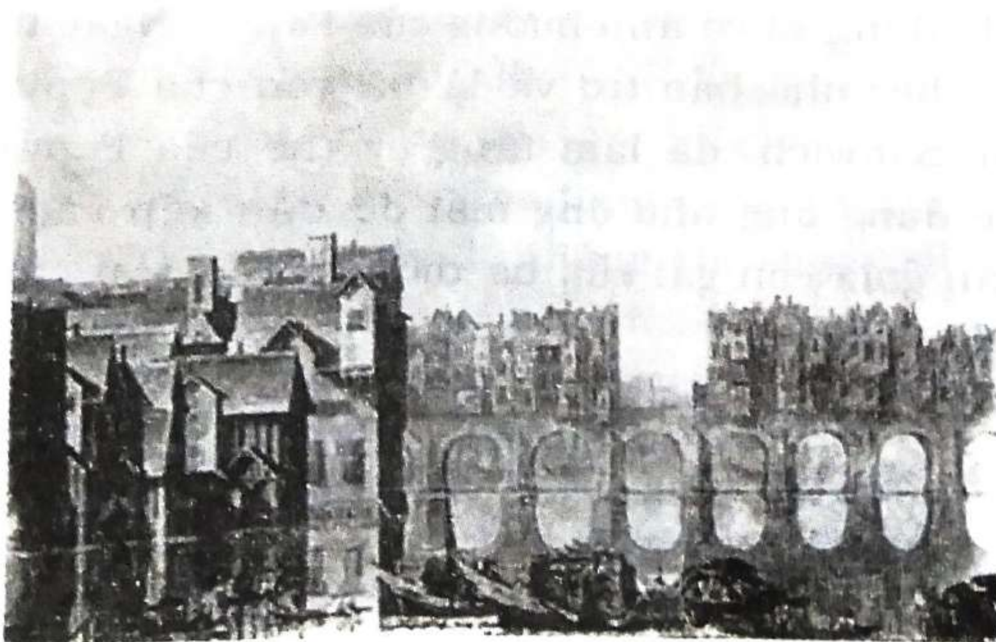
Pepys hiểu rõ về mối nguy này. Giữa tháng Sáu, ông đã đưa vợ, mẹ, và các gia nhân ra khỏi thành phố. Nhưng ông vẫn ở lại London, không chỉ bất chấp cái chết và làm việc hăng say, mà theo thói quen, ông còn pha trò và làm nhiều cách hòng làm cho mình vui lên. Lòng dũng cảm của ông đã được đền đáp: ông đã sống sót và thành công.

Phu nhân Elizabeth Carteret (1610-1680) là vợ của Ngài George, người giữ ngân quỹ của hải quân và là đồng sự có ảnh hưởng của Pepys. Ngay từ đầu mùa hè, nhà bảo trợ và là bà con của Pepys, Bá tước Sanwich, đã làm tăng uy thế của Pepys qua việc dùng ông như ông mai để dàn xếp cuộc hôn nhân giữa con gái của bá tước và con trai của phu nhân Carteret.

Pepys đã thi hành nhiệm vụ sao cho cả hai gia đình thật hài lòng. Lễ thành hôn đã được tổ chức ngày 31 tháng Bảy.

Tiểu sử

Samuel Pepys (1633 -1703) trở thành thư ký thứ nhất của Đô đốc năm 1673. Ông đã bị cách chức năm 1679 vì các lý do chính trị, đến năm 1684 được tái bổ nhiệm. Năm 1689 ông đã về hưu, một năm sau "Cuộc Cách mạng Vẻ vang" năm 1688. Ông từng là Nghị viên, là chủ tịch Hiệp hội Hoàng gia, và đã giữ một số chức vụ cao đầy thanh thế. Ông là bằng hữu của các vua chúa, các học giả và các khoa học gia cùng thời với ông. Cuốn nhật ký nổi tiếng của ông, được xuất bản năm 1825, được ông viết từ ngày 1 tháng Giêng 1660 đến ngày 31 tháng Năm 1669 khi thị lực không cho phép ông viết tiếp nữa. Đây là tài liệu ghi chép độc nhất vào giai đoạn ấy, cuốn nhật ký mô tả cả những chi tiết vụn vặt nhịp sống hàng ngày và những sự kiện lớn của thời ấy vừa tỉ mỉ sinh động vừa sắc sảo và trung thực.



THƯ CỦA SAMUEL PEPYS GỬI QUÝ PHU NHÂN ELIZABETH CARTERET

Ngày 4 tháng Chín 1665

Nay nhờ có đội tàu đưa đi, tôi được thảnh thơi an dưỡng hoàn toàn ở Woolwich, (thì) thưa Lệnh bà, bà sẽ không tìm thêm được lý do để trách tôi (sao lại) im hơi lặng tiếng, tôi đã ở lại thành phố cho tới khi có hơn 7.400 người chết một tuần, trong số đó là hơn 6.000 người chết vì bệnh dịch hạch, và ngày đêm chẳng nghe thấy một âm thanh nào ngoài tiếng chuông ngân lên; cho đến khi tôi còn có thể bách bộ trên phố Lumber và quanh mình chẳng thấy nổi 20 người, và không quá 50 người vào lúc giao dịch mua bán; cho đến khi toàn bộ các gia đình (10 và 12 người chung sống) đều chết sạch; cho đến khi ngay chính vị bác sĩ Burnet, người đã đảm nhiệm bảo vệ tôi khỏi bất kỳ sự tiêm nhiễm nào (cho tôi sống sót cả tháng trong căn nhà cửa đóng then cài của ông) cũng đã chết vì

bệnh dịch; cho đến khi hằng đêm (dù được kéo ra thật dài) cũng đang ngày càng quá ngắn để che đậy những cuộc an táng cho những người đã chết ngày hôm trước, vì thế buộc người ta phải (mượn ánh sáng ban ngày để) tiếp tục công việc này (cho tới sáng); rồi thì, đến lúc tôi không thể tìm đâu ra thịt và nước an toàn, các lò mổ khắp nơi đang bị kiểm tra, căn nhà của người ủ bia đóng kín, còn người làm bánh mì đã chết vì dịch bệnh cùng cả nhà (rồi). Nhưng thưa Lệnh bà, nhờ ơn Chúa và những lời hóm hỉnh (phát sinh) mà tôi (còn sống để) dự lễ cưới, tôi hèn này của bà vẫn hoàn toàn mạnh khỏe, đồng thời đã giải quyết tốt đẹp công việc của Lệnh bà và gia đình. Tôi xin được dừng bút ở đây (không dài dòng điều gây khó chịu nữa), hy vọng thư sau của tôi có thể (mang lại sự) tường thuật tình hình bệnh tật khả quan hơn; xin được như ý nguyện.

Pepys

Samuel Pepys
to
Lady Elizabeth Carteret
September 4, 1665

Now that by the dispatch of the fleet I am at liberty to retire wholly to Woolwich, your Ladyship shall find no further cause to reproach me my silence, I having stayed in the city till above 7.400 died in one week, and of them above 6.000 of the plague, and little noise heard day nor night but tolling of bells; till I could walk Lumber street and not meet twenty persons from one end the other, and not fifty upon the Exchange; till whole families (ten and twelve together) have been

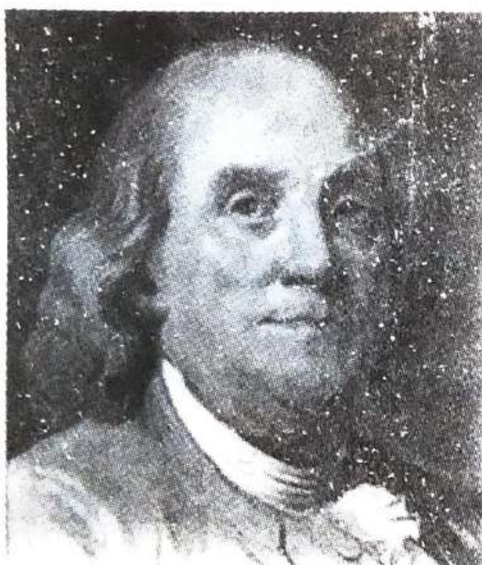


swept away; till my very physician, Dr. Burnet, who undertook to secure me against any infection (having survived the month of his own being shut up) died himself of the plague; till the nights (though much lengthened) are grown too short to conceal the burials of those that died the day before, people being thereby constrained to borrow daylight for that service; lastly, till I could find neither meat nor drink safe, the butcheries being everywhere visited, my brewer's house shut up, and my baker with his whole family dead of the plague. Yet, Madam, though God's blessing and the good humors begot in my attendance upon our late Amours, your poor servant is in a perfect state of health, as well as resolution of employing it as your Ladyship and family shall find work for it. I'll go no further in this disagreeable discourse, hoping my next may bring you a more welcome account of the lessening of the disease; which God say Amen to.

Pepys

BENJAMIN FRANKLIN

Chính khách và nhà khoa học Mỹ viết bản tường thuật phấn khởi cho người bạn là nhà thực vật học sau chuyến thả kinh khí cầu bằng khí hyđrô đầu tiên.



Benjamin Franklin, người tiên đoán rằng khinh khí cầu có thể loại trừ chiến tranh.



Ngài Joseph Banks, nhà thám hiểm, nhà tự nhiên học, và là chủ tịch Hiệp hội Hoàng gia.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Mối tương quan giữa Benjamin Franklin và Ngài Joseph Banks–cả hai đều là kết quả của Kỷ nguyên Ánh sáng thế kỷ XVIII–là sự đồng cảm thực. Là một thương gia tự học hỏi để thành đạt và là gương mặt chính trị lớn, Franklin khởi sự nghiên

cứu về điện năm 40 tuổi và đã giành được một chân hội viên trong Hiệp hội Hoàng gia–cơ quan cao nhất của Anh nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của khoa học. Ông đã diễn giải sự khác nhau giữa điện dương và điện âm, cho thấy chớp là do điện gây ra, và đã phát minh ra cột thu lôi. Ông đã khám phá đường của những trận bão thổi ở Bắc Mỹ, dòng của Gulf Stream, và nguyên do làm tăng nhiệt độ của Gulf Stream. Ông còn nghiên cứu năng lực hấp thu sức nóng mặt trời của các màu khác nhau và sáng chế ra kính hai tròng.

Ngài Joseph Banks (1743-1820) là nhà thực vật nổi tiếng, nhất là các năm 1768-1771, khi ông dùng tiền của mình trang bị con tàu để nghiên cứu thực vật trong đoàn thám hiểm của thuyền trưởng Cook đi vòng quanh thế giới. Banks cũng đã từng tới Newfoundland (1766) và Hebrides (1772), năm 1778 được bầu làm chủ tịch Hiệp hội Hoàng gia và giữ cương vị này suốt 41 năm.

Là nhà ngoại giao sống ở Paris, Franklin rất say mê phát triển khinh khí cầu. Một số nhà quan sát xem khinh khí cầu cao hơn các trò giải trí đặc biệt một chút, nhưng với nhận thức riêng biệt, Franklin nhận ra ý nghĩa của việc con người bay được. Tháng Bảy 1783, ông đã viết cho Banks: "Tôi bắt đầu cảm thấy rất buồn khi mình sinh sớm như vậy, vì tôi không được phúc thấy được những gì mà một trăm năm nữa sẽ xảy ra."

Những nhà tiên phong sáng chế trong ngành hàng không là anh em nhà Montgolfier, Joseph

Michel (1740-1810) và Jacques Etienne (1745-1799). Năm 1783 họ đã khởi đầu chuyến bay khinh khí cầu bằng khí nóng đầu tiên, không có người. Sau đó, mùa hè năm 1783, khía cầu đã bay lên được tám phút, có ba "nhân vật" ở trên đó: một chú gà trống, một chị vịt, và một chú cừu. Tất cả đã trở về an toàn, rồi chuyến tiếp sau thì có người. Ai là người cho rằng đây là chuyện nguy hiểm? Louis XVI, người đang theo dõi những thử nghiệm của anh em Montgolfier, đã phê phán việc đưa người lên như vậy.

Giáo sư Jacques Alexandre Charles (1746-1823) đã đưa thành công khí cầu bằng khí hyđrô lên cao hơn 900 mét. Thế nhưng ông bị Pilâtre du Rozier và Marquis d'Arlandes thắng sát nút khi họ bay ngang qua Paris được 25 phút ở độ cao 90 mét ngày 21 tháng Mười Một 1783. Trong bức thư được trích đoạn ở đây, Franklin thuật lại chi tiết chuyến bay của Charles, một kỹ sư trẻ hơn anh em Robert, hồi tháng Mười Hai. Chiều ấy Charles đã một mình bay lên lần thứ hai, trở thành người đầu tiên nhìn thấy cảnh hoàng hôn 2 lần một ngày.

Trong thập niên 1780 đam mê khinh khí cầu ấy, Franklin ngày càng đoan chắc rằng khinh khí cầu sẽ thuyết phục "những nguyên thủ say mê chiến tranh... vì nó làm cho họ, dù có khả năng đến mấy, cũng khó canh phòng lãnh thổ của họ." Lịch sử chứng minh là ông đã quá lạc quan.

Khí cầu đã được Nã Phá Luân (Napoleon) dùng để trinh sát, rồi trong cuộc nội chiến của Mỹ, miền

Bắc cũng dùng những khinh khí cầu màu vàng để trinh sát các bang ly khai trước trận đánh của Richmond, buộc miền Nam phải nổ súng. Trong cuộc vây hãm thành Paris của Phổ năm 1870, khinh khí cầu đã phát huy khả năng của nó. Cả thảy 65 khinh khí cầu thoát khỏi Paris trong cuộc vây hãm ấy, 45 chiếc tới các vùng biên giới bình yên mang theo 164 người, 381 con chim câu, 5 con chó, 2.500.000 lá thư, và 11 tấn tư liệu của chính quyền.

Khí cầu chẳng thuyết phục được "những con người say mê chiến tranh", nhưng công nghệ khí cầu còn được triển khai sau đó trên 200 năm. Vì là phương tiện rẻ tiền để bay vào thượng tầng khí quyển, khí cầu được dùng vào việc nghiên cứu việc phát sóng truyền hình và bầu khí.

Tiểu sử

Benjamin Franklin (1706-1790) chào đời tại thành phố Boston bang Massachusetts, là con trai út và là con thứ 10 trong gia đình 17 người con. Lúc đầu ông theo học nghề in và là nhà báo ưu tú đầu tiên, rồi trở thành nhà khoa học danh tiếng. Ông đã có công thiết lập những dịch vụ công cộng: tổ chức chữa cháy, lập thư viện cho mượn sách, mở công ty bảo hiểm và học viện mà sau này trở thành đại học Pennsylvania. Năm 1776, ông góp phần phác thảo Tuyên ngôn Độc lập. Là nhà ngoại giao tài năng, đã thương lượng để Mỹ và Pháp ký hiệp ước năm 1778 và việc Anh thừa nhận Hiệp Chủng Quốc năm 1783. Ông là quốc vụ khanh của Mỹ tại Paris cho tới năm 1785 và góp phần dàn dựng hiến pháp Hoa Kỳ năm 1787.

THƯ CỦA BENJAMIN FRANKLIN GỬI JOSEPH BANKS

Ngày 1 tháng Chạp 1783

Hôm qua tôi đã tính thuật lại cho quý ngài thử nghiệm của Charles và Robert. Vào khoảng 1 giờ, bầu trời trở nên thoáng đãng dễ chịu, người tới xem rất đông, họ (cảm thấy) rất thỏa lòng. Vài ngày trước, báo chí đã đăng tải cuộc thử nghiệm đã dự tính. Chưa từng có một thử nghiệm đường hoàng lại (có đông người) đến dự như vậy. Vài phát súng bắn lên báo hiệu một khí cầu lớn sắp khởi hành. Tôi phải nói là người ta dùng các phương tiện để ngừa khí cầu bay lên cao ở mức có nguy cơ phát nổ. Người ta chất một số bao cát lên sàn trước khi cắt sợi dây thừng néo nó lại; thế là toàn khối nặng đang được nhấc bổng lên, trọng lượng được chất lên như vậy để (cho phép) khí cầu bay lên chậm.

Mọi cặp mắt hoan hỉ khi nhìn nó đường bệ bay lên từ giữa đám cây cối, cao dần lên trên các tòa nhà–một cảnh tượng thật đẹp mắt! Những con người mạo hiểm dũng cảm giơ tay và vẫy cờ trắng nhỏ cả hai bên khí cầu để chào

khán giả – khán giả hưởng ứng bằng những tràng pháo tay vang dội. Gió thổi hây hây đẩy khí cầu về hướng bắc, trong khi các con mắt còn dõi theo, thật là một cảnh ngoạn mục trước sự thán phục của con người đang bắt đầu giải tán.

Những người được đi trên khí cầu là ông Charles và Robert, một trong quý ông rất có tài trong việc chế tạo máy móc. Tôi có một gương soi bỏ túi, nhờ nó tôi đã dõi theo khí cầu cho đến khi khuất khỏi tầm nhìn, trước hết là những vị ở trên đó và sau là khí cầu, và khi tôi thấy nó lần cuối, nó chỉ còn bằng quả óc chó. Điều diễn ra với họ là điều chưa được biết tới ở đây. Tôi hy vọng họ sẽ đáp xuống vào ban ngày vừa để có thể nhìn thấy và tránh rơi vào đám cây hoặc nhà cửa, để thử nghiệm này được hoàn tất mà không có sự cố tai hại nào.

Sáng thứ Ba ngày 2 tháng Chạp.

Tôi đã trút được lo lắng khi nghe thấy những người mạo hiểm đã đáp xuống an toàn gần đảo Adam trước khi mặt trời lặn. Nếu tôi nhận được thêm những thông tin quan trọng, tôi sẽ thông báo sau.

B. Franklin

Benjamin Franklin to Joseph Banks

December 1, 1783

In mine of yesterday, I promis'd to give you an Account of Messrs. Charles and Robert's Experiment. About one o'clock, the Air became tolerably clear, to the great Satisfaction of the Spectators, who were infinite, Notice having been given of the intended Experiment several Days before in the Papers. Never before was a philosophical Experiment so magnificently attended. Some Guns were fired to give notice, that the Departure of the great Balloon was near. Means were used, I am told, to prevent the great Balloon's rising so high as might endanger its Bursting. Several Bags of Sand were taken on board before the Cord that held it down was cut; and the whole weight being then too much to be lifted, such a Quantity was discharg'd as to permit its Rising slowly.

All Eyes were gratified with seeing it rise majestically from among the trees, and ascend gradually above the Buildings, a most beautiful Spectacle! The brave Adventures held out and wav'd a little white Pennant, on both sides of their car, to salute the Spectators, who return'd loud Claps of Applause. The Wind was

very little, so that the Object, tho' moving to the Northward, continued long in View; and it was a great while before the admiring People began to disperse.

The Persons embark'd were Mr. Charles and One of the Messieurs Robert, the very ingenious Constructors of the Machine. I had a Pocket Glass, with which I follow'd it, till I lost Sight, first of the Men, then of the Car, and when I last saw the Balloon, it appear'd no bigger than a Walnut. What became of them is not yet known here. I hope they descended by Day-light, so as to see and avoid falling among Trees or on Houses, and that the Experiment was completed without any mischievous Accident.

Tuesday Morning, December 2.

I am reliev'd from my Anxiety, by hearing that the Adventures descended well near l'Isle Adam, before Sunset. If I receive any farther Particulars of Importance, I shall communicate them hereafter.

B. Franklin



THE COMTE DE BOUGAINVILLE

Nhà hàng hải người Pháp tài năng thuật lại thái độ tình dục công khai và không xấu hổ của phụ nữ Tahiti.



Louis Antoine, bá tước của Bougainville do họa sĩ của đoàn thám hiểm vẽ.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Người châu Âu đầu tiên đặt chân lên hòn đảo Tahiti ở Nam Thái Bình Dương là thuyền trưởng Samuel Wallis, người đã tới hòn đảo ngày 19 tháng Sáu 1767 trên con tàu *Con Cá Heo* của Anh. Phong tục của người dân Tahiti đã gây ấn tượng cho Wallis. Tính khí của họ bất định và họ là những tay trộm cắp có hạng. Cuối cùng Wallis phải quay lại tàu lấy súng để ngăn chặn thói trộm cắp của họ. Thế nhưng điều đáng chú ý nhất là chuyện yêu đương tự do của dân Tahiti. Phụ nữ có thể, với sự thuận tình của chồng, đổi vợ của họ cho những thủy thủ đang đói chuyện yêu đương để lấy đinh hay những dụng

cụ bằng sắt. Tất cả những phát hiện này được người châu Âu thứ hai tới đảo này thừa nhận. Ông này nghiên cứu hòn đảo này sâu rộng hơn.

Ngày 6 tháng Tư 1768, thuyền trưởng Louis Antoine de Bougainville điều hành hai con tàu *Boudeuse* và *Étoile* tới Tahiti. Ông xuất hành theo lệnh của nhà nước Pháp với sứ mệnh là người Pháp đầu tiên đi vòng quanh trái đất. Trong nhật ký của ông, Bougainville mô tả Tahiti như một "Tân Kim tinh" (New Cythera)–theo thần thoại Hy Lạp, Kim tinh là đảo của Aphrodite, nữ thần ái tình. Sau này ông báo cáo chính thức trong một lá thư gửi Bộ trưởng Hải quân Pháp.

Vẻ đẹp thiên nhiên của Tahiti, với núi non, rừng, và những phá lóng lánh, làm tăng cảm nhận như được đưa vào Vườn Địa Đàng của người Pháp. Bougainville lưu lại Tahiti 10 ngày, chứa đầy nước ngọt vào các thùng, chặt cây, và chăm sóc 34 thủy thủ bị bệnh scobút (scurvy) lấy lại sức khỏe bằng nguồn sinh tố C quý báu từ cây trái dồi dào trên đảo. Cũng như Wallis, ông bị nạn trộm cắp quấy rầy liên miên, về thái độ tình dục khác xa với người châu Âu.

Tình dục được mô tả nhiều nhất trong các trang nhật ký và thư từ của Bougainville và những người Pháp khác vì họ thấy các cô gái chưa chồng có thể ăn nằm với đàn ông bất kỳ lúc nào họ muốn; phụ nữ có chồng cũng hầu như tự do như vậy.

400 thủy thủ cường tráng của Bougainville tha hồ nếm mùi yêu đương sẵn có với giá chỉ là một vài

cây đinh. Thế nhưng thực tế đã có giá ngầm của nó: dân đảo muốn người đàn ông giao cấu với phụ nữ trước khán giả. Mỗi lần giao cấu thu hút trên 50 người chứng kiến.

Những anh chàng Pháp đã phải thích ứng và họ được các phụ nữ Tahiti quý mến như những tình nhân, nhưng Bougainville cấm các sĩ quan tham gia trò làm tình công khai ấy. Sợ bị bệnh giang mai nên đã phải đề ra sự trừng phạt trên đảo. Còn sĩ quan nào bị cấp dưới phát hiện làm tình công khai sẽ bị kỷ luật.

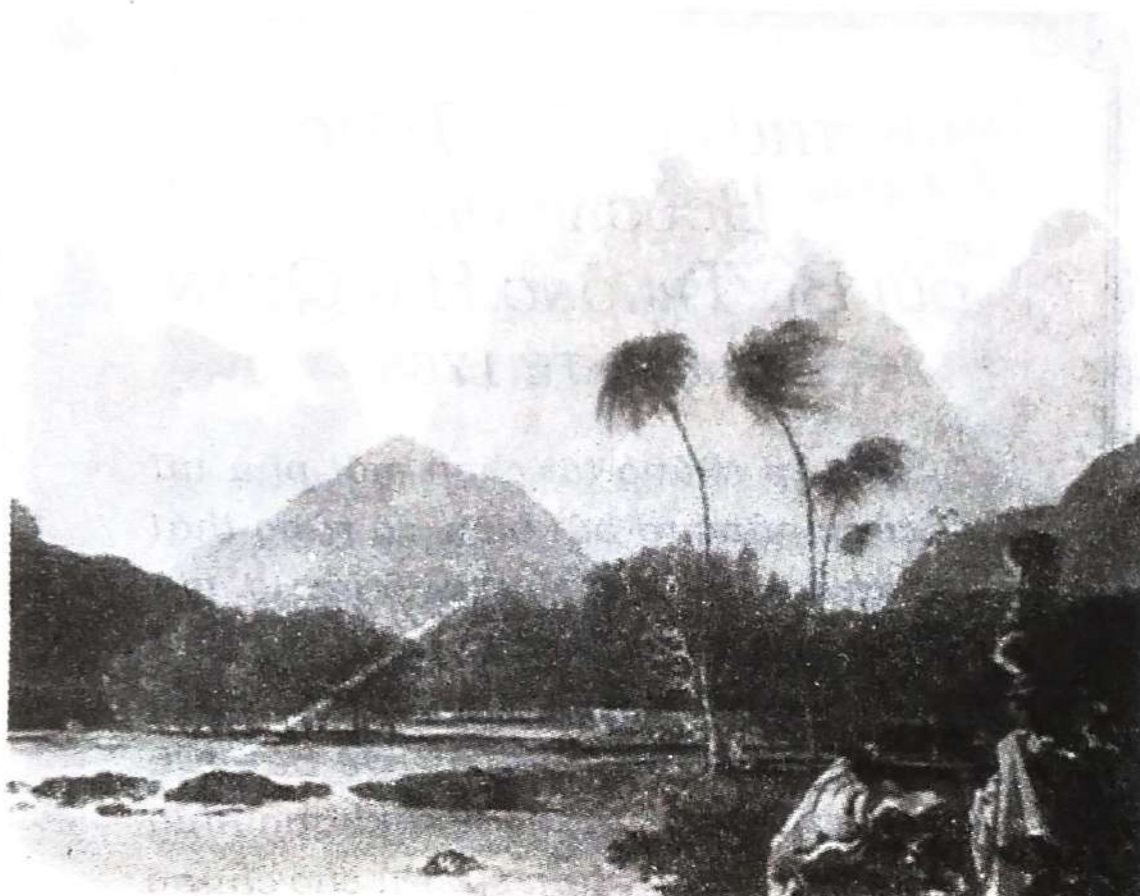
Tàu *Boudeuse* và *Étoile* rời Tahiti ngày 15 tháng Tư, hoàn thành cuộc hải hành quanh trái đất, cập bến St. Malo tháng Ba 1769 sau hai năm bốn tháng. Những báo cáo của Bougainville về Tahiti gây náo động, và dường như củng cố thuyết "hoang dã quý tộc" của triết gia Pháp là Jean Jaques Rousseau, người đã tin rằng những căn bệnh của nền văn minh có thể được chữa khỏi nếu con người trở về tình trạng ban sơ của họ. Lần đầu tiên Rousseau đã trình bày chi tiết khái niệm lý tưởng hóa trong *Bàn về nguồn cội của sự Bất bình đẳng của Nam giới* (xuất bản năm 1755) và sau này trong *Xã ước* (1762). Rousseau viết, sự hoang dã quý tộc là tình trạng không nhà cửa hoặc tài sản, và hai giới "kết hợp không cần trù tính, mà như sự ngẫu nhiên, cơ hội, và sở thích đưa họ lại với nhau."

Những kiểu hoang dã quý tộc của Rousseau là không quần áo, không nhà cửa, không rào giậu, không gieo cấy, và không định hình thành gia đình,

bộ tộc, hay quốc gia; họ vui hưởng sự tự do hoàn toàn và sự bình đẳng tuyệt đối. Rousseau lập luận rằng sự bất bình đẳng xảy ra vì con người đi qua từ sự trong trắng của cuộc sống ban sơ tới sự thối nát của xã hội. Thông kêu gọi quy tụ lại trong Cuộc Cách mạng Pháp.

Bougainville chống lại tư tưởng của Rousseau cho rằng người nguyên thủy cao hơn các loại văn minh, và ông còn hết sức phẫn nộ câu nói của ông ta cho rằng sự báo cáo về các hòn đảo vùng Thái Bình Dương của những người lính, thủy thủ, và các thương gia là không đáng tin. Ông đã đau buồn vạch ra rằng Tahiti không là xã hội không tưởng-- tự do luyến ái và những hào phóng ấy có mặt trái của họ về tình trạng nô lệ, sự hy sinh con người, và sự thờ ơ tri thức.

Bougainville cũng phê phán Abbé Prévost, tác giả cuốn sách bán rất chạy hồi thế kỷ XVIII, cuốn *Manon Lescaut*, nhằm phổ biến loại văn phiêu du lãng mạn. Bougianville là người của kỷ nguyên Ánh sáng chỉ nhằm vào việc khai phá về nghề hàng hải, và muốn nghiên cứu các lý tưởng xã hội mới.



Tiểu sử

Louis Antonie de Bougainville (1729 -1811) sinh tại Paris. Ông phục vụ đắc lực trong quân đội suốt cuộc Chiến tranh Bảy Năm, rồi sau đó, năm 1763, ông gia nhập hải quân. Ông tiến rất nhanh, chỉ huy đoàn người Pháp thám hiểm vòng quanh thế giới (1766-1769), và đã viết sách thuật lại các chuyến hải hành gây ảnh hưởng, cuốn *Thuật về cuộc Viễn dương Vòng quanh Thế giới* (1771-1772). Ông đã từng giữ những chức vụ cao cấp trong hải quân và quận đội. Sau khi cuộc cách mạng Pháp bùng nổ, ông lại dấn thân vào những đam mê khoa học. Napoleon đã phong ông là thượng nghị sĩ, bá tước, và huân chương Bắc đẩu bội tinh.

THƯ CỦA BÁ TƯỚC BOUGAINVILLE GỬI BỘ TRƯỞNG HẢI QUÂN

Tháng Tư 1768

Họ ép chúng tôi chọn một phụ nữ và cùng nàng ra bãi biển; rõ ràng thái độ của họ chẳng có chút gì là lập lờ, mà hàm ý là làm cách nào chúng tôi phải làm quen với cô ta. Quả là quá khó trong những tình huống như vậy, để bắt 400 thủy thủ đã sáu tháng nay không nhìn thấy phụ nữ làm phận sự. Dù cho chúng tôi hết sức đề phòng (thế mà) một cô gái trẻ (vẫn) leo được lên boong và xuất hiện ở boong lái, gần cửa xuống hầm, cửa được mở để (lấy) không khí cho các chàng trai kéo trục cáp ở dưới đó. Cô gái lơ đễng để rớt mảnh vải che mình, và hiện ra trước những con mắt đang mục kích chẳng khác nào thần Vệ nữ đang phô bày trước những mục đồng người Phrygia, quả là hình thể của trời nơi nữ thần. Cả thủy thủ và binh lính cố nhoai tới cửa hầm, và trục cáp chưa bao giờ được kéo lên nhanh như trường hợp này.

Những chàng thủy thủ được mời vào nhà, ở đó người ta cho họ ăn; phép lịch sự của các chủ nhà đâu ngưng ở mục khoản đãi ấy: họ còn dâng tặng những cô gái trẻ. Ngay lập tức, căn lều đặc kín đám đàn ông và đàn bà tò mò, vây quanh vị khách và cô gái nạn nhân của lòng hiếu khách. Người ta trải hoa lá lên nền nhà, các nhạc công thổi sáo bản thành hôn. Đây, Vệ nữ là nữ thần hiếu khách, lòng yêu quý của nàng không nhận bất cứ những gì bí ẩn và mỗi ban tặng cho nàng là một yến tiệc cho toàn dân. Họ ngỡ ngàng trước sự ngượng ngùng mà người của chúng tôi để lộ ra là phong tục của chúng tôi không cho phép tiến hành nhữngviệc công khai này. Tuy nhiên, tôi không dám chắc là mỗi người của chúng tôi thấy như không thể thắng nổi sự xung khắc của mình và tuân theo các phong tục của đất nước.

BOUGAINVILLE



THE COMTE DE BOUGAINVILLE TO THE MINISTER OF THE MARINE,

April, 1768

They pressed us to choose a woman and come ashore with her, and their gestures, which were nothing less than equivocal, denoted in what manner we should form an acquaintance with her. It was very difficult in such conditions, to keep at their work four hundred French sailors who had not seen a woman for six months. In spite of all our precautions a young girl came on board and placed herself upon the quarterdeck near one of the hatchways, which was open in order to give air to those who were heaving at the capstan below it. The girl carelessly dropped a cloth which covered her, and appeared to the eyes of all beholders such as Venus showed herself to the Phrygian shepherd, having indeed the celestial form of that goddess. Both sailors and soldiers endeavored to come to the hatchway, and the capstan was never hove with more alacrity than on this occasion.

The sailors were invited to enter the houses where the people gave them to eat; nor did the civility of their landlords stop at a slight collation: they offered them young girls. The hut was immediately filled with a curious crow of men and women who made a circle round the guest and the young victim of hospitality. The ground was spread with leaves and flowers, and their musicians sang a hymeneal song to the tune of their flutes. Here Venus is goddess of hospitality, her worship does not admit of any mysteries and every tribute paid to her is a feast for the whole nation. They were surprised at the confusion which our people appeared to be in as our customs do not allow of these public proceedings. However, I would not answer for it that every one of our men found it impossible to conquer his repugnance and conform to the customs of the country.

BOUGAINVILLLE





Người phụ nữ và trái xoài, Paul Gauguin mô tả đời sống của nhân dân Tahiti gần giống với những tác phẩm của Rousseau.

QIANLONG (CÀN LONG)
HOÀNG ĐẾ TRUNG HOA

Hoàng đế Trung Hoa nhận "lễ vật" trong khi vẫn khước từ các thỉnh cầu nhân nhượng giao thương và những liên kết ngoại giao và văn hóa của George đệ tam.



Qianlong, người mời vua Anh giúp vào việc giữ gìn hòa bình và sự hưng thịnh thông qua sự quy phục lâu dài.



George đệ tam, vị vua ít dân hơn và cũng ít ương ngạnh hơn nhưng lại mạnh hơn.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Ngày 21 tháng Chín 1792, ba tàu chiến của Anh rời Spitheat ở Hampshire lên đường tới Trung Hoa. Chỉ huy đoàn viễn chinh này là tướng công

Macartney (1737-1806), người đã từng giữ chức ngoại giao ở Nga, Ireland, Grenada và Ấn Độ, được chính Henry Dundas, Bộ trưởng Nội vụ chỉ đạo, là thiết lập các mối quan hệ buôn bán với Trung Hoa và thành lập sứ quán Anh ở Bắc Kinh. Thời ấy chưa có những thỏa ước ngoại giao giữa châu Âu và Trung Hoa, và người Anh hy vọng khéo chiếm trước các đối thủ thương nghiệp khác, như Hà Lan và Pháp. Đoàn viễn chinh của Macartney tới Trung Hoa tháng Năm 1793 nhưng mãi tới ngày 14 tháng Chín ông này mới được diện kiến vị hoàng đế 82 tuổi là vua Qianlong. Ba tuần sau khi hoàng đế trả lời bức thư (được trích đoạn ở đây). Lá thư có vị trí quan trọng bậc nhất về các mối tương giao Trung-Tây trong 700 năm giữa Marco Polo và Đặng Tiểu Bình.

Người Anh nghĩ mình ngang sức đương đầu với một nước khác. Qianlong, một Thiên Tử, nhà cai trị Trung Quốc với khoảng 300 triệu dân địch lại 8 triệu dân của nước Anh, không chỉ coi thường dân da trắng như "lũ rợ" mà còn hằng coi họ như các chư hầu. Sự xung khắc này còn bộc lộ ở chỗ Macartney không chịu khấu đầu phủ phục trước Hoàng thượng như các quần thần và những sứ giả khác vẫn làm.

Từ chỗ đứng, bầy tôi phải quỳ cả hai gối xuống và đầu cúi sát đất, ngẩng lên và lại phủ phục, tất cả 3 lần.Sau đó đứng thẳng lên và tiếp tục phủ phục như vậy hai lần nữa.

Macartney khước từ làm theo nghi thức ấy. Ông này cho rằng chẳng vị sứ giả nào lại coi trọng vị

vua của nước ngoài hơn quân vương của chính họ, mà ở London, một người chỉ phải quỳ một chân và hôn tay nhà vua; người ta chỉ phải quỳ hai gối trước Thượng đế. Các cận thần của Qianlong kinh hãi trước suy nghĩ của tên rợ này khi đụng chạm tới hoàng đế. Thế là Macartney chỉ quỳ một chân và lịch sự cúi chào.

Giọng điệu của bức thư được trích một phần ở đây cho thấy rằng Qianlong không thừa nhận vua Anh là ngang hàng. Cho dù Macartney cương quyết cho rằng người Anh không phải chư hầu.

Mà dù Macartney có phủ phục đi nữa chưa chắc Qianlong đã chấp nhận những thỉnh cầu của ông này. Nền văn minh Trung Hoa đã tồn tại hàng ngàn năm không thể chuyển đổi, bất di bất dịch, và tự phụ. Hoàng đế muốn nó mãi như vậy. Hơn nữa, xã hội Trung Hoa lại bài ngoại: dân phương Tây được gán cho cái tên là "lũ quỷ ngoại quốc" vì họ mặc quần dài–ở Trung Hoa, chỉ những ma quỷ trong các vở kịch diễn ở rạp hát mới ăn mặc như vậy.

Vả lại, năm 1793 là năm hết sức gở mà người phương Tây lại đưa sứ giả tới Trung Hoa đề nghị bang giao, trong khi ở Pháp xảy ra cuộc Cách mạng đẫm máu có thể đe dọa tình huynh đệ chung trên toàn thế giới, mà bằng chứng là ba tàu chiến của Anh đã cập cảng Thiên Tân.

Nhưng dầu thù nghịch với phương Tây, Trung Quốc cho phép đặc sứ được đi lại trên đất liền từ Bắc Kinh tới Quảng Châu. Macartney được dịp thực hiện mục tiêu thứ hai của mình là học các kỹ thuật

làm tơ tằm và sản xuất trà của Trung Hoa. Ông ta mang các bí mật này về Bengal nơi có công ty Đông Ấn của Anh đang muốn sản xuất các mặt hàng này cạnh tranh với Trung Hoa.

Không như Peter Đại đế ở Nga hồi cuối thế kỷ XVII, và vương triều Meiji ở Nhật sau năm 1868, Qianlong quay lưng lại với Tây phương. Năm 1816, người Anh gửi một sứ giả khác tới Trung Hoa nhưng cũng bị khước từ thẳng thừng. Những hệ quả của chính sách biệt lập và nhãn quan cố cựu bất khả chuyển dịch được thấy vào thập niên 1840, khi quân đội hùng hậu của Anh buộc phải hạ nhục Trung Hoa trong cuộc Chiến tranh Nha phiến lần đầu tiên.

Tiểu sử

Qianlong (1711-1799), triều đại thứ tư nhà Mãn Châu, trị vì từ năm 1735 đến năm 1796. Ông là một nhà lãnh đạo quân sự thành công, đã củng cố quyền lực của Trung Hoa qua việc bành trướng đế chế và đàn áp những nước đối nghịch từ Tibet, Nepal, Miến Điện, và Annam. Càn Long còn là một học giả, ông thể hiện các thuật hội họa, thư pháp cũng như thơ ca. Ông bảo trợ một dự án 10 năm nhằm biên soạn bộ sưu tập bao quát về các tác phẩm văn học và học thuật Trung Hoa cổ điển. Thế nhưng, giá của những chiến dịch quân sự đã tiêu hao nguồn tài chính của đất nước, và 20 năm cuối của vương triều bị suy vi do phương cách trị vì và nạn tham nhũng.

THƯ CỦA HOÀNG ĐẾ QIANLONG (CÀN LONG) GỬI QUỐC VƯƠNG ANH GEORGE ĐỆ TAM

Ngày 3 tháng Mười 1793

Quý vương, do bị thúc đẩy bởi khát vọng thấp hèn (muốn) tham dự vào các lợi ích của nền văn minh của chúng ta, đã cử phái đoàn trân trọng mang kỷ vật của quý ngài. Các điều khoản thiết tha mà trong đó nó bộc lộ sự khiêm hạ đầy kính cẩn của quý ngài, điều đáng nhiệt liệt tán dương. Xét thấy rằng sứ giả của ngài và vị phó của ông ta đã từ xa tới đây cùng kỷ vật và tặng phẩm của ngài, ta đã thuận tình và cho phép họ được diện kiến ta.

Theo lời khẩn khoản của Ngài (được) gửi một trong các kiều dân của ngài (để) làm tin tới Thiên Triều và (muốn) được điều hành việc buôn bán của nước ngài với Trung Hoa, thỉnh nguyện này nghịch lại toàn bộ tập quán trong vương triều của ta và bất khả thuận. Sứ giả được đề cử của Ngài không được phép tự do đi lại và không được đặc quyền tương xứng như ở nước của ngài; để ngài chẳng giành được gì do sự có mặt

của ông ta ở đây. Châu Âu gồm nhiều quốc gia khác ngoài nước của ngài, nếu mỗi nước và tất cả (đều) yêu cầu được đại diện trong triều đình của ta, làm sao ta có thể thỏa lòng (hết được)? Điều này hoàn toàn bất khả thi. Các nghi lễ và khoản luật của chúng ta khác hẳn so với của quý ngài, cả như sứ giả của ngài có thể lĩnh hội các nguyên lý cơ bản của nền văn minh của chúng ta, ngài cũng không thể cấy các lề thói và các phong tục của chúng ta nơi mảnh đất xa lạ. Này quý vương, nếu ta lệnh rằng, ta chuẩn nhận các cống phẩm mà ngài gửi tới, đơn thuần là sự chiếu cố tấm thịnh tình của ngài từ xa xôi chuyển tới. Ta không dùng những hàng hóa do nước ngài làm ra.

Này quý vương, ngài phải tôn trọng ý kiến của ta và phải thể hiện lòng ngưỡng mộ và trung thành hơn nữa, ngõ hầu, nhờ sự quy phục ngôi vị của ta suốt đời, ngài mới có được sự an bình và thịnh vượng cho nước của ngài sau này.

QIANLONG



QIANLONG, EMPEROR OF CHINA TO GEORGE III, KING OF ENGLAND

October 3, 1793

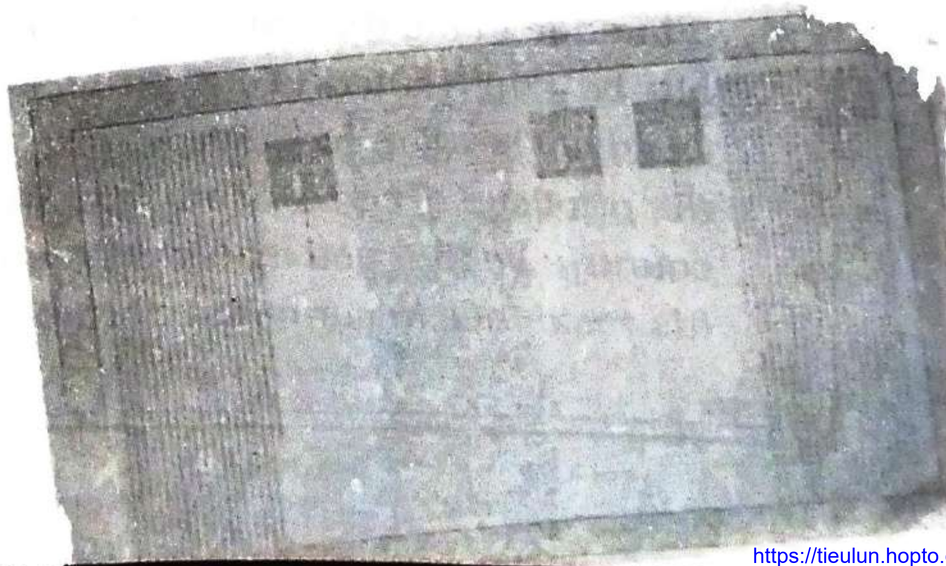
You, O king, impelled by your humble desire to partake of the benefits of our civilization, have dispatched a mission respectfully bearing your memorial. The earnest terms in which it is couched reveal a respectful humility on your part, which is highly praiseworthy. In consideration of the fact that your ambassador and his deputy have come a long way with your memorial and tribute I have shown them high favor and have allowed them to be introduced into my presence.

As to your entreaty to send one of your nationals to be accredited to my Celestial Court and to be in control of your country's trade with China, this request is contrary to all usage in my dynasty and cannot possibly be entertained. Your proposed envoy could not be allowed liberty of movement and the privilege of corresponding with his own country; so that you would gain nothing by his residence in our midst. Europe consists

of many other nations besides your own: if each and all demanded to be represented at our Count, how could we possibly consent? The thing is utterly impracticable. Our ceremonies and code of laws differ so completely from your own that, even if your envoy were able to acquire the rudiments of our civilization, you could not possibly transplant our manners and customs to your alien soil. If I have commanded that the tribute offerings sent by you, O King, are to accepted, this was solely in consideration for the spirit which prompted you to dispatch them from afar. I have no use for your country's manufactures.

It behooves you, O King, to respect my sentiments and to display even greater devotion and loyalty, so that, by perpetual submission to our throne, you may secure peace and prosperity for your country hereafter.

QIANLONG







Một tuần trước khi Macartney lên đường, nhà vẽ tranh biếm họa James Gillray phát hành bức ảnh dự kiến về cuộc hội kiến của Macartney với hoàng đế Trung Hoa.

THIẾU TƯỚNG HẢI QUÂN M. C. PERRY

Nhân danh tổng thống Fillmore, Perry đề nghị Nhật Bản có các mối tương quan hữu nghị với Mỹ.



Thiếu tướng hải quân Matthew Perry, người mở ra con đường giao thương với Nhật.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Sau Bồ Đào Nha, nhà thám hiểm Vasco da Gama đã tới Ấn Độ năm 1498, sự bành trướng của họ vào Viễn đông thật nhanh. Theo gót của họ, một dòng mới của các thừa sai Công giáo, dòng Tên, đã có mặt, dưới sự lãnh đạo của thánh Phanxicô Xaviê, người đã cải đạo một số đông đáng kể, đồng thời làm trào dâng lòng thù oán của người Nhật hùng mạnh. Khi người Nhật biết rõ hơn về hoạt động của châu Âu nơi các tôn giáo khác, họ càng đề cao cảnh giác. Một khi Kitô giáo có được vị trí vững chắc, hầu như sau đó là sự chinh phục bằng quân sự. Khởi và năm 1579, các nhà cai trị Nhật bắt bớ các Kitô hữu người

Nhật, những người mà vào năm 1638 đã nổi loạn. Nhà cầm quyền Nhật tiến hành tiêu diệt những ai cải đạo theo Kitô giáo và trục xuất những người nước ngoài. Suốt 200 năm, Nhật Bản hầu như cô lập hoàn toàn, chỉ giao thương với một nhóm nhỏ người Hà Lan và Trung Hoa sinh sống ở Nagasaki.

Lực lượng muốn mở cửa để vào Nhật tới từ một hướng không ngờ–hướng đông–vì thế năm 1852, tổng thống Millard Fillmore lệnh cho đội tàu chiến gồm bốn chiếc do thiếu tướng hải quân Matthew Perry chỉ huy chuẩn bị cách mở ra những tô giới giao thương. Chính quyền Mỹ muốn tiến vào Nhật bằng đường thủy xuất phát từ California mất khoảng 18 ngày. Hơn nữa, cuộc đổ xô đi tìm vàng ở California đã sinh lợi 60 triệu mỹ kim mỗi năm trong thập niên 1850, một ngân sách tầm cỡ để có thể đầu tư vào việc giao thương quốc tế. Nước Mỹ muốn biến Nhật Bản thành trọng điểm buôn bán và đầu tư, hòa nhập chính sách Mỹ thế kỷ XIX nhằm giành được những thuận lợi kinh tế mà không phải tốn đến súng đạn và những phí tổn quản trị như Anh đã phải chịu ở Ấn Độ. Chính phủ còn muốn bảo vệ các đoàn thủy thủ của những đoàn tàu săn cá voi. Nghề săn cá voi là ngành kinh doanh lớn trong thập niên 1850, trong khi các đoàn tàu này thường đánh bắt gần những bờ biển sóng gió và nguy hiểm của Nhật.

Ngày 8 tháng Bảy 1853, thiếu tướng Perry đưa bốn tàu vào Uraga, vịnh Edo. Ông mang theo bức thư của tổng thống Fillmore nhấn mạnh ước vọng của Mỹ muốn thiết lập các quan hệ hòa thuận với Nhật, và chỉ đề cập các vấn đề về thỏa thuận nhân

đạo khi các tàu săn cá voi gặp nạn, những điều kiện thuận lợi để các tàu này mua than và thực phẩm tại các hải cảng của Nhật, cùng một số đề nghị mập mờ về buôn bán. Tuy thế, bức thư riêng của Perry bóng gió rõ ràng rằng nếu khước từ những đề nghị ấy có thể dẫn tới chiến tranh, và ông này thông báo trước là ông sẽ quay lại vào mùa xuân 1854 mang theo một đoàn tàu lớn hơn và mong nhận được câu trả lời thỏa đáng.

Nhà cầm quyền Nhật hiểu rằng đất nước họ không có khả năng chống trả các tàu chiến của phương Tây. Đặc biệt họ lo sợ chiến tranh với Mỹ có thể là dấu hiệu của nhiều thế lực mạnh hơn, như Anh, sẽ nhảy vào và chia cắt đất nước họ. Trong hàng tướng lĩnh của Nhật có sự phân rẽ. Một số chủ trương bằng bất cứ giá nào cũng phải chống lại phương Tây. Thế nhưng đa số cho rằng họ sẽ nắm chắc phần thua, vì thế tốt nhất nên chấp nhận buôn bán với phương Tây, dùng những lợi nhuận để phát triển lực lượng, trang bị hỏa lực hiện đại.

Khi Perry trở lại vào tháng Hai năm 1854 mang theo tám tàu, mặc phủ Nhật đồng ý ký thỏa ước đầu tiên với "quân rợ." Hiệp định được ký ngày 31 tháng Ba 1854, thuận mở các cảng Shimoda và Hakodate cho các tàu của Mỹ vào lấy nhiên liệu và lương thực, hàng hóa dự trữ.

Suốt 10 năm nhà cầm quyền Nhật do dự về cách đối dịch lại sự đe dọa của nước ngoài. Họ không toàn tâm thuận ngay chính sách nhượng bộ, nhưng vào thập niên 1860 toàn bộ "chính sách

bất công" ấy đều được thực hiện. Mỹ, Anh, Pháp và Hà Lan đều giành các đặc quyền buôn bán, quyền cư trú dành cho người nước ngoài, sự có mặt của các đại diện ngoại giao, và những hạn chế về việc xuất khẩu thuốc phiện của Nhật. Năm 1868, mạc phủ sụp đổ, đánh mất niềm tin vì không có khả năng chống trả thế lực của "lũ rợ".

Lá thư của Perry, đồng thời cũng là thư của tổng thống, đã khởi sự một thay đổi quan trọng. Triều đình giành lại quyền hành, quyết xóa bỏ địa vị thấp kém của Nhật trước phương Tây. Nơi đây phát triển theo chiều hướng tư tưởng phương Tây, quán triệt và hội nhập các công nghệ tiên tiến, không còn cổ vũ sự bài ngoại mà cổ vũ việc học tập các bí mật sức mạnh của phương Tây. Vào cuối thế kỷ XIX, người Nhật đã tiến rất nhanh để có được một quân đội và hải quân hùng mạnh đủ sức chiến thắng trong chiến tranh với Nga năm 1904-1905.

Tiểu sử

Matthew Calbraith Perry (1794-1858) sinh ra ở Newpork, đảo Rhode, là chuẩn úy hải quân trong chiến tranh 1812, và năm 1826 ông trở thành sĩ quan chỉ huy hải quân, giúp vào việc tổ chức chương trình đào tạo hải quân đầu tiên của Mỹ. Năm 1837, ông đứng vào hàng ngũ chỉ huy và điều hành tàu chiến chạy bằng hơi nước đầu tiên của hải quân, tàu *Fulton II*. Trong thập niên 1840, ông chỉ huy một đội tàu của Mỹ tham gia cuộc đàn áp việc buôn bán nô lệ ở vùng biển Tây Phi và chỉ huy lực lượng hải quân Mỹ ở vùng Vịnh trong suốt cuộc chiến tranh với Mexicô, chiếm được Frontera, Tabasco và Veracruz.

THƯ CỦA THIẾU TƯỚNG HẢI QUÂN M.C. PERRY GỬI NHẬT HOÀNG

Ngày 7 tháng Bảy 1853

Người ký tên dưới đây, Tổng Tư lệnh toàn lực lượng hải quân Mỹ đóng tại các vùng biển Đông Ấn, Trung Quốc và Nhật Bản, được chính phủ Mỹ phái tới đất nước này, theo một sứ vụ hữu nghị, có đủ quyền hành thương lượng với chính phủ Nhật, liên quan một số vấn đề được đề cập đầy đủ trong bức thư của Tổng thống Hoa Kỳ, các tờ thư cùng với bản quốc thư của người ký tên dưới đây, được viết bằng tiếng Anh, Hà Lan, và Trung Hoa.

Người ký tên dưới đây được lệnh trình báo là Tổng thống luôn có những tình cảm thân hữu đối với nước Nhật, nhưng lấy làm ngạc nhiên và đau buồn (khi) biết rằng bất cứ công dân nào của Mỹ ra đi, do tự ý hoặc do bị dạt vào bởi những hiểm nguy của biển cả, đã đến được các lãnh địa của quý quốc, họ bị đối xử như những kẻ thù xấu xa nhất.

Với người Mỹ, mà thực ra đối với toàn thể dân Kitô giáo, đây được xem là bổn phận thiêng liêng để tiếp nhận với (cả) tấm lòng, và để cứu giúp, bảo bọc tất cả con người, dù thuộc quốc gia nào, bị dạt lên các bờ biển của quý ngài, và cách giải quyết như vậy là điều (mà) dân Mỹ (phải) kính trọng toàn dân Nhật đã che chở những người bị nạn.

Chính phủ Mỹ mong muốn có được sự bảo đảm tích cực nào đó (đối với) những người gặp nạn sau này ở bờ biển của Nhật hay bị dạt vào các cảng của quý ngài do thời tiết bắt buộc, sẽ được đối xử theo lòng nhân đạo... họ cư trú ở một quốc gia lớn nằm ngay giữa Nhật và châu Âu... mà giờ đây chúng tôi có những thành phố lớn, từ đó, với sự trợ lực của tàu hơi nước, chúng tôi có thể đến Nhật trong vòng 18-20 ngày; việc giao thương của chúng tôi với toàn vùng này càng lúc càng gia tăng, các vùng biển của Nhật rồi sẽ sớm có mặt các tàu của chúng tôi... Người ký tên dưới đây trình bày tất cả những lý lẽ với hy vọng là chính phủ Nhật sẽ xem xét tính cần thiết để tránh sự xung đột đối địch giữa hai quốc gia,

bằng việc đáp lại một cách thiện chí những đề nghị của (tình) bằng hữu, đang được thể hiện với cả tấm lòng thành.

Nhiều tàu chiến lớn được dự tính tới thăm Nhật Bản nhưng chưa tới các vùng biển này, mặc dù họ mong mỏi từng giờ; và người ký tên dưới đây, như một bằng chứng cho những ý định thân hữu của mình, đã đưa chỉ có bốn con tàu loại nhỏ, không những mong muốn, mà còn là điều cần thiết, để trở lại Yedo vào mùa xuân tới với một lực lượng lớn hơn nhiều.

Với lòng kính trọng sâu xa đối với đức vua, và chân thành mong mỏi ngài trường thọ, (để vui hưởng) mạnh khỏe và hạnh phúc. Xin được ký tên dưới đây.

M C Perry.

COMMODORE M. C. PERRY
TO
HIS IMPERIAL MAJESTY, THE EMPEROR OF JAPAN
July 7, 1853

The undersigned, commander-in-chief of all the naval forces of the United States of America stationed in the East India, China and Japan seas, has been sent by his government to this country, on a friendly mission, with ample powers to negotiate with the government of Japan, touching certain matters which have been fully set forth in the letter of the President of the United States, copies of which, together with copies of the letter of credence of the undersigned, in the English, Dutch, and Chinese languages, are herewith transmitted.

The undersigned has been commanded to state that the President entertains the most friendly feelings toward Japan, but has been surprised and grieved to learn that when any of the people of the United States go, of their own accord, or are thrown by the perils of the sea, within the dominions of your impe-

rial majesty, they are treated as if they were your worst enemies.

With the Americans, as indeed with all Christian people, it is considered a sacred duty to receive with kindness, and to succor and protect all, of whatever nation, who may be cast upon their shores, and such has been the course of the Americans with respect to all Japanese subjects who have fallen under their protection.

The government of the United States desires to obtain from that of Japan some positive assurance that persons who may hereafter be shipwrecked on the coast of Japan, or driven by stress of weather into her ports, shall be treated with humanity. . .they inhabit a great country which lies directly between Japan and Europe. . .we now have large cities, from which, with the aid of steam-vessels, we can reach Japan in eighteen or twenty days; that our commerce with all this region of the globe is rapidly increasing, and the Japan seas will soon be covered with our vessels... The undersigned hold out all

these arguments in the hope that the Japanese government will see the necessity of averting unfriendly collision between the two nations, by responding favorably to the propositions of amity, which are now made in all sincerity.

Many of the large ships-of-war destined to visit Japan have not yet arrived in these seas, though they are hourly expected; and undersigned, as an evidence of his friendly intentions, has brought but four of the smaller ones, designing, should it become necessary, to return to Yedo in the ensuing spring with a much larger force.

With the most profound respect for your imperial majesty, and entertaining a sincere hope that you may long live to enjoy health and happiness, the undersigned subscribes himself.

M C Perry.

Henry Morton Stanley

Nhà thám hiểm châu Phi nổi tiếng đã mưu tính thật lạc quan là các nhà truyền giáo được gửi tới để cải đạo người dân Buganda.



Stanley hồi năm 1885, sau khi công bố Congo (nay là Zaire) thuộc về Bỉ.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Năm 1874, Henry Morton Stanley 33 tuổi, thực hiện cuộc thám hiểm ngang qua châu Phi mất 999 ngày. Mục đích của Stanley là khẳng định lời tuyên bố của ông trở thành nhà thám hiểm vĩ đại nhất về "Lục địa Đen." Thế giới đã được biết đến nhiều từ "sự khám phá" của ông về tiến sĩ David Livingstone ở Ujiji trên hồ Tanganyika năm 1871, Stanley đã bỏ ra nhiều tiền để đầu tư và trang bị cho cuộc thám hiểm, với 350 phu khuân vác và binh lính. Những khoản chi tiêu khổng lồ này có được do cùng chung với tạp chí *New York Herald*, nơi ông làm việc, và tờ *Daily Telegraph* của

London, với điều kiện là các báo cáo của Stanley phải để *Herald* đăng tải đầu tiên, sau đó vài ngày đến lượt *Telegraph*. Lá thư này được ấn hành 7 tháng sau khi viết ra, được các phu khuân vác đưa về từ bờ biển phía đông châu Phi tới Zanzibar, rồi từ đó tới New York.

Trong cuộc thám hiểm này, Stanley trở thành người đầu tiên đi vòng quanh Lakes Victoria và Tanganyika, người đầu tiên vẽ hải đồ sông Lualaba, và là người đầu tiên xuôi dòng sông Congo tới cửa biển Đại Tây Dương. Từ tháng Mười Một 1874 tới tháng Ba 1875 ông đã ra sức đi từ bờ biển Đông Phi tại Zanzibar tới Bungada thuộc vùng tây bắc hồ Victoria (tương đương khoảng nửa Uganda hiện nay). Một nửa số người của ông đã chết do bệnh và các thổ dân giết. Nhưng khi ở Buganda, Stanley bắt đầu tự tin hơn. Mutesa, vua xứ sở này, đã diện kiến nhà thám hiểm John Speke năm 1862 nên nay ông thân tình tiếp đón Stanley.

Những trích đoạn từ bức thư đầu tiên của Stanley cho *Herald* viết từ cung điện của Mutesa công bố chắc chắn rằng nhà vua muốn bỏ Hồi giáo để trở lại Kitô giáo. Ngoài lòng hiếu khách, Mutesa không có ý định cải đạo, mà ông thực tình nhận ra các lợi ích nếu quan hệ gần gũi với người châu Âu, chí ít về công nghệ phục vụ chiến tranh. Sự quan tâm thực của Mutesa tập trung vào mối đe dọa vương quyền của ông và của người Ai Cập. Tướng người Anh, Charles George Gordon, người cai trị vùng Equatoria (nam Sudan) thuộc phó vương Ismail Pa-

sha của Ai Cập, lo ngại thế lực của Ai Cập bành trướng tới các vùng của Bantu và lan tới phía nam. Mutesa giải thích cho Stanley nguyên lý của ông khiến ông "đối thoại" (với phương Tây) là: kỹ nghệ quân sự của người da trắng hơn hẳn của người Ả Rập, những người đã mang đạo Hồi vào Trung Phi, vì thế "sách thần bí" của người da trắng hẳn phải hơn kinh Koran.

Dù ông rất thành công nhưng Stanley vẫn phạm những sai lầm, và bức thư gửi cho *Herald* cho thấy hai trong số các thiếu sót của ông. Ông đã mưu cầu sự công khai, một người thích "được nói tốt," và ông thấy rằng ông sẽ giành được sự nổi tiếng nếu ông có thể công bố là cả vùng đất rộng lớn của Trung Phi đang khao khát các nhà truyền giáo. Ông còn thường đánh giá quá cao uy tín cá nhân và tài thuyết phục của ông, và còn tưởng tượng là ông có khả năng khác thường để thu phục người dân theo quan điểm của ông; nhưng đâu phải thế, chừng nào họ còn tỏ ra tôn trọng, họ có thể đang phỉnh ông. Cho đến ngày qua đời năm 1884, Mutesa vẫn tách riêng và giữ các nhà truyền giáo kéo tới Buganda dù nhiều người đã cải đạo. Con trai của Mutesa là Mwanga sớm nhận ra những kẻ cải đạo Kitô giáo là một mối nguy nên đã ra tay bách hại, trở thành một Nero của châu Phi, mà cao điểm là việc giết chết giám mục James Hannington năm 1885. Mwanga cho những người cải đạo này cơ hội bỏ đạo; còn nếu họ không chịu, họ sẽ bị tùng xẻo và thiêu sống.

Khi hành động của Mwanga trở thành quá quắt đã khai mào việc nổi loạn đòi truất phế ông vào năm 1888 khiến Buganda rơi vào nội chiến thì lúc ấy Stanley đang trên đường từ Sudan quay về. Lực lượng của ông được trang bị vũ khí hiện đại nhưng vì đã mệt mỏi nên Stanley không làm gì để giúp các Kitô hữu Buganda.

Tiểu sử

Henry Morton Stanley (1841-1904) sinh ra trong gia đình nghèo ở xứ Wales, một phần đời ông lớn lên trong trại tế bần rồi làm bồi tàu và qua Mỹ năm 1859. Sau thời gian phục vụ cả hai bên trong cuộc nội chiến Mỹ, ông làm phóng viên cho tòa soạn báo *The New York Herald*, và đã tạo được tên tuổi nhờ những lần được phái đi theo chiến dịch của Anh tại Abyssinia (Ethiopia) năm 1868. Năm 1871, ông lại càng nổi tiếng nhờ phát hiện dấu vết của tiến sĩ David Livingstone, nhà thám hiểm và là nhà truyền giáo ở châu Phi. Sau quãng đời thám hiểm và khai phá, Stanley làm việc ở nghị viện Anh và được phong làm hiệp sĩ.



THƯ CỦA HENRY MORTON STANLEY GỬI TÒA SOẠN TẠP CHÍ THE NEW YORK HERALD

Ngày 14 tháng Tư 1875

Tôi hầu như đã hờ hững việc đưa tin cho quý báo và độc giả về một đề tài rất thú vị liên quan đến Mutesa, điều sẽ làm hài lòng nhiều tổ chức từ thiện châu Âu và châu Mỹ. Cho đến khi tôi đến cung điện của Mutesa, vị vua hãnh diện vì mình là người theo Hồi giáo; nhưng trong một lần nói chuyện, tôi tự hào là tôi đã đánh đổ cơ cấu tôn giáo vừa mới nổi lên, và chắc chắn Kitô giáo sẽ đặt chân tới đây, cuộc trao đổi với Mutesa và triều thần của ông coi như mỹ mãn. Và chắc hẳn nhà truyền giáo sẽ tới đây thôi!. (Đúng là) một cánh đồng và một mùa lúa chín dành cho lưỡi liềm của Phúc âm! Mutesa sẽ cho nhà truyền giáo những gì ông ta muốn–nhà cửa, đất đai, gia súc, ngà voi, tất cả. Một ngày nào đó ông ta có thể coi một tỉnh là của mình. Ở đây đâu chỉ cần đơn thuần nhà truyền giáo. Các giám mục của toàn nước Anh được đón nhận, cùng với lớp trẻ ưu tú của đại học Oxford và Cambridge (mà) chẳng ảnh hưởng gì, cùng với

người dân sáng dạ của Buganda. Đấy là Kitô hữu thực tiễn có thể chữa lành các bệnh của họ, kiến thiết chỗ ở, am hiểu về nông nghiệp và có thể xoay xở bàn tay làm bất cứ việc gì, giống như một thủy thủ–cũng là người cần ở đây. Con người như thế, nếu có được, sẽ là vị cứu tinh của châu Phi. Hiện còn ở đâu trong toàn thế giới ngoại đạo (là) cánh đồng đầy hứa hẹn cho việc truyền giáo?

Nếu được phép, tôi đề nghị là, nhà truyền giáo nên mang đến cho Mutesa món quà tặng là ba hay bốn bộ quân phục được dát vàng thả cửa, cùng nửa tá mũ kê-pi, một cây kiếm, một dây đeo súng ngắn và đạn dược đúng loại, một súng bắn chim và súng trường loại chất lượng tốt, vì vua đâu phải người mọi rợ; một bộ đồ sứ giả của Anh để dùng trong các bữa ăn thường ngày, một khung giường bằng sắt và khăn trải giường, vài tấm vải hoa, giày ống. Còn để trao đổi nên mang các loại vải len màu xanh, đen, và xám, một lượng cúc nhà binh, dải viền và dây vàng, dây lụa đủ màu khác nhau, cũng như bìa sách, vải lanh, vải may áo sơ mi, những tấm chăn đỏ đẹp và một số vải màu đỏ, một số bàn và ghế. Lợi nhuận do việc bán những món này thật lớn.

Henry M. Stanley

HENRY MORTON STANLEY
TO
THE NEW YORK HERALD
April 14, 1875

I had almost neglected to inform you and your readers of one very interesting subject connected with Mutesa which will gratify many a philanthropic European and American. Until I arrived at Mutesa's court the king delighted in the idea that he was a follower of Islam; but by one conversation I flatter myself that I have tumbled the newly raised religious fabric to the ground, and, if it were only followed by the arrival of a Christian mission here, the conversion of Mutesa and his court to Christianity would be complete. But, O that some pious, practical missionary would come here! What a field and a harvest ripe for the sickle of the Gospel! Mutesa would give him anything he desired–houses, lands, cattle, ivory, & c. He might call a province his own in one day. It is not the mere preacher that is wanted here. The bishops of all Great Britain collected, with all the classic youth of Oxford and Cambridge, would effect nothing here with the intelligent people of Buganda. It is the practical Christian,

who can cure their diseases, construct dwellings, understands agriculture and can turn his hand to any thing, like a sailor – this is the man that is wanted here. Such a man, if he can be found, would become the savior of Africa. Now where is there in all the pagan world a more promising field for a mission?

With permission I would suggest that the mission should bring to Mutesa as presents three or four suits of military clothes, decorated freely with gold embroidery, with half a dozen French képis, a saber, a brace of pistols and suitable ammunition, a good fowling piece and rifle of good quality, as the king is not a barbarian; a cheap dinner service of Britannia ware, an iron bedstead and counterpanes, a few pieces of cotton print, boots, & c. For trade it should bring the blue, black and gray woolen cloths, a quantity of military buttons, gold braid and cord, silk cord of different colors, as well as binding, linen and sheeting for shirts, fine red blankets and a quantity of red cloth, a few chairs and tables. The profit arising from the sale of these things would be enormous.

HENRY MORTON STANLEY

LOUIS PASTEUR

Nhà hóa học và sinh vật học người Pháp báo cáo sự tiến bộ phấn khởi trong nỗ lực khoa học tầm mức nhất là dùng vắc-xin chống lại bệnh tật.



Nhà bác học được cả gia đình vây quanh trong khu vườn ở Anbois, mùa hè năm 1892.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Khoảng giữa thập niên 1860 Louis Pasteur, người đặt nền móng thành công về những nghiên cứu vi khuẩn, vi trùng, và miễn dịch, đã thực hiện những khám phá giá trị trong việc gây men nấm, các vi khuẩn sản sinh axit lactic, và các tinh thể tartrate. Để giúp công nghiệp rượu của Pháp tránh bị hư, ông còn phát triển quy trình tiệt trùng.

Pasreur đã giành được sự dẫn đầu mang tính đột phá được mô tả trong bức thư sau khi mà, vào năm 1879, ông đã tiêm chủng những con gà khỏe mạnh bằng mẻ cấy bệnh tả gà và bị bỏ quên trong tủ chén dễ đến vài tuần. Ông đã phát hiện điều lạ thường: những con gà bị bệnh nhưng không chết và, khi được tiêm chủng mẻ cấy vi khuẩn mới, đã chứng tỏ là chúng kháng lại bệnh. Nguyên tắc tiêm ngừa đã được khẳng định có khoa học: sự tiêm chủng một liều cấy vi khuẩn gây bệnh yếu mang lại sự đề kháng lượng vi khuẩn khỏe cùng dòng.

Pasteur triển khai khám phá này cả cho cừu và bò được tiêm chủng khuẩn bệnh than hình que và cũng thấy chúng được bảo vệ. Năm 1881, ông đã thử vắc-xin vi khuẩn bệnh than trên 50 con cừu. Khi ông viết về thắng lợi này cho các con, những con vật được tiêm ngừa đã được cứu sống. Thêm vào việc chứng minh hiệu quả của sự tiêm chủng, giờ thì Pasteur đã mang lại chứng cứ hiển nhiên về lý thuyết mầm bệnh – là một vi khuẩn đặc biệt gây nên loại bệnh đặc biệt.

Pasteur tiếp tục triển khai các loại vắc-xin kháng bệnh sốt lợn và bệnh dại. Do mẻ cấy các chất phản ứng tiêu độc đã giúp điều trị hiệu quả bệnh bạch hầu, bệnh lao, ỉa chảy, sốt vàng, và cuối cùng là bệnh dịch.

Điều đặc biệt chua cay là Pasteur đã công bố sự chiến thắng của ông cho hai đứa con còn sống sót: trong năm đứa con của ông, ba đứa đã chết lúc còn nhỏ. Khi Pasreur thử vắc-xin kháng bệnh dại

là thử trên Joseph Meister, cậu bé 9 tuổi được cứu sống nhờ tiêm chủng và đã tiếp tục làm việc trong viện Pasteur.



Tranh biếm về Pasteur xuất hiện năm 1882, một năm sau bước đột phá của ông.



Bắc đẩu bội tinh mà Pasteur mang có hình thánh giá "lớn."

Tiểu sử

Louis Pasteur (1822-1895) sinh ở Dôle, học tại Besançon và Paris. Ông nắm giữ nhiều chức vụ ở các trường đại học Strasbourg, Lille, và Paris. Năm 1867 ông trở thành giáo sư hóa ở Sorbonne, Paris. Những mặt mạnh lớn lao của ông với tư cách là nhà nghiên cứu là tính kiên trì, tính ham hiểu biết, và khả năng tạo những liên kết mà trước đây chưa ai nhận ra. Ông nổi tiếng vì là người đi tiên phong về các loại vắc-xin cũng như quy trình tiệt trùng mang tên của ông, và ông đã thiết lập viện Pasteur năm 1888 để tiếp tục cuộc chiến đấu chống lại bệnh tật.

THƯ CỦA LOUIS PASTEUR GỬI CHO GIA ĐÌNH

Ngày 2 tháng Sáu 1881

Mới thứ Năm mà cha đã viết thư cho con; ấy là vì cha mới giành được một kết quả to lớn. Bức điện từ Melun đã thông báo điều đó. Vào thứ Ba tuần vừa rồi, ngày 31 tháng Năm, chúng ta đã cấy chính vi rút gây sốt cho tất cả những con cừu, những con đã được tiêm chủng và những con chưa được tiêm chủng. Việc này mới thực hiện chưa được 48 giờ trước đây. Bức điện báo cho cha biết rằng, khi chúng ta đến vào lúc 2 giờ chiều nay, tất cả những con cừu không được tiêm vắc-xin sẽ chết; sáng nay đã có 18 con chết, còn những con khác đang chờ chết. Những con cừu đã được tiêm chủng thì vẫn khỏe. Bức điện kết thúc với dòng chữ "thành công tuyệt vời", được bác sĩ phẫu thuật thú y, M. Rossignol gửi tới.

Còn quá sớm để đưa ra phán quyết cuối cùng, Nhưng nếu tất cả tiến triển tốt, từ nay trở đi chúng sẽ được khỏe mạnh, lúc ấy sự thành công quả là đáng sửng sốt. Vào thứ Ba, chúng ta đã mường tượng trước những kết quả chung cuộc. Ngày thứ Bảy và Chủ

nhật, hai con cừu đã được tách ra khỏi lô hai lăm con được tiêm chủng, và hai con khỏi hai lăm con không được tiêm chủng và được cấy vi rút rất độc hại. Vào thứ Ba, khi các khách tham quan tới, họ đã thấy hai con cừu không được tiêm chủng bị chết, còn 2 con kia thì vẫn khỏe mạnh. Khi đó cha đã nói với bác sĩ phẫu thuật thú y có mặt tại đó "Chẳng phải là tôi đã đọc trong một bài báo của anh, một bài do anh ký tên, về một loại sinh vật nhỏ bé độc hại trong nước bọt, "Đây! Lại thêm một loại vi khuẩn nữa; khi có 100, chúng ta sẽ làm dấu thánh giá". "Quả đúng", vị bác sĩ ấy liền trả lời chân tình "Nhưng tôi là kẻ cải đạo và là tội nhân hối lỗi." Niềm vui bao trùm cả phòng thí nghiệm và khắp viện.

Hãy tự hào lên, các con.

L. Pasteur

Louis Pasteur to His Family

June 2, 1881

It is only Thursday, and I am already writing to you; it is because a great result is now acquired. A wire from Melun has just announced it. On Tuesday last, 31st May, we inoculated all the sheep, vaccinated and non-vaccinated, with very virulent splenic fever. It is not forty-eight hours ago. Well, the telegram tells me that, when we arrive at two o'clock this afternoon, all the non-vaccinated subjects will be dead; eighteen were already dead this morning, and the others dying. As to the vaccinated ones, they are all well; the telegram ends by the words "stunning success" it is from the veterinary surgeon, M. Rossignol.

It is too early yet for a final judgment. But if all goes well, they will henceforth preserve their good health, and the success will indeed have been starling. On Tuesday, we had a foretaste of the final results. On Saturday and Sunday, two sheep had been ab-

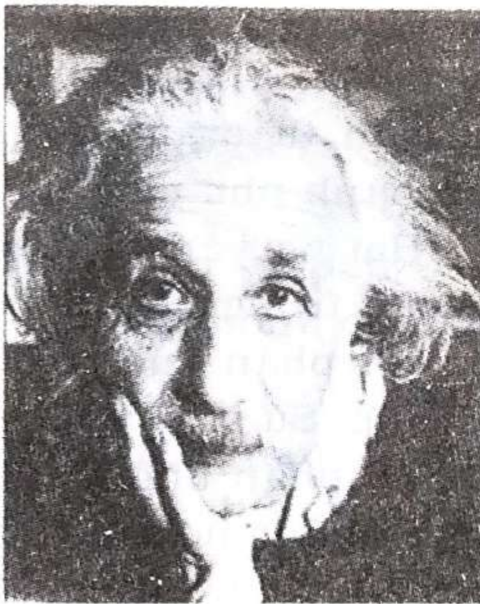
stracted from the lot of twenty-five vaccinated sheep, and two from the lot of twenty-five non-vaccinated ones, and inoculated with a very virulent virus. Now, when on Tuesday all the visitors arrived, we found the two unvaccinated sheep dead, and the two others in good health. I then said to one of the veterinary surgeons who were present, "Did I not read in a newspaper, signed by you, à propos the virulent little organism of saliva, "There! One more microbe; when there are 100 we shall make a cross". "It is true," he immediately answered, honestly. "But I am a converted and repentant sinner." Joy reigns in the laboratory and in the house.

Rejoice dear children.

L. Pasteur

ALBERT EINSTEIN

Nhà khoa học vĩ đại đặt bút ký một cách quyết đoán vào lời đề nghị của đồng nghiệp gửi tổng thống Mỹ để bắt đầu nghiên cứu vũ khí hạt nhân.



Albert Einstein, người chủ trương hòa bình đã bào chữa việc chế tạo bom nguyên tử.



Franklin Delano Roosevelt, vị tổng thống đã làm theo lời khuyên của Einstein.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Tháng Mười Một 1954, ngay năm trước khi qua đời, Albert Einstein đã nói lên lời ân hận trong lúc trao đổi với nhà vật lý nhận giải Nobel, Linus Pauling: "Tôi đã mắc sai lầm lớn trong đời tôi–khi tôi ký vào lá thư gửi Tổng thống Roosevelt đề nghị chế tạo bom nguyên tử với đôi điều bào chữa–nguy cơ mà người Đức đang tạo nên.

Năm 1939, bốn tuần trước khi Hitler xâm lăng Ba Lan, Einstein gửi thư cho Franklin D. Roosevelt, được tóm tắt ở đây. Nhà khoa học nổi tiếng nhất thế kỷ XX, vậy mà Einstein vẫn còn hoài nghi cho rằng sự khám phá sự phân hạt nhân chất uranium là sẽ chế ra bom nguyên tử năng lượng cao. Ý tưởng ẩn sau năng lượng hạt nhân là bằng cách tách nguyên tử uranium phải bắn phá hạt nhân của nguyên tử với các nơtron. Người ta khám phá ra rằng khi hạt nhân của nguyên tử uranium bị một nơtron thâm nhập, nó vận hành như một giọt nước quá tải và tách làm hai. Hai nguyên tử mới được kết hợp thì nhẹ hơn nguyên tử nguyên thủy chỉ bằng một phần năm, đối với phần của khối lượng đã bị biến thành năng lượng. Sự chọc thủng phòng tuyến xa hơn xảy ra khi có phản ứng mà ở đó tác động của nơtron sản sinh những nơtron thứ yêu, để rồi sản sinh những nơtron khác trong chuỗi phản ứng sản sinh năng lượng.

Nhà vật lý Niels Bohr lo sợ về tiềm năng của loại bom được chế tạo bằng chuỗi phản ứng hạt nhân. Nhưng đồng sự của ông, Leo Szilard, nhà khoa học gốc Hungary đang làm việc ở Mỹ, đã có những quan tâm trực tiếp. Ông này, đặc biệt lo lắng là nước Đức có thể đã nắm kho uranium được công ty của Bỉ, *Union Minière* ở Congo thuộc Bỉ, đã quyết định cảnh báo tổng thống Mỹ về nguy cơ này.

Mặc dù bức thư được Einstein ký tên, nó là công việc hoàn toàn thuộc về Szilard. Trên thực tế, ông này đã viết hai lá thư đều đề ngày 2 tháng Tám, và gửi nó cho Einstein. Einstein đã ký tên và gửi lại, bảo Szilard sử dụng thư nào mà ông ta nghĩ là có tác động hơn.

Szilard đã chọn bức thư được trình bày ở đây. Nhà kinh tế có thế lực, Alexander Sachs, vừa là chỗ quen biết của Szilard vừa là tai mắt của tổng thống, đã đóng vai trò trung gian. Ngày 11 tháng Mười, Sachs đã trao bức thư cho tổng thống, kèm theo thư riêng của ông, phác ra những nguy cơ như ông đã thấy.

Roosevelt đã trả lời thư thật đặc biệt. Ông nói với Sachs, "Alex, điều mà ông theo đuổi là mong rằng Phát xít Đức không tấn công chúng ta". Sachs đã trả lời, "Chính xác". Kết quả là Roosevelt đã thành lập Ủy ban Briggs để quyết định về chương trình hạt nhân của Mỹ trong tương lai.

Sự tiến hành do quân đội đảm trách tỏ ra chậm chạp nên tháng Hai 1940, Einstein đã viết lại để Sachs cảnh báo Tổng thống Roosevelt là mối quan tâm của Đức về uranium có vẻ gia tăng.

Khi nhà Trắng xem chừng không hành động gấp gáp, Einstein lại viết cho Sachs (ngày 25 tháng Tư 1940) để ông này vận động hành lang làm sao tái tổ chức Ủy ban Briggs và quan tâm tới chương trình vũ khí nguyên tử. Thế là đề án Manhattan tiêu tốn hàng nhiều triệu mỹ kim bí mật được quyết định vào năm 1942 quyết chế tạo bom cho bằng được.

Trong khi đó quân Đức đang lúc tiêu hao nhiều về chiến tranh nên đã quyết định không nghiên cứu nữa. Các lý do đưa ra đều mơ hồ, nhưng một thuyết mới đây cho rằng nhà ái quốc nhưng chống lại Phát xít Đức, Werner Heisenberg, đứng đầu nhóm nghiên cứu nguyên tử của Đức, đã khuyên họ rằng

đấy là công trình bất khả thi vì không sẵn tài nguyên. Thế mà trớ trêu ở chỗ, Einstein, một người suốt đời chủ trương hòa bình, lại đơn thương độc mã tán thành việc chế tạo bom nguyên tử chỉ vì sợ Phát xít Đức chế ra trước.

Bản thân Einstein không dự phần vào việc phát triển đề án Manhattan, dù rõ ràng là ông biết tổng quát quy trình của nó.

Ngày 16 tháng Bảy 1945, người ta đã thử thành công quả bom nguyên tử đầu tiên ở New Mexico, và ngày 6 tháng Tám, quả bom nguyên tử đầu tiên được sử dụng trong cuộc chiến ở thành phố Hiroshima của Nhật, giết hại ít nhất 70.000 người và tàn phá thành phố này. Kỷ nguyên phá hủy toàn cầu khả dĩ đã mở màn.

Bản thân Einstein đã phản đối việc sử dụng bom nguyên tử chống lại Nhật Bản, đã lập luận rằng người Nhật sẽ là những người đầu tiên phải chứng kiến năng lực hủy diệt trên hòn đảo bỏ không.

Einstein đã bị hậu thế tố cáo về thái độ luẩn quẩn và mâu thuẫn trong vấn đề bom nguyên tử nhưng vị trí của ông luôn thật rõ ràng. Ông đã khăng khăng lập luận rằng Phát xít Đức là trường hợp ngoại lệ trong nguyên tắc chung về chủ trương hòa bình của ông, và rằng sức mạnh của họ phải được đánh trả bằng sức mạnh.

Còn nữa, nếu có nguy cơ cho rằng Phát xít Đức có thể phát triển vũ khí dựa vào chất sự phân hạt nhân uranium, các nước Đồng minh sẽ triển khai nó trước tiên. Nhưng Einstein cảm nhận rằng

việc mất đi khoảng 130.000 sinh mạng ở Hiroshima và Nagasaki vượt xa cách thức thực dụng của cái gọi là "sức mạnh tối thiểu để đạt được mục tiêu đạo đức như mong muốn." Sau chiến tranh, ông đã tham gia chiến dịch kiểm soát trên nguyên tắc về bom nguyên tử và loại bom kế thừa của nó, bom khinh khí.

Lo lắng về sự hủy diệt hàng loạt toàn cầu do vũ khí mà con người đã tạo ra có thể không kiểm soát được nên mãi đến cuối đời Einstein vẫn mãi lưu tâm. Ông nói, "Khoa học đã gây ra nguy cơ này, nhưng vấn đề đích thực nằm ở quả tim và khối óc của nhân loại."

Tiểu sử

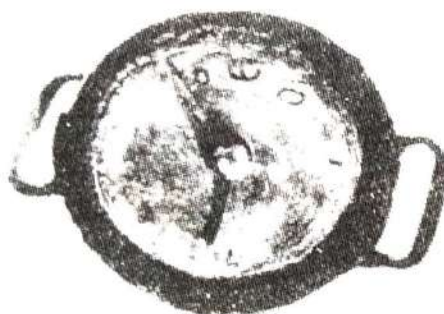
Albert Einstein (1879–1955), nhà vật lý học gốc Đức, đã cách mạng hóa nhận thức của nhân loại về bản tính của vũ trụ. Thuyết tương đối đặc biệt đầu tiên của ông (1905), cho rằng vật chất có thể biến thành năng lượng theo những cách không còn bị nghi ngờ trước đây, sự chuyển động và sự dừng lại là bộ phận của cùng một thực tại, và rằng, không gian và thời gian không thể được coi là tách rời nhau nhưng chỉ là thể hiện của không-thời gian bốn chiều. Trong thuyết tương đối tổng quát của mình, ông đã tinh lọc ý tưởng về trọng lực của Newton–tỉ như việc thừa nhận ánh sáng cũng bị ảnh hưởng bởi trọng lực. Là một người suốt đời chủ trương hòa bình và chủ nghĩa phục quốc Do Thái, ông đã rời Đức khi Đức Quốc Xã lên cầm quyền và đã sống hết đời ở Hoa Kỳ.



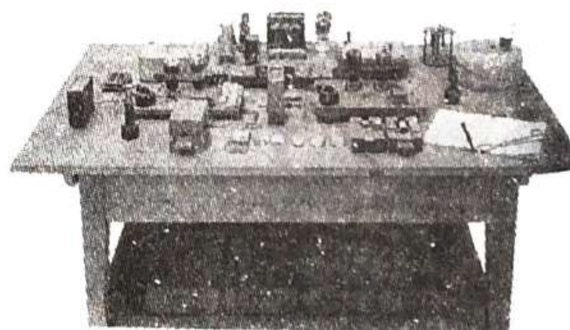
Einstein trở thành công dân Hoa Kỳ tại buổi lễ năm 1940.



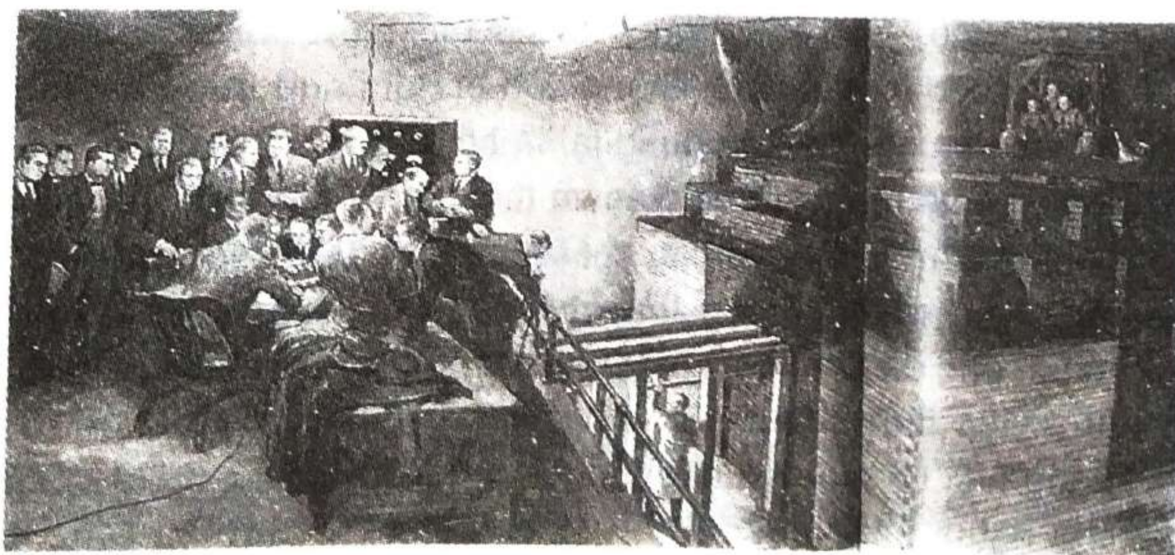
Ảnh màu đầu tiên về vụ nổ nguyên tử được chụp tại cuộc thử nghiệm ở New Mexico năm 1946.



Chiếc đồng hồ của một nạn nhân ở Hiroshima đã vĩnh viễn ngừng chạy lúc 8g15 sáng ngày 6 tháng Tám 1945.



Thiết bị của nhà vật lý Đức, Otto Haln, được dùng để tách nguyên tử năm 1938.



Ngày 2 tháng Mười Hai 1942, các nhà vật lý quan sát phản ứng dây chuyền liên tục đầu tiên ở Đại học Chicago.

THƯ CỦA ALBERT EINSTEIN GỬI FRANKLIN D. ROOSEVELT

Ngày 2 tháng Tám 1939

Trong bốn tháng qua xảy ra điều là người ta có khả năng tạo ra một phản ứng dây chuyền hạt nhân trong một khối uranium lớn, qua đó các lượng năng lượng to lớn cà các khối lượng lớn của các nguyên tố như radium mới được phát ra. Giờ đây, hầu như điều này chắc chắn đạt được trong tương lai gần. Hiện tượng mới này còn có thể dẫn tới việc chế tạo bom, và đây là điều có thể hiểu được–mặc dù còn quá ít chắc chắn–là những quả bom cực mạnh kiểu mới như vậy có thể được chế tạo. Chỉ một quả bom loại này, được tàu vận chuyển hoặc cho nổ ở một cảng nào đó, rất có thể phá hủy toàn bộ cảng cùng vùng xung quanh. Thế nhưng, những quả bom như vậy rõ ràng là quá nặng để vận chuẩn bằng đường hàng không. Nước

Mỹ chỉ có rất ít quặng uranium với số lượng vừa phải. Ở Canada có quặng tốt hơn. Xét trường hợp này, có thể Ngài mong muốn có được sự quan hệ thường xuyên được duy trì giữa chính phủ với nhóm các nhà vật lý đang nghiên cứu về phản ứng dây chuyền ở Mỹ. Tôi biết là nước Đức đã thực sự ngừng việc bán uranium từ các mỏ của cộng hòa Séc mà họ đã chiếm. Việc họ phải hành động sớm hơn có thể được hiểu thực tế là con trai của thứ trưởng ngoại giao Đức, von Weizacker, được nhận vào Viện Kaiser Wilhelm ở Berlin, ở đó hiện có một số người Mỹ đang nghiên cứu trở lại về uranium.

Kính thư.

A. Einstein

ALBERT EINSTEIN TO FRANKLIN D. ROOSEVELT

August 2, 1939

In the course of the last four months it has been made probable that it may become possible to set up a nuclear chain reaction in a large mass of uranium, by which vast amounts of power and large quantities of new radium-like elements would be generated. Now it appears almost certain that this could be achieved in the near future. This new phenomenon would also lead to the construction of bombs, and it is conceivable - though much less certain - that extremely powerful bombs of a new type may thus be constructed. A single bomb of this type, carried by boat or exploded in a port, might very well destroy the whole port together with some of the surrounding territory. However, such bombs may well prove to be too heavy for transportation by air. The United States has

only very poor ores of uranium in moderate quantities. There is some good ore in Canada. In view of this situation, you may think it desirable to have some permanent contact maintained between the Administration and the group of physicists working on chain reactions in America. I understand that Germany has actually stopped the sale of uranium from the Czech mines which she has taken over. That she should have taken such early action might perhaps be understood on the ground that the son of the German under-secretary of state, von Weizacker, is attached to the Kaiser Wilhelm Institut in Berlin, where some of the American work on uranium is now being repeated.

Yours very truly,

A. Einstein

CHÂN DUNG VÀ SỰ BIỆN HỘ

Phần lớn người ta tin rằng họ được dẫn động bởi những động cơ tốt; chỉ ít người tự thấy thực sự là xấu. Thế nhưng, cả đàn ông và đàn bà thường phải tự biện hộ chống lại những kẻ thù tìm cách bôi đen thanh danh của họ. Việc tự biện hộ thẳng thừng nhắm thẳng vào những kẻ tố cáo mình là nét đặc trưng quen được sử sách ghi chép. Đôi khi nó xuất hiện ở dạng tự truyện, có khi theo lối nói hoa mỹ được trình bày nơi diễn đàn công cộng. Thi thoảng, nhất là khi nạn nhân bị tước mất cơ hội bày tỏ công khai, thì việc tự biện hộ này mang hình thức của lá thư được viết cho bạn bè hay người đang ngồi ở ghế phân xử.

Thường những người này được phú cho có sự tự tin đặc biệt, có thể viết theo trí nhớ, và khả năng lập luận của họ thường vượt trên bất kỳ hoàn cảnh bất lợi nào đã đổ vấy lên họ. Chẳng hạn như Marie Antoinette, do sự vô tâm đã góp phần vào cơn cuồng nộ của dân chúng Pháp với triều đại Bourbon, và các kẻ thù của bà đã tố cáo bà về tội loạn luân lố bịch với chính con trai của mình nhằm ghép tội bà phải chết, đã viết bức thư tự biện đầy thương cảm trước khi bị hành quyết vài giờ. Nhưng cho đến phút cuối,

giây phút thống thiết ấy, bà tỏ ra hiểu được ít nhiều về điều đã đưa bà tới tình cảnh như vậy.

Trường hợp của Dante hãnh tiến khước từ việc phóng thích đê hèn để khỏi bị đày ải, chúng ta thấy được cả bức tranh rõ ràng của sự bất công và về sự đánh giá cao toàn diện của người viết về giá trị của ông ta. Đáng lưu ý hơn là trường hợp của một người nhập cư Mỹ ít học, Bartolomeo Vanzetti, người đã sáng suốt nhận thức các thế lực được dàn dựng chống lại mình, đã viết ngắn gọn trước lúc bị hành xử cùng với người đồng hương của mình về những cảm nhận của sự vu cáo và thành kiến.

Không phải mọi bức thư tự biện hộ đều được viết trong những hoàn cảnh cùng cực như vậy, mặc dù nhiều khi phản ánh đúng những bước ngoặt trong sự nghiệp, hay trong chính lịch sử cũng nên. Martin Luther có thể có lúc đã không biết điều này, nhưng bức thư mà ông gửi Giáo hoàng biện hộ những phê phán giáo hội của ông và phản kháng rằng chưa bao giờ ông thách thức chính uy quyền giáo hoàng, đã được xem như việc khai mào cho sự đả kích lớn nhất trong lịch sử về chức giáo hoàng.

Còn Washington, trong buổi trả lời về ý kiến cho rằng ông tái thiết lập chế độ quân chủ, là ông sẽ đưa nước Mỹ dứt khoát hướng tới sự độc lập thực sự.

Cũng có một số thư được viết lúc còn trẻ, hăm hở tìm cơ hội mở đầu sự nghiệp của họ hoặc có được dịp may hằng mong ước. Năm 1745, Hoàng tử Charlie đã nôn nóng viết thư cho cha mình là James, người đang có ý định truyền ngôi cho Stuarts; 140 năm sau,

William Randolph Hearst trẻ trung và đầy tham vọng đã hăng hái trình bày cho cha kế hoạch trở thành ông trùm báo chí theo đúng nghề mà ông đã chọn.

Đương thời và cũng tràn đầy nhiệt huyết như Hearst là Thomas Edison cũng đã tỏ bày với cha mẹ để được các ngài đồng tình, trong khi một thiên tài giàu tưởng tượng ngay từ lúc còn nhỏ, Leonardo da Vinci, đã viết một bức thư rất kính cẩn cho công tước xứ Milan, xác quyết mình có những kỹ năng của một kỹ sư quân đội tài ba cũng như khả năng vẽ của mình. Lá thư của Leonardo là mẫu cổ điển về thể loại còn quen thuộc hơn đối với chúng ta ngày nay: Đơn xin việc đính kèm cẩn thận bản lý lịch theo nhu cầu của ông chủ đầy quyền lực.



DANTE

Sau 14 năm bị lưu đày, Dante hãnh tiến bác bỏ điều kiện đề nghị đê hèn về sự xá tội của ông và nhớ về thành Florence.



Chân dung của Dante lúc chết, được tạo ra khi ông chết ở Ravenna, lúc còn bị lưu đầy.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Thi sĩ vĩ đại nhất trong các thi sĩ của Ý, Dante Alighieri, được người ta nhớ nhất qua hai tác phẩm, *Hài kịch Tuyệt vời* (The divine Comedy) và *Cuộc sống Mới* (The Vita Nuova). Trong *Cuộc sống Mới*, ông đã khai tử tình yêu được lý tưởng hóa của ông đối với người con gái vừa thoạt thấy khi cả hai mới có chín tuổi, Beatrice Portinari. Nàng đã lấy người đàn ông khác và qua đời năm 1290 lúc 24 tuổi. Cả trong đời sống riêng cũng như trong cuộc đời chính trị, Dante đã thấy trước các lý tưởng của ông không được thỏa mãn.

Nước Ý vào cuối thế kỷ XIII bị xâu xé bởi sự tranh giành bè phái giữa Guelfs và Ghibellines. Phái Guelfs là đảng của tầng lớp trung lưu, được giáo hoàng ủng hộ và muốn duy trì Đế chế của Giáo hội biệt lập khỏi nước Ý. Phái Ghibellines, phần lớn là quân nhân và tầng lớp quý tộc triều đình, ủng hộ hoàng đế. Ở quê hương Florence của Dante còn phức tạp hơn nữa: thành phố của đảng Guelf này bị chia thành những đảng viên Guelf Đen hay "thuần" và Trắng hoặc "bất mãn," những người thường về bè với Ghibellines. Dante, người có chân ở một trong những hội đồng của chính phủ dân sự, đã tham gia vào việc ngăn chặn cả hai loại tư tưởng bè phái này.

Khi Charles de Valois, anh của hoàng đế Pháp, can thiệp vào Florence năm 1301 và đưa những người Guelf "trung thành nắm quyền, Dante nằm trong số những kẻ thù lâu đời bị những nhà cai trị mới của thành phố đẩy đi lưu đày. Tháng Giêng 1302, Dante cùng ba kẻ bị lưu đày khác bị quy trách nhiệm tạo loạn chống lại Charles de Valois, giáo hoàng, và nền hòa bình của Florence. Ngày 10 tháng Ba 1302, họ bị kết án *vắng mặt* là bị thiêu sống, nhưng năm 1315 lại có phán quyết là những kẻ bị lưu đày có thể về lại Florence an toàn, chỉ chịu một khoản tiền phạt và chịu dâng đồ cúng. Trong phần trích của lá thư gửi thầy tế vùng Florentine, có lẽ là ông anh rể Teruccio di Manetto Donati của ông, còn Dante, chẳng bao giờ ông trở về, phản kháng đầy khinh miệt điều kiện xá tội.

Tiểu sử

Dante Alighieri (1265-1321), thi sĩ, triết gia, và nhà chính trị của vùng Florentine, con trai của một luật sư ở Florence. Dante kết hôn với Gemma Donati, con gái của một gia đình quý tộc thuộc phái Guelf và có với nhau 7 người con. Do thất thế trong cuộc đấu tranh chính trị phức tạp giữa các bè phái Guelf, năm 1302 Dante bị lưu đày ra Ravenna và ở đó đến năm 1318. Ông được coi là người đã tìm ra thổ âm đặt biệt Tuscan của người Ý; như một ngôn ngữ dành cho văn chương. *Hài kịch Tuyệt vời*, tác phẩm vĩ đại nhất của Dante, đã chiếm gần 20 năm cuối cuộc đời của ông. Chuyện ngụ ngôn về con đường dẫn tới Thiên chúa của Kitô giáo mô tả cuộc hành trình qua Địa ngục và Luyện tội tới Thiên đàng, dành cả ch cá nhân và cộng đồng.



THƯ CỦA DANTE GỬI MỘT NGƯỜI BẠN
Năm 1315

Tôi thật trân trọng và xúc động khi nhận được thư của bạn, và tôi đã tìm hiểu cẩn trọng. Tôi biết (mình) phải biết ơn về việc tôi được gọi về Florence là điều bạn lo lắng và quan tâm, và vì thế tôi càng chịu ơn bạn thêm nữa, vì thật hiếm khi có chuyện một kẻ bị lưu đày tìm thấy bạn bè.

Rồi tôi nắm được nơi bức thư của người cháu của bạn gửi cho tôi (để) nhận ra mình được xá tội, và được phép trở về ngay, với điều kiện (là) tôi trả một món tiền nào đó và chịu nhục dâng đồ cúng-hai đề nghị, (mà) lạy Chúa, thật ra chúng lố bịch và cũng xấu xa-thật xấu xa, mà phải nói rằng, về phần của những người truyền đạt chúng, vì trong lá thư của bạn, nó càng được trình bày một cách dè dặt và thận trọng, chẳng thấy nhắc gì tới những điều kiện ấy.

Lại nữa, đây là sự gọi về bản quán đầy độ lượng dành cho Dante Alighieri,

sau bao bất hạnh của xít xoát 15 năm lưu đày!

Đó là phần thưởng biểu thị sự vô tội cho toàn thế giới, và của mồ hôi cùng lao khổ của sự điều tra liên tục! Không! Lạy Chúa, đây không phải con đường trở về quê hương của tôi.

Nếu còn tìm được điều gì khác, ở chỗ trước tiên do tự bạn và sau đó do những người khác, mà không làm tổn hại uy tín và danh dự của Dante, thì tôi sẽ bước mà không phải ngại ngần. Nhưng nếu không có con đường dẫn vào Florence như thế, tôi sẽ chẳng bao giờ bước vào Florence.

Thế là sao! Chẳng lẽ tôi không thể nhìn lên mặt trời và các tinh tú ở bất cứ đâu sao? Chẳng lẽ tôi không còn chỗ nào dưới gầm trời để chiêm nghiệm các chân lý cao quý hay sao, nếu không nhất thiết (phải) trở về Florence, chịu nhục nhã, cũng như ô nhục, dưới con mắt của đồng bào của tôi sao? Chắc chắn miếng ăn không đánh bại được tôi!

DANTE

DANTE
TO
A FRIEND
1315

From your letter, which I received with due respect and affection, and have diligently studied, I learn with gratitude how my recall to Florence has been the object of your care and concern, and I am the more beholden to you therefore, inasmuch as it rarely happens that an exile finds friends.

I gather, then, from the letter of your nephew and mine I may receive pardon, and be permitted to return forthwith, on condition that I pay a certain sum of money, and submit to the stigma of the oblation–two propositions, my father, which in sooth are as ridiculous as they are ill advised–ill advised, that is to say, on the part of those who have communicated them, for in your letter, which was more discreetly and cautiously formulated, no hint of such conditions was conveyed.

This, then, is the gracious recall of Dante Alighieri to his native city, after the miseries of well-nigh fifteen years of exile!

This is the reward of innocence manifest to all the world, and of the sweat and toil of unremitting study! No! my father, not by this path will I return to my native city.

If some other can be found, in the first place by yourself and thereafter by others, which does not derogate from the fame and honor of Dante, that will tread with no lagging steps. But if by no such path Florence may be entered, then will I enter Florence never.

What ! can I not anywhere gaze upon the face of the sun and stars? Can I not under any sky contemplate the most precious truths, without first returning to Florence, disgraced may dishonored, in the eyes of my fellow citizens? Assuredly bread will not fail me!

DANTE

LEONARDO DA VINCI

Họa sĩ tài năng nhất trong lịch sử của thế giới tìm kiếm công việc như một kỹ sư trong quân đội.



Leonardo da Vinci, người cho rằng Milan có nhu cầu cấp bách cần các kỹ năng của ông như một kỹ sư trong quân đội.



Công tước Milan (được gọi là "il Moro" the Moor, vì nước da năm của ông ta), người đang cần một họa sĩ.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Đầu năm 1482 Leonardo rời Florence, nơi ông đã làm việc và nghiên cứu từ tuổi thanh xuân. Theo lời khuyên của Lorenzo de' Medici, ông tới Milan. Nhà bảo trợ của những họa sĩ thời ấy đã được Lodovico, công tước Milan, hỏi xem có ai đúc được tượng người cưỡi ngựa bằng đồng thau là cha của ông ta, Francesco, người gây dựng triều đại Sforza. Leonardo bị sự nổi tiếng, giàu sang và đại lượng

của Lodovico, người bảo trợ, lãnh chúa của thành phố giàu có nhất ở Ý, thu hút.

Theo sự phán đoán của Leonardo, ngành công trình trong quân đội đang là nhu cầu cấp bách nhất của nhà cầm quyền, của một thành phố tự trị của Ý vào những lúc rối ren thế này, nên ông đã viết thư tự giới thiệu mình với công tước, nhấn mạnh yếu tố tài năng này của ông. Và trong quá trình thể hiện, Lodovico đã nhận ra tài năng của ông. Vị công tước hiểu rằng Milan bị tụt hậu so với Roma và Venice về mặt nghệ thuật, và muốn thay đổi bằng cách thu hút các họa sĩ và các học giả. Thật vậy, khi Lorenzo de' Medici viết để giới thiệu Leonardo, tập trung vào những tài năng của ông là nghệ sĩ đàn lyre và là một ca sĩ, ông đã đạt gần tới đích hơn. Sau đó công tước đã chính thức tuyển dụng Leonardo là một họa sĩ và kỹ sư.

Một số kiến nghị được trình bày trong bức thư của Leonardo hứa hẹn một bước nhảy vọt về công nghệ quân sự. Lodovico không quan tâm tới những tiến bộ như thế, thay vào đó, ông chọn đường lối ngoại giao để đánh bại quân thù. Làm thế là ông đã làm trái các nguyên tắc mà chẳng bao lâu sau được Niccolò Machiavelli chủ trương trong cuốn *Quân Vương* (The Prince), sách chỉ nam nổi tiếng để chiếm và giữ quyền lực. Một thông điệp rõ ràng nổi bật trong số các nguyên tắc của Machiavelli: Nếu bạn muốn hòa bình, hãy chuẩn bị chiến tranh.

Lodovico đã làm suy giảm quyền hành của nhà cầm quyền hợp pháp của Milan, người cháu của ông, Gian Galleazzo, thành một kẻ bù nhìn, nhưng khi người này qua đời năm 1494, những người ủng hộ đã dọa nổi lên chống lại kẻ tiếm quyền. Lodovico

được triệu tới Pháp, nhưng năm năm sau họ cũng chống lại ông ta và nhốt ông trong cũi sắt, trục xuất ông khỏi Pháp. Quân đội Pháp đã dùng mẫu đất sét mà Leonardo đã đắp thành con ngựa để tạc tượng người cưỡi ngựa như đã dự tính vào thực tiễn.

Sự nghiệp của Leonardo nhắc nhớ chúng ta hai bài học quen thuộc: nếu nhu cầu đối với các nhà bảo trợ lớn, nghệ thuật thuộc về tương lai, và tốc độ thành tựu văn hóa tăng nhanh vào những lúc thay đổi mãnh liệt. Sự bảo trợ có thể phát triển trong những điều kiện ổn định; nhưng, như Orson Welles đã vạch ra, "Ở Ý trong 30 năm dưới thời Borgias họ đã tiến hành chiến tranh, khủng bố, giết chóc, đổ máu–họ đã sản sinh ra Michelangelo, Leonardo da Vinci, và thời Phục hưng. Ở Thụy Sĩ người ta yêu thương nhau như anh em, năm trăm năm của nền dân chủ và hòa bình, nhưng họ đã sản sinh cái gì? Chiếc đồng hồ đánh chuông như tiếng chim cu".

Tiểu sử

Leonardo Da Vinci sinh năm 1452 ở Tuscan thuộc tỉnh Vinci, là người thuộc thời Phục hưng. Ông nổi trội là một họa sĩ, kỹ sư, kiến trúc sư, và nhà khoa học. Ông đã vẽ một số bức họa và bản mẫu nổi tiếng nhất từ xưa tới nay: "Mẹ Đồng trinh và Chúa Con cùng Thánh Anna," "Bữa tiệc ly", "Trận chiến ở Anghiari", "Nàng Mona Lisa", "Thánh mẫu". Ông cũng được biết đến như một nhà điêu khắc, phát minh hệ thống dẫn thủy nhập điền ở Lombardy, điều khiển các cuộc rước cung đình và tạo ra một số công trình cao cấp đầu tiên về thủy động lực học, sinh học, vật lý và hàng không. Leonardo qua đời ở Pháp năm 1519, hưởng thọ 67 tuổi.

THƯ CỦA LEONARDO DA VINCI GỬI CÔNG TƯỚC VÙNG MILAN
Năm 1482

Sau khi xem xét và cân nhắc các thử nghiệm của những người tự cho (mình) là những bậc thầy về thuật sáng chế các chiến cụ, nhưng tướng quân nổi tiếng thấy rằng những phát minh của họ không khác gì (so với những thứ) thường sử dụng, tôi được khích lệ, không vì chút thành kiến với ai, hòng tìm cơ hội chứng tỏ chắc chắn với Ngài những bí quyết của tôi.

1. Tôi có thể xây dựng những chiếc cầu rất nhẹ nhưng vững chãi và di chuyển được, nhờ nó để truy kích và đáng bại quân địch và những loại cầu khác kiên cố hơn, kháng lửa hoặc sự đột phá nhưng lại dễ tháo ráp.

2. Trong trường hợp bị bao vây, tôi có thể tháo nước ra hết các chiến hào và bắc cầu cùng những cái thang hàn kín và nhiều phương pháp tương tự khác.

3. Tôi cũng có thể chế súng pháo vừa nhẹ vừa dễ di chuyển, nhờ nó phóng đi những cục đá nhỏ như mưa đá, và khói của nó làm quân thù vô cùng khiếp sợ khiến chúng vừa tổn thất nặng vừa hỗn loạn.

4. Tôi có thể làm những cỗ xe bọc thép để vận chuyển pháo, có khả năng chọc

thủng những phòng tuyến mạnh nhất của địch và mở ra lối an toàn cho bộ binh.

5. Tôi có thể dựng pháo và súng cối cùng quân trang nhẹ vừa đẹp vừa hữu dụng và khác với những gì thường dùng.

6. Ở nơi không thể sử dụng pháo, tôi có thể thay bằng những khẩu phòng không, máy bắn đá, và các phương tiện khác không phải những loại thường dùng. Tóm lại, tùy hoàn cảnh (đòi hỏi), tôi có thể cung cấp nhiều phương tiện tấn công và phòng thủ.

7. Nếu trận đánh diễn ra trên biển tôi có thể tạo ra nhiều cỗ máy phù hợp nhất cho cả việc tấn công lẫn phòng thủ.

8. Trong thời bình, tôi tin rằng tôi có thể làm cho ngài thỏa lòng như bất kỳ ai trong việc xây dựng các công trình kiến trúc, công cộng cũng như tư nhân, và cả việc vận chuyển đường thủy từ nơi này tới nơi khác.

Tôi còn có thể điêu khắc trên đá cẩm thạch, đồng thau và đất sét, tôi cũng có thể vẽ như bất kỳ ai khác, dù họ là ai.

Hơn nữa, tôi sẽ thực hiện việc ngài ủy thác cho là làm con ngựa bằng đồng thau, con ngựa chứa chất vinh quang bất diệt và danh dự vĩnh viễn để tưởng nhớ người cha của ngài và ngôi nhà nổi tiếng của Sforza.

LEONARDO DA VINCI
TO
THE DUKE OF MILAN
1482

Having, most illustrious lord, seen and considered the experiments of those who pose as masters in the art of inventing instruments of war, and found that their inventions differ in no way from those in common use, I am emboldened, without any prejudice to anyone, to seek an appointment for showing your Excellency certain of my secrets.

1. I can construct bridges which are very light and strong and portable, with which to pursue and defeat the enemy; and others more solid, which resist fire or assault yet are easily removed and placed in position.

2. In the case of a siege I can cut off water from the trenches and make pontoons and scaling ladders and other similar contrivances.

3. I can also make a cannon which is light and easy to transport, with which to hurl small stones like hail, and whose smoke causes great terror to the enemy so that they suffer heavy losses and confusion.

4. I can make armored wagons to carry artillery, able to break though the strongest

enemy lines and to open a safe passage for the infantry.

5. I can construct cannon and mortar and light ordnance in shape both ornamental and useful, and different from those in common use.

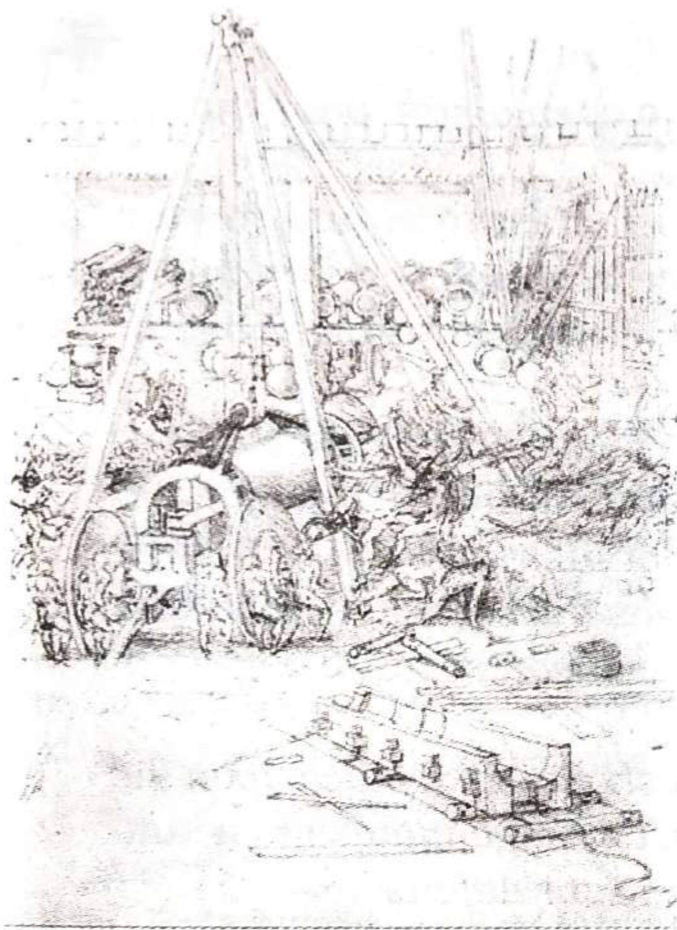
6. Where it is impossible to use cannon, I can supply instead catapults, mangonels, trabocchi and other instruments not in general use. In short, as the occasion demands, I can supply infinite means of attack and defense.

7. If the fight should take place upon the sea I can construct many engines most suitable either for attack or defense.

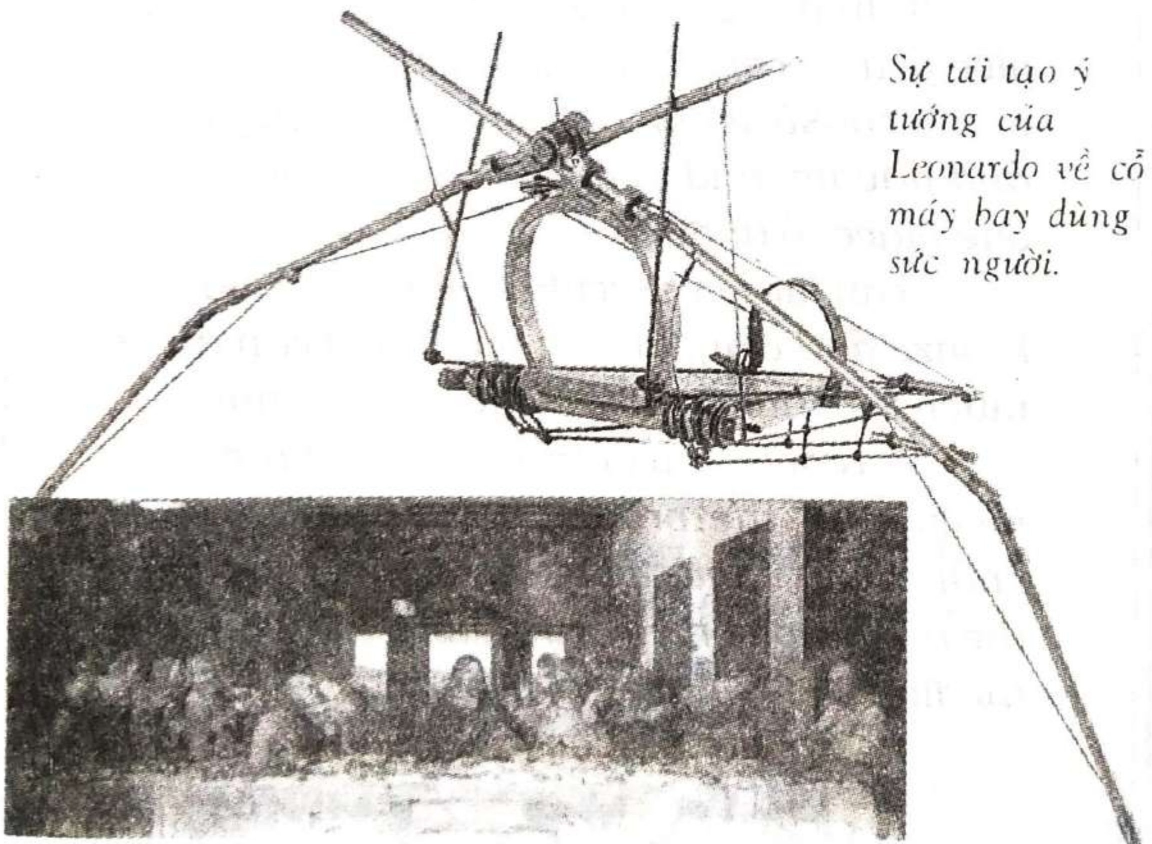
8. In times of peace, I believe that I can give you as complete satisfaction as anyone in the construction of buildings both public and private, and in transporting water from one place to another.

I can further execute sculpture in marble, bronze and clay, also in painting I can do as much as anyone else, whoever he may be.

Moreover, I would undertake the commission of the bronze horse, which shall endue with immortal glory and eternal honor the auspicious memory of your father and of the illustrious house of Sforza.



Bức tượng người cưỡi ngựa Francesco bằng đồng thau của Leonardo được người Pháp biến cải thành khẩu pháo.



Sự tái tạo ý tưởng của Leonardo về cỗ máy bay dùng sức người.

Một trong những dự án mang lại thanh quả trong thời gian Leonardo ở Milan–bích họa "Bữa tiệc ly".

MARTIN LUTHER

Nhà phê bình Giáo hội Công giáo lập luận rằng ông không bao giờ thách thức quyền lực của giáo hoàng.



Martin Luther, người không có ý định cắt đứt quan hệ với Giáo hội Công giáo.



Leo X (Giovanni de' Medici), người đánh giá thấp mối đe dọa của Luther.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Năm 1517, một tu sĩ và là nhà thần học người Đức, Martin Luther, bức xúc trước sự lạm dụng các đặc xá. Ông đã đưa ra một loạt những phản bác về điều này và những thông lệ khác của giáo hội, và đã gửi nó cho giám mục và tổng giám mục. Ông ghim bản danh sách–95 điều nổi tiếng (những chủ đề để bàn cãi) – lên cửa của nhà thờ ở Wittenberg.

Luther chẳng màng tới việc làm cuộc cách mạng; thực tình ông không có ý tưởng là hành động của mình khuấy lên sự chia cách dứt khoát trong giáo hội được hiểu là sự Cải cách.

Việc bán các đặc xá là một thông lệ rộng rãi khắp Giáo hội Công giáo. Do chống đối nó, Luther đã tự chuốc vạ vào mình. Tiền bán đặc xá là để tái thiết tòa thánh Phê rô ở Roma. Những luận điểm của Luther tố cáo tính chất mua chuộc của giáo hoàng, xác quyết rằng giáo hoàng không có quyền xét xử về luyện ngục, và ông đã phủ nhận giá trị của những đặc xá.

Luther không tự coi mình là người dị giáo nhưng là nhà cải cách những lạm dụng từ bên trong giáo hội. Thế nhưng, khi Giáo hoàng Leo X triệu ông về Roma để giải trình về thái độ của ông, Luther từ chối tới, vì sợ bị chết hoặc bị bỏ tù. Ông kêu gọi đại biểu vùng Saxony là Frederick the Wise, can thiệp. Vì đố kỵ với chính uy quyền của mình, Frederick quyết định bảo vệ Luther chống lại Roma. Người ta điều đình với Hồng y Cajetan, vị đại diện của giáo hoàng ở Saxony, để tổ chức chất vấn riêng ở Augsburg.

Ông này cũng chỉ cốt làm sao để Luther rút lại đề nghị của mình. Khi Luther khước từ, vị hồng y mất bình tĩnh và cuộc chất vấn kết thúc trong hỗn loạn.

Sau vụ Augsburg, Luther khó tránh khỏi bị tuyệt giao với Roma, nhưng vì lúc đầu Leo đánh giá thấp mối đe dọa quyền lực của mình từ những xáo trộn ở Đức. Ông ta tin rằng sự xem thường của Luther chẳng qua phát xuất từ sự khó khăn vốn có của

người Đức với giáo quyền; sau cùng, khi Cajetan hỏi ý kiến nghị viện của Augsburg vào năm 1518 về khoản thuế phải tài trợ cho cuộc thập tự chinh mới, nghị viện đã trả lời rằng kẻ thù chính của Kitô giáo không phải là người Hồi giáo mà là "kẻ tàn ác" trong Roma.

Thêm nữa, những cân nhắc chính trị đòi buộc Leo phải thận trọng về các sự kiện ở Saxony. Khi Maximilian, vị hoàng đế Roma ngoan đạo, qua đời năm 1518, khả năng vị hoàng đế kế vị là Hapsburg Charles của Tây Ban Nha, cháu trai của Maximilian, mà sau này là hoàng đế Charles V. Giáo hoàng muốn cản trở việc nắm quyền của Tây Ban Nha ở Ý, vì nó có thể tạo nên sự liên kết quyền lực với Đức, để rồi tạo thành mối đe dọa quốc gia Roma và quê hương Florence của Leo.

Vì lẽ ấy, Leo biểu lộ thái độ mập mờ đặc biệt đối với Luther. Trong bức thư gửi cho George Spalatin, tuyên úy của nghị viện và là bạn thân của Luther ở tòa án Saxony, Leo nói về "sự cứng đầu hống hách của đứa con duy nhất của Satan là tu sĩ Martin Luther... [người] có hơi hướng của kẻ dị giáo rành rành..." Ông lấy làm tiếc sự thiếu suy nghĩ của Luther về những học thuyết sai lầm của ông này, để giờ đây [được] gieo vãi giữa những người nhẹ dạ." Nhưng mùa xuân năm 1519 giáo hoàng chấp nhận chi phí để "người con yêu quý" tới Roma với hy vọng vị linh mục chống đối này sẽ công khai rút lại những ý kiến của mình.

Trò ngoại giao của giáo hoàng đã thất bại trong việc ngăn cản chọn Charles làm hoàng đế. Cùng năm ấy, 1519, sau cuộc tranh luận nổi tiếng ở Leipzig

với John Eck, Luther công khai thách thức giáo hội. Giờ thì ý kiến ủng hộ nghiêng về phía Luther, mà cuốn sách mỏng mang tính phản kháng của ông đã đổ thêm dầu vào cơn giận dữ của toàn nước Đức đối với Roma.

Phần ba của luận thuyết của ông, Luther dành riêng cho giáo hoàng và gửi kèm theo với lá thư này, trong đó ông nhấn mạnh rằng đó là sự thối nát của giáo hội, không riêng gì giáo hoàng, người mà ông muốn thách thức. Dẫu sao, năm 1521, ông bị hoàng đế triệu tới tòa án của giáo hội. Sau lời khước từ việc rút lại những đề nghị, Luther bị tuyên là kẻ sống ngoài vòng pháp luật trên khắp lãnh thổ của hoàng đế. Cùng năm ấy, ngay trước khi Leo qua đời, ông còn thêm vào bản án của Luther là chính thức rút phép thông công của Luther

Tiểu sử

Martin Luther (1483-1546) được đào tạo ở đại học và tu viện Augustinian tại Erfurt, đã sớm bộc lộ là có năng khiếu của một nhà thần học. Sự lên án của Luther về việc bán các đặc xá vào năm 1517 đã đặt ông ta vào cuộc xung đột với giáo hội để rồi bị loại khỏi cộng đồng (vạ tuyệt thông). Ông tiếp tục làm việc và thuyết giảng về cải cách và chẳng còn muốn hoa giải các quan điểm thần học của ông với những quan điểm thần học của giáo triều Roma. Những tác phẩm sau này của Luther đã đi trệch giáo huấn của Công giáo. Nguyên lý của sự cứu rỗi là thông qua ân sủng và sự đúng đắn do lòng tin như ông đã chủ trương, đã trở thành yếu tố chủ yếu trong cơ cấu thần học của Tin lành.

THƯ CỦA MARTIN LUTHER GỬI GIÁO HOÀNG LEO X

Ngày 6 tháng Chín 1518

Tôi đã chú ý thấy rằng tôi bị tố cáo là thiếu suy xét, được coi là lỗi nặng của tôi, trong đó, còn được cho rằng, chẳng kiêng nể gì cả chính ngài.

Mong rằng ngài lắng nghe sau khi tôi tự thanh minh qua lá thư này; và ngài hãy tin là khi tôi nói điều ấy, tôi chẳng bao giờ nghĩ sai về bản thân ngài.

Tôi quả có coi thường quyền giám mục của ngài, triều chính Roma, mà cả ngài cũng như bất kỳ ai khác có thể phủ nhận là nó còn thối nát hơn cả thành Babylon hay Sodom thuở xưa, và theo ý tôi, nó còn biểu hiện sự suy thoái hoàn toàn, sự nanh ác thâm căn và ghê gớm.

Tôi hết sức phẫn nộ về sự thật là những Kitô hữu tốt lành bị danh tính của ngài lừa phỉnh, dưới lốt của giáo hội Roma.

Tôi luôn lấy làm tiếc là Leo ưu tú nhất lại được bầu làm giáo hoàng vào lúc này, mà đáng ra sẽ làm giáo hoàng vào lúc thuận lợi hơn.

Cho đến giờ tôi vẫn chống lại con người của ngài, tôi còn hy vọng tôi có thể giúp gì

được ngài và cứu ngài khi tôi tấn công mạnh và căng lên chốn tù ngục ấy, một thứ địa ngục đúng nghĩa của ngài.

Vì thế, thưa Đức thánh cha, tôi phủ phục trước ngài, cầu mong rằng nếu có thể ngài can thiệp và ngưng (ngay) những kẻ xua nịnh, họ là những kẻ thù của sự an bình trong khi vẫn làm ra vẻ kiến tạo nền hòa bình. Có điều, đừng ai nghĩ rằng tôi sẽ rút lại các ý kiến của mình trừ phi người ấy thích dính líu vào toàn bộ vấn đề trong tình trạng có khi còn rối ren hơn.

Hơn nữa, tôi biết là chẳng có nguyên tắc chắc chắn nào để cắt nghĩa Lời của Thiên chúa (cả), vì Lời của Thiên chúa dạy sự tự do trong mọi vấn đề khác, chứ không bị ràng buộc.

Có lẽ tôi quá tự phụ khi rán chỉ dẫn một con người đáng kính như thế (mà chính ra) từ ông ta mọi người chúng ta phải học tập và từ ông ta các vua chúa quan quyền nhận được (những gì) quyết định cho họ, và cả những tay nguy hiểm khác (cũng thế). Thế nhưng tôi không coi nó là lố bịch nếu giờ đây tôi coi thường chức vụ cao trọng của ngài và làm những gì mà tình huynh đệ đòi buộc.

Cầu xin Đức Giêsu luôn gìn giữ ngài. Amen.

Martin Luther

MARTIN LUTHER
TO
POPE LEO X
September 6, 1518

It has come to my attention that I am accused of great indiscretion, said to be my great fault, in which, it is said, I have not spared even your person.

I beg you to give me a hearing after I have vindicated myself by this letter, and believe me when I say that I have never though ill of you personally.

I have truly despised your see, the Roman Curia, which, however, neither you nor anyone else can deny is more corrupt than any Babylon or Sodom ever was, and which, as far as I can see, is characterized by a completely depraved, hopeless, and notorious godlessness.

I have been thoroughly incensed over the fact that good Christians are mocked in your name and under the cloak of the Roman church.

I have always been sorry, most excellent Leo, that you were made pope in these times, for you are worthy of being pope in better days.

So far have I been from raving against your person that I even hoped I might gain your favor and save you if I should make a strong and stinging assault upon that prison, that veritable hell of yours.

So I come, most blessed father, and, prostrate before you, pray that if possible you intervene and stop those flatterers, who are the enemies of peace while they pretend to keep peace. But let no person imagine that I will recant unless he prefer to involve the whole question in even greater turmoil.

Furthermore, I acknowledge no fixed rules for the interpretation of the Word of God, since the Word of God, which teaches freedom in all other matters, must not be bound.

Perhaps I am presumptuous in trying to instruct so exalted a personage from whom we all should learn and from whom the thrones of judges receive their decisions, as those pestilential fellows of yours boast. But I do not consider it absurd if I now forget your exalted office and do what brotherly love demands.

May the Lord Jesus preserve you forever. Amen.

Martin Luther

ANNE BOLEYN

Người vợ thứ bị cầm tù của Henry VIII kháng nghị sự vô tội của bà và sự hiến dâng trung trinh của mình cho nhà vua.



Anne Boleyn kiến nghị lần cuối với nhà vua để dung thứ "những con người nghèo khổ vô tội."



Henry VIII đã cưới Jane Seymour làm người vợ thứ ba ngay sau ngày Anne bị chém đầu.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Anne Boleyn đã trở thành một trong những người vợ của Henry VIII nước Anh–với giá cao. Henry là người đàn ông có cá tính mạnh, thông minh, và ý chí. Ông thích khiêu vũ, bắn cung, và đi săn,

quan tâm tới đạo giáo, và còn ham mê ăn uống, bài bạc, và đàn bà. Một phụ nữ có học và quyến rũ, Anne đã thấy chị mình là Mary bị nhà vua sử dụng và thải hồi. Anne quyết đòi giá cao nếu ông muốn quan hệ tình dục, nói với Henry, người mà vào năm 1527 đã mụ người đi vì nàng, là nàng sẽ ưng thuận với điều kiện duy nhất là ông bằng lòng cưới nàng.

Cuộc hôn nhân đầu tiên của Henry là với Catherine thành Aragon, người vợ còn trinh khiết của người anh đã chết của ông. Nàng đã không sinh cho ông đứa con trai thừa kế cho triều đại Tudor đầy bấp bênh. Khi Anh thấy Pháp quan trọng hơn Tây Ban Nha (quê hương của Catherine), Henry tìm cách ruồng rẫy lấy lý do là sự loạn luân. Ông đã ruồng rẫy vợ, nhưng chỉ sau khi cắt đứt quan hệ với Giáo hội Roma, thúc đẩy nhanh cuộc Cải cách của Anh.

Cuối cùng, tháng Tám 1532, Henry đã chinh phục được Anne bằng cam kết là sẽ cưới nàng. Đầu năm 1533 Anne đã có thai; một đám cưới bí mật đã được tổ chức ngày 15 tháng Giêng dù chưa chính thức ly dị Catherine. Anne được phong hoàng hậu tháng Sáu năm 1533, nhưng hầu như ngay sau đó mối quan hệ giữa hai người đã xuất hiện những rạn nứt. Vị vua, thường không chung thủy với Catherine, thấy không có lý do gì thay đổi thái độ của mình khi đã thay đổi vợ. Tuy nhiên, Catherine ít chịu phục tùng hơn Catherine và đã lên tiếng phản đối. Henry ngày càng tức giận thói thiếu dễ bảo và chiều chuộng của nàng. Nhưng rồi, thay vì

sinh được một quý tử, ngày 7 tháng Tám 1533, nàng hạ sinh một công nương, và tiếp theo là 3 lần sẩy thai. Ưu thế của nàng suy giảm, còn Henry cảm thấy mệt mỏi vì nàng, bắt đầu xem nàng như đồ bỏ. Hy vọng duy nhất của nàng là phải sinh một quý tử.

Sự báo ứng đã tới với Anne lúc nàng và Henry nghỉ hè ở nhà của gia đình Seymour. Ở đó mắt Henry bắt gặp một Jane Seymour, nữ tỳ của Anne, e ấp và phục tùng. Cũng như bà chủ, Jane chỉ thuận tình quan hệ tình dục với nhà vua với điều kiện phải cưới nàng. Tháng Giêng 1536, Anne hạ sinh một quý tử nhưng lại bị chết ngay khi sinh. Thế là, để được giải thoát khỏi cuộc hôn nhân, Henry chỉ thị cho quan cận thần thứ nhất là Thomas Cromwell tìm cớ để hành hình nàng. Cromwell đã dùng yêu thuật chống lại Anne và bắt gặp nàng ngoại tình với năm người đàn ông trong dòng tộc của nàng. Bằng chứng duy nhất chống lại nàng được một nhạc sĩ khai ra khi bị tra tấn.

Bức thư được trích dẫn ở đây có thể được viết trong mấy ngày đầu tháng Năm 1536 khi Anne khóc lóc và điên cuồng lúc bị nhốt ở pháo đài. The các học giả uyên bác nhất thì bức thư được coi là không đáng tin nếu căn cứ vào chữ viết và văn phong của Anne.

Tháng Năm 1536, khi Tổng giám mục Thomas Cranmer hủy cuộc hôn nhân, Anne bị xét xử và bị chính cậu mình là Công tước xứ Norfolk tuyên án.

Ngày 17 tháng Năm, năm "tình nhân" của Anne bị chém đầu. Riêng Anne thì Henry triệu một đao

phủ từ Pháp để khi chém đầu nàng làm sao chỉ cần chém một nhát thật ngọt. Ngày 19 tháng Năm 1536, nàng bước lên đoạn đầu đài, cam đoan về sự vô tội của mình. Tương truyền rằng khi nàng bước tới đòn kê nàng còn ngoảnh lại những mong một kỵ sĩ của vua phi ngựa tới tuyên bố miễn thi hành án.

Tiểu sử

Anne Boleyn (1504-1536), là vợ thứ hai trong số sáu người vợ của vua Henry VIII. Nàng là con gái của Ngài Thomas Boleyn và Elizabeth Howard, con gái Công tước xứ Norfolk. Sau những tháng năm thơ ấu sống trong cung đình Pháp, năm 1522, nàng trở về Anh. Từ năm 1527 đến 1532, Henry VIII theo đuổi nàng, mà lúc đầu không thành công. Cuối cùng, nhà vua đã phải thuận phong nàng là hoàng hậu, để rồi là câu chuyện "1.000 ngày" nổi tiếng giữa cuộc hôn nhân năm 1533 và cuộc hành hình năm 1536 dựa trên những lời vu cáo. Số mệnh của Anne đã được định đoạt vì không sinh hạ một quý tử để kế vị Henry, nhất là sau khi Giáo hoàng Clement VII phạt vạ tuyệt thông Henry năm 1534.



THƯ CỦA ANNE BOLEYN GỬI HENRY VIII

Tháng Năm 1536

Tâu Bệ hạ, như bệ hạ phán, nếu thiếp khai ra Sự Thật có thể thiếp được vô sự, thiếp sẽ tự nguyện và có bổn phận thực hiện lệnh của người. Nhưng người đừng để mình nghĩ rằng Người Vợ khốn khổ của người buộc phải thừa nhận Lỗi mà ngay cả Tư tưởng cũng không có. Và để nói sự thật, chưa bao giờ Bệ hạ có Người Vợ Trung tín trong mọi bổn phận, và trong Tình yêu chân thật, hơn được, như người tìm thấy nơi Anne Boleyn. Thiếp chưa hề quên mình ở địa vị Hoàng hậu, nhưng thiếp luôn tìm cách Sửa mình kể cả lúc này thiếp vẫn thấy thế; những mong sự Thăng tiến của thiếp sẽ có Cơ sở chắc chắn hơn sự Mường tượng của Bệ hạ, theo thiếp, sự Sửa mình chí ít phải thích hợp và thích đáng để lôi kéo Mường tượng ấy qua một Hạ thần nào khác.

Người thử lòng thiếp chăng thưa Bệ hạ, nhưng xin hãy cho thiếp có được Phiên xử Đúng Luật, và đừng để những Kẻ thù không đội trời chung ngồi ở ghế Công tố và Quan tòa; vâng, hãy để thiếp có một Phiên xử công khai, vì Sự thật của thiếp không hề sợ sự tủi

thẹn công khai.; rồi người sẽ chứng kiến, hoặc sự Vô tội của thiếp được sáng tỏ, sự Nghi nan và Lương tâm của người được thỏa, sự Đớn hèn và sự Vu khống của Thế gian phải im hơi, hoặc Tội của thiếp được tuyên bố công khai. Ngõ hầu bất cứ điều gì mà Thiên chúa hay người quyết định về thiếp, Người không bị ai trách cứ để làm theo Tình cảm đã được ổn thỏa theo Phiên xử ấy, đối với đúng con người của thiếp. Nhưng nếu người đã quyết định về thiếp, và không chỉ Cái Chết của thiếp mà cả sự Vu cáo bỉ ổi để người được thỏa niềm Hạnh phúc mong đợi của người; thì thiếp nguyện Thiên chúa để Ngài tha thứ Tội của người về mặt ấy, và cũng thế, các kẻ thù của thiếp, những Công cụ của cái ấy; và Ngài sẽ không gọi người tới Tòa Phán xét nghiêm khắc vì việc người đối xử với thiếp tàn nhẫn và không xứng một quân vương, trước Tòa Phán xét chung, ở đó cả người và thiếp phải xuất hiện nhanh; và tùy sự Phán xử của Ngài, thiếp không ngờ vực (bất kể Thế gian nghĩ gì về thiếp) sự Vô tội của thiếp sẽ được biết tới công khai, và đủ được sáng tỏ.

Anne Bullen

ANNE BOLEYN TO HENRY VIII

May 1536

Sir, if, as you say, confessing a Truth indeed may procure my safety, I shall with all Willingness and Duty perform your command. But let not your Grace ever imagine that your poor Wife will ever be brought to acknowledge a Fault, where not so much as a Thought thereof proceeded. And to speak a truth, never Prince had Wife more Loyal in all Duty, and in all true Affection, than you have ever found in Anne Boleyn. Neither did I at any time so far forget myself in my received Queenship, but that I always looked for such an Alteration as now I find; for the ground of my Preferment being on no surer foundation than your Grace's Fancy, the least Alteration, I knew, was fit and sufficient to draw that Fancy to some other Subject.

Try me good King, but let me have a Lawful Trial, and let not my sworn Enemies sit as my Accusers and Judges; yea, let me receive an open Trial, for my Truth shall fear no open

shame; then shall you see, either mine Innocency cleared, your Suspicion and Conscience satisfied, the Ignominy and Slander of the world stopped, or my Guilt openly declared. So that whatsoever God or you may determine of me, your Grace may be freed from an open Censure to follow your Affection already settled on that Party, for whose sake I am now as I am. But if you have already determined of me, and that not only my Death, but an infamous Slander must bring you the enjoying of your desired Happiness; then I desire of God, that he will pardon your great Sin therein, and likewise mine Enemies, the Instruments thereof; and that he will not call you to a strict Account for your unprincely and cruel usage of me, at his General Judgment-Seat, where both you and my self must shortly appear, and in whose Judgment, I doubt not (whatsover the World may think of me) mine Innocence shall be openly known, and sufficiently cleared.



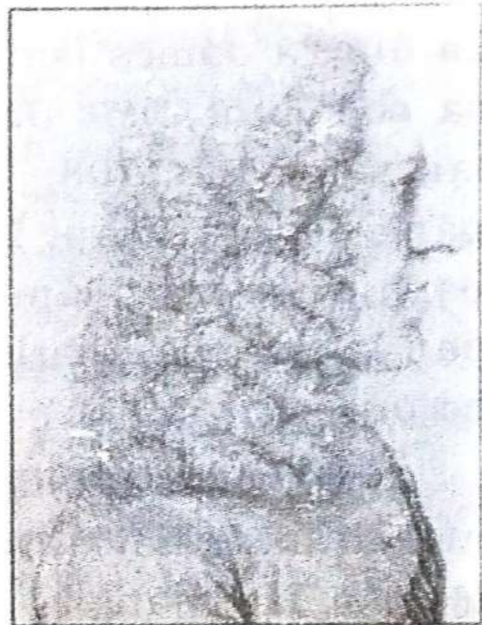
Anne Bullen

BONNIE PRINCE CHARLIE

Hoàng tử bị lưu đày phân trần cùng cha mình vì sao ông sẽ tới Scoland một mình để đấu tranh cho việc trở lại.



Charles Edward Stuart, người Yêu sách Trẻ tuổi, không kiên nhẫn để phục hồi vương quyền của Stuart.



James Stuart, người Yêu sách Cao tuổi, chờ đợi lúc thuận tiện hơn.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Khi Charles Edward Stuart viết thư cho cha vào mùa hè năm 1745, ông đã cao giọng tự phụ chống lại các nguyên lão quá thận trọng. Nhưng cha ông, James Stuart, chứng minh rằng xét cho cùng họ phải thận trọng thôi.

Khi James II (ông nội của Charles) bị trục xuất khỏi nước Anh–do "Cuộc Cách mạng Vẻ vang" của

năm 1688–ông ta và những hầu cận vẫn mang ý nghĩ là với sự giúp đỡ của nước Pháp họ sẽ giành lại cả ba vương quốc Anh, Scotland, và Ái Nhĩ Lan cho hoàng gia của Stuart. Khoảng 67 năm sau, James nhắc lại những lời đe dọa để thiết lập chính phủ ở Anh. James II qua đời năm 1701, nhưng con trai của ông là James (sinh năm 1688) xác nhận ngôi vua của Anh, được Jacobite hỗ trợ các cuộc dấy loạn vào năm 1708, 1715, và 1719 hòng lôi kéo hoàng đế của Pháp, Louis XV, khơi lại những kế hoạch trước kia nhằm xâm chiếm nước Anh. Trích đoạn lá thư của Charles cho thấy sự phản đối của cha ông.

Charles tới Scotland, lập các bè cánh, đánh bại Anh trong hai trận chiến lớn và được gọi bằng biệt hiệu là "hoàng tử duyên dáng." Louis XV đã tái diễn các kế hoạch xâm lăng của ông ta, nhưng do hành động quá chậm, và lúc đó Charles bị đánh bại hoàn toàn trong trận Culloden (tháng Tư 1746). Những trở ngại phục hồi còn lớn hơn Charles đã nghĩ. Nhưng ông lại cho rằng do cha ông đã không nỗ lực đủ để thuyết phục người Pháp gửi tiếp viện. Ông tố giác họ ghen tức và ganh ghét những thành tựu của ông.

Những quan hệ giữa cha và con, luôn không dễ dàng, đã trở nên tồi tệ hơn. Mặc dù ông sống thêm 22 năm nữa, James chẳng bao giờ nhìn lại đứa con. Và Hoàng tử duyên dáng Charlie không bao giờ phục hồi từ nỗi thất vọng do sự thất bại của ông trong cuộc dấy loạn năm 1745.

Tiểu sử

Charles Edward Stuart (1720-1788) sinh ra và lớn lên ở Rome. Ông là cháu nội của vua nước Anh là Jame II, đã xác nhận các ngai vàng cả của Anh, Scotland và Ái Nhĩ Lan theo quyền kế vị cứng nhắc. Sau hai chiến bại ở hai cuộc nổi dậy vào năm 1745-1746, ông đã lang thang khắp các cao nguyên của Scotland với cái đầu đang được treo giá của ông, để cuối cùng phải chạy trốn qua Pháp. Sau đó ông lại lang thang ở châu Âu cho đến năm 1766, và trở về Rome khi cha của ông qua đời. Giáo hoàng khước từ việc thừa nhận ông là "Charles III." Với nỗi chua xót càng lúc càng lớn, Charles đã có một cuộc hôn nhân không có tình yêu và không con, để rồi kết thúc khi vợ ông bỏ đi theo tình nhân năm 1780. Từ đó Charles trở thành kẻ nghiện rượu rồi chết sau đó 8 năm.



Trận Culloden.

THƯ CỦA HOÀNG TỬ DUYÊN DÁNG CHARLIE GỬI JAMES STUART

Ngày 12 tháng Sáu 1745

Tâu bệ hạ, con tin rằng lúc này Bệ hạ ít trông ngóng người đưa tin, và càng ít hơn về con; để nói cho Bệ cha một điều khiến cha hết sức ngỡ ngàng. Con được bạn bè mời tới Scotland; ở đó, họ đang được thuyết phục hoàn toàn (là), con đường duy nhất để đưa cha lên Ngôi vua lại, và phục hồi các quyền tự do của họ. Giả như con không thuyết phục như thế, hoặc không được khích lệ nhiều như con được, con buộc phải, trong danh dự và vì chính tiếng tăm của con, để lao vào các toán quân của bạn bè, và cùng chết với họ. Con không thể nhưng muốn trưng ra câu chuyện ngụ ngôn thế này: con ngựa phải bán đi, nếu đã thúc mà nó không nhảy hay tỏ ra những dấu hiệu sống, chẳng ai cần có nó để làm gì; giống như bạn bè cũng ít quan tâm có con như vậy, nếu sau việc sử dụng như vậy, mà mọi người hiểu như thế, (là) con chẳng tỏ ra rằng con có sức sống. Bệ hạ không thể phản đối việc đứa con theo gương của cha mình. Chính cha đã làm như thế vào năm 1715; nhưng tình hình bây giờ rất khác, nhưng chắc chắn thành công, những sự thể về sự thành công còn quá xa (chưa) giải trình được, nhưng cả khi không thể thuyết phục cha qua thư này, con có lý do nhận về mình để thu xếp mọi thứ, không để cha phải ngờ vực là bất cứ điều gì như vậy đang trù liệu.

Charles P.

BONNIE PRINCE CHARLIE TO JAMES STUART

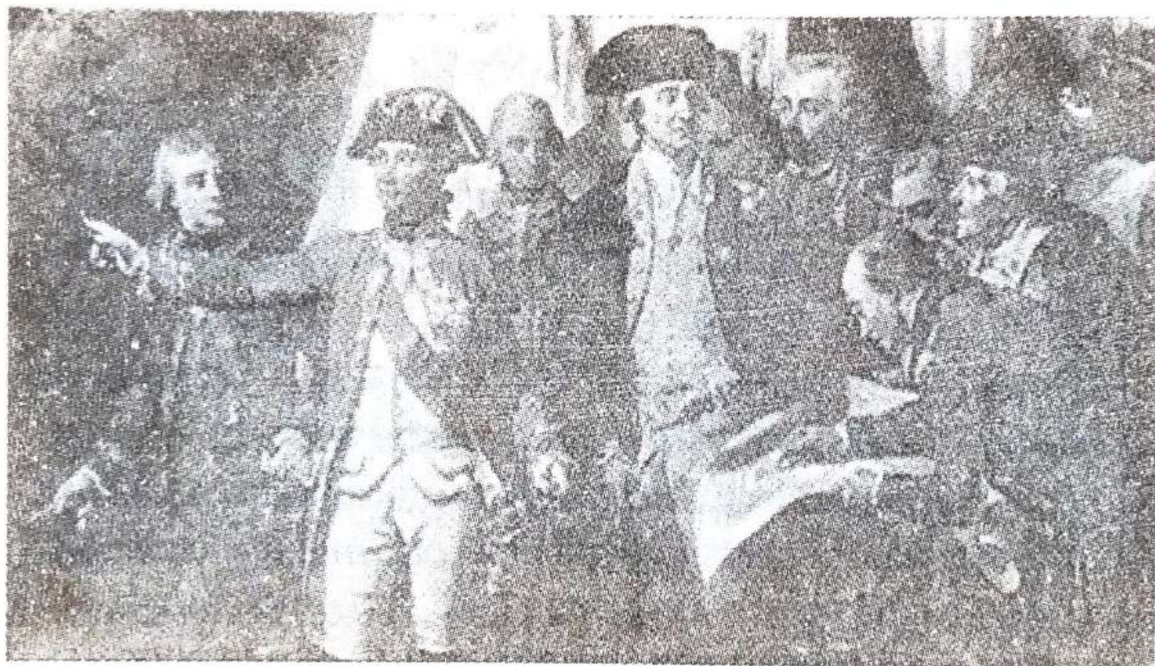
June 12, 1745

Sir, I believe your Majesty little expected a courier at this time, and much less from me; to tell you a thing that will be a great surprise to you. I have been invited by our friends to go to Scotland; this being, they are fully persuaded, the only way of restoring you to the Crown, and them to their liberties. Had I not given my word to do so, or got so many encouragements as I have had, I should have been obliged, in honor and for my own reputation,to have flung myself into the arms of my friends, and die with them. I cannot but mention a parable here which is: a horse that is to be sold, if spurred, does not skip or show some signs of life, nobody would care to have him for nothing; just so my friends would care very little to have me, if after such usage, which all the world is sensible of, I should not show that I have life in me. Your Majesty cannot disapprove a son's following the example of his father. You yourself did like in the year '15; but the circumstances now are indeed very different, there being a certainty of succeeding, the particulars of which would be too long to explain, and even impossible to convine you of by writing, which has been the reason that I have presumed to take upon me the managing of all this, without even letting you suspect that any such thing was brewing.

Charles P.

GEORGE WASHINGTON

Người anh hùng của cuộc cách mạng Mỹ giận dữ phản đối lời đề nghị ông nên gây dựng vương triều cho tân quốc độc lập.



Washington và các sĩ quan của ông ở Yorktown.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Mùa hè năm 1782, Wasington đã trở thành vị anh hùng của toàn nước Mỹ qua việc đánh đuổi quân Anh đã bao vây Yorktown một năm trước, một việc tưởng chừng không làm nổi. Nhưng rồi ông mất bình tĩnh khi nhận được thư của Đại tá

Lewis Nicola ở Pennsylvania đề nghị ông tự xưng vương của 13 thuộc địa cũ. Lúc ấy, phần lớn các quốc gia theo chế độ quân chủ; Nicola nhấn mạnh là mộ nhà nước quân chủ cho nước Mỹ thì có lợi về mặt tài chính hơn nhà nước theo chế độ cộng hòa.

Nicolas chỉ lo là làm sao để quân đội và các sĩ quan được trả lương đầy đủ. Những người Mỹ chiến thắng đang phải đối mặt với sự phá sản; câu nói cửa miệng lúc ấy là đồng tiền phát hành ra "không đáng một xu". Việc trả lương cho quân đội bị chậm trễ đến vài tháng, còn những ai giải ngũ thì không có tiền cũng chẳng tìm đâu ra việc.

Đối với Washington, ông say mê truyền thống chủ nghĩa cộng hòa của Roma cổ đại, vì thế lời đề nghị thành lập chế độ quân chủ là điều lăng nhục.

Lời đề nghị của Nicola cho thấy là có tiếng vang. Cuộc khủng hoảng về tiền lương trong quân đội ngày càng trầm trọng khiến các sĩ quan phải triệu tập cuộc họp vào tháng Ba 1783, Washington đã phải đương đầu để vượt qua.

Câu trả lời thẳng thừng của Washington cho Nicola đã giúp đưa ông lên hàng nhân vật xuất chúng của quốc gia theo chủ nghĩa cộng hòa. Tiểu sử của ông được Mason Weems liên kết Washington với những anh hùng của thế giới cổ đại, xứng đáng là bậc thánh nhân của những nhà ái quốc thế kỷ XIX. Ngược lại, Nathaniel Hawthorne lại chế giễu cuộc khởi nghĩa qua bức tượng về một Washington "của Roma", trần trụi tới thắt lưng trong tấm áo

choàng ngoài. Ông hỏi, "Đã ai từng thấy Washington trần truồng chưa? Thật không thể tưởng tượng được. Ông ta đâu có trần truồng, nhưng tôi mường tượng ông được sinh ra đầy đủ quần áo, tóc được rắc phấn, và trang nghiêm cúi chào thế giới này ngay".

Tiểu sử

George Washington (1732-1799) sinh ra trong một gia đình địa chủ giàu có ở Virginian. Ông là đại biểu của Virginia trong Quốc hội Thuộc địa năm 1775, rồi cầm quân trong chiến dịch 6 năm chống lại sự cai trị của người Anh. Ông đã thất trận ở Brandywine và Germantown, nhưng lại thắng thế ở Trenton và Princeton, tập hợp quân đội vào lúc đen tối nhất–mùa đông năm 1777-1778 ở Valley Forge. Sau thất bại cuối cùng của quân Anh, ông được mọi người nhất trí chọn là chủ tịch Hội đồng Lập hiến năm 1787 và được bầu làm tổng thống đầu tiên của Mỹ trong hai nhiệm kỳ mà không bị ai phản đối.

THƯ CỦA GEORGE WASHINGTON GỬI ĐẠI TÁ NICOLA

Ngày 22 tháng Năm 1782

Thưa Ngài,

Với tâm trạng vừa sững sốt vừa ngỡ ngàng, tôi đã đọc kỹ quan điểm mà ngài gợi lên để tôi xem xét. Thưa Ngài, phải nói thật là chưa có sự kiện nào trong trong thời kỳ chiến tranh làm tôi đau lòng hơn thông tin là có những ý tưởng như vậy hiện diện trong quân đội như ngài đã mô tả. Tôi cảm thấy ghê sợ, và nghiêm khắc khiển trách. Hiện tại tôi giữ trong lòng mình thông tin này, nếu chưa có thêm sự thảo luận thêm về vấn đề này xem có cần phơi bày ra không.

Tôi rất lúng túng khi tưởng tượng đâu là phần (trách nhiệm) lãnh đạo của tôi đã khuyến khích (ngài) viết cho tôi vấn đề xem chừng thật nghiêm trọng với những trò ác hại ghê gớm

nhất có thể xảy ra cho đất nước của chúng ta. Nếu tôi không bị đánh lừa để nhận ra chính mình, ngài không thể tìm thấy một con người khó chịu với các mưu đồ của ngài (hơn tôi)–đồng thời tôi phải thực tâm thêm rằng, là chưa có ai lại mong muốn chân thành hơn tôi để thấy sự công bằng nhiều hơn cho quân đội, và trong phạm vi quyền hành và ảnh hưởng của tôi, theo hiến pháp, có thể mở rộng, tôi sẽ dùng hết khả năng của mình để thực hiện nó, dù tình hình thế nào. Tôi xin trịnh trọng đề nghị ngài–nếu ngài còn quan tâm đến đất nước của mình, có liên quan tới chính ngài và hậu thế, hoặc vì tôn trọng tôi–để xua đuổi những suy nghĩ ấy khỏi đầu óc của mình, và đừng bao giờ truyền đạt, dù là từ ngài, hay bất kỳ ai khác, ý nghĩ về thứ như vậy.

G. Washington

GEORGE WASHINGTON
TO
COLONEL NICOLA
May 22, 1782

Sir,

With a mixture of great surprise and astonishment I have read with attention the sentiments you have submitted to my perusal. Be assured, Sir, no occurrence in the course of the War has given me more painful sensations than your information of there being such ideas existing in the Army as you have expressed, and I must view with abhorrence, and reprehend with severity. For the present, the communication of them will rest in my own bosom, unless some further agitation of the matter shall make a disclosure necessary.

I am much at a loss to conceive what part of my conduct could have given encouragement to an address

which to me seems big with the greatest mischiefs that can befall my Country. If I am not deceived in the knowledge of myself, you could not have found a person to whom your schemes are more disagreeable – at the same time in justice to my own feeling I must add, that no man possesses a more sincere wish to see ample justice done to the Army than I do, and as far as my powers and influence, in a constitutional way, may extend, they shall be employed to the utmost of my abilities to effect it, should there be any occasion. Let me conjure you then – if you have any regard for your Country, concern for yourself or posterity, or respect for me – to banish these thoughts from your mind, and never communicate, as from yourself, or anyone else, a sentiment of the like nature.

G. Washington

MARIE ANTOINETTE

Hoàng hậu bị kết án của nước Pháp viết lời vĩnh biệt dịu dàng cho người chị dâu của mình chỉ vài giờ trước khi bị đưa lên máy chém.



Chân dung Marie Antoinette chưa vẽ xong của Alexandre Kucharski (1741-1819)



Elizabeth, chị của Louis XVI, đã bị bắt cùng với hoàng gia, bà bị chém năm 1794.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Cuộc Cách mạng Pháp đang xảy tới vào năm 1789, thế mà nhiều người trong hoàng gia Pháp không hay biết, và không ai hiểu những tư tưởng mới và thời buổi hỗn loạn ít hơn hoàng hậu của Louis XVI, Marie Antoinette.

Bà đã làm cho dân chúng phẫn nộ vì tính phù phiếm của bà. Bà âm mưu với Áo chống lại nước Pháp và thuyết phục Louis nhu nhược cải trang để trốn khỏi Paris. Khi bị phát hiện, âm mưu này đã làm triều đình bị tai tiếng. Tháng Giêng 1793, nhà vua bị hành hình.

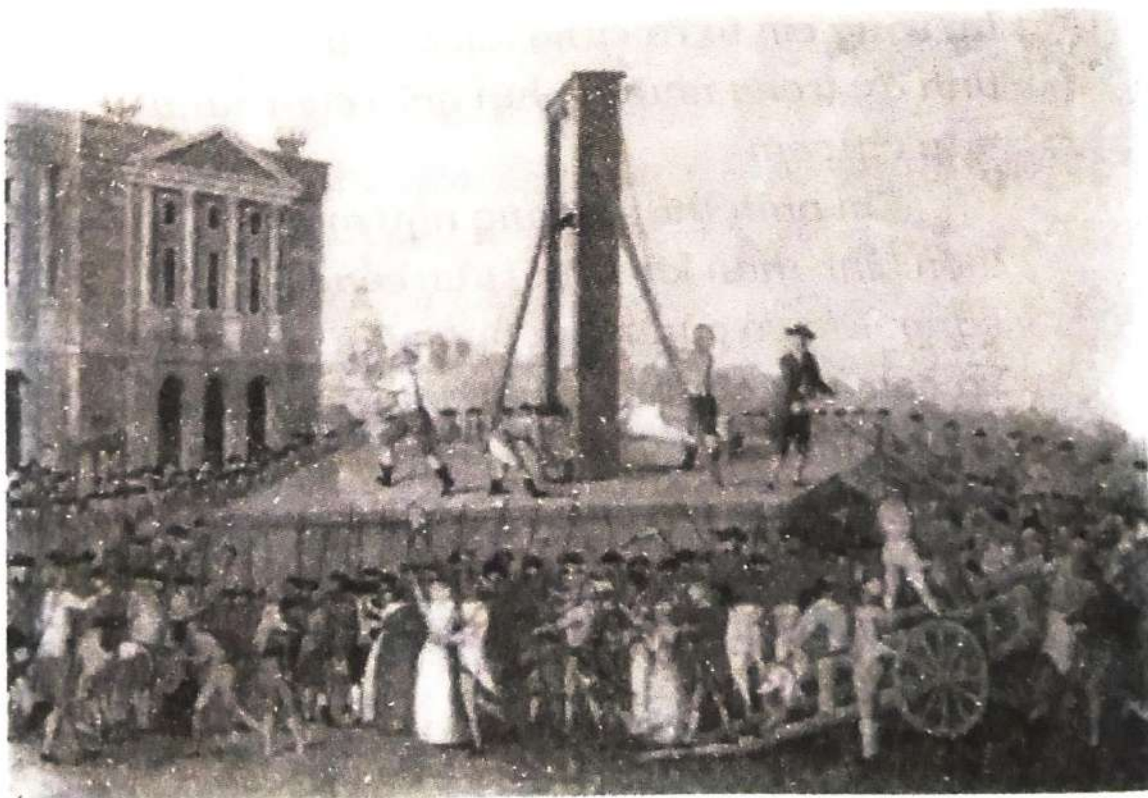
Trong phiên tòa xét xử Marie Antoinette, những người cách mạng đã có chứng cứ vững về mưu phản của bà với nước Áo, nhưng điều này đã bị che giấu trong một loạt những lời tố cáo giả, được cho là làm mất thanh danh triều đình.

Hoàng hậu còn bị kết án về sự vô luân, kể cả sự đồi bại tình dục của con trai của bà là Louis Charles. Khi bà đã thú nhận tội, tòa tuyên án xử chém bà.

Giữa sự đau buồn và lời khuyên chống lại sự trả thù, trung tâm của lá thư từ biệt của Marie Antoinette là lời xin lỗi về các hành vi của đứa con trai của bà. Trái với việc kết tội bà là đồi bại, rõ ràng xét về mặt tình dục, bà là con người mộc mạc và nhút nhát; Louis đã không còn quan hệ tình dục với bà đã bảy năm. Nhưng Marie Antoinette biết rằng sở dĩ bà bị kết tội như vậy là do sự thú nhận không căn cứ của con trai bà, và như vậy việc kết tội bà chắc chắn hơn bất kỳ chứng cứ cho rằng bà đã âm mưu với người ngoài chống lại cuộc cách mạng.

Tiểu sử

Marie Antoinette Josèphe Jeanne (1755- 93), hoàng hậu của nước Pháp, là con gái của Marie Theresa và Vua Francis I của Áo. Bà đã kết hôn với hoàng thái tử (sau này là vua Louis XVI) vào năm 1770 và trở thành hoàng hậu năm 1774. Bà khoét sâu sự bất bình của dân chúng vì cả việc bà hết lòng với quyền lợi của nước Áo và chống lại những cải cách tài chính. Những nỗi thống khổ của nước Pháp gắn chặt với sự dính dáng và ăn tiêu phung phí của bà. Là một người phụ nữ đặc biệt khi cuộc Cách mạng Pháp nổ ra vào năm 1789, bà đã phức hợp hoàn cảnh của bà bằng những cuộc điều đình phản nghịch với Áo, nhưng Marie Antoinette đã mạnh dạn và chững chạc bước lên đoạn đầu đài, điều khiến những người gièm pha bà phải tức điên lên.



Marie Antoinette đang được điệu tới máy chém.

THƯ CỦA MARIE ANTOINETTE GỬI BÀ ELIZABETH

Ngày 16 tháng Mười 1793

Ngày 16 tháng Mười 1793
4 giờ 30 phút sáng
Chị của em,

Em viết cho chị vào chính giây phút cuối: Em đã bị kết án tử hình, cái chết chẳng đáng hổ thẹn chút nào–vì một cái chết nhục nhã là số phận dành cho các tội nhân–còn em đang trên đường gặp em trai của chị thêm một lần nữa. Em hy vọng em tỏ ra cũng ngoan cường như anh ấy trong những phút giây cuối cùng này của em.

Em bình thản, giống như một người luôn bình thản khi lương tâm của họ trong sáng. Em vô cùng đau buồn khi phải rời xa con cái: chị biết rằng em sống chỉ vì chúng, cũng như vì chị, người chị thân yêu và dịu dàng của em, người mà qua tình hữu nghị đã cho em mọi thứ.

Chúng ta có thể tìm thấy ở đâu tình

thương yêu nhiều hơn trong lòng gia đình của chúng ta? Có lẽ con trai của em chẳng bao giờ quên được những lời lúc sắp chết của cha nó, những điều em đã nhắc lại rõ ràng cho nó: "Đừng bao giờ tìm cách trả thù cái chết của cha mẹ."

Em đã bộc bạch với chị những điều nặng trĩu trong trái tim em. Chị yêu quý, em biết cậu bé đã gây cho chị bao buồn phiền; nhưng chị hiểu cho tuổi trẻ của nó. Việc nói với một đứa trẻ thật dễ, nhưng khó ở chỗ (làm thế nào để) nó hiểu chị. Em tin sẽ có một ngày, khi nó cảm nhận tình yêu của trị là điều giá trị duy nhất cho cả hai chúng nó.

Vĩnh biệt chị quý mến và tốt bụng của em; mong sao thư này tới tay chị! Hãy luôn nghĩ đến em; em ôm hôn chị bằng cả trái tin của em, chị và các con thân yêu đáng thương của em–Chúa ơi, thật là nỗi đau phân ly khi phải xa chúng mãi mãi! Vĩnh biệt, vĩnh biệt! Giờ đây em phải từ bỏ cuộc sống để sửa soạn linh hồn của em.

MARIE ANTOINETTE

Marie Antoinette
to
Madame Elizabeth
October 16, 1793

October 16, 1793
4:30 in the morning
My sister

I am writing to you for the very last time: I have just been condemned to a death that is in no way shameful–since a shameful death is a fate reserved for criminals–but I am going on a journey to meet your brother once again. I hope I will show the same fortitude as he in my last moments.

I am calm, as one always is when one's conscience is clear. I am deeply saddened to abandon my children: you know that I have lived for them alone, as well as for you, my dear and gentle sister, who through your friendship have given everything to be with me.

Where can we find more affection than in the bosom of our families? May my son never forget the dying words of his farther, which I have expressly repeated to him: "Never seek to avenge our death."

I have told you things that weigh heavily on my heart. I know how much trouble this boy must cause you: forgive him, my dear sister, remember his youth and how easy it is to speak to a child, yet how hart it is for him to understand you. The day will come, I trust, when he will feel only the worth of your love for the two of them.

Farewell, my good and dear sister, may this letter find its way to you! Think always of me; I embrace you with all my heart, you and my poor, dear children– my God, it is heart- wrenching to leave them for ever! Farewell, farewell! I will now give myself up to my spiritual preparation.

MARIE ANTOINETTE

THOMAS ALVA EDISON

Nhà phát minh thành đạt gửi tin tức cho cha mẹ về sự nghiệp đang tấn tới của ông ở New Jersey.



Thomas Edison, người đã định nghĩa thiên tài là "một phần trăm là cảm hứng, chín mươi chín phần trăm là mồ hôi."

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Thomas Edison, người con thứ bảy và là con út của gia đình, bị hư là do người mẹ nhưng hung hăng là do người cha. Ông chỉ được học hành chính thức có ba tháng: lúc bảy tuổi, khi những câu hỏi liên miên của Thomas khiến ông thầy phải gán cho cái tên là "thằng quẩn," và mẹ ông đành cho ông nghỉ để dạy riêng ở nhà. Cha của Thomas–người

không hiểu tài năng của con trai và cũng không nhận ra thiên tư sáng tạo mà rồi đây sẽ đưa ông giành kỷ lục của thế giới với 1.093 bằng sáng chế– nên đã ít quan tâm đến việc bồi dưỡng đầu óc tọc mạch của ông.

Năm 16 tuổi, Thomas đã là người điều hành máy điện báo đầy kinh nghiệm và chẳng bao lâu sau đã có xưởng thực nghiệm riêng ở Boston. Phát minh đầu tiên của ông, được cấp bằg sáng chế năm 1868, là máy ghi số phiếu bầu. Nó đã dạy ông quy luật khắc nghiệt của tiền bạc khi máy không tìm được thị trường. Mạo hiểm tiếp theo của ông có lợi hơn. Với hai đối tác kinh doanh, ông triển khai kiểu máy điện báo in tinh vi đầu tiên, được gọi là máy điện báo kiểm tra nhờ tiếng động nó phát ra. Ông và các đối tác kiếm được cả thảy 5.000 mỹ kim.

Năm sau, khi làm việc cho tướng Marshall Lefferts, chủ tịch Công ty Vàng và máy Điện báo Kiểm tra, ông đã sáng chế một máy điện báo kiểm tra còn phức tạp hơn và khi được hỏi thù lao của phát minh này, Edison tính lấy khoảng 5.000 mỹ kim nhưng lại sợ ông ta cho là tham lam nên để tùy ông ta cho bao nhiêu thì cho. Khi Lefferts trả cho Edison 40.000 mỹ kim, ông đã hết sức sững sờ.

Với số tiền lớn như vậy, Edison có thể thiết lập phòng thí nghiệm và một cơ xưởng nhỏ để chế máy điện báo kiểm tra.

Mặc dù đã dốc gần hết khoản tiền lớn vào công việc nhưng ông tin tưởng vào viễn cảnh tương lai.

Tiểu sử

Thomas Edison (1847-1931) sinh ra ở Milan, bang Ohio. Năm 12 tuổi, ông bán báo ở khu vực đường xe lửa và đã bắt đầu các thí nghiệm về hóa học. Một trưởng ga đã dạy về điện báo; Edison làm việc để phát minh máy lắp đặt tín hiệu tự động để truyền thông tin bằng dây mà không cần người trực tổng đài. Đầu thập niên 1870, ông đã cải tiến nhanh máy điện báo hai chiều và máy điện báo in. Đặt cơ sở ở New Jersey, càng lúc ông càng phát minh ra nhiều, bao gồm hệ thống thiết bị phát thu bốn và sáu tín hiệu, bóng đèn điện, mày hát dĩa, máy quay phim, và bình ắc quy, tự bản thân ông đã chứng minh là một trong những nhà phát minh vĩ đại nhất của lịch sử.

THƯ CỦA THOMAS ALVA EDISON GỬI CHA MẸ

Ngày 30 tháng Mười 1870

Newark, N.J., ngày 30 tháng Mười 1870

Cha mẹ kính yêu,

Sao cha mẹ không viết thư để cho con biết tin – cha mẹ nói trong bức thư trước là cha mẹ đã may mắn mua được khu đất rất hời – nếu cha mẹ thích nó, hãy tả nó cho con, và lý do cha mẹ cho rằng nó có giá. Con có thể gửi tiền để cha mẹ mua nó. Mẹ con dạo này thế nào rồi. Thư rồi cha nói là mẹ con khỏe mạnh. Hiện con đã có thể gửi cho cha mẹ ít tiền, vậy cha viết cho con biết là cần bao nhiêu. Mùa đông này con có thể ở nhà. Con chưa thể nói chính xác là khi nào con sẽ có một cơ ngơi lớn để theo đuổi. Hiện con có một cửa hàng sử dụng 18 nhân viên và dự trù mở thêm một cái nữa với 150 người – giờ con đã là người mà Democrats gọi là "nhà sản xuất công nghiệp sáng giá của phương đông." Buchanans vẫn sống ở Cảng Huron, còn Carrie đã kết hôn chưa?

Cho con gửi lời thăm hỏi mọi người.

Con trai của cha mẹ.

Thomas A

THOMAS ALVA EDISON
TO
HIS PARENTS
October 30, 1870

Newark, N.J., Oct. 30 1870

Dear Father and Mother,

Why don't you write to me and tell me the news - you spoke in your last letter that you had a good chance to buy a good piece of property very cheap - if you have your eye on it still, write me describing it, and why you think it valuable. I can send you the money for it. How is mother getting along. You wrote last time she was getting along nicely. I am in a position now to let you have some cash, so you can write and say how much. I may be home sometime this winter. Can't say when exactly for I have a large amount of business to attend to. I have one shop which employs 18 men and am fitting up another which will employ over 150 men - I am now what "you" Democrats call a "Bloated Eastern Manufacturer." Do the Buchanans still live in port Huron, and is Carrie married yet?

Give my love to all

Your son

Thomas A

WILLIAM RANDOLPH HEARST

Chàng sinh viên đại học Harvard cố thuyết phục cha để cho anh cải cách tờ Người Quan sát San Francisco.



William Randolph Hearst, người có sức lôi cuốn trong giới báo chí, đã nổi tiếng vì "không bao giờ để các sự kiện cản trở một việc tốt."



Goerge Hearst, người đã tích góp được hàng triệu mỹ kim từ việc chăn nuôi và khai thác mỏ, là thượng nghị sĩ , đại biểu của bang California, từ năm 1886 đến 1891.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Năm 1885, chàng sinh viên 22 tuổi của đại học Harvard đã viết thư cho cha xin vào làm việc cho tòa soạn báo *Người Quan sát San Francisco.* Khi đảm đương mục *Đả kích* của Havard, Will Hearst đã xoay chuyển tờ báo đang xuống dốc đi lên; và qua đó ông đã trở thành nổi tiếng nhờ nghề làm báo.

Tờ *Người Quan sát*, được Hearst cha mua lại năm 1880, là tờ báo tồi tệ nhất ở San Francisco. Số

phát hành thấp, các trang quảng cáo nghèo nàn, và tòa soạn nghèo nàn; nó còn càng lúc càng thâm thủng. George Hearst lưỡng lự tin tưởng ông (người mới vào nghề) là điều đương nhiên. Nhưng bà mẹ đứng ra bảo đảm với một điều kiện là ông không được cưới Eleanor Calhoun "không tương xứng". Will đồng ý nhưng chẳng bao giờ quên sự ngả giá ấy của bà mẹ.

Will thử thuyết phục chủ bút tờ *Điểm báo New York*, Ballard Smith, nhận làm chủ bút tờ *Người Quan sát*. Smith từ chối và khuyên Hearst hãy tự xoay sở. Ông đã làm, và khởi sự ngay.

Có lẽ chẳng có gì minh họa rõ hơn quan điểm đóng góp vào sự nổi tiếng của tờ báo hơn là bức điện ông tính gửi cho một họa sĩ khi thử tranh thủ sự hỗ trợ của công chúng về cuộc chiến Tây Ban Nha-Mỹ năm 1898: "Ông cứ việc bài trí các bức hình, còn tôi sẽ bài trí cuộc chiến."

Tiểu sử

William Randolph Hearst (1863-1951) chính là mẫu nhà tư bản của cuối thế kỷ XIX. Ông thừa hưởng hàng triệu mỹ kim và kiếm ra thêm hàng triệu mỹ kim nữa. Làm chủ tờ *Người Quan sát San Francisco* từ năm 1887, ông đã tiếp quản luôn tờ *New York Thời báo* năm 1895 và tăng số phát hành lên gấp ba lần. Ông tiếp tục sở hữu trên 40 tờ báo và tạp chí. Các nhà chính trị và công nghiệp phải run sợ trước những gì ông nói ra; nhưng vào cuối đời, sau khi vực dậy *Người Quan sát*, ông đã nói, "dường như chẳng có gì là quan trọng cả".

THƯ CỦA WILLIAM RANDOLPH HEARST GỬI GEORGE HEARST

Năm 1885

Con bắt đầu ưa thích đến kỳ lạ tờ báo nhỏ của chúng ta – một tình cảm giống như tình cảm người mẹ cảm thông đứa con yếu đuối hoặc tàn tật. Con (rất) ghét nhìn thấy nó chết đi sau khi đã chiến đấu lâu dài và hào hiệp đến thế để tồn tại. Thật lòng mà nói, có lúc con cảm thấy yếu đuối như hầu hết những người đàn ông–con phải nhủ mình là con có thể điều hành tờ báo thành công.

Giờ, nếu cha để con điều hành tờ Người Quan sát – với số tiền đủ để thực hiện kế hoạch của con – con sẽ trình bày cho cha biết những gì con dự định thực hiện. Trước tiên, con sẽ thay đổi bộ mặt chung của tờ báo và tạo vài mục rộng rãi thay vì chín mục nhỏ hẹp mà chúng ta đang có. Sau đó con sẽ nới rộng khoảng cách, hai thay đổi đó sẽ giúp các trang báo sáng sủa và trang nhã hơn. Tạo cho tờ báo độc đáo bao nhiêu có thể là điều cần. Chỉ cắt xén khi thật cần thiết. Chỉ nên theo gương một số báo hàng đầu như tờ Thế giới New York, tờ báo rõ

ràng là tốt nhất mà tờ Người Quan sát phải noi theo – nó hấp dẫn độc giả và sự thành công dựa trên tính tổ chức, tiềm năng và tính độc đáo đặc biệt, chứ không dựa trên sự sáng suốt của các quan điểm chính trị, cũng chẳng phải các bài xã luận thuộc loại cao siêu.

Để đạt được điều này chúng ta phải có – giống như tờ Thế giới – những người trẻ năng động, thông minh, và đầy nghị lực. Chúng ta phải có người vượt khỏi phía Tây với bầu nhiệt huyết của tuổi trẻ đầy triển vọng vì mục đích tạo thời cơ cho chính họ, nó không phải lớp váng vô giá trị được những cơn lốc thất bại liên tục đưa tới.

Một chi tiết quan trọng rành rành là chúng ta (phải) thật sự hoặc rõ ràng thiết lập được mối quan hệ nào đó giữa chúng ta và tờ Thế giới New York, nhằm giành được uy tín chắc chắn trong việc tạo ra mối quan hệ với tờ báo đó.

Và đây là đề nghị quan trọng nhất – tất cả những thay đổi này không nên tiến hành từ từ, mà tiến hành ngay để sự cải tiến, cải thiện này (phải) được thấy rõ ràng, đáng chú ý, thu hút được sự quan tâm và góp ý khắp nơi.

WILL

WILLIAM RANDOLPH HEARST TO GEORGE HEARST

1885

I have begun to have a strange fondness for our little paper – a tenderness like unto that which a mother feels for a puny or deformed offspring. I should hate to see it die after it has battled so long and so nobly for it existence. To tell the truth, I am possessed of the weakness which at some time or other besets most men– I am convinced I can run a paper successfully.

Now if you will let me take over the Examiner – with enough money to carry out my scheme – I will tell you what I will do. In the first place I would change the general appearance of the paper and make several wide columns where we now have nine narrow ones. Then I would have the type spaced more, and these tow changes would give the pages a cleaner and neater appearance. It would be well to make the paper as far as possible original. Clip only when absolutely necessary. Imitate only some leading journal like the New York World which is undoubtedly the best paper of that class to which be Examiner should belong – the class which appeals to the people

and which depends for its success upon enterprise, energy and a certain startling originality, and not upon the wisdom of its political opinions, nor the lofty style of its editorials.

To accomplish this we must have – as the World has – active, intelligent and energetic young men. We must have men who come out West in the hopeful buoyancy of youth for the purpose of making their fortune, and not a worthless scum that have been carried there by the eddies of repeated failures.

Another detail of unquestionable importance is that we actually or apparently establish some connection between ourselves and the New York World, and obtain a certain prestige in bearing some relation to that paper.

And now is the most importance suggestion–all these changes should not be made by degrees, but at once so that the improvement will be very marked and noticeable and will attract universal attention and comment.

WILL

VIRGINIA STEPHEN

Với sự trung thực rất ấn tượng, nhà văn trẻ trung, xinh đẹp, và tài năng trả lời lời cầu hôn của người chồng tương lai.



Virginia Stephen Woolf, nhà cải cách tiểu thuyết hiện đại, được giáo dục tại gia đình.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Virginia Stephen và chị của nàng, Vanessa, được Leonard Woolf mô tả là "những phụ nữ trẻ đẹp lạ lùng... khiến hầu như đàn ông khó cưỡng nổi." Bản thân Leonard đã bị Virginia lôi cuốn suốt thời gian dài khi ở London vào năm 1911, sau bảy năm làm công chức ở Ceylon (giờ là Sri Lanka).

Lúc cha nàng qua đời năm 1904, Virginia đã rời thế giới trung lưu giàu có của gia đình ở Kensington phẳng lặng vùng London để sống và viết tại Bloomsbury vui nhộn. Leonard và Virginia nhanh chóng kết thân với nhau. Sau lần cầu hôn đầu, tháng Giêng 1912, Leonard xin thôi làm công chức để khỏi phải về lại Ceylon, hy vọng rằng Virginia nhận lời cầu hôn của ông. Virginia đã hòa nhập tình cảm về hôn nhân và phẫn nộ về vai trò quy định cho

phụ nữ trong xã hội Anh. Bà cũng khó chịu khi nghĩ đến chuyện quan hệ tình dục với một người đàn ông, sau chấn thương lúc còn ấu thơ bị hai người anh cùng cha khác mẹ quấy rối. Khi lớn lên, nàng thường giao du với cánh phụ nữ. Dẫu sao, tháng Năm 1912, bà viết về Leonard: "Tôi mới quen anh ta được 6 tháng, nhưng đây là người đàn ông đầu tiên mà tôi thấy rằng có thể chuyện trò được". Xem chừng Leonard hài lòng khi được yêu theo cách này, và yêu Virginia vì tính cách cương nghị của nàng.

Lá thư của Virginia gửi Leonard được trích dẫn ở đây diễn đạt những dè dặt khiến nhiều đàn ông rút lại lời cầu hôn của họ. Thế mà sau cuộc thảo luận thẳng thắn nhưng cũng rất đau lòng, hai người đã thành hôn ngày 10 tháng Tám tại văn phòng đăng ký kết hôn ở London. Suốt 30 năm của cuộc hôn nhân không ăn ở với nhau, Leonard vẫn duy trì khung cảnh ổn định nhưng hào hứng để nuôi dưỡng tài văn chương của vợ và nâng đỡ tinh thần yếu đuối của nàng.

Tiểu sử

Virginia Woolf (1882-1941) là một trong những nhà cải cách lớn về tiểu thuyết của thế kỷ XX. Năm 24 tuổi, bà đã hoàn thành cuốn tiểu thuyết đầu tay, *Ra khơi* (The Voyage Out), mặc dù tới khi bà 33 tuổi nó mới được xuất bản. Các tác phẩm tiếp theo của bà là *Ngày và Đêm* (Night and Day) [1919], *Bà Dalloway* (Mrs. Dalloway) [1925], *Tới với Ngọn Hải đăng* (To the Lighthouse) [1927], *Orlando* [1928] *Những con sóng* (Waves) [1931] và *Tháng năm* (The Years) [1937]. Văn phong của bà mang tính chất thực nghiệm và ấn tượng, một số tiểu thuyết của bà thăm dò vào thế giới phức tạp của phụ nữ. Bà còn là nhà tiểu luận và nhà phê bình xuất sắc. Năm 1917, cùng với chồng, bà đã thành lập nhà xuất bản Hogarth. Tuy gặt hái nhiều thành quả, suốt đời Virginia luôn bị hành hạ bởi những cơn bệnh thần kinh và bà đã ra đi vì bệnh tật.

THƯ CỦA VIRGINIA STEPHEN GỬI LEONARD WOOLF

Ngày 1 tháng Năm 1912

Leonard yêu,

Để cùng nhau thu xếp các vấn đề, trước hết (những ngón tay của em tê cóng nên em viết thật chật vật), em sẽ trở về trong bảy ngày tới và lúc đó chúng ta sẽ chuyện trò với nhau – nhưng điều đó có ý nghĩa gì? Em nghĩ rằng anh không thể ra đi, nếu anh một mực xin thôi việc. Dù là thế nào, có thể thấy là sự nghiệp của anh tiêu tan mất thôi!

Và rồi, những gì còn lại. Em mường tượng ra rằng em đang làm anh rất đau khổ – có khi chỉ là vô tình – vì vậy, em cần thẳng thắn với anh bao nhiêu có thể. Dĩ nhiên, em không thể phân trần những gì em cảm nhận – có vài điều làm em ngạc nhiên. Những thuận lợi hiển hiên của hôn nhân ngáng trở con đường của em... Em không coi hôn nhân như một sự bày tỏ... Và tất nhiên có lúc em bực bội

khi thấy anh quá mong mỏi... Và rồi em bất an đến phát sợ... cùng lúc em vừa nóng vừa lạnh, chẳng hiểu sao nữa... mặc cho những tình cảm này đang săn đuổi lẫn nhau suốt ngày, khi em ở bên anh, có khi em cảm thấy như vĩnh viễn và phát triển. Dĩ nhiên anh muốn biết liệu em có muốn lấy anh không. Em biết nói thế nào nhỉ? Em nghĩ là muốn... nhưng em không biết tương lai. Em hơi lo về chính mình... Đôi khi em nghĩ rằng nếu em lấy anh, em có thể có mọi thứ–nhưng rồi–còn chuyện tình dục giữa hai ta thì sao? Như có lần em đã tàn nhẫn nói với anh, (là) em không ham muốn xác thịt với anh... Nhưng anh vẫn làm em hạnh phúc. Cả hai chúng ta đều mong muốn có một cuộc hôn nhân sao cho mãi sinh động, luôn luôn sinh động, luôn luôn nồng nàn, không tàn lụi và dễ dàng hòa hợp như phần lớn các cuộc hôn nhân. Chúng ta thắc mắc nhiều về cuộc sống, phải không nào? Có lẽ chúng ta sẽ có nó; thế thì, tuyệt biết bao!

Em yêu của anh

V. S.

VIRGINIA STEPHEN TO LEONARD WOOLF

May 1, 1912

Dearest Leonard,

To deal with the facts first (my fingers are so old I can hardly write) I shall be back about 7 tomorrow, so there will be time to discuss – but what does it mean? You can't take the leave, I suppose, if you are going to resign certainly at the end of it. Anyhow, it shows what a career you're ruining!

Well then, as to all the rest. It seems to me that I am giving you a great deal of pain – some in the most casual way – & therefore I ought to be as plain with you as I can. Of course I can't explain what I feel – these are some of the things that strike me. The obvious advantages of marriage stand in my way... I will not look upon marriage as a profession... Then, of course, I feel angry sometimes at the strength of your desire... And then I am fear-

fully unstable.... I pass from hot to cold in an instant, without any reason... in spite of these feelings, which go chasing each other all day long, when I am with you, there is some feeling which is permanent, and growing. You want to know of course whether it will ever make marry you. How can I say? I think it will... But I don't know what the future will bring. I'm half afraid of myself... I sometimes think that if I married you, could have everything–& then – is it the sexual side of it that comes between us? As I told you brutally the other day, I feel no physical attraction in you... But you have made me very happy too. We both of us want a marriage that is a tremendous living thing, always alive, always hot, not dead and easy in part as most marriages are. We ask a great deal of life, don't we? Perhaps we shall get it; then, how splendid!

Yrs

V. S.

BARTOLOMEO VANZETTI

Người theo chủ nghĩa vô chính phủ bị kết án oan viết cho cậu con trai của người bạn của mình ngay trước khi bị hành hình.



Sacco và Vanzetti ở tòa.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Trường hợp hiển nhiên của Sacco và Vanzetti minh họa chứng cuồng loạn "Những người cách mạng cấp dưới" quét khắp nước Mỹ sau Thế chiến thứ I. Chính bầu không khí bài ngoại này mà chính quyền ở Massachusetts quyết định đưa băng nhóm chịu trách nhiệm về hai vụ cướp vũ trang xảy ra vào mùa đông và mùa xuân năm 1919-1920 ra tòa. Trong vụ cướp thứ hai, hai người bị giết; việc săn lùng những kẻ giết người tập trung vào "những người Ý" mà những người chứng kiến xác nhận là đã nhìn thấy.

Nicola Sacco và Bartolomeo Vanzetti bị bắt, bị ban bồi thẩm buộc tội và kết án tử hình, dù cả hai đều có bằng chứng ngoại phạm.

Sự kết án đáng ngờ rành rành này trước hết đã dẫn tới việc phản đối của dư luận, và sau đó là phong trào kháng nghị quốc tế. Nhưng chánh án Webster Thayer, được Tòa án Tối cao ủng hộ, đã tán thành bản án và bác mọi nỗ lực kháng án.

Khi họ bị bắt, Sacco và Vanzetti nói tiếng Anh chưa sành. Trong khi họ ngồi tù bảy năm ròng chờ chống án, họ đã trau dồi tiếng Anh khá hơn, và Vanzetti, trong bức thư từ biệt gửi con trai của Sacco được trích ở đây, đã trở nên tiếng nói hùng hồn trong nỗi thất vọng dũng cảm. Khi được biết mình bị đưa lên ghế điện, Vanzetti đã viết: "Giây phút cuối cùng ấy thuộc về chúng tôi–sự thống khổ ấy là chiến thắng của chúng tôi".

Tiểu sử

Nicola Sacco (1891-1927) và Bartolomeo Vanzetti (1888-1927), hai người Ý nhập cư, một thợ đóng giầy, và một bán cá dạo, là những thủ phạm chính trong *vụ án nổi tiếng* ở Mỹ trong thập niên 1920, đã trở thành điển hình về sự bất công. Năm 1920, sau vụ xét xử mà trong đó vị thẩm phán đã bị ảnh hưởng bởi thành kiến chống lại chủ nghĩa vô chính phủ của các bị đơn, Sacco và Vanzetti bị kết án về tội giết người và cướp của ở Boston. Bằng chứng ngoại phạm, sự mâu thuẩn trong vụ kiện của bên nguyên, và cả lời thú tội có sức thuyết phục đối với tội phạm của một tù nhân khác năm 1925 đều không được chuyển lên các nhà chức trách ở Massachusetts. Và sau bảy năm chống án, hai người chịu hành hình trên ghế điện.

THƯ CỦA BARTOLOMEO VANZETTI GỬI DANTE SACCO

Ngày 21 tháng Tám 1927

Dante thân yêu,

Chú vẫn hy vọng, và chúng ta sẽ chiến đấu đến giờ phút cuối cùng, để tái minh chứng quyền sống và quyền tự do, nhưng mọi quyền lực của nhà nước, tiền bạc và sự chống đối chống lại chúng ta quyết liệt bởi chúng ta là những người theo chủ nghĩa tự do và vô chính phủ.

Giờ chú nói cho cháu biết tất cả những gì chú biết ơn về cha cháu, ông ấy không phải là một tội phạm, mà là một trong những con người dũng cảm nhất mà chú từng biết. Một ngày nào đó cháu sẽ hiểu điều chú nói với cháu. Là cha cháu đã hy sinh tất cả những gì là quý báu và thiêng liêng của con tim và linh hồn con người vì số mệnh của ông để mọi người được tự do và công bằng.

Ngày đó cháu sẽ tự hào về cha cháu, và nếu cháu đủ dũng cảm, cháu sẽ thay

cha cháu để đấu tranh giữa sự chuyên chế và tự do, và cháu sẽ làm sáng tỏ lại tên tuổi của cha cháu (của chúng ta) cùng máu của chúng ta.

Dante, cháu hãy ghi nhớ, cháu hãy luôn ghi nhớ những điều này; chúng ta không phải là những tội phạm; họ đã kết án chúng ta nhầm mưu hại; họ khước từ việc xét xử lại; và nếu chúng ta bị hành hình sau bảy năm, bốn tháng, bảy ngày chịu các nhục hình và sai trái không thể nói lên được, nó lý giải cho điều chú đã nói với cháu; vì chúng ta ủng hộ người nghèo và chống lại sự bóc lột và đàn áp giữa con người với con người.

Ngày ấy sẽ đến khi cháu hiểu nguyên nhân cay đắng những lời chú đã viết ra một cách thật đầy đủ. Lúc ấy cháu sẽ kính trọng chúng ta.

Nào Dante, hãy luôn dũng cảm và sống tốt. Ôm hôn cháu.

Bartolomeo Vanzetti.

BARTOLOMEO VANZETTI
TO
DANTE SACCO,
August 21, 1927

My Dear Dante:

I still hope, and we will fight until the last moment, to revindicate our right to live and to be free, but all the forces of the State and of the money and reaction are deadly against us because we are libertarians or anarchists.

I tell you now that all that I know of your father, he is not a criminal, but one of the bravest men I ever knew. Some day you will understand what I am about to tell you. That your father has sacrificed everything dear and sacred to the human heart and soul for his fate in liberty and justice for all.

That day you will be proud of your father, and if you come brave enough, you will take his place in the struggle between tyranny and liberty and you

will vindicate his (our) name and our blood.

Remember, Dante, remember always these things; we are not criminals; they convicted us on a frame-up; they denied us a new trial; and if we will be executed after seven years, four months and seventeen days of unspeakable tortures and wrong, it is for what I have already told you; because we were for the poor and against the exploitation and oppression of the man by the man.

The day will come when you will understand the atrocious cause of the above written worlds, in all its fullness. Then you will honor us.

Now Dante, be brave and good always. I embrace you.

Bartolomeo Vanzetti.



Những cảm tình viên người Anh tụ tập yêu cầu trả tự do cho Sacco và Vanzetti tại quảng trường Hyde ở London (1927).



Đám tang của Sacco và Vanzetti sau khi hai người bị hành hình ngày 23 tháng Tám 1927.

CHÍNH SÁCH VÀ NHỮNG THÁCH THỨC

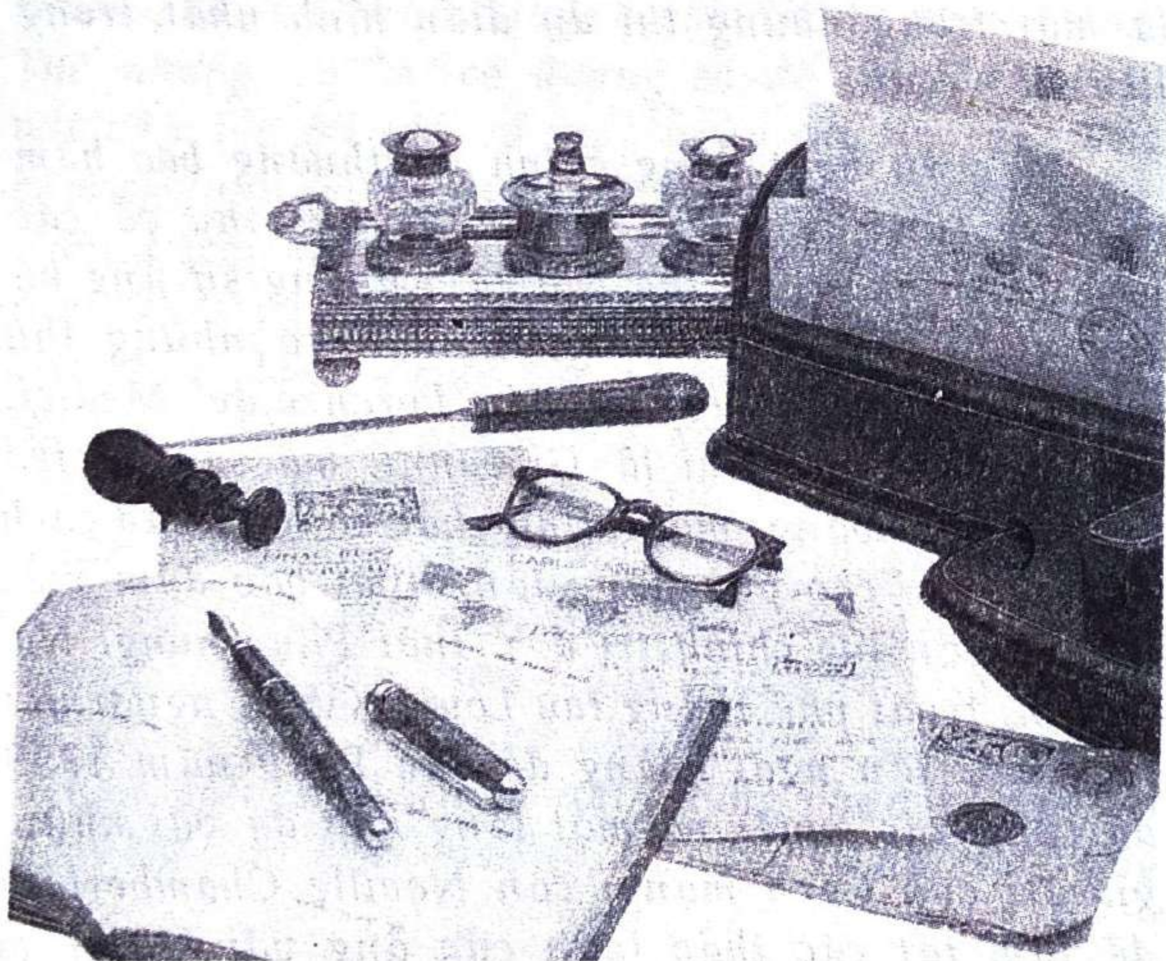
Trong khi một bức thư riêng tư đôi lúc bày tỏ những suy nghĩ chân thật nhất của người viết, thì một bức thư bàn về các vấn đề chung, như thư khuyên nhủ, khuyến khích hay thử thách người nhận, có lẽ sẽ che đậy, cùng bộc bạch, những cảm tình sâu xa nhất của người gửi. Trong một tổ chức lớn và phân bố rộng, tỉ như thời hoàng kim của đế chế Roma, việc trao đổi thư từ giữa hoàng đế và các quan chức ở các tỉnh xa xôi đã khiến phải kiến thiết tuyến giao thông quan trọng. Thế nhưng, cả khi có đường sá để chuyển thư từ với vận tốc 80 cây số một ngày thì tin tức cũng hậm cả tuần lễ khi chúng đến được tay người nhận. Dưới triều Mãn Thanh, người đưa tin đi từ Bắc Kinh được quy định thời gian bao lâu thì phải đến được tiền đồn của đế chế (2 tuần để đến Thượng Hải, 6 tuần đến các vùng xa hơn ở phía Nam). Trong các hoàn cảnh như vậy, thư từ giữa chính quyền trung ương và các thủ hiến tỉnh, những người thích tự tung tự tác, thường bị che đậy có chủ tâm. Về mặt này, tính trung thực của Pliny trong thư hướng dẫn thi hành chính sách của hoàng đế về vấn đề cấm đoán tế nhị nhưng phần vô hại lại xem chừng là khác thường. Các thư sứ đồ của Tông

đồ Phaolô gửi các giáo đoàn Kitô giáo non trẻ vùng Tiểu Á và Hy Lạp được viết trước thời của Pliny khoảng 60 năm, cũng bộc lộ cùng dạng sử dụng thư từ để thiết lập quyền hành– trong trường hợp này là nhằm hướng dẫn các đường lối hành động và niềm tin của tín hữu khắp nơi. Những mối nguy ngầm chứa trong phương tiện thộng tin thế này được Joan thành Arc lưu ý, 1.400 năm sau, khi viết thư cho dân xứ Reims nhằm động viên tinh thần của họ. Bà không dám nói lên nỗi lo lắng là thư có thể rơi vào tay địch. Mối đe dọa ở đây là bức thông điệp có thể bị đánh cắp từ tay người đưa tin rồi được thu nhỏ lại nhờ kỹ thuật in ấn, rồi đưa lên thành bức thư công khai. Công văn của Émile Zola "Tôi tố cáo" gửi Tổng thống Pháp là một trong những thí dụ điển hình nhất trong lịch sử.

Mặc dù hoạt động chính trị thường bao hàm sự thao túng cá nhân, và những bức thư về các vấn đề chính trị có thể bao hàm những sự ủng hộ hay ngăn cản đối với người nhận–có những thư minh bạch hơn những thư khác. Lorenzo de' Medici, khi viết cho con trai là Giovanni, mà sau đó trở thành giáo hoàng, mang tính chất khuyên bảo cách ứng xử sao cho phù hợp, đồng thời bảo đảm việc nắm quyền lực chính trị ở Ý thời Phục hưng. Napoleon, truất phế thẳng tay Louis XVIII, người yêu cầu được lên ngôi hoàng đế của Pháp năm 1799, đã từng xác quyết và một lòng một dạ với những giá trị của Cách mạng; còn Neville Chamberlain, đã tóm tắt các thảo luận của ông với Hitler về

tương lai của Czechoslovakia, xem chừng để ra hiệu, một cách cố ý hoặc bằng cách khác, nói lên ngầm ý của ông trong cuộc xâm lăng của Đức.

Mang tính chất bí ẩn hơn là chỉ thị của Ngài Francis Walsingham, quan chánh sứ của nữ hoàng Elizabeth I, cho phép Francis Drake gây tổn hại tàu bè của Tây Ban Nha. Khi so sánh như vậy, việc Louis XIV làm bẽ mặt quan cận thần của ông, Colbert, là một kiệt tác về tính thẳng thắn của một người được cho là luôn muốn đối mặt trực diện thì thật quá khó khăn. Tất cả các bức thư ấy bộc lộ, và che đậy, các phương diện khác nhau của sự thật nhằm phục vụ mục đích chính trị, tham vọng, và động cơ của từng người viết thư.



SAINT PAUL

Tông đồ Phaolô đưa ra hướng dẫn dân thành Corinth về luân lý của Kitô hữu và tình yêu huynh đệ.



Tượng đắp nổi màu ngà của Ý thế kỷ thứ IV hình ảnh các tông đồ.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Bức thư này là một trong những tác phẩm cổ điển về thư viết tay, được đưa vào thành sách trong bộ Tân ước–sách Tông đồ công vụ. Được viết ở Ephesus (thuộc Thổ Nhĩ Kỳ hiện nay) và được gửi tới Corinth ở Hy Lạp năm 54 sau Công nguyên, chứa đựng một số thành ngữ nổi tiếng của tông đồ: "Kết hợp hơn là thiêu rụi" ."Hiện chúng ta thấy qua lăng kính, một cách lờ mờ" và "Ôi sự chết, đâu là nỗi đau của ngươi?" Lời cổ vũ cốt lõi của thư Thánh Phaolô là con người phải yêu thương đồng loại; ông sử dụng từ ngữ của Hy Lạp *agape* (được dịch là "đức ái" trong bản dịch Kinh

thánh lần đầu năm 1611), nó có nghĩa là toàn vũ, nghịch với tình dục, tình yêu.

Ông chưa hề gặp Giêsu mà còn bắt bớ các Kitô hữu. Sau thị kiến thấy Đức Kitô trên đường đi Damascus, ông đã trở thành chiến sĩ.

Trong gần 30 năm, Phaolô đã đi khắp vùng đông Địa Trung hải, thành lập các giáo đoàn và đã chịu bao gian lao, khổ cực.

Mục đích của thư đầu của Phaolô là đưa ra những đường lối chỉ đạo, chống lại óc bè phái tôn giáo, cảnh giác việc ăn đồ cúng tế, hành vi trái luân lý, và việc phụ nữ tham gia vào các cuộc họp tôn giáo. Điều này đã khiến ông bị tố cáo là người ghét phụ nữ.

Tiểu sử

Paul (qua đời năm 60 sau Công nguyên), tông đồ của dân ngoại (không phải Do Thái), cha mẹ ông là người Do Thái, và bản thân ông học luật Do Thái. Là một người thuộc phái Pharisee cuồng tín, ông bắt bớ các Kitô hữu cho tới khi cải đạo sau lmột thị kiên (khoảng năm 37 sau Công nguyên). Tại Hội đồng tông đồ được tổ chức lần đầu ở Jerusalem năm 49 sau Công nguyên, Paul dựa vào luật Môi-sen biện minh cho việc cải đạo của dân ngoại. Hành trình truyền giáo của ông là khắp vùng Thổ Nhĩ Kỳ và Hy Lạp cận đại. Khi ông trở về Jerusalem, người Do Thái cáo buộc ông trước nhà cầm quyền Roma về việc gây nguy hiểm cho vấn đề trị an. Phaolô đã chống án nhưng rồi ông vẫn bị hành quyết vào thời Nero.

THƯ CỦA THÁNH PHAOLÔ GỬI TÍN HỮU CORINTIANS

Năm 54 sau Công nguyên

Từ Paul, tông đồ của Đức Giêsu Kitô nhờ được Thiên chúa mời gọi và theo ý định của Thiên chúa cùng với đồng sự của chúng ta là Sosthenes, gửi lời chào dân của Chúa ở Corinth, được thành hiến cho Người trong Đức Giêsu Kitô... Ân sủng và bình an của Thiên chúa Cha chúng ta và của Chúa Giêsu Kitô ở với anh em.

... Anh em phải nhắm tới những phần thưởng cao hơn.

Và đây, tôi chỉ cho anh em con đường thuận lợi nhất.

Tôi có thể nói các thứ tiếng của con người hay của các thiên thần, nhưng nếu tôi không có đức ái, tôi chỉ là tiếng cồng chiêng hoặc tiếng phèng la lanh lảnh. Tôi có thể có tài tiên tri, và biết mọi sự thật bị giấu kín; tôi có thể có đức tin mạnh đủ để dời chuyển núi non; nhưng nếu tôi không có đức

ái, tôi chẳng là gì. Tôi có thể bố thí mọi thứ tôi có, hay cả khi thiêu rụi cả con người của tôi, nhưng nếu tôi không có đức ái, tôi chẳng tốt đẹp hơn chút nào.

Tình yêu là nhẫn nại; tình yêu là tử tế và không đố kỵ với ai. Tình yêu không hề khoác lác, huyênh hoang, chẳng tự phụ, chẳng khiếm nhã; không hề ích kỷ, không vội công kích. Tình yêu không làm những điều sai trái, không hả hê trước tội lỗi của người khác, mà ham muốn lẽ phải. Chẳng có gì mà tình yêu không thể đương đầu; niềm tin của nó, niềm hy vọng của nó, và sự nhẫn nại của nó chẳng hề có giới hạn.

... Xin gửi lời chào của giáo đoàn ở châu Á. Xin gửi lời chào trong Chúa từ Aquila và Prisca cùng giáo đoàn ở quê nhà. Xin gửi lời chào của mọi anh em. Hãy chào nhau bằng nụ hôn của sự bình an.

Xin gửi lời chào của tôi nữa.

PHAOLÔ

SAINT PAUL TO THE CORINTHIANS A. D. 54

From Paul, apostle of Jesus Christ at God's call and by God's will together with our colleague Sosthenes, to the congregation of God's people at Corinth, dedicated to him in Christ Jesus,. . . Grace and peace to you from God our Father and the Lord Jesus Christ.

... The higher gifts are those you should aim at.

And now I will show you the best way of all.

I may speak in tongues of men or of angles, but if I am without love, I am a sounding gong or a clanging cymbal. I may have the gift of prophecy, and know every hidden truth; I may have faith strong enough to move mountains; but if I have no love, I am nothing. I may dole out all I possess, or even give my body to be burned, but if I have no love, I am none the better.

Love is patient; love is kind and envies no one. Love is never boastful, nor

conceited, nor rude; never selfish, not quick to take offense. Love keeps no score of wrong; does not gloat over other men's sin's, but delights in the truth. There is nothing love cannot face; there is no limit to its faith, its hope, and its edurance.

... Greetings from the congregation in Asia.

Many greetings in the Lord from Aquila and Prisca and the congregation at their house. Greetings from all the brothers. Greet one another with the kiss of peace.

This greeting is in my own hand.

PAUL



Đền Apollo, Corinth, được xây dựng khoảng giữa năm 560 và 550 trước Công nguyên.

PLINY CHÁU

Nhà cai trị quyền thế đi tìm con đường thích hợp để giải quyết với các phần tử của một giáo phái – các Kitô hữu.



Pliny cháu, người viết những lá thư cung cấp nguồn thông tin về đời sống của người Roma trong thế kỷ đầu.



Trajan, nhà cai trị và lãnh đạo xuất sắc, ông cầm quyền từ năm 98 đến 117.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

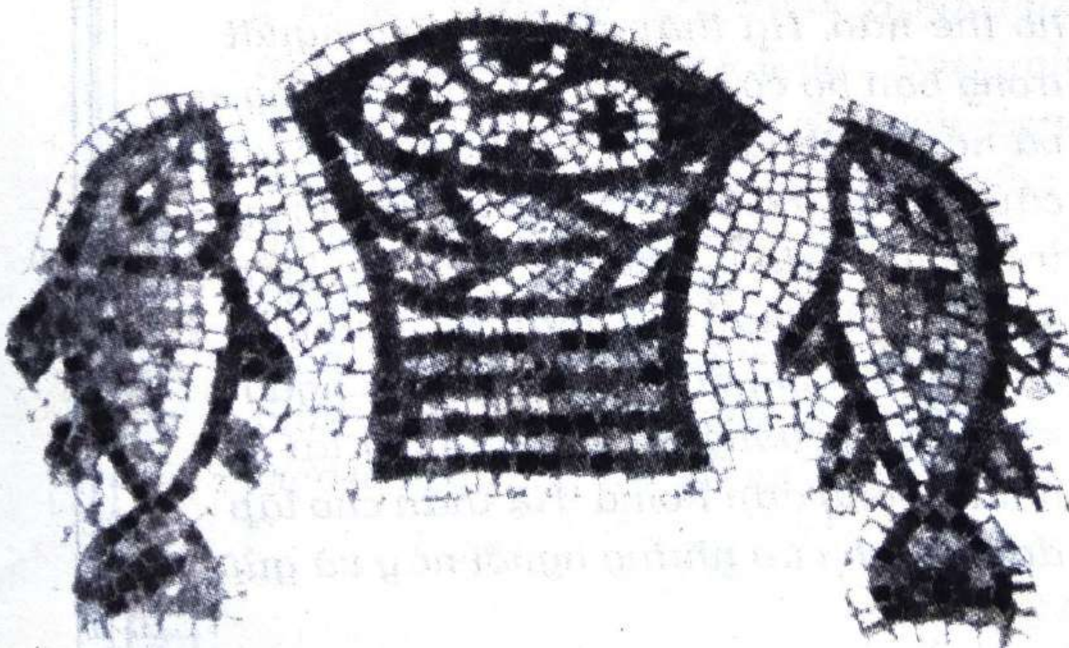
Nói về những lá thư còn sót lại của lịch sử, đây là lá thư được coi là bằng chứng giá trị nhất của lịch sử, chứa đựng những lý giải sớm nhất và đầy đủ nhất về sự xung khắc của người Roma với các Kitô hữu trong những thế kỷ đầu.

Một trong những người viết thư tài giỏi của lịch sử, Gaius Plinius Secundus (thường được biết dưới tên gọi là Pliny cháu để phân biệt với ông cậu cùng tên) là nguồn hiểu biết đầu tiên về đời sống của giai cấp thượng lưu Roma trong thế kỷ đầu. Ông là một luật gia và nhà cai trị sáng giá, được hoàng đế Trajan cất nhắc làm thủ hiến vùng Bithynia và Pontus (nay thuộc miền bắc Thổ Nhĩ Kỳ)

Trajan bổ nhiệm Pliny vì tài chuyên môn được thừa nhận của ông ta về tài chính và sự hiểu biết các công việc ở đó, một vùng được coi là có nhiều xáo trộn chính trị, từng gây ra bao điều phàn nàn chống lại các Kitô hữu. Dân chúng Hy Lạp ở Bithynia và Pontus không thích họ vì họ không hòa nhập đủ với cộng đồng rộng lớn hơn. Lá thư của Pliny cung cấp cho ta thấy mối quan hệ của người không phải Kitô giáo với các việc phụng thờ của giáo hội ban đầu. Được chuyển ngữ ngắn gọn ở đây, bức thư còn cho thấy sự tuân thủ chu đáo luật lệ Roma của Pliny qua việc ông gửi các công dân Roma tới Rome để chịu xét xử và sự phân xử rạch ròi của ông đối với những người bị tố cáo là gia nhập Kitô giáo và ai không. Ông tính thử bắt người Kitô hữu dâng rượu và hương trước chân dung hoàng đế, nhưng Trajan khuyên ông nên theo phong tục địa phương, chỉ yêu cầu người Kitô hữu tuân thủ luật lệ của Roma là chính, tránh việc ngược đãi họ. Sau này một số hoàng đế ứng dụng sự cai trị của Trajan như một tiền lệ.

Tiểu sử:

Pliny cháu (khoảng năm 62 đến 113 sau Công nguyên) được sinh ra trong một gia đình địa chủ giàu có ở miền Bắc nước Ý. Năm 14 tuổi ông đã viết một vở bi kịch Hy Lạp và năm 18 tuổi ông trở thành nhà hùng biện tài năng, đã biện hộ nhiều vụ kiện ở pháp đình Roma. Dù còn trẻ, ông đã nắm quyền ở các cơ quan cao cấp trong chính quyền Roma và dưới thời trị vì của Hoàng đế Domitian, ông đứng đầu ngân khố quân sự và nguyên lão viện. Ông đã chết trong văn phòng khi đang thay mặt hoàng đế cai quản Bithynia và Pontus. Pliny là con người rộng lượng, hiếu khách– nhờ chuẩn mực về giờ giấc–một con người nhân đạo. Ông đã ba lần lập gia đình, những lá thư của ông chứa đựng nhiều kỷ niệm về người vợ thứ ba dấu yêu, nàng Calpurnia.



Biểu tượng thánh từ thế kỷ đầu tiên – điều kỳ diệu của bánh mì và những con cá được khảm trên nền nhà.

THƯ CỦA PLINY CHÁU GỬI HOÀNG ĐẾ TRAJAN

Năm 112 sau Công nguyên

Tâu Bệ hạ, hạ thần thường muốn tâu cùng bệ hạ những khó khăn của hạ thần; vì chẳng ai ngoài bệ hạ có thể giải quyết những vướng mắc của hạ thần và chỉ bảo sự kém tài của hạ thần.

Hạ thần chẳng bao giờ hiện diện trong buổi thẩm tra những Kitô hữu nào.

Vì thế, hạ thần không biết được tính chất và mức độ cần đưa ra để trừng phạt họ thế nào. Hạ thần đã hỏi từng người trong bọn họ có phải là Kitô hữu không, và nếu họ thừa nhận, hạ thần nhắc lại câu hỏi hai, ba lần, như để cảnh báo sự trừng phạt đang chờ họ. Nếu họ kiên quyết thừa nhận, hạ thần ra lệnh giải họ đi hành quyết. Còn có những người khác cũng cuồng tín như vậy mà lại là những công dân Roma. Hạ thần cho lập danh sách của những người này và gửi

tới Rome để chịu xét xử. Hạ thần nghĩ rằng hạ thần sẽ tha cho những ai đã từng là Kitô hữu nhưng nếu họ làm theo hạ thần nghi thức cầu khấn các thần và dâng rượu và hương trước tượng của bệ hạ, và hơn nữa nếu họ thóa mạ danh của Đức Kitô: Hạ thần hiểu, điều này là không dễ, đâu dễ thúc ép một Kitô hữu chân chính làm việc này. Cũng có những người nói rằng họ đã thôi là Kitô hữu hai hoặc nhiều năm trước rồi. Họ cũng tuyên bố rằng tổng số tội lỗi hoặc sai lầm của họ lên chưa quá điều này: họ đã thường xuyên gặp nhau trước lúc rạng đông vào một ngày đã định để cùng nhau thay phiên hát thánh vịnh tôn vinh Đức Kitô là Thiên chúa, rồi còn cùng nhau thề không trộm cướp, không ngoại tình, không bội tín và không từ chối việc dâng cúng khi được yêu cầu. Vì thế hạ thần đã hoãn lại không thẩm tra thêm và vội thỉnh ý của bệ hạ. (Việc này) không chỉ ở các thành thị mà cả các làng mạc và những vùng quê cũng bị ảnh hưởng qua việc tiếp xúc với loại giáo phái tồi tệ này.

PLINY

PLINY THE YOUNGER
TO
EMPEROR TRAJAN
A. D. 112

It is my custom to refer all my difficulties to you, Sir, for no one is better able to resolve my doubts and to inform my ignorance.

I have never been present at an examination of Christians.

Consequently, I do not know the nature or the extent of the punishments usually meted out to them. I have asked them in person if they are Christians, and if they admit it, I repeat the question a second and third time, with a warning of the punishment awaiting them. If they persist, I order them to be led away for execution. There have been others similarly fanatical who are Roman citizens. I have entered them on the list of persons to be sent to Rome for trial. I considered that I should dis-

miss any who denied that they were or ever had been Christians when they had repeated after me a formula of invocation to the gods and had made offerings of wine and incense to your statue, and furthermore had reviled the name of Christ: none of which things, I understand, any genuine Christian can be induced to do. Others said that they had ceased to be Christians two or more years previously. They also declared that the sum total of their guilt or error amounted to no more than this: they had met regularly before dawn on a fixed day to chant verses alternately among themselves in honor of Christ as if to a god, and also to bind themselves by oath to abstain from theft, robbery, and adultery, to commit no breach of trust, and not to deny a deposit when called upon to restore it. I have therefore postponed any further examination and hastened to consult you. It is not only the towns, but villages and rural districts too which are infected through contact with this wretched cult.

PLINY

JOAN THÀNH ARC

Joan Trinh nữ viết để bày tỏ sự khuyến khích, sự nâng đỡ, và sự đoan chắc cho người dân trong tỉnh dưới sự đe dọa của sự tấn công.



Đây là bức chân dung đẹp nổi tiếng được thực hiện 20 năm sau khi Joan bị thiêu.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Joan thành Arc viết bức thư này khi nàng ở đỉnh cao thành đạt. Như kết quả của những thành tựu thật sự xuất sắc, tên của Joan đã có sức lôi cuốn thuyết phục người dân Pháp vào tháng Ba 1430. Được linh ứng bởi "giọng" truyền cho nàng cứu nước Pháp, nàng đã thuyết phục vị chỉ huy địa phương đưa nàng qua vùng đất bị Anh xâm chiếm để gặp hoàng thái tử, người con yếu đuối và xấu xí của Chales VI cực đoan. Hoàng thái tử giữ đúng lời xác quyết của mình với triều đình Pháp dù là người Anh đã kiểm soát miền bắc nước Pháp và đã công bố Henry VI là vua của cả Anh và Pháp.

Trong cuộc hội kiến đầu tiên của Joan với hoàng thái tử, nàng chuyện trò riêng với ông ta và bảo ông ta rằng nàng biết ông đã cầu xin gì. Điều này củng cố cả nguồn gốc thần linh của sứ mạng của nàng và tính hợp pháp về xác quyết của ông đối với triều đình. Do phải chịu sự thẩm tra của giáo hội tại Poitiers, nơi nàng dễ dàng vượt qua, Joan được phép phối hợp quân đội ở Blois để cứu viện Orléans. Và nàng nắm quyền chỉ huy quân đội.

Ngày 29 tháng Tư 1429, Joan tiến vào Orléans, thành phố đã bị vây hãm từ ngày 12 tháng Mười 1428. Ngày 8 tháng Năm, những pháo đài Anh vây quanh thành phố đã bị chiếm giữ và vòng vây Orléans bị phá vỡ. Quân Anh tháo chạy tán loạn từ các pháo đài chính của họ nằm trên sông Loire. Để tiếp thêm dũng khí chống cự của quân Pháp, Joan dẫn hoàng thái tử với một đạo quân khoảng 12.000 người qua phần lãnh thổ mà người Anh chiếm giữ tới nhà thờ chính tòa Reims, ở đó, ngày 17 tháng Bảy 1429, ông này phong vương cho Charles VII.

Sau lễ phong vương, Charles nhu nhược đã lờ tịt những đề nghị của Joan để tiến vào Paris, nhưng để tự Joan tiến vào. Do ghen tức sự nổi tiếng của nàng, ông phản bội bằng cách để người của ông phá cây cầu tiến quân của nàng, rồi thỏa thuận ngưng bắn với công tước Burgundy, đồng minh chính của Anh. Ngay sau đó Charles cho giải tán quân đội.

Đúng lúc ấy Joan viết bức thư này, tiến hành chiến tranh để chiếm lại. Tiếng nói thầm tâm của Joan bảo rằng nàng chỉ còn sống hơn một năm nữa, vì thế nàng lo công tước Burgundy đang lập kế

hoạch phản công mùa xuân. Ngay sau khi viết lá thư này, Joan tới Compiègne, hiện đang bị quân của Burgundy bao vây. Sự hèn nhát–hay sự phản bội–của thị trưởng Compiègne khiến Joan bị bắt ngày 24 tháng Sáu, sau khi quân đội của nàng bị đẩy lùi.

Việc xét xử Joan bị kéo dài và nàng bị kết án tử hình và bị thiêu ngày 30 tháng Năm 1431. Joan chết là do nhiều quyền lực: do Charles (từ chối chuộc nàng), do quân Anh, vì nàng lãnh đạo người Pháp chống lại họ, và do giáo hội vì quyền lực của giáo hội bị người cho là mình tiếp cận với Thiên chúa đe dọa. Chỉ riêng dân Pháp là mến mộ nàng.

Tiểu sử

Thánh Joan thành Arc (1412-1431), nhà ái quốc của Pháp và đấng tử đạo, là con gái của một nông dân giàu có ở Domrémy, một làng quê nhỏ ở vùng giáp ranh hai tỉnh Lorraine và Champagne. Lúc thiếu thời, nàng xác quyết là mình nghe thấy tiếng của Thánh Michael, Thánh Catherine và Thánh Margaret truyền cho nàng giải cứu nước Pháp khỏi sự thống trị của Anh. Năm 1429, nàng đã chỉ huy quân đội giải vây thành Orléans, nhưng lần mạo hiểm tương tự ở Compiègne thì nàng đã bị bắt và bị bán cho người Anh. Người Anh đã thuyết phục tòa án dị giáo của giáo hội Pháp kết án nàng là dị giáo và có phép ma thuật. Nàng bị trói vào cọc và bị thiêu ở Rouen năm 1431, nhưng được Giáo hội Công giáo phong thánh năm 1920.

THƯ CỦA JOAN THÀNH ARC GỬI NGƯỜI DÂN THÀNH REIMS

Ngày 16 tháng Ba 1430

Thân gửi các bạn thân yêu và tốt lành của Giáo hội cùng các cư dân khác của thành Reims.

Các bạn thân yêu, tôi mong gặp các bạn biết chừng nào. Tôi, Joan Trinh nữ, đã nhận được những lá thư của các bạn trong đó các bạn đề cập về sự lo lắng của tôi cho rằng các bạn sẽ sớm bị vây hãm. Tôi muốn các bạn hiểu rằng định mệnh này không xảy ra cho các bạn, chỉ với điều kiện tiên quyết là tôi có thể thương lượng được với quân thù. Còn nếu tôi không dàn xếp kịp và chúng tiến hành, các bạn hãy đóng các cổng lại và cứ yên tâm là tôi sẽ tới ngay. Nếu như tôi nghe biết chúng bao vây các bạn, tôi sẽ buộc chúng rút lui ngay và không biết chúng đang tiến hoặc đi đâu và tôi sẽ tiến hành bao vây (chúng), nếu chỉ có một đường rút. Lúc này tôi không viết nhiều thêm nữa, vì tôi biết các bạn là những người tốt và trung thành. Tôi nguyện xin Chúa che chở các bạn. Thư này được viết ở Sully ngày 16 tháng Ba. Tôi sẽ báo cho các bạn tin tức làm các bạn nức lòng, có điều tôi sợ thư này có thể rơi vào tay quân thù và chúng sẽ khám phá ra tin tức, chứ không phải các bạn.

Jehanne

JOAN OF ARC
TO
THE PEOPLE OF REIMS
March 16, 1430

To my very dear and good friend of the Church and other inhabitants of the town of Reims.

Dearly beloved friends, how I long to see you. I, Joan the Maid, have received your letters in which you tell of your fear that you will soon be under siege. I want you to know that this fate will not befall you, if only I can meet up with the enemy first. And if I cannot manage to get there in time and they do come, close your gates and rest assured that I will come very shortly. If I find them besieging you, I'll force them to take to their spurs so quickly that they won't know whether they are coming or going and I'll raise the siege, if there is one, straight away. I will write no more for the present, as I know that you are good and loyal people. I pray to God to protect you. Written at Sully the 16th day of March. I would tell you some news that would cheer you, but I fear that the letter may fall into enemy hands and that they would discover the news, and not you.

Jehanne

LORENZO DE' MEDICI

Nhà lãnh đạo xứ Florentine viết thư hướng dẫn và khuyên con trai của ông, khi Giovanni bắt tay vào sự nghiệp đặc biệt trong giáo hội.



Lorenzo Cao thượng, người đã biết gia đình của ông cần kéo dài ảnh hưởng trong triều giáo hoàng.



Giovanni de' Medici, việc được chỉ định làm hồng y của ông được giữ kín cho tới khi ông lên 16 tuổi.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Lá thư này thể hiện sự nỗ lực của người lớn nhất dòng họ Medici, Lorenzo Cao thượng, để kéo dài quyền lực và ảnh hưởng của gia đình ông. Dòng họ Medici ở Florence đã trở nên giàu có qua những thành quả của ông chủ ngân hàng Giovanni (1360-1429). Cosimo, con trai ông (1389-1464) đã khởi sự thời vàng son của dòng họ. Ông đã mang

lại thái hòa và an toàn cho Florence, sử dụng tiền bạc để khuyến khích việc học hành và nghệ thuật, làm cho cuộc sống của thành phố phong phú hơn với những tòa nhà nguy nga và các thư viện.

Lorenzo là con trai của Piero di Cosimo (1416-1469) và là cháu của Cosimo. Ông nắm quyền tối cao khi ông 21 tuổi, lúc nào cũng tận tụy vì Florence chứ không hề tỏ ra là chủ nhân. Ông cai trị công minh và cao thượng, là bạn và là nhà bảo trợ của các nghệ sĩ và các học giả, cùng nhiều hoạt động văn hóa khác. Thế nhưng dòng họ Medici cũng có nhiều kẻ thù, rõ nét nhất là âm mưu nguy hiểm của Pazzi, một dòng họ chuyên ngành ngân hàng khác, được Giáo hoàng Sixtus IV ủng hộ, bày mưu ám hại Lorenzo và anh của ông là Giuliano vào ngày lễ Phục sinh năm 1478. Giuliano bị giết khi đang dự lễ ở nhà thờ chính tòa Florence. Lorenzo bị thương, đã trốn vào gian cung thánh. Thất bại của âm mưu và sự dũng cảm của Lorenzo càng làm ông ta nổi tiếng. Từ đó chẳng ai kháng cự nổi quyền hành của ông ở Florence.

Thế nhưng, do điều kiện sức khỏe yếu dần vào cuối những năm thập niên 1480, ông lo ngại cho tương lai của dòng họ Medici. Con trai lớn của ông là Piero xem chừng không thể là người đứng đầu uy thế của dòng họ; lại do ngày càng xung khắc với giáo triều, bản thân Lorenzo không sao tiến triển trong công việc làm ăn.

Lorenzo tin rằng, để bảo đảm tương lai, gia đình cần có bạn bè ở giáo triều. Ông đã cẩn trọng đặ ra các kế hoạch. Bước đầu là vào năm 1483, khi vua Pháp nhất trí trao một tu viện cho con trai của Lorenzo là Giovanni, lúc ấy mới 7 tuổi. Cuộc hôn

nhân giữa con trai của giáo chủ (sinh ra trước khi cha của ông gia nhập giáo hội) và con gái của Lorenzo đã giúp thu ngắn khoảng cách với Rome. Tháng Ba 1489, khi Giovanni được 13 tuổi, ông nhận mũ hồng y và ba tu viện khác nữa như một nguồn lợi. Điều bất thường vào thời đó là đã dựng nên nhiều hồng y chỉ mới là đứa trẻ, chính vì thế giáo hoàng nhấn mạnh là chức hồng y phải giữ bí mật cho tới khi Giovani được 16 tuổi.

Ngày 9 tháng Ba 1492, khi đủ tuổi, Giovanni chính thức trở thành thành viên của hồng y đoàn trong buổi lễ nhậm chức thật tưng bừng. Lorenzo còn quá yếu không tham dự được, nhưng trước buổi lễ, ông đã gặp con trai mình lần cuối. Lúc ấy ông đã trao cho con lá thư được trích đoạn ở đây để khuyên con đề phòng những mối nguy có thể gặp ở Rome.

Những nghi nan của Lorenzo đối với cậu con trai lớn là đúng. Ngay sau khi người cha qua đời, Piero de' Medici (1472-1503) đã thông đồng với vua xứ Naples chống lại Lodovico Sforza của Milan; thế là Sforza kêu cầu Charles VIII của Pháp giúp đỡ, đưa tới hậu quả là Piero bị ép phải giao nộp Pisa và Livorno cho Pháp. Tức giận vì sự hèn hạ của ông ta, dân xứ Florence đánh đuổi ông ta ra khỏi thành và tuyên bố dòng họ Medici là những kẻ phản bội và làm phản. Mọi nỗ lực của dòng họ này nhằm khôi phục quyền lực đều thất bại mãi tới năm 1512, khi một đạo quân của giáo hoàng người Tây Ban Nha xâm chiếm Tuscany, thành Prato bị đánh bại, lúc ấy dân Florence buộc phải kêu cầu dòng họ Medici, đứng đầu lúc ấy là em của Piero là Giuliano (1479-1516).

Lúc ấy Giovanni (1475-1521) đang ở trong hồng y đoàn, được giữ chức đặc sứ của giáo hoàng-tham

chiến Julius II. Ông nổi tiếng nhờ lòng đạo hạnh và rất nguyên tắc. Khi Giáo hoàng Julius qua đời, ông được bầu làm Giáo hoàng lấy hiệu là Leo X. Những thành tựu trong triều giáo hoàng của ông thật nhiều: ông đã ký giao ước với Francis I của Pháp; tổ chức thành công cộng đồng Lateran thứ năm; ông đã củng cố và mở rộng những cuộc chinh phục của Julius II, và bản thân ông trở thành nhà bảo trợ danh tiếng cho việc học và các ngành nghệ thuật. Khi quyết định tái thiết thánh đường Thánh Phêrô, ông đã cho phép bán các đặc xá, một quyết định được cho là khởi phát sự chống đối của Luther và dẫn tới phong trào Cải cách. Quyền lực và ảnh hưởng của Giovanni đã giúp Cosimo de Medici (1519-1574), "đại đế", khôi phục lại triều đại của Medici ở Tuscany, một triều đại kéo dài tới thế kỷ XVIII.

Tiểu sử

Lorenzo de' Medici (1449 - 1492) nắm quyền trong suốt thời kỳ huy hoàng nhất của lịch sử Florence, đôi khi được gọi là thời đại Lauren (1469 - 1492). Bề ngoài có vẻ như ông cai trị Florence bằng cách sử dụng những phương pháp thuộc hiến pháp, thế nhưng ông đã giảm bớt quyền lực của quốc hội trong năm 1471. Mặc dù chính thức ông chỉ là một thường dân, ông được xem như là một kẻ bạo chúa nhân từ. Trong khi những nhà phê bình viện dẫn rằng ông đã làm suy yếu những thể thức của chính quyền được thiết lập bởi cha ông thì sự đóng góp của ông cho nghệ thuật của Florence không hề thua kém ai. Ông đã dùng tài sản khổng lồ của mình để ủng hộ nghệ thuật và văn chương, biến Florence thành trung tâm của sự phục hồi tri thức, đóng vai trò người bảo hộ cho các nhà họa sĩ và điêu khắc và vì vậy đã có những đóng góp đáng kể cho thời đại Phục Hưng.

THƯ CỦA LORENZO DE' MEDICI GỬI CON TRAI GIOVANNI

Tháng Tư 1492

Con, và tất cả chúng ta, những người quan tâm đến lợi ích của con, nên đánh giá cao bản thân vì được Thiên chúa ưu ái, không chỉ ban vinh dự và lợi lộc cho gia đình ta, mà đặt biệt hơn, là đã ban cho chúng ta, nơi bản thân con, chức vị cao trọng nhất mà chúng ta có được.

Vì thế hãy cố gắng giảm bớt gánh nặng chức vụ ngay từ đầu bằng cuộc sống đúng mực và bằng việc kiên trì trong nghiên cứu xứng với công việc của con. Cha thỏa lòng khi biết rằng, trong năm qua, con đã thường xuyên tự nguyện đi lễ và xưng tội. Tác động của việc làm này tự nó là điều thường thấy; nhưng có lẽ con sẽ gặp phải những kẻ tìm mọi cách làm hư hỏng và xúi giục con làm bậy; vì như con có thể tự thấy, việc sớm đạt được một tước hiệu cao như vậy làm sao tránh được sự ganh ghét, rồi những kẻ không ngăn cản được con nhận danh dự đó sẽ ngấm ngầm làm suy giảm nó, bằng cách xúi giục con khiến con đánh mất sự đánh giá tốt của công chúng. Đối với những khó khăn này, con phải tự đối chọi bằng sự kiên

định mạnh hơn vì hiện còn ít đức hạnh này nơi đồng hữu trong hàng ngũ của con. Đúng là cha biết rằng trong số họ có một số tốt và uyên bác, cuộc sống của họ là những tấm gương, mà cha muốn giới thiệu họ với con làm gương mẫu để con biết cách cư xử.

Với những người có nhân cách ít đáng trọng thì không nên chuyện trò quá thân mật: không chỉ do hoàn cảnh, mà cả khi đưa ý kiến chung. Hãy chỉ chuyện trò qua loa thôi. Trong những tình cảnh chung, con hãy ăn mặc và sử dụng phương tiện xoàng xĩnh thôi. Có một nguyên tắc mà cha muốn con chú trọng hơn cả: hãy thức dậy sớm. Việc này không chỉ tốt cho sức khỏe mà còn giúp con sắp xếp, giải quyết công việc trong ngày. Có lẽ người ta còn muốn con xin giùm những đặc ân của Giáo hoàng vào những dịp đặc biệt. Thế nhưng, hãy cẩn trọng; con có thể phiền ngài, dù không quá thường xuyên; còn nếu con phải buộc lòng thỉnh nguyện lòng tốt của ngài, hãy làm sao cho thật khiêm tốn và nhún nhường để ngài được tùy ý.

Tạm biệt.

Laurenzo de Medici

LORENZO DE' MEDICI
TO
HIS SON GIOVANNI
April, 1492

You, and all of us who are interested in your welfare, ought to esteem ourselves highly favored by Providence, not only for the many honors and benefits bestowed on our house, but more particularly for having conferred upon us, in your person, the greatest dignity we have ever enjoyed.

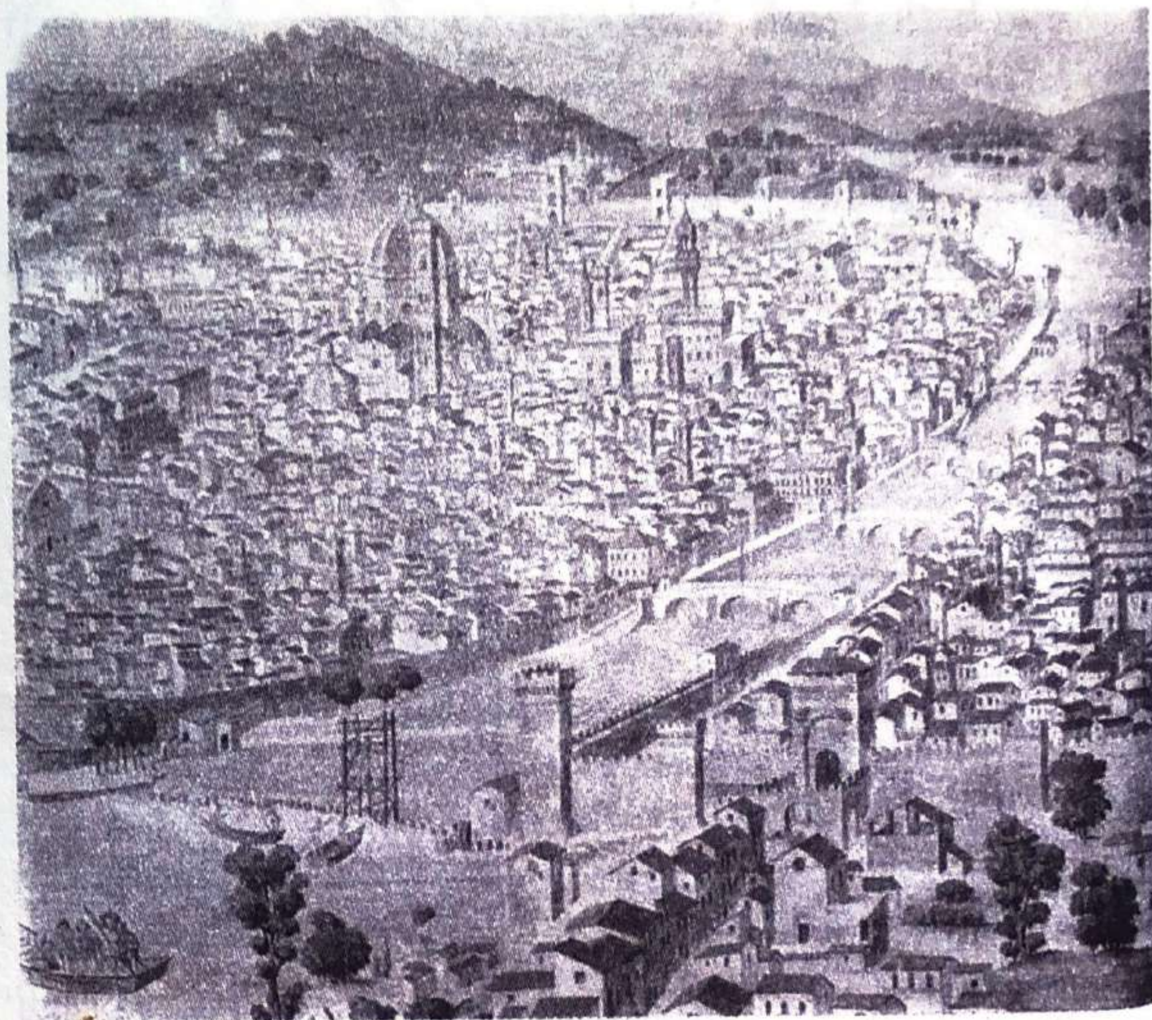
Endeavor therefore to alleviate the burden of your early dignity by the regularity of your life and by your perseverance in those studies which are suitable to your profession. It gave me great satisfaction to learn that, in the course of the past year, you had frequently, of your own accord, gone to communion and confession. The influence of example is itself prevalent; but you will probably meet with those who will particularly endeavor to corrupt and incite you to vice; because, as you may yourself perceive, your early attainment to so great a dignity is not observed without envy, and those who could not prevent your receiving that honor will secretly endeavor to diminish it, by inducing you to forfeit the good

estimation of the public. To these difficulties you ought to oppose yourself with the greater firmness, as there is at present less virtue amongst your brethren of the college. I acknowledge indeed that several of them are good and learned men, whose lives are exemplary, and whom I would recommend to you as patterns of your conduct.

With those of less respectable character converse not with too much intimacy; not merely on account of the circumstance itself, but for the sake of public opinion. Converse on general topics with all. On public occasions let your equipage and dress be rather below than above mediocrity. There is one rule which I would recommend to your attention in preference to all others: rise early in the morning. This will not only contribute to your health, but will enable you to arrange and expedite the business of the day. You will probably be desired to intercede for the favors of the Pope on particular occasions. Be cautious, however, that you trouble him not too often; and if you should be obliged to request some kindness from him, let it be done with that modesty and humility which are so pleasing to his disposition.

Farewell.

Laurentius de Medicis



Florence khoảng năm 1480, vào thời của Lorenzo.

Francis Walsingham

Chỉ thị của quan cận thần của Elizabeth I gửi Drake trong chuyến đi thám hiểm tuy không chính thức và chỉ mang tính riêng tư nhưng đầy đủ thẩm quyền.



Walsingham, một tín đồ Tin lành kiên định muốn làm suy yếu các vua Công giáo.



Drake, các mật lệnh của ông buộc ông từ bỏ bản thân để gánh vác các vai trò của mình.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Năm 1577 thuyền trưởng người Anh là Francis Drake được triệu về London để gặp Francis Walsingham, quan chánh sứ. Walsingham đề nghị

Drake đảm nhiệm việc giao thương với Nam Mỹ nhân danh cả triều thần hùng mạnh, kể cả bản thân ông.

Mùa hè năm ấy Walsingham gửi cho Drake bức thư chỉ thị. Bức thư lệnh cho ông vượt qua eo Magellan và thám hiểm bờ lục địa xa hơn (kể cả Chí Lợi). Ông phải khám phá những nơi mà hàng hóa Anh có thể bán được và tìm ra các kim loại quý. Cùng lúc ấy, ông phải kết thân với "các lãnh chúa" của các quốc gia ấy, dâng tặng họ những món quà trị giá khoảng 50 quan Pháp. Sau năm tháng lênh đênh trên bờ Thái Bình Dương, Drake phải trở lại eo Magellan. Toàn bộ cuộc hải hành ấy kéo dài 13 tháng.

Trên thực tế Drake đã mất ba năm đi vòng quanh thế giới, và phần lớn thời gian là để ngầm phá các thuộc địa của Tây Ban Nha trên bờ Thái Bình Dương thuộc Nam Mỹ. Vì sao cuộc hải hành trên thực tế lại khác với chỉ thị của bức thư?

Sau đó Drake đã tiết lộ những gì đã xảy ra. Được triệu về yết kiến Nữ hoàng Elizabeth I, ông đã nhận mật lệnh để gây tổn hại các thuộc địa của Tây Ban Nha trên bờ Thái Bình Dương của Nam Mỹ. Nữ hoàng phán, "Drake, sự thể là ta rất thích trả thù vua Tây Ban Nha vì những thương tổn mà ta đã phải chịu". Bà bảo là cách duy nhất để đánh trả Philip II, vua Công giáo của Tây Ban Nha có hiệu quả, là tại châu Mỹ, nguồn sung túc của họ. Hơn nữa, Drake là con người duy nhất có thể lãnh nhận sứ mạng này. Thế nhưng, nếu kế hoạch bất thành hoặc Drake bị bắt, bà ta có thể chối biến

những hoạt động ấy. Chính vì thế những gì cướp bóc được ở những trại định cư Tây Ban Nha lúc ấy (1577-1580) coi như chuyện riêng theo luật quốc tế, mà thực chất là để trả đũa những gì người Anh đã mất mát trước đó; kiểu chỉ mượn danh, chẳng khác gì quân hải tặc.

Nữ hoàng không dám lệnh cho Drake công khai– vì làm vậy chẳng khác gì tuyên chiến với Tây Ban Nha. Giả như Drake bị bắt, nhà nước Anh có thể đổ vấy cho Drake, và lúc ấy Drake bị xử như tên cướp biển, thế nhưng ông đã qua khỏi và được nữ hoàng tôn vinh.

Tiểu sử

Ngài Francis Wasingham (khoảng 1532-1590) là con trai của một luật sư và khởi sự nghiệp trong ngành luật năm 1552. Năm 1563 ông đã có chân Nghị viện. Ông là sứ thần của Anh tại triều đình Pháp từ 1570-1573, được tham dự Mật viện, rồi tháng Mười Hai 1573, ông được đề cử làm chánh sứ cho đến ngày ông qua đời. Vị chánh sứ cẩn trọng này đã dành nhiều thời gian điều tra và chống lại các âm mưu của Công giáo chống lại nữ hoàng. Tài ngoại giao của ông đã giúp Elizabeth I nhiều việc về chính sách ngoại giao, chính sách mà ông đã kiên định theo đuổi cho dù nữ hoàng có không nghe lời khuyên của ông. Ông được phong tước hiệp sĩ năm 1577, và sau đó làm đại pháp quan với phẩm hàm cao nhất trong hàng hiệp sĩ Anh (Order of the Garter).

THƯ CỦA NGÀI FRANCIS WALSINGHAM GỬI FRANCIS DRAKE 1577

... như mọi người biết... là có việc buôn bán bất hợp pháp tuồn vào các vương quốc của Nữ hoàng. Họ không tuân lệnh thái tử, vì thế có nhiều loại gia vị, thuốc phiện, phẩm yên chi, và các hàng hóa đặc biệt khác, như vậy có thể bành trướng thêm tới các lãnh thổ khác Nữ hoàng, và cả... việc đổ khối lượng hàng lớn, lại... gia tăng ở vùng 30^0... phía Nam Hải (nghe nói... bởi tên Francis Drake đã nhắc ở trên... tới... nơi xa), sau đó ông này phải trở về nhà bằng chính con đường mà ông đã ra đi, cuộc hải hành nếu được ơn của Chúa cần thực hiện trong 12 tháng. Thế nhưng ông ta nấn ná thêm 5 tháng trên bờ biển để nắm rõ về các ông hoàng và các quốc gia ở đó.

SIR FRANCIS WALSINGHAM TO FRANCIS DRAKE 1577

... as of the other to find out... to have traffic for the vent of Her Majesty's realms. They are not under the obedience of princes, so is there great hope of spices, drugs, cochineal, and special commodities, such as may extend Her Highness's dominions, and also... shipping a-work greatly and... gotten up as aforesaid into 30 degrees... the South Sea (if it shall be thought... by the forenamed Francis Drake... to ... far) then he is to return the same way homewards as he went out, which voyage by God's favor is to be performed in 12 month. Although be should spend 5 months in tarrying upon the coast to get knowle [dge] of the princes and countries there.

Frа: Walsyngham

LOUIS XIV

"Vị Minh quân" đưa ra lời nghiêm khắc cảnh cáo viên đại thần đừng liều lĩnh thách thức ý muốn của nhà vua.



Louis XIV ngày càng trở nên chuyên quyền trong thời gian trị vì lâu dài của ông.



Jean-Baptiste Colbert, nhà cai trị đầu tiên cảnh giác hải quân Pháp.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Năm 1661, sau 18 năm là vị vua "trẻ con" chịu sự kiểm soát của các đại thần, lúc 23 tuổi, Louis XIV quyết định là ông và chỉ mình ông cai trị nước Pháp; câu nói "*Vương quốc là trẫm*" ("L'état c'est moi") đã trở thành khẩu lệnh của ông. Một ngày ông làm việc 9 tiếng, tập hợp các hội đồng quốc gia gồm những người được tuyển chọn kỹ, và

yêu cầu từng việc, dù là luật pháp, ngoại giao, hay tài chính đều phải có chữ ký của ông. Ông ban hành *các chiếu tống giam* (lettres de cachet) tới bất kỳ ai làm phật lòng ông–dễ đến hơn 9.000 người thuộc loại này trong suốt triều đại của ông. Bị ám ảnh bởi quyền lực chuyên chế, ông không cho phép ai chống đối hoặc phê phán.

Vị quan có năng lực nhất của Louis, người nhận lá thư này, là Jean-Baptiste Colbert (1619-1683). Là cựu trợ lý của Hồng y Mazarin, năm 1661, Colbert đã làm cho quan đứng đầu ngân khố là Fouquet bị sa thải. Bản thân ông thăng tiến nhanh quyền lực chính trị dưới triều Louis XIV,trở thành người đứng đầu công quỹ. Colbert làm việc còn hăng say hơn cả nhà vua, hàng ngày ông làm việc 16 tiếng tại văn phòng. Là một đại thần và nhà cải cách tài chính, ông đặt nền tài chính của Pháp trên nền tảng vững chắc, an toàn, thiết lập hải quân, và củng cố chính sách thực dân của Pháp. Ông cũng tích cóp để làm giàu cá nhân.

Niềm say mê lớn nhất của Colbert là ngành Hải quân Pháp khiến ông có lúc xung khắc với nhà vua. Colbert muốn thiết lập một hạm đội mạnh nhất thế giới. Ông sẵn sàng chi tiền vào việc tăng cường các tàu chiến lớn hơn là bỏ tiền tiêu pha vào việc kiến thiết lâu đài mới, đồ sộ của Louis ở Versailles, điều được gợi ý trong bức thư lạnh lùng ở đây–một dấu hiệu rõ ràng cho thấy điều gì xảy ra cho những ai dám chống lại ý muốn của nhà vua.

Colbert hiểu điều ấy, dù ông là người có thế lực và tài năng, để có thể nhận được chiếu tống giam, chịu tù tội suốt đời. Louis XIV không ưa gì sự

đối đầu trực diện; nhưng ông không khoan nhượng và không dung thứ nếu các cận thần không cúi đầu vâng phục ông ngay. Một Colbert khôn ngoan chẳng bao giờ tái liều lĩnh bất tuân nhà vua nên đã giữ được vị thế của mình cho đến khi mãn phần vào năm 1681, dẫu cay đắng trước những thái quá của nhà vua và sự ghét bỏ của những người chịu thuế khắc nghiệt.

Sự lèo lái của ông nhằm giúp nước Pháp lớn mạnh về mọi lãnh vực đời sống đều bị ngăn trở, trước và sau khi ông qua đời, do lòng say mê chiến tranh của nhà vua và vị quan lo việc chiến chinh là Louvois, nên dù Colbert có nỗ lực mấy, thì khi Louis XIV băng hà năm 1715, nước Pháp bị kiệt quệ.

Tiểu sử

Louis thứ XIV (1638-1715) còn gọi là "Minh quân", lên ngôi từ lúc 4 tuổi, nhưng không có chút quyền hành nào cho tới năm 1661, khi Hồng y Mazarin, người đã cai trị hiệu quả trong suốt thời gian làm nhiếp chính qua đời. Sau đó ông biến nền quân chủ chuyên chế và bắt đầu tận dụng sự thịnh vượng của Pháp trong 50 năm chiến tranh triền miên. Lập trường tôn giáo hẹp hòi của Louis đã khiến ông ngược đãi những tín đồ Tin lành Pháp, bao gồm cả việc hủy bỏ Chỉ dụ về Nantes năm 1685. Vì những lý do chính trị, năm 1660 ông đã kết hôn với Marie-Thérèse của Áo, con gái Hoàng Đế Tây Ban Nha; Marie qua đời năm 1683. Sau khi Marie qua đời, Louis âm thầm kết hôn với Madame de Maintenon, tình nhân thứ ba trong số những tình nhân nổi tiếng của ông.

THƯ CỦA LOUIS XIV GỬI JEAN-BAPTISTE COLBERT

Ngày 24 tháng Tư 1671

Chantilly, ngày 24 tháng 4 năm 1671

Bữa kia, ta đã phải tự kiềm chế mình đủ để giấu nhà ngươi điều đau buồn mà ta phải chịu đựng khi nghe chính cái người mà ta đã tuôn tràn các phúc lợi nói với ta, đại để là nhà ngươi đã làm trong trường hợp đó.

Ta đã luôn ưu ái nhà ngươi, và từ các hành động của ta, dường như vẫn minh chứng là ta còn ưu ái nhà ngươi. Ta tin rằng ta vẫn tỏ rõ điều này khi nói với nhà ngươi là ta chỉ kiềm chế mình có hạn thôi, không muốn nói thẳng với nhà ngươi những gì ta đang viết cho nhà ngươi, để nhà ngươi đừng chống đối ta thêm nữa. Đó là những gì ta nhớ về các vụ việc mà nhà ngươi đã làm đối với ta, còn tình

bạn của ta dành cho nhà ngươi khiến ta xích lại gần anh đến thế (đấy); hãy tận dụng chúng mà đừng sai phạm gây đau buồn cho ta thêm nữa, vì sau này ta đã nghe các lý do của nhà ngươi và những người là những cộng sự của nhà ngươi, còn khi ta đã phải công bố sự trừng phạt đối với những đòi hỏi của nhà ngươi, ta không hề muốn nói về vấn đề này nữa.

Hãy xem liệu hải quân có phù hợp với nhà ngươi không, nếu nhà ngươi không có nó như nhà ngươi muốn. Hay nếu nhà ngươi thích điều gì khác. Hãy cứ nói lên. nhưng sau khi ta đã đưa ra quyết định cho nhà ngươi, ta không muốn nghe thêm bất cứ điều gì về vấn đề ấy.

Ta nói đúng những gì ta suy nghĩ để nhà ngươi cẩn trọng khi hành động và đừng đi tiếp các bước sai lầm.

LOUIS XIV TO JEAN-BAPTISTE COLBERT
April 24, 1671

Chantilly, 24th April 1671

The day before yesterday I was master of myself sufficiently to hide from you the grief that I suffered in listening to a man on whom I have showered benefits talking to me in the way that you did on that occasion.

I have always had a great affection for you, and from my actions it seems evident that I still have. I believe that I am giving a great indication of this by telling you that I restrained myself for a moment, not wanting to say to your face the things I am now writing to you, so that you could not offend me further. It is the memory of the services you have done for me and my friendship for you that make me approach you thus; take advantage

of them and don't make the mistake of distressing me further, for after I have heard your reasons and those of your associates, and when I have pronounced judgment on all your pretensions, I don't ever want to speak of the subject again.

See whether the navy is suitable for you, if you don't have it as you want, or if you would prefer something different. Speak freely. But after I give you a decision, I don't want to hear any more on the matter.

I am telling you exactly what I think so that you can work from a secure foundation and do not take false steps.

NAPOLEON BONAPARTE

Vị tổng tài đầu tiên của Pháp cảnh báo em của hoàng đế bị hành hình là đừng bao giờ quay lại quê hương.



Napoleon Bonaparte, người đã nổi lên từ viên thiếu úy pháo binh để trở thành hoàng đế nước Pháp.



Louis XVIII, người sau này trị vì nước Pháp, từ 1814 đến 1824.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Sau khi Napoleon từ chiến dịch Ai Cập trở về Pháp tháng Mười 1799, ông tiến hành ngay cuộc chính biến, đặt mình làm quan tổng tài đầu tiên. Ông đã công bố là cuộc cách mạng đã hoàn tất, và tuyên bố giờ đây cần củng cố những thành quả của cách

mạng. Triều đại mới xuất hiện để mang lại sự ổn định và hòa bình cho nhân dân Pháp sau mười năm hỗn loạn, từ đó người dân ủng hộ Napoleon rộng rãi.

Sự phát triển này tác động nghiêm trọng đến các kế hoạch của Louis Stanislas Xavier (1755-1824), em trai của vị vua bị hành hình Louis VI. Trước cách mạng, Stanislas đã mưu đồ chống lại anh mình, hy vọng đưa vương triều thành nền quân chủ lập hiến sau năm 1789. Nhưng ông cảm giác ngọn gió cách mạng dữ dội đang thổi và đã vội vã ra đi, trong khi anh ông vẫn ở lại Pháp và bị hành hình. Louis XVII, cháu của Stanislas, người con thứ của Louis XVI, người thừa kế thứ kế tiếp ngai vàng, đã chết trong tù năm 1795, lúc mới 10 tuổi. Cho tới khi Napoleon bình định xong, quyền hành thuộc về Louis XVIII (ông lấy hiệu này năm 1795), vì người dân Pháp đã mệt mỏi sau mấy năm cách mạng và biến động.

Nhà vua đã quan tâm nhìn sự nổi trội của viên tướng trẻ Bonaparte. Năm 1797, do tin sắp khôi phục, ông đề nghị Napoleon làm phó vương vùng Corsica và danh hiệu nguyên soái của Pháp nếu Napoleon cũng tuyên bố ủng hộ ông. Thế nhưng cuộc binh biến năm 1797 đã trục xuất 53 đại biểu bảo hoàng mà Louis đang hy vọng sử dụng làm nền tảng quyền lực của ông. Rồi cuộc binh biến của Bonaparte nổ ra (ngày 9 tháng Mười Một 1799). Trong một lời cảnh báo, Louis đã viết cho Napoleon đầu năm 1800: "Khanh đã mất bao thời gian để đưa trẫm trở lại ngai vàng; có nguy cơ là khanh đánh mất cơ hội. Không có trẫm, khanh không thể làm cho nước Pháp hạnh phúc, cũng thế, không có khanh, trẫm không thể làm gì cho nước

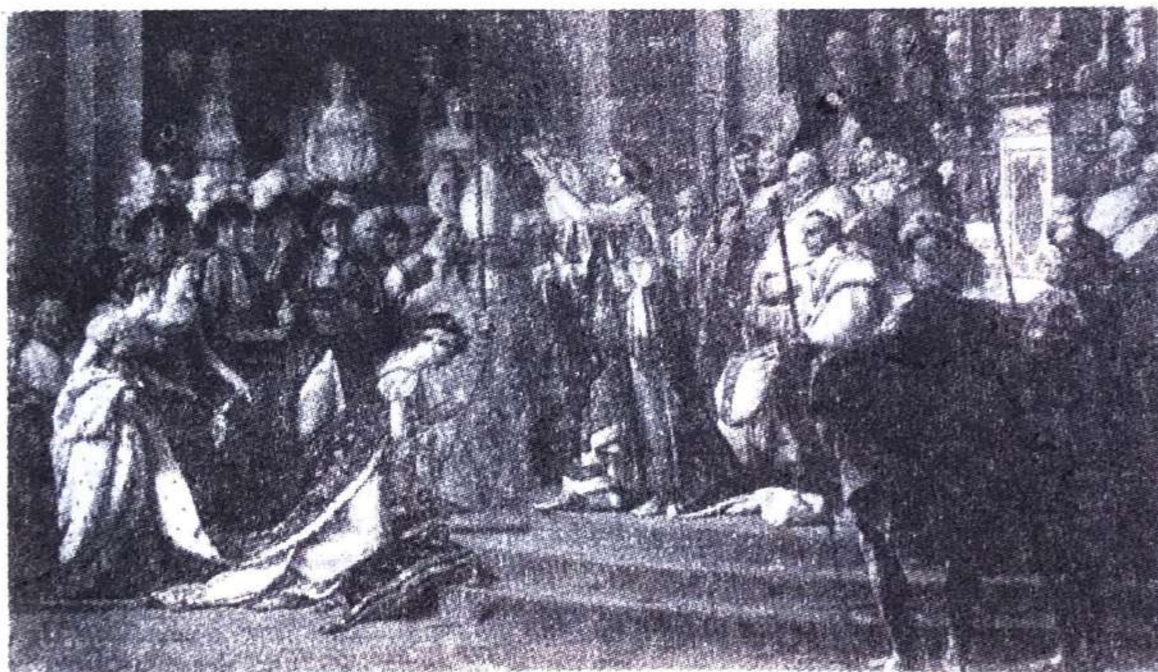
Pháp. Vì thế hãy gấp rút cho trẫm biết khanh và các bạn của khanh muốn địa vị và chức tước gì mới cảm thấy thỏa lòng. Câu trả lời tức khắc của Napoleon ngắn gọn thật ấn tượng, và ba năm sau, năm 1803, ông gợi ý cho Louis biết là ông đã nhìn thấy mọi việc và bác chuyện yêu cầu đưa ông lên làm vua của Pháp. Năm 1804 Napoleon tự xưng vương.

Cho tới năm 1814, dân Pháp nhận được mọi thứ từ vị hoàng đế người Corsica mà đối với dòng họ Boubon chỉ là trong mơ: sự hiệp thương với giáo hội, dân pháp, quy tắc của luật pháp, đường xá tốt, trường lớp quy củ, và nhiều thứ nữa. Nhưng thời của Louis đã tới vào năm 1814 khi Napoleon bị ép phải thoái vị sau khi các cơ quan quyền lực ở Paris bị các lực lượng đồng minh Áo, Nga, Phổ, và Anh bao vây. Napoleon bị đưa ra đảo Elba và bị đày ở đó.

Cuối cùng Louis XVIII cố kéo lùi thời gian về năm 1789, lại làm mất lòng dân. Hậu quả là tháng Ba 1815, Napoleon có thể trở về từ Elba và chỉ huy chiến dịch 100 ngày nhưng rồi bị thất trận ở Waterloo. Khi Napoleon bị bao vây và bị đi đày vĩnh viễn ở St. Helena, khẩu hiệu của Louis trở thành "Hãy đoàn kết lại và hãy quên đi". Ông luôn khâm phục tài cầm quân của Napoleon, còn nhà văn Honoré de Balzac phải thừa nhận rằng trên thực tế hai con người ấy có nhiều điểm chung: "Sau cách mạng, thiên tài trong triều chính nằm ở chỗ thực hiện sự hiệp nhất, điều mà cả Napoleon và Louis XVIII đã thực hiện, cả hai đều là thiên tài đích thực.

Tiểu sử

Napoleon Bonaparte (1769-1821), sinh ra ở Corsica và được học tại học viện quân sự Pháp, đã làm tên tuổi của ông được biết đến ở Toulon vào 1793, và đã chứng minh là một chiến binh xuất sắc khi ông chỉ huy quân Pháp ở Ý (năm 1796). Ông đã chiến thắng quân Áo và tiếp theo là chiến dịch ở Ai Cập. Thành công trên đất liền, Napoleon đã được Horatio Nelson của Anh thử sức trên biển trong trận chiến sông Nile (1798). Năm 1799, cuộc binh biến đã đưa ông lên làm tổng tài đầu tiên của Pháp, và năm năm sau trở thành hoàng đế. Ông đã tự trải rộng về mặt quân sự. Năm 1814 Louis XVIII lên ngôi vua còn Napoleon đã bị đi đày. Năm 1815 ông đã trốn thoát và cố quay về chiếm quyền nhưng bị thất trận ở Waterloo.



Napoleon trao vương miện cho nữ hoàng của ông, Josephine. Giống như đại đế Charlemagne (742-814), nhân chuyến công du của giáo hoàng tới Paris, ông đã được giáo hoàng cử hành lễ phong vương. Rồi cũng như Charlemagne, Napoleon cũng cầm vương miện từ tay giáo hòang và đội lên đầu mình, để tỏ ra rằng ông không nhờ giáo hội để có quyền hành trần thế.

THƯ CỦA NAPOLEON BONAPARTE GỬI LOUIS XVIII

Năm 1800

Tôi đã nhận được thư của ngài. Cảm ơn lòng tốt của ngài dành cho tôi. Ngài phải từ bỏ mọi hy vọng trở lại Pháp: ngài sẽ phải bước qua 100.000 tử thi. Hãy hy sinh quyền lợi cá nhân của ngài vì hòa bình và hạnh phúc của nước Pháp. Lịch sử sẽ không quên. Tôi không khỏi mủi lòng trước những bất hạnh của dòng họ ngài. Tôi sẽ thực hiện điều gì có thể để trả lại cho ngài cuộc sống ẩn dật an vui và thư thái.

Bonaparte

NAPOLEON BONAPARTE
TO
LOUIS XVIII
1800

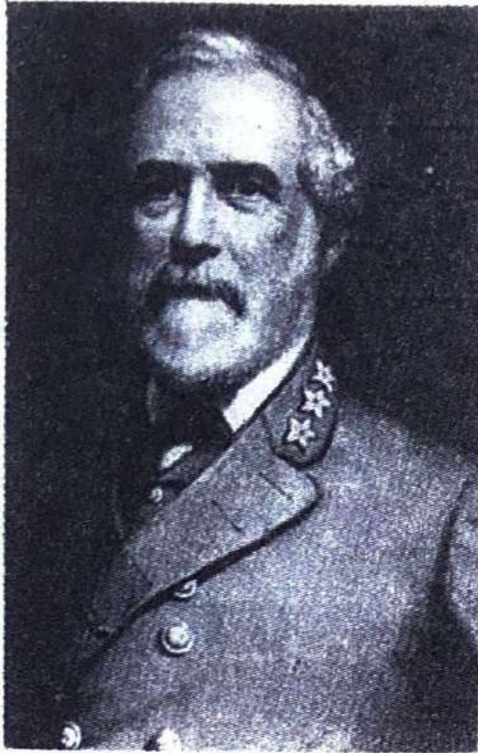


I have received your letter. I thank you for your kind remarks about myself. You must give up any hope of returning to France: you would have to pass over 100,000 dead bodies. Sacrifice your private interests to the peace and happiness of France. History will not forget. I am not untouched by the misfortunes of your family. I will gladly do what I can to render your retirement pleasant and undisturbed.

Bonaparte

ROBERT E. LEE

Vị tướng thất trận thuộc các bang ly khai, đã ra hàng tướng Grant, viết lá thư trang trọng giã từ binh lính của ông.



Chân dung Robert E. Lee treo ở Washington và đại học Lee.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Đầu tháng Tư 1865, Robert E. Lee, người anh hùng của liên quân miền Nam, dẫn tàn quân tơi tả thuộc Bắc Virginia ra khỏi Richmond (thủ đô của các bang ly khai miền Nam) trên đường hành quân ép buộc dẫn tới cửa tử, hy vọng có thể liên kết với đoàn quân bị bao vây của Tướng Joseph E. Johnston trong dãy núi thuộc Virginia và Tenessee. Nhưng Tướng Ulysses S. Grant, chỉ huy trưởng liên quân, đã truy đuổi ông liên tục cả tuần. Sau thất bại quân sự ngày 6 tháng Tư– "Thứ Ba Đen đủi" của các bang ly khai–Lee đã mất đi 12.500 quân, một phần ba lực lượng được ông rút đi khỏi Richmond. Nhìn thấy tình cảnh của binh lính, ngày 7 tháng Tư Grant đã kêu gọi Lee đầu hàng và tránh đổ máu thêm nữa. Lee trả lời là ông chưa coi tình thế của ông là tuyệt vọng., nhưng cả ông cũng muốn tránh thiệt mạng vô ích nên ông đã hỏi điều

kiện đầu hàng của Grant, đề nghị một cuộc gặp gỡ vào lúc 10 giờ sáng ngày 9 tháng Tư.

Sáng ngày 9 tháng Tư, Tướng Lee đi tới tuyến của Liên quân mang theo cờ ngưng chiến, và chỉ có hai hộ tống. Grant 43 tuổi, người đã chiến thắng nhiều vị tướng cao niên hơn ông. Ông đã kêu gọi binh lính của Lee giải giới, được tha với điều kiện không cầm súng lại. Khoảng 4 giờ chiều, các bản kêu gọi đầu hàng được in ra và ký tên, và Grant nhất trí gửi 25.000 xuất ăn cho quân miền Nam đang đói khát.

Ngày hôm sau Lee viết lá thư trang trọng giã từ binh lính của ông. Một yếu tố của sự thất trận của họ mà Lee không-có lẽ không thể-đề cập tới là trong chiến dịch cuối cùng của ông ta (Grant) ông ta đã luôn vượt trội hơn. Như một viên đại tá nói về Grant: "Ông đã điều khiển quâncủa Lee giống như khi điều khiển quân của mình; khiến và biết trước mỗi chuyển động của Lee, kể cả việc đầu hàng, đánh nhau, hành quân, và điều đình luôn diễn ra".

Tiểu sử

Robert E. Lee (1807-1870), tốt nghiệp hạng ưu tại Học viện Quân sự West Point năm 1829 và làm kỹ sư trưởng quân sự của trung ương trong cuộc chiến tranh Mexico– Mỹ (1846-1848). Ông bị thương nặng trong trận Chapultepec ở Mexico. Sau thời gian lãnh đạo Học viện Quân sự Mỹ và trông coi kỵ binh ở Texas, Lee xin từ nhiệm năm 1861 để tham gia chiến đấu các bang ly khai miền Nam. Ông trở thành vị chỉ huy thành công lớn đoàn quân Bắc Virginia. Tháng Hai năm 1865, ông được chỉ định làm Tổng chỉ huy các lực lượng miền Nam. Sau chiến tranh, ông làm hiệu trưởng trường Cao đẳng Washington (nay là Đại học Washington and Lee) ở Lexington, bang Virginia.

THƯ CỦA ROBERT E. LEE GỬI QUÂN ĐỘI BẮC VIRGINIA

Ngày 10 tháng Tư 1865

Sở chỉ huy quân Bắc Virginia,
Ngày 10 tháng Tư năm 1865

Trải qua 4 năm phục vụ hăng say, được đánh dấu bằng bởi lòng dũng cảm và chịu đựng ngoan cường không gì sánh được, quân đội Bắc Virginia đã buộc phải đầu hàng trước số quân và phương tiện áp đảo. Tôi không cần phải nói với những người còn sống sau bao cuộc chiến đầy gian khổ, những con người đã giữ được lòng kiên cường đến giây phút cuối cùng, làm tôi hài lòng với kết quả không xáo trộn của họ; nhưng, vì nhận thấy rằng sự quả cảm và nhiệt tình chẳng đạt được điều gì có thể bù đắp sự mất mát nếu tiếp tục kéo dài cuộc chiến, tôi đã quyết định tránh sự hy sinh vô ích của những người mà việc phục vụ trước đó của họ thật đáng được mọi đồng hương trân trọng. Trong điều khoản của hiệp định, các sĩ quan và binh lính có thể trở về nhà và ở nguyên đó cho đến khi được thuyên chuyển. Các bạn có thể lấy làm thỏa lòng vì các bạn đã thực hiện ý thức bổn phận một cách trung thành, còn tôi tha thiết xin Thiên chúa nhân từ luôn chúc phúc cho các bạn và che chở các bạn. Với lòng khâm phục ngày càng lớn đối với lòng kiên định và nhiệt thành của các bạn dành cho tổ quốc, và với lòng biết ơn sâu xa lòng tốt và độ lượng của các bạn, tôi xin gửi đến các bạn lời chào th

ROBERT E. LEE
TO
THE ARMY OF NORTHERN VIRGINIA
April 10, 1865

Headquarters, Army of Northern Virginia,
April 10, 1865

After your years of arduous service, marked by unsurpassed courage and fortitude, the Army of Northern Virginia has been compelled to yield to overwhelming numbers and resources. I need not tell the survivors of so many hard-fought battles, who have remained steadfast to the last, that I have consented to this result from no distrust of them; but, feeling that valor and devotion could accomplish nothing that could compensate for the loss that would have attended the continuation of the contest, I have determined to avoid the useless sacrifice of those whose past services have endeared them to their countrymen. By the terms of the agreement, officers and men can return to their homes and remain there until exchanged. You will take with you the satisfaction that proceeds from the consciousness of duty faithfully performed; and I earnestly pray that a merciful God will extend to you His blessing and protection. With an increasing admiration of your constancy and devotion to your country, and a grateful remembrance of your kind and generous consideration of myself, I bid you an affectionate farewell.

R E Lee

KARL MARX

Triết gia theo chủ nghĩa xã hội viết thư cho bạn và cũng là đồng nghiệp của mình trình bày ý kiến của ông về tương lai của Ireland.



Karl Marx tin rằng ý thức giai cấp vượt trên sự thù oán giữa Công giáo và Tin lành.



Friedrich Engels tự gắn mình vào phong trào Fenian sôi nổi nên đã có tầm nhìn của người theo chủ nghĩa dân tộc Ireland.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Sự phát triển gây ấn tượng sâu sắc nhất trong lịch sử Ireland trong thập niên 1860 là sự lớn mạnh của Nghiệp đoàn Cộng hòa Ireland, một tổ chức bí mật, có lời thề, thường được gọi là những người theo phong trào Fenian. Được thành lập ở

New York năm 1858, và được đưa vào Anh, những người theo phong trào này liền được nhiều người Ireland (dân tộc bị Anh cai trị trên 250 năm) ủng hộ. Tại Mỹ, người ta đã tăng tiền tài trợ lên 250.000 mỹ kim để ủng hộ cuộc nổi dậy tại Ireland. Năm 1866 xảy ra cuộc bố ráp ở Canada nên tháng Giêng 1867 "những con sói" Fenian (phần lớn là các cựu binh Nội chiến) đã vượt biển tới Ireland để công bố nền cộng hòa Ireland. Cuộc nổi dậy thất bại.

Sự căng thẳng tràn ngập. Quan điểm rộng rãi ở Anh thấy rằng vấn đề của Ireland cần được giải quyết. William Ewart Gladstone, người lên làm thủ tướng năm 1868 sau chiến thắng bầu cử hoàn toàn, đã đưa đạo luật nhằm tách giáo hội ra khỏi nhà nước. Ông ta đã có những kế hoạch để hợp pháp hóa nhằm bảo vệ các quyền của các tá điền, những người phó mặc số phận của mình cho các chủ đất vắng mặt, và hy vọng trung hòa phong trào đòi độc lập của Ireland đang lớn mạnh.

Đó là bối cảnh để ông tổ của "chủ nghĩa xã hội khoa học" Karl Marx viết lá thư này cho ông bạn thân và cũng là người cộng tác, Friedrich Engels (1820-1895). Engels là một thương gia giàu có đã nghỉ hưu, là thành viên các câu lạc bộ của các quý ông, và là người tài trợ dàn nhạc Halle. Marx là người không có thu nhập riêng, chịu ảnh hưởng mạnh của triết gia Đức là Hegel. Năm 1843, lúc sống ở Paris, ông đi theo chủ nghĩa cộng sản. Engels tập trung viết về lịch sử quân sự, khoa học, và phổ biến thuyết lý của Marx. Marx chú tâm vào vấn đề kinh tế chính trị và thuyết lịch sử của người duy vật.

Ở chừng mực nào đó, những khác biệt này được phản ánh nơi các quan điểm riêng của các bạn bè. Trái tim của Engel hướng cả về Ireland. Tình yêu lớn ban đầu của ông là Mary Burns, một thiếu nữ thuộc giai cấp công nhân mà ông gặp trong lần thăm Manchester lần đầu. Ông đã cùng nàng du lịch tới Ireland hồi tháng Năm 1856, và đã có tình cảm sâu đậm với đất nước này và lòng căm ghét những việc làm sai trái của Anh ở đây.

Với Marx, tầm nhìn của ông đối với Ireland mang tính lý trí hơn. Không như Engels, người coi những người theo phong trào Fenian như cái gì mới mẻ nhất trong bước đường dài của những người theo chủ nghĩa dân tộc của Ireland, Marx nghĩ rằng phong trào Fenian như sự đáp ứng các điều kiện kinh tế ở Ireland.

Marx nhìn phong trào Fenian như hình thái của chủ nghĩa xã hội, tin rằng quyền lợi của giai cấp công nhân Anh gắn liền với một Ireland độc lập, và tin rằng cú đánh trả quyết định vào giai cấp thống trị Anh sẽ được giáng trả ở Ireland.

Những chiến thuật chia để trị

Theo quan điểm của Marx, Ireland là bức tường thành của tầng lớp quý tộc được cắt rễ ở Anh. Khi các vấn đề phát sinh, giai cấp thống trị có thể dùng các chiến thuật chia để trị, làm cho giai cấp vô sản Anh và Ireland chống lại nhau, giống như ở Mỹ người ta làm cho người da đen và "tầng lớp nghèo khổ da trắng" chống lại nhau.

Marx tin rằng việc lật đổ giai cấp quý tộc ở Ireland thì dễ hơn ở Anh vì ở đấy vấn đề ruộng đất là vấn đề sống còn, và ở đó, theo ông, dân chúng khao

khát một cuộc cách mạng hơn ở Anh. Marx nói, Ireland dưới ách của người Anh làm cho giai cấp vô sản yếu đi bằng cách xuất khẩu len và thịt giá rẻ, và bằng cách gửi dân số thặng dư qua Anh, từ đó ép tiền lương của người dân.

Khi nó xảy ra, những tiên đoán của Marx nhiều hơn những gì ông mong đợi và phân tích. Lúc Gladstone tách giáo hội ra khỏi nhà nước. Marx nghĩ điều này còn có thể dẫn tới sự suy sụp của Giáo hội Anh, cũng như kết liễu chế độ địa chủ ở Anh và Ireland. Một khi Giáo hội Ireland chết, những tá điền Tin lành Ireland ở Ulster sẽ liên kết với người Công giáo ở miền Nam, ngăn cản các chủ đất khai thác, sự đối kháng tôn giáo. Có khi còn chua chát hơn.

Tiểu sử

Karl Marx (1818-1883), ông tổ sáng lập chủ nghĩa cộng sản hiện đại, sinh ra ở Đức, con của một luật sư người Do Thái. Ông cộng tác với Friedrich Engels từ năm 1844. Hai người cùng nhau soạn bản Tuyên ngôn Cộng sản từ hai năm 1847-1848. Sau những biến động gây chấn động vào năm 1848, được Engels tài trợ, ông buộc phải lánh qua Anh. Thập niên 1860, ông khởi viết kiệt tác *Tư bản luận* (*Das Kapital*), một phân tích sâu sắc về chủ nghĩa tư bản đương thời, nhưng tới khi ông mất nó vẫn chưa hoàn thành. Dựa vào những ghi chú của Marx, Engels đã hoàn tất hai tập cuối. Những ảnh hưởng sau này của Marx trên lịch sử thế giới là rất lớn, và phần mộ của ông ở nghĩa trang Highgate, London, trở thành nơi hành hương của nhiều nhà xã hội học.

THƯ CỦA KARL MARX GỬI FRIEDRICH ENGELS

Ngày 30 tháng Mười Một 1867

Nếu anh có đọc báo, anh sẽ thấy rằng: 1) Tượng kỷ niệm mà Hội đồng Quốc tế dành cho những người theo phong trào Fenian đã được gửi tới Hardy, và 2) cuộc thảo luận về phong trào Fenian được công khai (thứ ba tuần trước) được tường trình trên tờ Times. Tôi đã đến quá trễ (tôi bị sốt khoảng nửa tháng và mới khỏi được hai ngày) thực ra tôi không tính phát biểu, trước hết do tình trạng sức khỏe của tôi có vấn đề, thứ đến là do hoàn cảnh tế nhị. Dù thế, ông thị trưởng Weston cố ép tôi, vì thế tôi đã gợi ý hoãn cuộc họp. (Chẳng đặng đừng) tôi buộc phải phát biểu hôm thứ Ba tuần trước. Thực tế là tôi đã chuẩn bị cho ngày thứ Ba ấy không dài như bài diễn văn nhưng là những điểm của bài diễn văn. Các phóng viên Ireland không thể vào được.

Điều mà người Anh chưa biết là thực trạng của nền kinh tế kể từ năm 1846 và cả mục đích chính trị trong chính sách thống trị của người Anh ở Ireland đã đi vào một giai đoạn hoàn toàn mới, và điều ấy, chính xác vì điều ấy, những nét đặc trưng của phong trào Fenian là những xu hướng của chủ nghĩa xã hội, nên thực tế nó là một phong trào của các tầng lớp dưới. Còn gì lố bịch hơn là nhầm lẫn những hành động dã man của Elizabeth hay Cromwell, những người muốn thay thế người dân Ireland bằng những tên thực dân Anh với hệ thống hiện hành muốn thay thế họ bằng những con cừu, con heo và bò! Chính phủ Anh ở London xuẩn ngốc chẳng biết gì về những thay đổi to lớn này kể từ năm 1846. Nhưng người Ireland thì biết. Từ Tuyên ngôn Meagher (1848) cho đến bản tuyên ngôn bầu cử của Hennesy (Tory và Urquhartite) (1866), người Ireland đã bày tỏ sự hiểu biết của họ về việc này một cách rõ ràng và sinh động nhất.

Giờ đây vấn đề là, chúng ta nên khuyên các công nhân Anh điều gì? Những gì người Ireland cần là :

1) Chế độ tự trị và nền độc lập tách khỏi nước Anh.

2) Cuộc cách mạng ruộng đất. Với những khái niệm đúng đắn nhất trên thế giới mà người Anh không thể thực hiện điều ấy cho họ, nhưng họ có thể đưa ra cho mình phương cách hợp pháp để thực hiện điều ấy cho chính họ.

3) Thuế bảo hộ hàng nội địa chống lại Anh quốc. Giữa năm 1783 và 1801, mọi ngành của nền công nghiệp Ireland đã phát triển. Qua việc bãi bỏ thuế bảo hộ hàng nội địa, Nghị viện Ireland đã thiết lập được Liên minh, phá hoại toàn bộ đời sống công nghiệp ở Ireland. Một khi người Ireland được độc lập, họ tất sẽ ủng hộ chế độ bảo vệ nền công nghiệp trong nước, giống như đã thấy ở Canada, Úc v.v. . . Trước khi tôi trình bày quan điểm của mình trong Hội đồng Trung ương (thứ Ba tới, may là lúc này không có các phóng viên), tôi sẽ rất mừng nếu anh viết cho tôi vài dòng ý kiến của anh.

Thân chào.

KARL MARX
TO
FRIEDRICH ENGELS
November 30, 1867

If you have read the journals you will have seen that 1) the Memorial of the International Council for the Fenians was sent to Hardy, and that 2) the debate on Fenianism was public (last Tuesday week) and reported in The Times. I came very late(I ran a temperature for about a fortnight and the fever passed only two days ago) and really did not intend to speak, firstly because of my troublesome physical condition, and secondly because of the ticklish situation. Nevertheless Weston, who was in the chair, tried to force me to, so I moved that the meeting be adjourned. This obliged me to speak last Tuesday. As a matter of fact I had prepared for Tuesday last not a speech but the points of a speech. But the Irish reporters failed to come.

What the English do not yet know is that since 1846 the economic content and therefore also the political aim of English domination in Ireland have entered into an entirely new phase, and that, precisely because of this, the characteristic features of Fenianism are socialistic tendencies and the fact that it is a movement of the lower orders. What can be more ridculous than to confuse the barbarities of Elizabeth or Cromwell, who wanted to supplant the Irish by English colonists, with the present system, which wants to supplant them by sheep, pigs and oxen! The stupid English Government in London knows nothing of course of this immense change since 1846. But the Irish know it. From Meagher's Proclamation (1848) down to the election manifesto of Hennesy (Tory and Urquhartite) (1866), the Irish have expressed their awareness of this in the clearest and most forcible manner.

The question now is, what advice shall we give to the English workers? What the Irish need is:

1) Self-government and independence from England.

2) An agrarian revolution. With the best intentions in the world the English cannot accomplish this for them, but they can give them the legal means of accomplishing it for themselves.

3) Protective tariffs against England. Between 1783 and 1801 all branches of Irish industry flourished. The Union, by abolishing the protective tariffs established by the Irish Parliament, destroyed all industrial life in Ireland. Once the Irish are independent, necessity will turn them into protectionists, as it did Canada, Australia, etc. before I present my views in the Central Council (next Tuesday, this time fortunately without reporters), I should be glad if you gave me your opinion in a few lines.

Greetings

ÉMILE ZOLA

Trong lá thư ngỏ gởi cho tổng thống Pháp, nhà văn Emile Zola tố cáo Bộ trưởng Chiến tranh trong việc che đậy vụ việc Dreyfus.



Emile Zola, khi ông xuất hiện trong văn học Anh và tạp chí châm biếm, Hội chợ Phù hoa, năm 1880.



Félix Faure, tổng thống Pháp từ năm 1895 đến 1899, người theo chủ nghĩa quân phiệt và đã từng tuyên bố chống lại vụ Dreyfusard.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

12 năm cuối của thế kỷ, nước Pháp bị chia rẽ bởi một vụ sai lầm công lý tai tiếng. Nguyên nhân của toàn bộ sự việc là vụ Dreyfus. Đó là những khoản tiền mà một trong những nhà văn nổi tiếng

của Pháp, Emile Zola, đánh cược tên tuổi mình vào việc tranh luận gay go có thể nguy hiểm danh tính cá nhân.

Thuyền trưởng Alfred Dreyfus (1859-1935) là một sĩ quan quân đội Pháp gánh vác trách nhiệm trong Bộ Chiến tranh. Ông được tiếng là thanh liêm, nhưng khi ông bị tố cáo đã bán các bí mật quân sự cho Đức, hai sự thật về nhân thân của ông đã khiến ông trở thành cái đích nghi vấn. Ông được sinh ra ở Alsace - vùng đất có lúc thuộc Pháp nhưng gần đây nằm trong tay người Đức - và ông còn là người Do Thái trong thời đại bài Do Thái nguy hiểm.

Năm 1894, một phụ nữ giúp việc nhà làm việc cho cơ quan Tình báo Pháp đã tìm thấy chứng cứ làm gián điệp trong thùng rác của tùy viên quân sự của Đức ở Paris. Đại tá Henry, người chịu trách nhiệm công tác điều tra, đã ráp từng mảnh giác thư. Nó ghi lại năm tài liệu quân sự được gửi cho tùy viên quân sự Đức; manh mối duy nhất chỉ khởi đầu bằng chữ D ở cuối và viết tay.

Dreyfus nằm trong danh sách các sĩ quan được coi là có liên quan, và một số chuyên gia về chữ viết đánh giá là chữ viết của ông ta hợp với chữ viết trên giác thư. Bộ trưởng chiến tranh, Tướng Mercier, ra lệnh bắt ông, và tội của ông được tường thuật rộng rãi trên các báo. Sau khi bị tòa án quân sự xử và khép tội, Dreyfus tiếp tục cam đoan về sự vô tội của mình nhưng chẳng được ai nghe. Dân chúng muốn có bằng chứng về sự phản bội - để củng cố quan điểm cho rằng chỉ sự phản bội mới có

thể để Đức hạ nhục nước Pháp trong cuộc Chiến tranh Pháp-Phổ hơn 20 năm trước. Sau vụ này ông bị lột lon, Dreyfus bị đưa đi đày ở đảo Devil.

Điệp viên thật bị khám phá

Hơn một năm sau xảy ra một bước ngoặt mạnh. Biết được điểm yếu tình cảnh của họ, các tướng lãnh đã chỉ thị cho Đại tá Georges Picquart tìm thêm bằng chứng chống lại Dreyfus. Picquart khám phá ra là cái giỏ rác gây tội còn chứa những mảnh của một lá thư gửi cho Thiếu tá Charles Walsin Esterhazy, cám ơn ông này về thông tin nhận được. Chữ viết của Esterhazy phù hợp chính xác chữ trên giác thư.

Picquart báo cho cấp trên của ông. Họ hỏi ông, "Sự thể sẽ thế nào nếu tên Do Thái còn ở đảo Devil?" Sau đó Picquart bị đi công cán xa khỏi Bộ Chiến tranh.

Lúc ấy em của Dreyfus là Mathieu cũng suýt sẩy chân vì dấu vết của Esterhazy và công khai tố cáo ông về tội mà qua đó anh của ông phải chịu tù tội. Sau đó có làn sóng ngầm ủng hộ Dreyfus, nhất là trong giới trí thức, vậy là Esterhazy khó thoát khỏi tòa án quân sự. Dreyfus đước phục chức và tha bổng ông.

Đấy là lúc khi, vào ngày 13 tháng Giêng 1898, Émile Zola viết lá thư ngỏ cho Félix Faure, được trích ở đây. Khi Zola đã có ý định, ông đã chịu sự bôi nhọ, và tại phiên tòa toàn bộ sự thối nát của quân đội và trò hai mang trong vụ Dreyfus bị vạch

trần. Thế nhưng Zola vẫn cho là có tội và chịu phạt 3,000 quan tiền thêm 12 tháng tù. Thấy rằng không thể kháng án được, ông đã trốn qua Anh.

Giá của việc nói thẳng

Khi viết lá thư ngỏ, Zola là một trong những nhà văn giàu có và nổi tiếng nhất ở Pháp. Đang ở đỉnh cao thành đạt. Lá thư, và cuốn tiểu thuyết *Sự Náo loạn* của ông (1892), với việc mô tả sự bất lực của quân đội trong Chiến tranh Pháp-Phổ, đã biến ông thành người có tì vết. Cuộc sống đày ải ở Anh là cái giá đắt mà ông phải trả: ông không biết nói tiếng Anh, không thích hợp với đồ ăn và khí hậu, bị xa gia đình và bạn bè, và không thể làm việc.

Thế nhưng nỗ lực và sự thuyết phục của ông đã có tác động, giúp tập trung sự chú ý của công chúng về vụ Dreyfus. Sau đó nước Pháp phân chia thành hai phe đối lập. Trong nỗ lực cuối cùng chạm tới hạn định nguy hiểm, quân đội đã không xét tới một Picquart trung thực; nhưng vào ngày 30 tháng Tám 1898, Đại tá Henry đã thú nhận những giả mạo của ông và đã cắt cổ tự vẫn. Esterhazy đã trốn qua Anh, ở đó ông cũng thừa nhận tội lỗi của mình. Cuối cùng, vào tháng Bảy 1899, lời phán quyết về Dreyfus bị gác qua bên và mở một phiên xử khác. Zola từ Anh trở về quê hương, và Dreyfus rời đảo Devil. Lúc ấy Dreyfus bị đau nặng và già đi nhiều, nhưng tiếp tục sống vì nghĩ rằng mình được minh oan. Thật không thể tin được, tại phiên tòa quân sự thứ hai ngày 9 tháng Chín 1899, người ta vẫn thấy ông có tội nhưng "với tình tiết giảm nhẹ",

ông bị kết án 10 năm tù. Tổng thống Faure ân xá cho ông được hoãn thi hành án 10 ngày vì đau ốm, nhưng lúc ấy Zola đã lên tiếng: "Cả Jesus cũng bị lên án nữa là". Dreyfus tiếp tục đi tìm công lý, và ngày 12 tháng Bảy 1906 ông mới được công bố là vô tội. Được phục hồi đầy đủ danh dự trong quân đội, ông lên tới chức thiếu tá và được nhận Bắc đẩu Bội tinh.

Tiểu sử

Sinh ở Paris, con trai của một kỹ sư người Ý. Émile Zola (1840-1902) khởi đầu sự nghiệp là một phóng viên; nhưng rồi lại thành công là một tiểu thuyết gia nổi tiếng. Những tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là: *Quán rượu tồi* (*L'Assommoir*) [1878], *Cô nhân ngãi* (*Nana*) [1880], *Chủng hệ* (*Germinal*) [1885] và *Người Thú* (*La Bête Humaine*) [1890]. Ông là người chủ trương có hạng "tính tự nhiên" trong văn chương–ý tưởng về tính di truyền và môi trường sống sẽ phản ánh trung thực tính cách của một con người. Sau vụ Dreyfus, Zola đối diện với sự thù nghịch triền miên nơi các thành phần quân phiệt và bài Do Thái. Ông chết một cách đáng ngờ trong căn hộ của mình ở Paris. Đám tang của ông có hơn 20.000 người khóc than theo sau quan tài trong khi cảnh sát phải ngăn giữ hàng trăm người đang tuôn ra những lời thóa mạ.

THƯ CỦA ÉMILE ZOLA GỬI TỔNG THỐNG PHÁP

Ngày 13 tháng Giêng 1898

Thưa Ngài Tổng Thống,

Xin cho phép tôi đáp lại thịnh tình mà ngài cho phép tôi được thưa trình (việc) có liên quan tới chính thanh danh của ngài và (được) báo cho ngài là hồ sơ của ngài, có vẻ là công minh và tốt, nay dường như có thể là vết nhơ đáng hổ thẹn nhất, và khó lu mờ nhất.

Thanh danh của ngài bị quăng vào bụn (mất thôi). Tôi muốn nói đến uy quyền của ngài – qua vụ Dreyfus tồi tệ. Tòa án quân sự đã xét kết tội nhưng gần đây, dựa vào lệnh, dám tha bổng Esterhazy – sự lăng nhục tột cùng vào toàn bộ sự thật, toàn bộ công lý! Thế mà nó lại được thực hiện; nước Pháp đã bị bôi nhọ; lịch sử sẽ trình thuật là sự vụ ấy nằm trong thời cai trị của ngài đã phạm phải một tội xã hội như vậy.

Tôi tố cáo Đại tá du Paty de Clam là một con người hiểm độc làm sai công lý, một cách vô ý thức, tôi muốn tin, và tiếp tục chống việc làm chết người của ông ta trong ba năm qua qua những mưu đồ ám muội và ghê tởm nhất.

Tôi tố cáo Tướng Mercier đã biến mình thành kẻ đồng lõa ở một trong những tội ác

lớn nhất của thế kỷ, có lẽ do sự thiếu phán đoán.

Tôi tố cáo Tướng Billot vì đã có trong tay những bằng chứng chắc chắn về sự vô tội của Dreyfus nhưng đã giấu nhẹm chúng đi, mà lại để mình phạm vào tội coi rẻ lòng nhân và công lý, vì các động cơ chính trị và để cứu vãn thanh danh bộ Tổng Tham mưu.

Sau hết, tôi tố cáo tòa án quân sự (mở ra) lần đầu đã vi phạm toàn bộ quyền con người trong khi xét kết tội tội nhân dựa trên chứng cứ bị giữ bí mật đối với phạm nhân; và tòa án quân sự (mở ra) lần hai đã có lệnh che đậy tính bất hợp pháp này; tiếp tục vi phạm khi cố tình tha cho kẻ có tội.

Tôi chỉ có một khao khát duy nhất–chiếu soi, nhân danh lòng nhân đạo đã chịu đựng quá nhiều và có quyền hưởng hạnh phúc. Bản kháng nghị mạnh mẽ của tôi chỉ là tiếng kêu gào của linh hồn tôi. Hãy để chúng dám, rồi, để mang tôi tới Tòa Đại hình, và hãy có sự thẩm tra trong ánh sáng chan hòa của ban ngày!

Tôi mong sự hồi âm.

Xin Tổng thống đón nhận tấm lòng kính trọng sâu sắc nhất của tôi.

Emile Zola

ÉMILE ZOLA
TO
THE PRESIDENT OF FRANCE
January 13, 1898

Mr President,

Permit me, I beg you, in return for the gracious favor you once accorded me, to be concerned with regard to your just glory and to tell you that your record, so fair and fortunate thus far, is now threatened with the most shameful, the most ineffaceable blot.

What a clod of mud is flung upon your name – I was about to say your regin – though this abominable Dreyfus affair. A court martial has but recently, by order, dared to acquit one Esterhazy – a supreme slap at all truth, all justice! And it is done; France has this brand upon her visage; history will relate that it was during your administration that such a social crime could be committed.

I accuse Colonel du Paty de Clam of having been the diabolical agent of the judicial wrong, unconsciously, I prefer to believe, and of having continued to defend his deadly work during the past three years though the most absurd and revolting machinations.

I accuse General Mercier of having made himself an accomplice in one of the greatest crimes of the century, probably through weak-mindedness.

I accuse General Billot of having had in his hands decisive proofs of the innocence of Dreyfus and of having concealed them, and of having rendered himself guilty of the crime of lèse-humanité and lèse-justice, out of political motives and to save the face of the General Staff.

Finally, I accuse the first court-martial of having violated all human right in condemning a prisoner on testimony kept secret from him, and I accuse the second court-martial of having covered up this illegality by order, committing in its turn the judicial crime of knowingly acquitting a guilty man.

I have one passion only – light, in the name of humanity which has borne so much and has a right to happiness. My burning protest is only the cry of my soul. Let them dare, then, to carry me to the Court of Assizes, and let there be an inquiry in the full light of day!

I am waiting.

Mr President, I beg you to accept the assurances of my deepest respect.

Emile Zola

NEVILLE CHAMBERLAIN

Thủ tướng Anh kết luận những tranh luận của ông với lãnh tụ Đức trong cuộc khủng hoảng Sudetenland.



Neville Chamberlain, người nói với dân chúng Anh là hiệp ước Munich có ý nghĩa "hòa bình đến trong thời đại của chúng ta."



Adolf Hitler, người đã làm theo những cam kết ở Munich bằng những cuộc xâm lăng và sự chiếm đóng quân sự đã đặt phần lớn châu Âu trong quyền lực của ông ta.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Năm 1938, ba triệu người nói tiếng Đức ở vùng Sudeten của Czechoslovakia đã náo động về việc sát nhập với Đức, và lãnh tụ Đức, Adolf Hitler

còn muốn có họ hơn nữa. Nước Anh đảm nhận vai trò hòa giải sự xung khắc ngoại giao đang bùng lên.

Neville Chamberlain, thủ tướng Anh, kiên quyết ngăn cản cuộc đại chiến và hy vọng qua việc thỏa hiệp với Hitler, ông có thể giữ cho nước Đức không leo thang các đòi hỏi và không kích động những căng thẳng quốc tế. Trước hết Chamberlain tách khỏi Pháp, nước đã cùng Czechoslovakia chống lại hiệp ước, cho Pháp biết rằng họ không thể bảo vệ Czechoslovakia. Sau đó ông ta gửi phái viên Lord Runciman, điều đình giữa Tổng thống Eduart Benes của Czech và người dân Đức ở Sudeten, ép Benes nhất trí các đòi hỏi để Sudeten tự trị hơn nữa.

Ngày 13 tháng Chín, khi phe phái của người dân Đức ở Sudeten nổi lên để thống nhất với nước Đức, nhà cầm quyền Benes dùng vũ lực đè bẹp cuộc bạo loạn. Sợ Đức xâm chiếm Czechoslovakia, Chamberlain giao phần đất Sudeten cho Hitler. Nước Pháp gia tăng báo động, và thủ tướng của họ, Edouard Daladier, đi London để cho biết rằng mục đích thật của Hitler là thống trị châu Âu. Chamberlain cam kết bảo đảm nền độc lập của Czchoslovakia đã bị cắt xén, và Benes bị buộc chấp nhận sự thỏa thuận còn không ông ta mất đi sự ủng hộ của Anh và Pháp. Tháng Chín, Chamberlain đi họp ở Đức hai lần mong ký được hiệp ước. Hitler muốn Đức chiếm đóng Sudeten ngay, và vì đòi hỏi này mà Chamberlain đã trình bày quan điểm của mình trong bức thư gửi cho lãnh tụ của Đức. Ngày 19 tháng Chín, tại Berlin, hội nghị giữa Anh, Pháp, Đức, và

Ý-không có Czech – đã để Hitler làm theo ý của ông ta. Khi Hitler xâm lăng Ba Lan tháng Chín 1939, rõ ràng chính sách thỏa hiệp thất bại không còn hy vọng gì, Chamberlain miễn cưỡng tuyên chiến với Đức.

Tiểu sử

Neville Chamberlain (1869-1940) là con trai của chính trị gia người Anh nổi tiếng Joseph Chamberlain và là em của Austen Chamberlain (Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Anh và cũng là người đoạt giải Nobel). Là nhà cai trị có tài; ông từng là thị trưởng thành phố Birmingham, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Y tế trước khi trở thành thủ tướng trong chính phủ liên hiệp năm 1937. Chính sách thỏa hiệp của ông đối với Hitler và Mussolini đã phản ánh thái độ của Anh trong thập niên 30, nhưng nó đã đưa nước Anh vào tay những kẻ độc tài. Năm 1940, ông bị buộc phải từ chức để nhường chỗ cho Winston Churchill hiếu chiến hơn.



THƯ CỦA NEVILLE CHAMBERLAIN GỬI ADOLF HITLER

Ngày 23 tháng Chín 1938

Tôi nghĩ hoàn cảnh sẽ sáng sủa và tiến hành nhanh cuộc thương thảo nếu tôi gửi cho ngài chú giải này trước khi chúng ta gặp nhau vào sáng nay.

Tôi thấy điều khó khăn về đề nghị mà ngài đặt ra cho tôi chiều qua phát sinh từ đề nghị để quân Đức chiếm đóng ngay các vùng. Tôi chắc rằng nỗ lực của quân Đức chiếm đóng ngay những vùng mà theo nguyên tắc sẽ là phần đất của Đức Quốc xã ngay, và ngay sau đó là vạch ranh giới chính thức, sẽ bị lên án như một cách phô trương lực lượng không cần thiết. Vấn đề trước mắt là làm sao chúng ta duy trì luật lệ và trật tự cho tới khi thiết lập sự hòa giải cho việc chuyển nhượng. Tôi có thể yêu cầu chính phủ Czech liệu họ có nghĩ là sẽ có một cuộc hòa giải để duy trì luật lệ và trật tự ở những vùng được thừa nhận của người Đức ở Sudeten sẽ được giao phó cho chính họ không. Dĩ nhiên chính phủ Czech không thể triệt thoái quân của họ cho tới chừng nào họ còn thấy bị xâm lăng bằng vũ lực; nhưng tôi sẽ thúc giục họ triệt thoái quân ra khỏi những vùng của người Đức còn cần duy trì trật tự.

Kính thư,

N Chamberlain

NEVILLE CHAMBERLAIN
TO
ADOLF HITLER
September 23, 1938

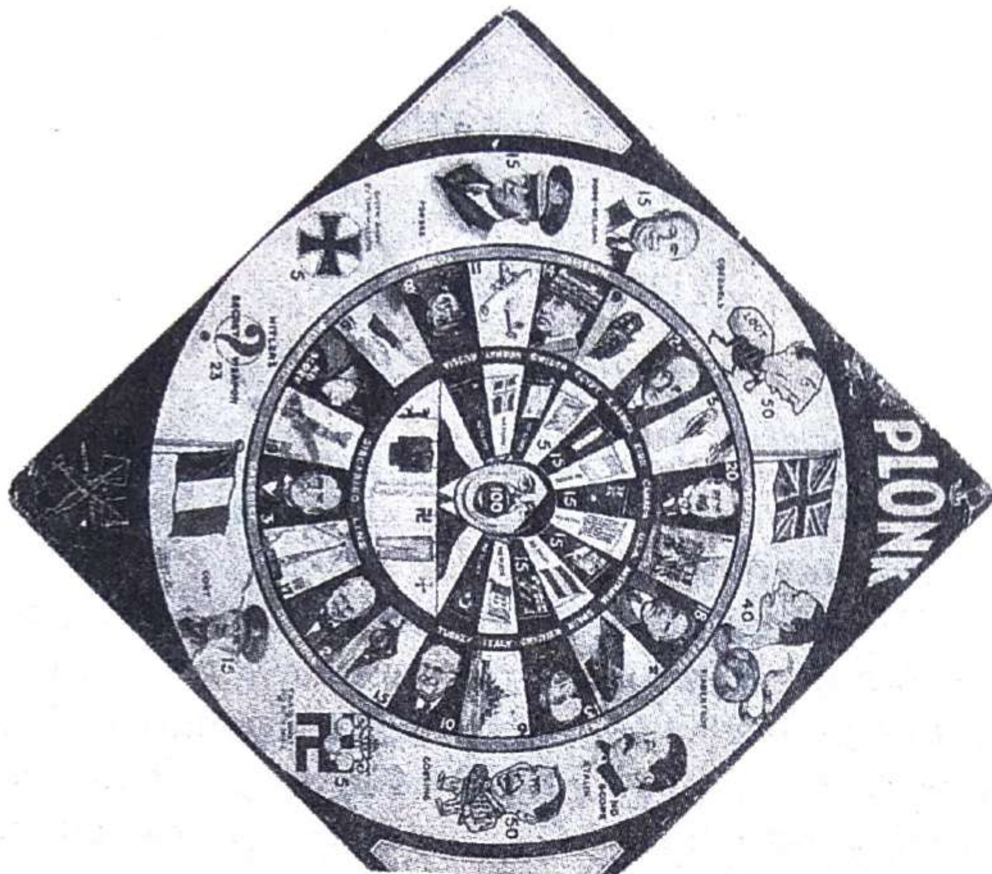
I think it may clarify the situation and accelerate our conversation if I send you this note before we meet this morning.

The difficulty I see about the proposal you put to me yesterday afternoon arises from the suggestion that the areas should in the immediate future be occupied by German troops. I am sure that an attempt to occupy forthwith by German troops areas which will become part of the Reich at one in principle, and very shortly afterwards by formal delimitation, would be condemned as an unnecessary display of force. The immediate question before us is how to maintain law and order pending the final settlement of the arrangements for the transfer. I could ask the Czech Government whether they think there could be an arrangement under which the maintenance of law and order in certain agreed Sudeten German areas would be entrusted to the Sudeten Germans themselves. The Czech Government cannot, of course, withdraw their forces, so long as they are faced with the prospect of forcible invasion; but I would urge them to withdraw from the ares where the Sudeten Germans are in a position to maintain order.

I am,

Yours faithfully,

N Chamberlain



Trò chơi các mũi tên bất kính ở cuối thập niên 1930 phác chân dung những nhân vật chính trị hàng đầu dính líu trong cuộc khủng hoảng.



Người dân vùng Sedeten chào đón đoàn quân chiếm đóng khi họ tới vùng đất tranh chấp ngày 1 tháng Mười 1938.

John Maynard Keynes

Nhà kinh tế lỗi lạc nhất của Anh tường trình cho chính phủ về những cuộc thương thảo dẫn tới việc thành lập Quỹ Tiền tệ Quốc tế và Ngân hàng Thế giới.



John Maynard Keynes, người tán thành việc dùng chính sách kinh tế để đạt các mục tiêu xã hội.



Howard Kingsley Wood, Bộ trưởng tài chính Anh.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Từ 1941 đến 1943, nhà kinh tế sáng giá của nước Anh, John Maynard Keynes hầu như liên tục để tâm trí vào những thương thảo với Mỹ về trật tự kinh tế thế giới, thứ tự đã có lúc nổi lên

thành các cường quốc Trục, đã bị đánh bại. Vấn đề là: để tạo một trật tự thế giới ổn định về tiền bạc, trong đó sự xung đột quyền lợi kinh tế quốc gia có thể được hòa hợp.

Keynes và Harry Dexter White, phụ tá chính của Bộ trưởng Tài chính Mỹ, đưa ra những kế hoạch thù nghịch để ổn định sự lưu hành tiền tệ bằng cách đưa ra chế độ bảo vệ hàng trong nước chống lại những khủng hoảng về cán cân chi phối ngắn hạn. Keynes muốn nước Anh là một chế độ hậu chiến có nhiều việc làm, tỉ lệ lãi thấp, và giá cả cao; nói cách khác, ông muốn sự hợp tác quốc tế và sự lạm phát trong nước. Ngược lại, White muốn nó là điều kiện của một thứ Quỹ Tiền tệ Quốc tế nào đó để các nước thành viên có thể kiềm hãm việc lạm phát.

Mãi người ta mới đi tới nhất trí trong hội nghị kinh tế thế giới họp tại Bretton Woods, New Hampshire, tháng Bảy 1944. Trong lá thư của ông gửi Kingsley Wood (Bộ trưởng Tài chính Anh), được trích dẫn ở đây, Keynes thỏa lòng khi thấy một hiệp ước cho thấy là khả thi.

Sau đó Quỹ Tiền tệ Quốc tế được thành lập với vốn ban đầu là 8 tỷ 8 mỹ kim (Keynes muốn số vốn ấy là 25 tỷ, còn White muốn là 8 tỷ). Tuy việc các quốc gia đến với quỹ này đâu phải tự động, như trong kế hoạch lúc đầu của Keynes, nhưng nhu cầu của quỹ trong chính sách kinh tế nội địa không thay đổi, như trong kế hoạch lúc đầu của White. Đồng tiền chủ lực là đồng mỹ kim, cố định ở mức

giá 35 mỹ kim một ounce vàng, và đồng tiền duy nhất có thể đổi ra vàng. Điều này khiến trung tâm tài chính thế giới hoán chuyển từ London tới Washington.

Hệ thống mới hoạt động hữu hiệu cho tới đầu thập niên 1970, khi việc chi phối của Mỹ thiếu hụt, có nghĩa là đồng mỹ kim không còn thực hiện chức năng như đồng tiền đáng tin cậy. Chỉ lúc đó tỷ giá cố định mới được bãi bỏ.

Tiểu sử:

John Maynard Keynes (1883-1946) được xem là nhà kinh tế học vĩ đại nhất của thế kỷ, xuất thân trong một gia đình trí thức, bản thân ông theo học ở đại học Hoàng gia Cambridge. Là cố vấn kinh tế chính cho Bộ Tài chính Anh trong hội nghị hòa bình Versailles, ông đã kịch liệt phản đối các điều khoản hòa bình và đã từ chức. Ông theo đuổi các luận thuyết sáng giá của mình, như *Luận thuyết về xác suất* với *Luận thuyết về tiền tệ* và *Học thuyết Tổng quát về Việc làm, lợi nhuận, và tiền tệ* mang tính cách mạng và độc đáo (1936). Việc nhấn mạnh về vấn đề đủ việc làm như mục tiêu hàng đầu của chính sách kinh tế đã ảnh hưởng sâu sắc Tổng thống F. D. Roosevelt. Keynes đóng vai trò dẫn đầu trong việc vạch kế hoạch cơ cấu tài chính hậu chiến của thế giới.

THƯ CỦA JOHN MAYNARD KEYNES GỬI KINGSLEY WOOD

Ngày 16 tháng Mười 1943

Tất cả các bộ liên quan của Mỹ đều có mặt và cảm thấy thỏa lòng với kết quả, đặc biệt là Bộ Ngoại giao và Cục Dự trữ Liên bang. Mọi người đều cho rằng bầu khí không thể khá hơn nữa cũng như sự tiến triển như thế là đã vượt xa những mong đợi cao nhất của chúng ta. Các bộ của Mỹ, nhất là bộ Ngoại giao, thận trọng quá đáng nên chậm thừa nhận nhu cầu hợp tác Anh-Mỹ. Nhưng sau ít phút suy nghĩ, họ đã tán thành hoàn toàn. Tôi có thể nói là chẳng có gì là nguy về thái độ e dè ấy cả. Tất cả các ủy ban đều cùng nhau làm việc có tính xây dựng và thành công, chẳng chính khách nào coi mình như công chức nên không hề có thái độ biệt lập hoặc dị hợm. Lúc đầu các viên chức Mỹ có quan điểm hoàn toàn khác với chúng ta. Họ nghĩ Quỹ như một thể chế động, rộng rãi, nghiên cứu tính chất thích hợp của từng vụ rồi nhất trí hay không giống như bà hiệu trưởng trung thực. Điều họ quan niệm rõ ràng ngang ngay sự chuẩn bị công tác ngân hàng quốc tế đã tồn tại cho tới nay. Đó là sự nhượng bộ lớn về phần họ để thay đổi hẳn quan điểm (để) đi theo quan điểm của chúng ta về Quỹ như nguồn dự trữ, hoàn toàn tĩnh, trừ trong những trường hợp hết sức bất ngờ khi các quốc gia đi dần tới chỗ giới hạn các điều kiện thuận lợi của Quỹ theo hướng này hay hướng khác.

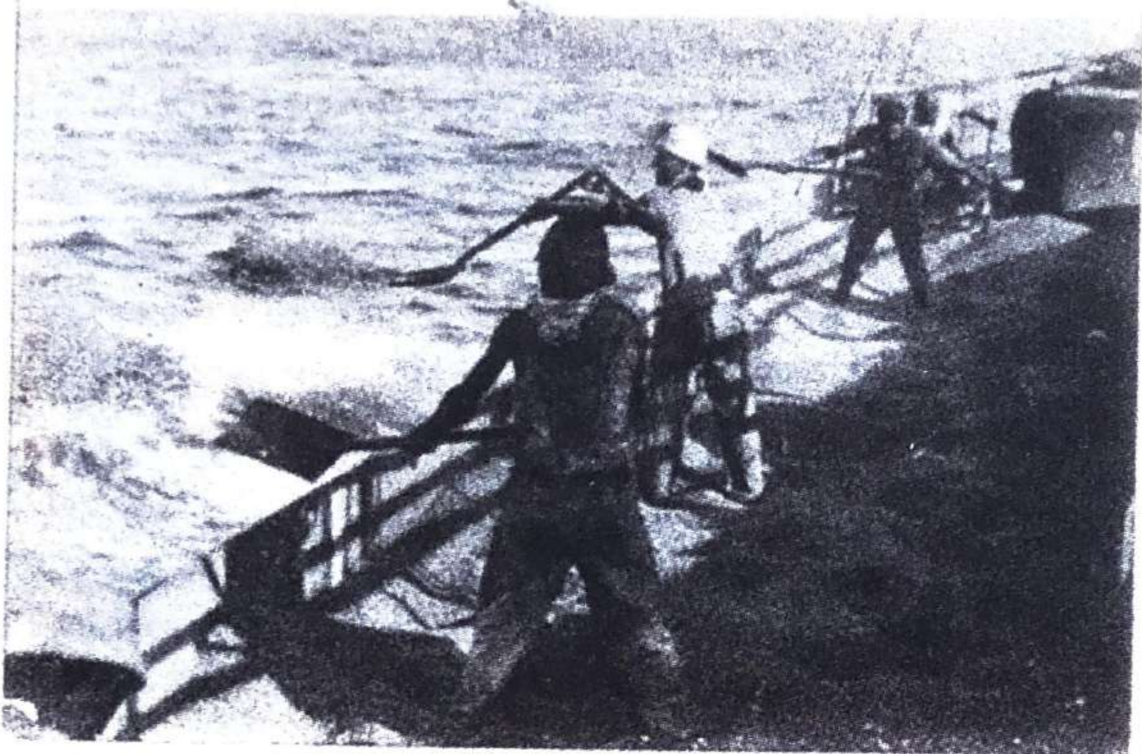
Keynes

JOHN MAYNARD KEYNES TO KINGSLEY WOOD

October 16, 1943

All the relevant American departments were present and were satisfied with the result, in particular the State Department and the Federal Reserve Board. We are all of us agreed that atmosphere could not have been better and that the progress is far excess of our best expectations. The American Departments, and particularly the State Department, were exceedingly coy and slow in accepting the necessity of primary Anglo-American cooperation. But after a little experience of it they have embraced it with both hands. There is no risk, I should say, of the old standoffish attitude. All the committees have worked together constructively and fruitfully, and it is most unlikely that the civil servants, whatever the politicians may feel, will want to return either to isolationism on the one hand, or to the method of the grand monkey house on the other. The Americans started with a totally different point of view from ours. They thought of the Fund as an active, benevolent institution which would study the advisability of every transaction and O.k. it or not as a faithful schoolmistress. What they had in view would clearly cut right across international banking arrangements as they have existed hitherto. It was a very great concession on their part to come round to our view if the Fund as a reserve resource, entirely passive, except in the more extreme contingencies where countries were running towards the limit of the facilities of the Fund in one direction or another.

Keynes



Năm 1932, cà phê của Brazil thặng dư đổ xuống biển. Hiệp ước Bretton Woods nhằm tranh sự hỗn loạn kinh tế giai đoạn thấp niên 1930.

WINSTON CHURCHILL

Nhà lãnh đạo thời chiến của nước Anh diễn tả sự hoang mang trong lần đảng của ông thất cử.



Winston Churchill, người không được thừa nhận là nhà lãnh đạo thời bình cho tới năm 1951.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Winston Churchill đứng đầu liên minh Thế chiến II trong năm năm; ông trở thành người đứng đầu quốc gia khi đất nước của ông bị Đức đe dọa xâm lăng vào năm 1940, và ông đã cùng với các nước đồng minh dẫn dắt nước Anh đi tới chiến thắng. Tháng Bảy 1945, khi đang trên đường đi dự Hội nghị Potsdam, thương thuyết với Joseph V. Stalin của Liên Xô và Harry S. Truman, tân Tổng thống Mỹ, thì được tin về sự thất cử, tin đã làm cho vị thủ tướng choáng váng.

Ngay sau khi Đức thất trận vào ngày Chiến thắng (VE-Day) ngày 8 tháng Năm 1945, hai đảng

Bảo thủ và Lao động ở Anh nhất trí là cần tổ chức bầu cử không đợi kết thúc chiến tranh với Nhật.

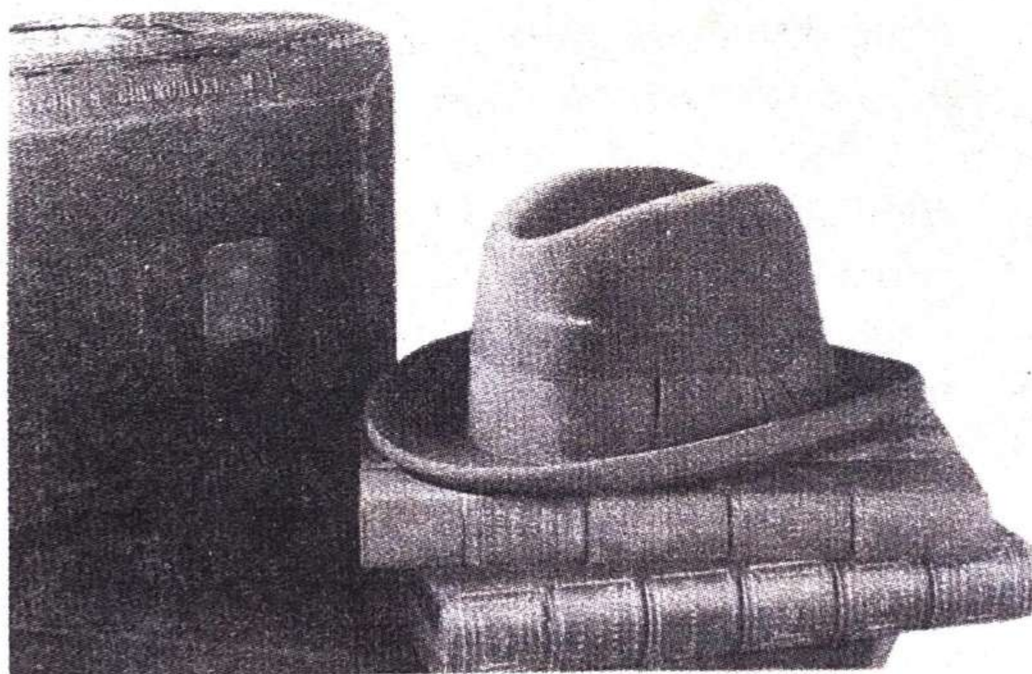
Kết quả là đảng Lao động thắng phiếu, chiếm 393/640 ghế trong nghị viện, một thắng lợi hết sức to lớn kể từ chiến thắng của đảng Tự do năm 1906. Đảng Bảo thủ chỉ còn 213 ghế.

Điều gì gây nên sự đảo lộn đầy ngỡ ngàng của bầu cử? Một giả thuyết cho là do cách xử sự của quân nhân Mỹ đóng ở Anh đã làm công luận oán ghét Mỹ. Đảng Bảo thủ lại là đảng có liên quan mật thiết với Mỹ nên chịu ảnh hưởng làn sóng chống Mỹ đang thịnh hành. Công luận coi Đảng Lao động gắn bó chặt với "đồng minh anh dũng là người Nga" – bạn chiến đấu trong thời chiến. Có lẽ nguyên nhân gây cho Đảng Bảo thủ thất cử ý nghĩa hơn, ấy là nạn thất nghiệp trong thập niên 1930. Không ai muốn quay lại những ngày xa xưa đen tối ấy. Rồi dân Anh coi Churchill như nhà lãnh đạo vĩ đại thời chiến, họ không tin ông lãnh đạo nổi trong thời bình, cụ thể như những rắc rối xảy ra ở Ireland và Ấn Độ, và việc ông giải quyết cuộc tổng bãi công ở Anh năm 1926. Quan trọng hơn cả là chuyện các đám quân nhân trở về từ cuộc chiến chuẩn bị thách thức đường lối mang tính giai cấp của Đảng Bảo thủ. Còn Đảng Lao động xem chừng có thể mang tới cho dân Anh một tương lai khác hẳn.

Churchill còn sống thêm 20 năm, đủ lâu để được trở lại cương vị lãnh đạo và được trọng vọng trên trường quốc tế.

Tiểu sử

Winston Churchill (1874-1965) đã tham chiến trong trận Sudan (1898) và là phóng viên chiến trường trong Chiến tranh Boer (1899-1902). Năm 1910 ông là Bộ trưởng Bộ Nội vụ và năm 1911 là Bộ trưởng Bộ Hải quân, năm 1915 ông từ chức sau thất bại thảm bại ở Gallipoli. Ông được mời làm thủ tướng năm 1940 khi Đức tính xâm lăng Anh. Ông là vị lãnh đạo thời chiến xuất sắc nhờ dũng khí và có tầm nhìn. Mặc dù ông bị thất bại trong cuộc tuyển cử năm 1945, nhưng năm 1951 ông trở lại làm thủ tướng. Năm 1953, ông được giải Nobel Văn chương và được là công dân danh dự Mỹ năm 1963.



THƯ CỦA WINSTON CHURCHILL GỬI NGÀI QUICKSWOOD
Tháng Bảy 1945

Chequers, ngày 29 tháng Bảy 1945

Linky thân mến!

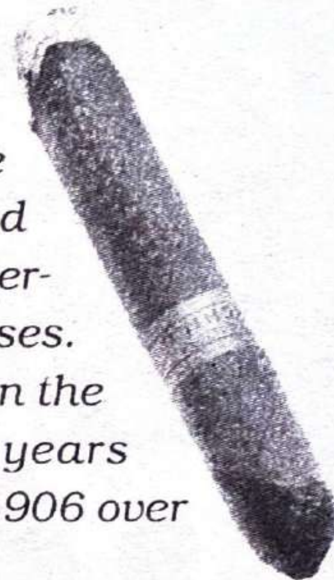
Tôi phải thừa nhận rằng tôi thấy biến cố của ngày thứ Năm hơi khác thường và kỳ quặc, đặc biệt sau khi tôi được mọi giới đón chào nồng nhiệt. Có điều gì đó dồn nén trong dân chúng Anh sau 20 năm cần thổ lộ. Giống như trở lại năm 1906.

Niềm tin của tôi về sự linh hoạt của Hiến pháp chúng ta và về những phẩm chất của dân tộc Anh vẫn còn nguyên không hề thay đổi. Chúng ta cần những thay đổi lớn nhưng sẽ khó cho thế hệ rời khỏi để tự thích ứng với. Hai năm tiếp theo sẽ có những khó khăn chưa từng thấy cho chính quyền; nhưng có thể Đảng Lao động sẽ giải quyết những khó khăn này hay hơn chúng ta. Tôi nhất trí với ngài là những căng thẳng nội bộ của họ sẽ sớm trở nên gay gắt

Winston S. Churchill

WINSTON CHURCHILL TO LORD QUICKSWOOD

July, 1945



Chequers, 29 july 1945

My dear Linky

I must confess I found the event of Thursday rather odd queer, especially after the wonderful welcomes I had from all classes. There was something pent-up in the British people after twenty years which required relief. It is like 1906 over again.

My faith in the flexibility of our Constitution and in the qualities of the British people remains unaltered. We must expect great changes which will be hard for the departing generation to adapt themselves to. The next two years will present administrative difficulties of an unprecedented character, and it may well be that a Labour administration will have a much better chance of solving these than we. I agree with you that their internal stresses will soon become acute.

Winston S. Churchill

YURI ANDROPOV

Lãnh tụ Xô viết nói với một nữ sinh Mỹ là đất nước của ông hết lòng vì hòa bình.



Yuri Andropov, giai đoạn lãnh đạo Liên bang Xô viết ngắn ngủi của ông chuẩn bị con đường cho những nỗ lực cải cách sau này.



Samantha Smith đã viết bức thư kêu gọi chân tình chiếm được tình cảm của cả hai phía của cuộc Chiến tranh Lạnh.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Đầu thập niên 1980 là giai đoạn căng thẳng gay gắt giữa các siêu cường, có lẽ tồi tệ nhất kể từ cơn khủng hoảng tên lửa Cuba năm 1962. NATO triển khai tên lửa đầu đạn hạt nhân tầm thấp của Mỹ ở châu Âu, chiến tranh ở Trung Đông

và các cuộc chạy đua vũ trang hết sức tùy tiện. Đấy là bối cảnh của năm 1982 khiến một nữ sinh Mỹ 10 tuổi, Samantha Smith, sinh sống ở Manchester, Maine, đã viết thư cho lãnh tụ Xô viết, Yuri Andropov. Trong thư, em đã bày tỏ nỗi lo lắng là sẽ xảy ra cuộc chiến tranh hạt nhân giữa Mỹ và Liên bang Xô viết. Với sự hồn nhiên đến cảm động, Samantha đã hỏi Andropov: "Vì sao ông muốn chinh phục toàn thế giời, hay ít nhất là đất nước của chúng cháu?"

Andropov đã trả lời Samantha bằng lá thư ngoại giao được tóm tắt ở đây, trong đó ông xác quyết là ý định của đất nước của ông là hòa bình. Cuộc thăm viếng Liên bang Xô viết ngay sau đó là một thành công cá nhân lớn đối với em. Em đã gặp các quan chức cao nhất của điện Kremlin, đã dùng cơm trưa với nữ du hành vũ trụ hàng đầu, và đã xem vũ balê ở Leningrad. Samantha đã là đại sứ đương nhiên.

Cuộc viếng thăm cũng là chiến thắng cho Andropov và đất nước của ông, vì nó đưa lá thư và câu trả lời khéo léo của ông thành quan điểm chung, và trong quá trình đã phát sinh làn sóng thiện ý đối với Liên bang Xô viết. Khi Samantha xuất hiện trên chương trình trò chuyện vào giờ cao điểm ở Mỹ, tính chân thực và dung dị của em đã nối hai lực đối kháng giữa đất nước của em và đất nước mà em đã thăm viếng. Hồi tưởng lại, có điều gì đó thấm thía về sự trao đổi này. Andropov, người đã đưa ra một vài cải cách ở Liên bang Xô viết, đã chết vì suy thận năm 1984. Một năm sau, lúc

Samantha 13 tuổi, đã bị tử nạn trong vụ tai nạn máy bay nội địa. Tổng thống Ronald Reagan đã từ chối nghi thức ngoại giao để cho Đại sứ Liên Xô đại diện ở đám tang. Mẹ của Samantha đã thành lập Trung tâm Samantha Smith làm nơi giao lưu của trẻ em Liên Xô và Mỹ. Một thập niên sau lần trao đổi thư từ ấy, mối đe dọa chiến tranh hạt nhân là có thật nhưng biến mất.

Tiểu sử

Yuri Andropov (1914-1984), quan chức nhà nước Xô viết, sinh ra ở miền Bắc Caucasus, là con trai của một nhân viên đường sắt. Ông trở thành người lãnh đạo của tổ chức thanh niên và sau đó là lãnh đạo Đảng Cộng Sản ở Karelia từ năm 1939-1951. Năm 1953, ông làm việc trong Bộ Ngoại giao; trong thời gian xảy ra cuộc nổi loạn 1956, ông là đại sứ của Xô viết tại Hungari, và năm 1967 ông được bổ nhiệm đứng đầu cơ quan KGB. Trong 15 năm, ông đã chuyên môn hóa ngành này, khống chế không để nó quá tồi tệ, và ngày càng có uy tín. Năm 1973, ông được cử vào Bộ Chính trị. Khi Leonid Brezhnev qua đời năm 1982, ông trở thành Tổng Bí thư Đảng Cộng Sản, và đến năm 1983 đứng đầu đoàn chủ tịch Xô viết.

THƯ CỦA YURI ANDROPOV GỬI SAMANTHA SMITH
Năm 1982

Samantha thân mến,

Bác đã nhận được thư của cháu, cũng giống như những bức thư từ đất nước cháu và các nước khác trên toàn thế giới gửi cho bác. Với bác, cháu là một cô bé dũng cảm và chân thật, giống như Becky, bạn của Tom Sawyer trong cuốn sách nổi tiếng của người đồng hương, Mark Twain, của cháu.

Nhân dân Xô viết biết rất rõ điều khủng khiếp nhất của chiến tranh là gì. Bốn mươi hai năm trước, Đức quốc xã đã tấn công đất nước chúng tôi, đã đốt cháy và phá hủy hàng ngàn thành phố và làng mạc, đã giết hàng triệu công dân Xô viết, đàn ông, phụ nữ, và cả trẻ em. Trong cuộc chiến ấy, chúng tôi nằm trong khối đồng minh với Mỹ. Và ngày nay chúng tôi rất muốn sống trong hòa bình, buôn bán và hợp tác với tất cả các nước láng giềng trên trái đất này. Và chắc chắn là cả với một nước lớn như Hoa Kỳ.

Ở Mỹ và ở đất nước chúng tôi đều có vũ khí hạt nhân – vũ khí khủng khiếp có thể giết hàng triệu người trong khoảnh khắc. Nhưng chúng tôi không hề muốn đem chúng ra sử dụng. Đấy đúng là lý do tại sao mà Liên bang Xô viết đã trịnh trọng tuyên bố trước toàn thế giới là không bao giờ–không bao giờ–sử dụng vũ khí hạt nhân chống lại bất cứ quốc gia nào.

Bác mời cháu đến thăm đất nước chúng tôi nếu cha mẹ cháu cho phép, mùa hè là thời gian tuyệt vời nhất đấy. Hãy tận mắt nhìn xem: ở Liên bang Xô viết, mọi người đều ủng hộ hòa bình và tình hữu nghị giữa các dân tộc.

Cám ơn cháu đã viết thư cho bác. Bác chúc cháu mọi điều tốt đẹp trong quãng đời thơ trẻ của cháu.

YURI ANDROPOV
TO
SAMANTHA SMITH
1982

Dear Samantha,

I received your letter, which is like many others that have reached me from your country and from other countries around the world. It seems to me that you are a courageous and honest girl, resembling Becky, the friend of Tom Sawyer in the famous book of your compatriot Mark Twain.

Soviet people well know what a terrible thing war is. Forty-two years ago, Nazi Germany attacked our country, burned and destroyed many thousands of our towns and villages, killed millions of Soviet men, women and children. In that war we were in an alliance with the United States. And today we want very much to live in peace, to trade and cooperate with all our neighbors on this earth. And certainly with such a great country as the United States of America.

In America and in our country there are nuclear weapons – terrible weapons that can kill millions of people in an instant. But we do not want them ever to be used. That's precisely why the Soviet Union solemnly declared throughout the entire world that never– never–will it use nuclear weapons first against any country.

I invite you, if your parents will let you, to come to our country, the best time being the summer. See for yourself: in the Soviet Union everyone is for peace and for friendship among peoples.

Thank you for your letter. I wish you all the best in your young life.



TÌNH YÊU, TÌNH BẠN VÀ CÁI CHẾT

Những thổ lộ về tình yêu, nỗi đau và sự thất vọng; những thông điệp có sức nâng đỡ và ủi an; những diễn đạt về nỗi lo sợ và sự bực bội – phần lớn chúng ta có cả xấp thư như thế được cất giấu kỹ lưỡng, được mang ra nghiền ngẫm sau này, khi các cảm xúc đã nhạt nhòa, và cả các kỷ niệm mờ dần. Ngoài những thư mang tính công việc rõ ràng, có lẽ nhiều nhất vẫn là những lá thư về tình yêu, tình bạn, và những lá thư xoay quanh lúc lâm chung; chúng chuyển tải những suy nghĩ và những cảm xúc gửi cho người khác – đối tượng về, hay những kẻ đồng tình với, các tình cảm của chúng ta. Hơn bất kỳ loại hình nào khác, đây là những bức thư thu hút sự tò mò của các độc giả sau này. Những lời lẽ thắm tình, ghi lại trong một lúc cháy bỏng, thể hiện tính chân thực của chúng. Chúng còn được viết trực tiếp và viết tay. Có khi trang giấy còn hiển hiện những dấu ấn tình cảm – vệt nước mắt, vết hương thơm, giọt máu. Khi người viết là những con người nổi tiếng, các lá thư ấy thường gắn với những biến cố lớn của lịch sử. Horatio Nelson, anh hùng hải quân Anh, viết ra một cách khinh suất, có khi còn tục tĩu, cho tình

nhân của ông là Emma Hamilton, ngay trước ngày xảy ra trận Trafalgar ác liệt, lôi cuốn chúng ta cả về sự háo hức của vị đô đốc trước trận chiến, và về sự sâu nặng của cuộc tình lừng danh này. Nhà văn người Roma, Cicero, tìm cách chế giễu kín đáo bạn của ông và Atticus khi mô tả cuộc thăm viếng vụng về của Julius Caesar, kẻ thù chính trị dũng mãnh của ông. Những người khác phê phán và đụng chạm thẳng thừng hơn những vấn đề cơ bản đương thời. Khi D. H. Lawrence trách móc giọng điệu hâm hâm về tính chất trí thức và chủ nghĩa truyền thống chính trị của triết gia Bertrand Russell, ông đã nêu bật một số tình trạng khó xử sâu sắc nhất của thế kỷ XX; còn sự phản kháng của Carl Jung cho thấy rằng người thầy thông thái của mình là Sigmund Freud đã xử sự với học trò của ông ta như những đứa trẻ bộc lộ những tình cảm phức tạp của tác giả về sự giận dữ, tình yêu, sự thất vọng, và sự nhiệt tình, trong khi đồng nhất hóa những vấn đề ngay trong lòng khoa phân tâm học.

Những bức thư nói về cái chết thường e dè hơn. Nhà thám hiểm, thuyền trưởng Scott, hiểu về sức mạnh của người anh hùng trước cái chết, đã trải qua những giờ phút cuối cùng trong trận bão tuyết Nam cực, phác thảo những bức thư gửi về gia đình, bè bạn, những nhà tài trợ, và các bà vợ của các bạn đồng hành, trình thuật về các phát hiện của ông có thể trở thành truyền thuyết. Còn với những người bị kết án tử, lá thư cuối của họ trở thành một phần lời bày

tỏ của họ đối với thế giới, nhiều khi danh tiếng của họ được cứu vãn do thái độ dũng cảm trên đoạn đầu đài. Vì thế, lá thư trước lúc bị hành hình của John Brown đã kết lại cuộc đời đấu tranh nhằm bãi bỏ chế độ nô lệ, khắc ghi tên tuổi ông vào sự nghiệp thống nhất của nước Mỹ. Còn thư chia buồn của Abraham Lincoln gửi cho bà mẹ đã khuất trong lúc theo đuổi chính nghĩa là một bài hùng biện giống như Gettysburg Address tiếp cận với bao thảm kịch cá nhân trong cuộc Nội chiến của Mỹ. Cả hai người viết khi nhìn đến thế hệ mai sau, và làm cho lời của họ thành phổ quát vượt trên những đấu trong của thời đại của họ.



CICERO

Chính khách Roma lỗi lạc mô tả bằng vẻ khuây khỏa trong một buổi chiều thắng lợi cùng vui vẻ với Julius Caesar.



Marcus Tullius Cicero, người ủng hộ nền cộng hòa Roma hơn chế độ chuyên quyền cá nhân.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Ngày 19 tháng Mười Hai năm 45 trước Công nguyên, hai nhân vật lãnh đạo của thế giới Roma ăn tối với nhau ở Puteoli thuộc miền nam nước Ý. Sự đối lập là ý niệm trừu tượng của bức thư của Cicero, chủ của bữa ăn ấy, sau đó đã gửi cho người bạn trẻ Titus Pomponius Atticus, một quý tộc giàu có và là một thương gia thành đạt đã tác

động như nhà cố vấn văn chương của Cicero. Niềm khuây khỏa rõ ràng và chủ yếu của Cicero đã chấm dứt khi gia đình ông suy sụp và các khoản chi tiêu tốn kém thết đãi bạn bè. Có điều, nó giúp ông xa lánh con người nguy hiểm mà tham vọng của ông ấy không được ông tán thành. Lúc xảy ra cuộc viếng thăm, Marcus Tullius Cicero đã là một luật sư và chính khách 61 tuổi, một nhà hùng biện và luật sư tài giỏi nhất thời ấy. Ông xuất thân trong một gia đình thế gia vùng Arpinum thuộc miền trung nước Ý. Là một người trẻ tuổi, Marcus Tullius đã quyết thay đổi cuộc sống thu hẹp ở quê hương để trở thành "con người mới" có tiếng tăm ở Rome. Được ăn học đến nơi đến chốn, lại thêm chuyện anh của ông lấy em gái của Atticus, đã giúp ông thực hiện được tham vọng của mình. Cicero dựa vào những khởi đầu ấy để biến mình thành một luật sư sáng chói.

Cuối cùng ông đã được chọn vào các vị trí cao trong cuộc sống ở Rome, mà cao nhất là chức tổng tài. Khi là tổng tài, Cicero đã trấn áp một âm mưu lớn chống lại nhà nước do Catiline lãnh đạo và rất được tôn vinh. Thế nhưng, sự phá hoại của những kẻ âm mưu đã hủy hoại tiếng tăm của ông. Suốt 15 năm sau đó ông là kẻ đứng ngoài nền chính trị của Roma dù vẫn được tham dự các buổi xét xử lớn.

Khách của Cicero là Gaius Julius Caesar, vị tướng quyền lực nhất vào thời ấy. Ông đã cùng nhà tài phiệt Marcus Crassus và tướng quân Gnaeus Pompeius Magnus (Pompey) cai trị Rome và đế chế hải ngoại.

Tuy nhiên, chế độ tam đầu chế này không kéo dài được lâu, và bản thân Caesar không hài lòng về vị trí thứ ba của ông trong đế chế. Phần của Caesar là Gaul (nay là nước Pháp) và các quốc gia phía bắc. Trong gần 10 năm, ông dấn thân vào cuộc giao chiến ác liệt, mà kết quả là ông đã chiến thắng: Gaul phải khuất phục, Anh bị xâm chiếm, còn các bộ lạc của Đức và Thụy Sĩ bị đánh bật khỏi các biên giới an toàn của chúng. Năm 53 trước Công nguyên, Crassus bị giết khi giao tranh với người Parthians ở Carrhae (Haran), nơi đây là miền nam Thổ Nhĩ Kỳ hiện nay, còn Pompey chuẩn bị tranh hùng với Caesar. Ông này đã cùng những người hậu thuẫn ở Nghị viện lệnh cho Caesar phải giải tán quân đội, nhưng nhờ sự ủng hộ nhiệt tình của các đạo quân, ông đã đánh bại Pompey trọng cuộc nội chiến dai dẳng. Sau đó ông buộc Nghị viện đưa ông lên làm nhà cai trị chuyên quyền suốt 10 năm. Cicero chỉ đóng vai trò nhỏ trong cuộc xung đột này, lúc đầu ủng hộ Pompey, sau lại ủng hộ Caesar.

Cicero và Caesar là hai con người khác hẳn nhau. Cicero tin vào các ưu điểm của nền cộng hòa Roma cổ đại. Dù có dài dòng, bản văn của ông thật thanh nhã và cho thấy các sự kiện chính trị quan trọng. Caesar – nhà chính trị nhẫn tâm, ham quyền và là một tướng tài – chỉ tin vào bản thân và tài năng của mình.

Thế nhưng Caesar luôn tỏ ra khoan hòa với Cicero vì ông nghĩ đến việc Cicero đã không chống ông lúc ông bị kẻ thù đổ vấy cho là ông dự phần

vào âm mưu chống lại Catilline. Caesar lấy làm tiếc khi cho rằng Cicero xem chừng không thích con người của ông nhưng Cicero đã chối. Cuộc tranh luận của ông với Caesar tập trung vào khát vọng muốn hủy bỏ nền cộng hòa Roma cổ đại của con người vĩ đại này để thiết lập chế độ chuyên quyền cá nhân.

Ba tháng sau bữa ăn ấy, Caesar đã chết, bị những kẻ ám sát trong Nghị viện ám hại ngày 15 tháng Ba năm 44 trước Công nguyên. Người ta nghi ngờ Cicero là kẻ cầm đầu những kẻ âm mưu. Có tin đồn là Brutus, kẻ nổi tiếng nhất trong bọn họ, đã giơ cao dao găm vấy máu của Caesar và kêu lên "Cicero!" xem chừng đáng tin.

Mặc dù Cicero có mặt ở Rome ngày 15 tháng Ba nhưng hình như ông không biết gì về âm mưu ám sát này. Trên thực tế ông đã nhất trí với Caesar là hậu quả khả dĩ về cái chết của nhà độc tài phạm vi khác của cuộc nội chiến. Khi Mark Antony và Octavian tiến tới cầm cái áo khoác của Caesar lên, Cicero đã cay đắng tố cáo Mark Antony cả một tràng dài lời phê phán, *những bài đả kích*. Mark Antony cùng hai người khác (Lepidus và Octavian, sau này là hoàng đế Augustus) đã thiết lập một tam đầu chế mới để cai trị đế chế. Họ nhất trí là phải trục xuất Cicero, tìm cách xử chết ông và tịch biên tài sản của ông. Năm 43 trước Công nguyên, sau nhiều nỗ lực chạy trốn không thành, Cicero bị giết khi ông ngồi trên cáng.

Trong *bài đả kích thứ hai*, Cicero đã đánh giá

toàn bộ con người Caesar: "Caesar là một người tài năng, thông minh, và có trí nhớ, con người có học và cẩn trọng, có khả năng lập kế hoạch và cần mẫn trong công việc. Những thành quả quân sự của ông, mặc dù tai hại cho đất nước, nhưng thật to lớn.

"Ông đã trù tính nền quân chủ hàng nhiều năm và dốc sức qua bao hiểm nguy để thực hiện kế hoạch của mình. Nhờ tài năng, những công việc chung, việc phân phối thực phẩm và lòng hiếu khách, ông đã hòa giải những đám người không có học dưới quyền của ông. Ông đã ban thưởng cho những người ủng hộ, khoan dung với kẻ thù. Tóm lại, phần vì lo sợ, phần vì sự nhẫn nhục với âm mưu của họ, ông đã thiết lập nền cai trị phi cộng hòa.

Tiểu sử

Marcus Tullius Cicero (106-43 trước Công nguyên), sinh ra tại Arpinum, năm 26 tuổi, ông nổi danh vì biện hộ, bào chữa thành công cho thân chủ chống lại kẻ được nhà độc tài Sulla sủng ái. Sau đó ông được cử làm quan coi quốc khố và pháp quan; rồi trong bài diễn văn quan trọng, ông đã ủng hộ việc bổ nhiệm Pompey chỉ huy cuộc chiến chống lại Mithridates of Pontus (Thổ nhĩ Kỳ). Khi làm tổng tài, ông đã trấn áp âm mưu của Catiline (năm 63 trước Công nguyên). Trong cuộc nội chiến giữa Caesar và Pompey, ông giữ thái độ trung lập, rồi rút lui khỏi cuộc sống công khai để viết sách về thuật hùng biện và triết học. Năm 43 trước Công nguyên, sau khi Caesar qua đời, ông công bố những bài diễn thuyết nổi tiếng chống lại Mark Antony mà cái giá của nó là việc ông phải mất đi mạng sống của mình.

THƯ CỦA CICERO GỬI ATTICUS
Tháng Mười Hai năm 45 trước Công Nguyên

Điều lạ là một vị khách thật khó quên điều không mấy dễ chịu! Thực ra đấy lại là điều rất dễ chịu. Nhưng vào buổi chiều ngày 18 tháng Mười Hai, khi ông ta tới nhà của Philippus, căn nhà đầy lính tráng khiến không còn chỗ trống nào cho Caesar ngồi ăn tối được. Dễ đến 2.000 người! Tôi khá lo lắng không biết chuyện gì sẽ xảy ra vào ngày mai. Ngày 19, Caesar ở lại với Philippus, ông tản bộ trên bờ biển. Khoảng 2 giờ chiều, ông đi tắm. Sau khi xức dầu thơm, ông ta ngồi vào bàn ăn. Vì đã biết cách gây nôn nên cả hai cứ ăn uống thoải mái. Đúng là bữa ăn ngon, đủ món. Hơn nửa đoàn tùy tùng của ông được chiêu đãi thỏa thuê ở ba phòng ăn khác. Những kẻ hèn mọn và cả những tên nô lệ cũng có được mọi thứ mà họ muốn–là những kẻ thanh nhã hơn, tôi tiêu khiển đúng cách. Tóm lại, tôi tỏ ra biết sống. Nhưng khách của tôi không phải là hạng người mà người ta muốn bảo, "Lần sau nếu có đến đây xin ghé nhà tôi chơi". Một lần là đủ rồi. Chúng tôi trò chuyện những chuyện không quan trọng, nhưng nói chuyện nhiều những vấn đề văn chương. Nhìn chung, ông ta hài lòng và cảm thấy thích thú. Ông ta nói, ông sẽ ở Puteoli cả ngày, và bữa khác ở Baiae.

Đấy–một chuyến viếng thăm, hay đúng hơn là nơi dừng chân, phải nói là phiền hà nhưng không phải là khó chịu.

CICERO

CICERO TO ATTICUS

December, 45 B.C.

Strange that so onerous a guest should leave a memory not disagreeable! It was really very pleasant. But when he arrived at Philipus' place on the evening of December 18, the house was so thronged by the soldiers that there was hardly a spare room for Caesar himself to dine in. Two thousand men, no less! I was a good deal perturbed about what would happen next day. On the 19th Caesar stayed with Philippus, he took a walk on the shore. Toward two he went to his bath. After anointing he took his place at dinner. He was following a course of emetics, and so both ate and drank with uninhibited enjoyment. It was really a fine, well-appointed meal. His entourage moreover were lavishly entertained in three other dining-rooms. The humbler freedmen and slaves had all they wanted–the smarter ones I entertained in style. In a word, I showed I knew how to live. But my guest was not the kind of person to whom one says, "Do come again when you are next in the neighborhood." Once is enough. We talked of nothing serious, but a good deal on literary matters. All in all, he was pleased and enjoyed himself. He said he would spend a day at Puteoli and another at Baiae.

There you are–a visit, or should I call it a billeting, which as I said was troublesome to me but not disagreeable.

CICERO

ABELARD

Nhà tư tưởng lớn nài xin Heloise chịu chấp nhận số phận của họ và ý của Thượng đế.



Heloise va Abelard, những người yêu nhau bất hạnh ở thế kỷ XII.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Peter Abelard là nhà tư tưởng rất đặc sắc, nhà giáo ưu tú, nhà tranh luận tài ba, và nhà thần học. Năm 1115, ông trở thành nhà diễn thuyết ở trường của vương cung thánh đường Notre Dame, Paris. Heloise, cháu gái của giáo sĩ Fulbert, sống ở những khoảng trống có vườn bao quanh của ngôi thánh đường. Tuy không sắc sảo lắm, nàng là cô gái 17 tuổi, cao, chân thực, rất thu hút, có tiếng là thông minh và có học. Cha mẹ nàg đã qua đời, chẳng để lại cho nàng

lấy một xu, nhưng chính Fulbert đã nuôi nấng và cho nàng ăn học. Nàng viết và nói được tiếng La tinh, đọc được tiếng Hy Lạp, và có một kiến thức phổ thông về những tác phẩm cổ điển và các thánh giáo phụ của giáo hội. Fulbert muốn phát triển tối đa đầu óc của cô cháu gái nên đã thuê Abelard làm gia sư và rước ông về tại nhà. Abelard 21 tuổi, lớn hơn Heloise, chẳng bao lâu sau hai người đã yêu nhau.

Khi Heloise có thai, đang đêm, Abelard đưa nàng đi trốn tới nhà chị của anh ở Brittany, và nàng hạ sinh cậu con trai ở đó, đặt tên là Astralabe. Khi Abelard thông báo tin ấy đã khiến cho giáo sĩ Fulbert nổi giận, nhưng ông đồng ý nếu hai người cưới nhau. Điều này có nghĩa là Abelard không còn được làm linh mục, và sự nghiệp của một thần học gia sáng chói coi như chấm hết – Fulbert hả dạ vì đã trả xong mối thù. Heloise, chống lại kế hoạch này, đã trích dẫn thánh Phaolô, thánh Jérome, và Cicero về những lợi ích đáng ngờ của hôn nhân: "Làm sao có sự hòa hợp giữa học trò và tớ gái, cái bàn và cái nôi, cuốn sách hay bàn học và nữ giới, bút và con suốt để xe chỉ? Ai, lưu tâm đến suy tư thần học và triết học, có thể chịu đựng được tiếng khóc của con trẻ, những bài hát ru của các bà vú làm chúng nguôi ngoai, đám đông ồn ào của người nhà? Cuối cùng nàng đồng ý cưới hỏi nếu quả tình Abelard thúc ép.

Để Astralabe lại với bà dì ở Brittanny, đôi bạn trở về Paris và đã bí mật làm lễ cưới dưới sự hiện diện của Fulbert. Theo sự nhất quyết của Heloise, họ ly thân nhau ngay sau đó. Nàng vẫn hy vọng rằng nếu cuộc hôn nhân còn giữ bí mật, người yêu của

nàng vẫn đạt công danh. Nhưng Fulbert tiến hành công khai cuộc hôn nhân. Khi nàng từ chối điều này, ông ta đã đánh nàng để cố buộc nàng thừa nhận sự thật. Abelard nghe được tin này và đã vội đưa nàng tới tu viện ở Argenteuil mà hồi nhỏ nàng đã sống.

Lòng căm thù của Fulbert đối với Abelard không nguôi đi. Luật giáo sĩ đòi buộc là chỉ đàn ông mới được làm linh mục. Biết điều ấy, Fulbert thuê một băng côn đồ thiến Abelard. Bọn này thực hiện chuyện ấy ngay tại phòng của Abelard. Tình trạng bị thiến của chàng khiến Abelard suýt tự vẫn. Nhưng chàng cam chịu sự đau đớn như là ý của Chúa, quyết trở thành thầy dòng, và đã vào tu viện thánh Denis.

Khi Abelard được mời làm tu viện trưởng của tu viện thánh Gildas-de-Rhuys ở Brittany, chàng trao Paraclete cho Heloise đã đi tu. Ở đó nàng lập dòng nữ riêng. Tu viện thánh Gildas hóa ra là chén thuốc độc cho Abelard: những tu sĩ trần tục và phóng đãng sống ở đó – một số còn công khai sống với tình nhân của họ – đã kháng lại những nỗ lực của Abelard và đi tới chỗ âm mưu sát hại chàng.

Lá thư nổi tiếng giữa Abelard và Heloise bắt đầu bằng lời đề nghị đẹp và hùng hồn của Heloise cho Abelard để chàng viết cho nàng. Câu trả lời mộc mạc của Abelard là đối với phần lớn thì thư từ có tính công thức là từ cha tu viện trưởng viết cho mẹ bề trên, toàn những lời cổ vũ đạo hạnh. Nhưng chàng bộc bạch tình cảm thật của mình khi yêu cầu là, nếu kẻ thù của chàng giết chàng, Heloise hãy chôn chàng

trong nghĩa trang ở Paraclete. Coi đấy như lời gợi ý. Heloise đã nồng nhiệt viết thư trả lời.

Abelard cảm thấy miễn cưỡng soạn một lá thư chững chạc, được trích ở đây, cảnh giác nàng về những mối nguy đang chờ những ai mãi ấp ủ điều vượt trên những niềm vui đã qua nhưng chẳng bao giờ quay lại, và xin nàng chấp nhận cả hình phạt và sự tha thứ của Chúa. Sau đó, họ tiếp tục thư từ về những vấn đề có tính thần học và tôn giáo hơn. Khi chàng đề nghị trong lá thư đầu của chàng, hài cốt của chàng được Heloise chôn cất ở Paraclete, và khi nàng chết năm 1164, hài cốt của nàng được đặt bên cạnh. Năm 1817, tro của họ được đưa về Paris, và năm 1817 họ được mai táng chung trong một ngôi mộ, bên dưới bệ tượng có hàng chữ: "Abelard-Heloise-mãi mãi bên nhau."

Tiểu sử

Peter Abelard (1079-1142), nhà thần học và triết gia Pháp, sinh tại Le Pallet, cách Nantes 16km về phía đông nam, là con trai cả của dòng họ quý tộc Breton. Ông đã khước từ quyền thừa kế để theo học triết, nhất là môn luận lý, và trở thành nhà diễn thuyết thần học làm mê hoặc lòng người. Giáo huấn của ông về Chúa Ba Ngôi bị hội đồng tôn giáo Soissons họp năm 1121 coi là dị giáo. Mặc dù đã công khai rút lại một số học thuyết bị cho là xúc phạm nhất nhưng cuối đời ông vẫn bị giáo hoàng và hội đồng Sens kết tội dị giáo. Được học trò yêu mến, ông đã dấy lên lòng thù nghịch với các lãnh đạo của giáo hội do tính độc đáo của công việc và sự thách thức của ông đối với những giảng dạy truyền thống của Kitô giáo.

THƯ CỦA ABELARD GỬI HELOISE
Năm 1135

Gửi nàng dâu, tôi tớ của Đức Kitô.

Toàn bức thư trước của nàng dành kể lể nỗi thống khổ do những sai trái mà nàng phải chịu. Trước tiên, nàng phàn nàn rằng, trái với thói thường trong thư viết tay, lá thư của tôi để tên của nàng trước tên của tôi trong lời thăm hỏi. Thứ đến là, chính ra tôi đã phải đem đến cho nàng cách cứu chữa nào đó để nàng nguôi ngoai thì ta lại làm nàng gia tăng cảm giác trống trải. Ba là, nàng vẫn cứ không ngớt phàn nàn chống lại Thiên chúa liên quan tới cách thức chúng ta đón nhận đời sống tôn giáo và sự khắc nghiệt của hành vi bội bạc được thể hiện nơi tôi. Cuối cùng, nàng tự lên án điều tôi ca ngợi nàng... Không cần nói thêm, tôi xin lỗi nàng, và hãy thôi oán trách như vậy nữa những gì đã qua từ những thẳm sâu của tình yêu! Tuy thế, cho dù nàng còn bị bực mình bởi điều này, tôi thật sự tự trách cứ mình trong sự thất vọng hàng ngày của cuộc sống, một điều (xem ra) phải lẽ đối với tôi để nghĩ về lợi ích của linh hồn tôi và để mang lại cho nó trong lúc tôi còn có thể.

Cuối cùng, tôi đề cập tới sự phàn nàn cố hữu của nàng trong đó nàng dám oán trách Thiên chúa về cách thức đón nhận đời sống tôn giáo của chúng ta thay vì chính ra nàng phải tôn vinh Ngài. Tôi nghĩ rằng nỗi đắng cay trong tâm hồn này rõ ràng là hành động của lòng nhân lành của Chúa từ lâu đã không còn. Nhắc lại những gì nàng đã viết, là trong cách chuyện trò của chúng ta, khi Chúa hầu như càng thù ghét tôi hơn, rõ ràng Ngài đã tự tỏ ra nhân từ hơn.

Sau hôn lễ của chúng ta, khi nàng đang ở tu viện ở Argenteuil còn tôi đã tới gặp riêng nàng, nàng biết tôi khát khao nàng khôn cùng như thế nào lúc đó... Nàng còn biết sự thể thế nào khi nàng đã có thai và tôi đã đưa nàng về quê của tôi, nơi nàng phải cải trang thành một nữ tu thánh thiện, một sự giả vờ mà hiện nay là lời nhạo báng bất kính tôn giáo mà nàng tin theo.

Hãy tới, hỡi người bạn bất khả phân ly, và cùng tôi tạ ơn. . .Hãy nhẫn nại chấp nhận điều xảy đến với chúng ta do lòng nhân từ. Đấy là ngọn roi của người cha chứ không phải thanh gươm của người hành hạ. Người cha trừng phạt để sửa chữa và để chặn trước kẻ thù ám hại chúng ta.

ABELARD

ABELARD TO HELOISE 1135

To the bride of Christ, Christ's servant.

The whole of your last letter is given up to a recital of your misery over the wrongs you suffer. First you complain that, contrary to custom in letter-writing, my letter to you put your name before mine in its greeting. Second, that when I ought to have offered you some remedy for your comfort I actually increased your sense desolation. Third you went on to your old perpetual complaint against God concerning the manner of our entry into religious life and the cruelty of the act of treachery performed on me. Lastly, you set your self-accusations against my praise for you. . .Say no more, I beg you, and cease from complaints like these which are far removed from the true depths of love! Yet even if you are still offended by this, I am so critically placed in daily despair of life that it is proper for me to take thought for the welfare of my soul and to provide for it while I may.

I come at last to your old perpetual complaint in which you presume to blame God for the manner of our entry into religion instead of wishing to glorify him as you justly should. I had thought that this bitterness of heart at what was so clear an act of divine mercy had long since disappeared. Recall what you have written, that in the manner of our conversion, when God seems to have been more my adversary, he has clearly shown himself kinder.

After our marriage, when you were living in the cloister at Argenteuil and I came to visit you privately, you know what my uncontrollable desire did with you there... You know too how when you were pregnant and I took you to my own country you disguised yourself in the sacred habit of a nun, a pretense which was an irreverent mockery of the religion you now profess.

Come, my inseparable companion, and join me in thanksgiving... Accept patiently what mercifully befell us. This is a father's rod not a persecutor's sword. The father strikes to correct, and forestall the enemy who strikes to kill.

ABELARD

MARY, QUEEN OF SCOTS

Ở một trong những sự giả mạo nổi tiếng của lịch sử, Mary cố tình viết cho tình nhân của bà hai ngày trước lúc ông ta giết chết chồng của bà.



Mary trong độ tuổi đôi tám. Hầu như từ khi sinh nở, nữ hoàng là tiêu điểm của những thủ đoạn chính trị suốt cuộc đời của bà.



James Hepburn, bá tước thứ tư của Bothwell (1535-1578), chồng thứ ba của Mary, đã chết do điên cuồng lúc bị đày ở Đan Mạch.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Đấy là một trong tám "bức thư đựng trong tráp" tai tiếng nhất do Mary, nữ hoàng của xứ Scots, đã viết. Nó củng cố bài học mà nhiều lá thư nổi tiếng của lịch sử rõ ràng là xác thực; nhưng nghiên cứu cho thấy lá thư này là giả mạo.

Người chồng đầu tiên của Mary, vua nước Pháp, qua đời năm 1560 lúc ông 18 tuổi, và năm 1565 bà đã lấy người anh họ của chồng là Henry Stewart, Lord Darnley. Một năm sau, ông chồng hay ghen này đã tham gia vào cuộc mưu sát David Riccio, thư ký và là người được bà sủng ái, trước sự chứng kiến của Mary. Rồi Mary ngờ vực ông này còn vạch kế hoạch sát hại và bà cậu con trai mới sinh của bà là James, đứa con bị cho là của Riccio, và vào cuối năm 1566, cuộc ly hôn đã được bàn luận công khai.

Darnley nói về việc rời bỏ quê hương nhưng lại bị đau, có lẽ bị bệnh giang mai, tại Glasgow hồi tháng Giêng 1567. Ngày 25, Mary tới thăm Darnley và sáu ngày sau đưa ông ta tới Edinburgh. Ông ta được cho ở trong căn biệt thự nhỏ cạnh Kirk o'Field, ngay bên ngoài các bức tường thành phía nam, ở đó Mary thăm viếng ông và giúp chăm sóc ông.

Khoảng từ 10 đến 11 giờ tối Chủ nhật, 9 tháng Hai, sau khi chuyện trò thân mật với Darnley, Mary rời nhà để đi xem ca vũ nhạc kịch ở điện Holyrood. Chừng hai tiếng sau, lúc đã quá nửa đêm, nhà của Darnley bị nổ tung. Người ta tìm thấy cái xác không hồn của ông ta và của người hầu trong vườn, duy chỉ có điều bị những ai bóp cổ là chưa biết. Người bị tình nghi chính là Bá tước của Bothwell. Khi ông này bị đưa ra tòa nhưng được tha bổng, lúc ấy mối ngờ vực lại nghiêng về nữ hoàng, nhất là sau khi Bothwell "cuỗm" bà ta đi vào ngày 24 tháng Tư. Ngày 7 tháng Năm, Bothwell ly dị cô vợ xinh đẹp; ngày 12, Mary miễn xá cho việc bắt cóc và còn đưa Bothwell lên làm công tước xứ Orkney và Shetland; và ngày 15, như để

che chở ông ta, bà đã lấy người đàn ông mà thiên hạ đều biết là kẻ giết chồng bà.

Các ông hoàng xứ Scots liên minh lại để chống lại đôi tình nhân tai tiếng, ngày 15 tháng Sáu 1567, đánh bại họ ở Carberry Hill gần Edinburgh. Mary thoái vị nhường ngôi cho con trai nhỏ (James VI của xứ Scots, sau này là James I của Anh), với người em cùng mẹ khác cha James Stewart, bá tước của Moray, làm quan nhiếp chính.

Mười tháng sau bà dấy binh chống lại Moray nhưng vẫn bị đánh bại. Bà trốn qua Anh và cầu viện Elizabeth I. Elizabeth I nghĩ rằng sẽ cai trị xứ Scots thuận lợi hơn nếu có thể kiểm soát nó nhưng vẫn thừa nhận tình trạng nữ hoàng của Mary. Elizabeth triệu tập hội nghị ở lâu đài Carlisle để phân xử giữa Mary và Moray.

Bằng chứng chính là sự tuyển chọn các tài liệu được cho là do Mary viết, cái gọi là "những bức thư trong tráp". Lá thư được trích ở đây mang hàm ý chứng minh tội ngoại tình của Mary với Bothwell trước khi Darnley qua đời, và sự a tòng của bà về tội giết người. Hội nghị kết thúc bằng phán quyết lố bịch là "không bằng chứng": nó kết luận là cả hai chẳng có gì chống đối nhau. Thế nhưng một người (Mary) vẫn ở tù, còn người kia (Moray) trở về Scotland cai trị thay bà, thực chất là trở thành con tốt của Elizabeth.

Những tài liệu trong tráp – tám lá thư, mười hai bài thơ trữ tình, và hai hợp đồng hôn nhân – là mớ hổ lốn khôn khéo mang tính giả mạo tài tình, những đoạn thư xác thực, những lá thư của các nhân tình

của những người đàn ông khác, và những lá thư tình trước đó của Bothwell. Những nguyên bản bị hủy - khiến không thể kiểm tra chi tiết đúng thực của bản viết tay.

Nội dung mơ hồ khác thường của lá thư cho thấy hoặc người sao chép thấy là khó giải mã hoặc - đúng hơn - bị giả mạo vụng về so với nguyên bản. Độ dài của nó khiến nó đáng ngờ khi cho rằng Mary đã viết nó vào ngày 7 tháng Hai, đúng hai ngày trước khi Darnley qua đời. Cùng lúc ấy, lúc nào Bothwell cũng được bà chăm sóc - vậy làm sao viết được lá thư phân trần dài cho người mà bạn trông thấy hàng ngày? Sự liên quan với "nỗi bất hạnh" của bà chẳng mang lại ý nghĩa gì trong giai đoạn phát triển này của Mary. Sự liên quan với một đối thủ tình cảm của Bothwell cũng vô nghĩa. Đối thủ đáng ngờ nhất chính là vợ của Bothwell, Jean Gordon, nhưng tác giả của bức thư so sánh bản thân với Medea, người vợ đầu của Jason, người mà ông đã bỏ rơi để cưới Glauce. Thế nhưng Medea trong trường hợp này là Jean Gordon và Glauce, không dính dáng gì đến Mary. Ý cho rằng Darnley là con chim xổ lồng, trong khi Mary là con chim câu than khóc về sự vắng mặt của ông ta, cũng chẳng có ý nghĩa gì. Nếu Mary "than khóc" sự vắng mặt của chồng bà là Darnley, lá thư kiểu này hầu như không được sử dụng - nó đúng là - bằng chứng cho rằng bà là người vạch kế hoạch ám hại chồng.

Tiểu sử

Mary, Nữ hoàng xứ Scots (1542-1587), là ái nữ của James V của Scotland với bà vợ thứ của ông là Mary of Guise. Bà cũng là cháu gái của Henry VIII, và cũng là người thừa kế ngai vàng kế sau Elizabeth I. Được hứa hôn cho Francis, hoàng thái tử của Pháp nên bà sống suốt thời ấu thơ ở Pháp. Francis lên ngôi năm 1559 và Mary trở thành Hoàng hậu của Pháp lúc 17 tuổi, nhưng một năm sau ông này qua đời. Năm 1561 bà trở về Scotland, bà bị lôi kéo và cơn lốc xoáy mưu đồ. Sau năm 1658, bà bị Elizabeth I bắt giam. Năm 1587, bà bị hành quyết do bị buộc tội đồng lõa vào các âm mưu của Công giáo chống lại Elizabeth.

THƯ CỦA MARY, HOÀNG HẬU XỨ SCOTS GỬI BÁ TƯỚC CỦA BOTHWELL

Ngày 7 tháng Hai 1567

Sau này em đã canh chừng chỗ đó (Kirk o'Field) lâu hơn bình thường. Giả như nó không khai thác điều mà người mang thư này sẽ nói với anh: là em đã tìm được cớ tốt nhất để biện hộ cho việc làm có thể phải trả giá của anh. Em đã hứa với ông ta (Darnley) đưa ông anh của em tới cho ông ta vào ngày mai: nếu anh cảm thấy điều ấy tốt đẹp thì hãy bảo (em) làm. Anh à, lúc này em đã thất hứa, vì anh đã bảo em là không được gửi hoặc viết gì hết. Thế nhưng em cứ làm không phải (muốn) xúc phạm anh, nhưng nếu anh biết em lo sợ thế nào nếu xúc phạm (anh) thì anh (cũng) đừng quá ngờ vực em, mà điều em ấp ủ, cũng như những gì em hằng khao khát và tìm kiếm trong thế gian này, ấy chỉ là sự chiếu cố của anh. Có như thế thì việc xử sự của em mới làm em an tâm, anh hãy bộc bạch rõ cho em (biết). Nếu không (được vậy) em sẽ nghĩ rằng sự bất hạnh của em, và thái độ yếu đuối của những người không có phần thứ ba là sự trung thành và sự vâng phục tự nguyện mà em dành cho anh, đã giành được cho em sự lợi thế như giành được tình yêu thứ hai của Jason.

Không phải em so sánh anh với một người thật bất hạnh, cũng như so sánh em với một người không nhẫn tâm như Medea, thế nhưng anh đã làm nhiều điều biến em thành khá giống cô ta theo cách của anh; nhưng để giữ và bảo vệ anh (làm như thế) anh thuộc riêng cho cô ta, nếu một ai có thể chiếm làm của riêng điều người ấy giành được một cách chính đáng, trung nghĩa, và yêu thương tuyệt đối, như em làm và còn làm suốt đời em, thì cho dù có khổ đau và bất hạnh thế nào đi nữa (cũng cam). Mai đây, em không đòi hỏi anh giữ lời hứa với em, nhưng (cần là) chúng ta gặp nhau và (cần là) chàng đừng nghe bất cứ lời ngờ vực nào mà chàng có thể có mà không cho em biết. Và em không xin Chúa điều gì thêm hơn là (làm sao) anh hiểu được lòng em đã thuộc về anh, và xin Ngài giữ anh (ít ra) suốt cuộc đời của em, cuộc đời chỉ quý giá đối với em khi mà cuộc sống của em và bản thân em là quý giá đối với anh. Em sắp đi ngủ đây, và chúc anh ngon giấc. Hãy cho em biết chuyện anh tính vào sớm mai, vì em thật nóng lòng. Hãy xét coi con chim có rời chuồng của anh không, với hay không với con cái nào không. Em như con rùa sẽ ở một mình, để than khóc sự thiếu vắng tuy là vắn vỏi. Điều em không thể làm được, lá thư của em có thể nồng nàn, nhưng mong sao đừng làm anh chán ngấy.

Marie R

MARY, QUEEN OF SCOTS
TO
THE EARL OF BOTHWELL
February 7, 1567

I watched later up there (Kirk o'Field) than I would have done, had it not been to draw out what this bearer will tell you: that I find the best matter to excuse your affair that could be offered. I have promised him (Darnley) to bring him (her stepbrother) to him (Darnley) tomorrow: if you find it good, put order to it. Now, Sir, I have broken my promise, for you have commanded me not to send or write. Yet I do it not to offend you, and if you know my dread of giving offense you would not have so many suspicions against me, which, none the less, I cherish, as coming from the thing in the world which I most desire and seek, namely your good grace. Of that my conduct shall assure me, nor shall I never despair thereof, so long as, according to your promise, you lay bare your heart to me. Otherwise I shall think that my misfortune, and the faint attitude of those who have not the third part of the loyalty and willing obedience that I bear to you, have gained over me the advantage won by the second love of Jason.

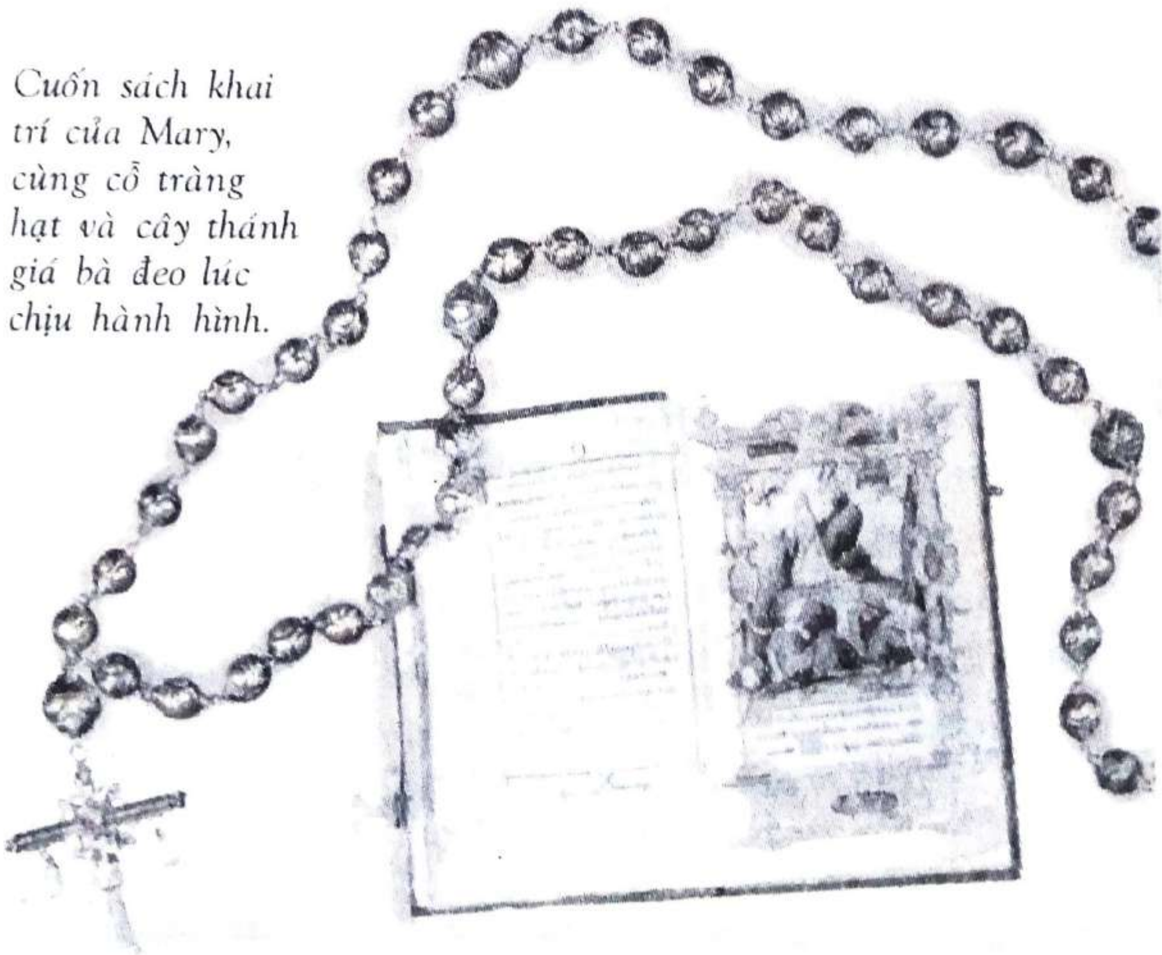
Not that I compare you to one so unhappy, nor myself to one so pitiless as Medea, however much you make me a little like her in what concerns you; but to preserve and guard you for her to whom alone you belong, if one can appropriate what one against by honorably, and loyally, and absolutely loving, as I do and will all my life, come what pain and misery there may. I do not ask you to keep promise with me tomorrow, but that we meet and that you do not listen to any suspicion you may have without letting me know. And I ask no more of God than that you may know what is in my heart which is yours, and that He preserve you at least during my life, which shall be dear to me only while my life and I are dear to you. I am going to bed, and wish you good night. Let me know early tomorrow how you fare, for I shall be anxious. And keep good watch if the bird leave his cage, with or without his mate. Like the turtle I shall abide alone, to lament the absence, however short it may be. What I cannot do, my letter would do heartily, if it were not that I fear you are asleep.

Marie R



Mary đang đứng lên để tới nơi chịu hành hình trong khi các cô hầu cố cản bước của bà.

Cuốn sách khai trí của Mary, cùng cỗ tràng hạt và cây thánh giá bà đeo lúc chịu hành hình.



HORATIO NELSON

Vào bữa trước ngày chiến thắng rực rỡ nhất của ông, vị đại anh hùng của lịch sử hải quân Anh đã viết dài dòng những lời âu yếm cho người tình của ông.



Đô đốc Nelson, người đã mê mẩn vợ của ngài đại sứ Anh ở Naples.



Emma, người đã chết không một xu dính túi ở Pháp, mặc dù được Nelson hứa hẹn lúc hấp hối.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Ngày 20 tháng Mười 1805, đô đốc Pháp là Pierre de Villeneuve liều ra khỏi cảng Cadiz, nơi hải quân Anh đã giữ chân hạm đội phối hợp Pháp-Tây Ban Nha từ tháng Tám, làm thất bại các kế hoạch

xâm lăng Anh của Napoleon. Ngày hôm sau, hạm đội gồm 34 chiếc của Villeneuve bị hạm đội gồm 27 chiếc của Horatio Nelson đánh bật khỏi mũi Trafalgar. Lực lượng của Villeneuve bị tiêu diệt trong chiến thắng lớn chưa từng có của Hải quân Hoàng gia. Chiến thắng này có giá của nó–Nelson tử trận. Ngày 4 tháng Mười Hai, con tàu *Victory* của đô đốc Nelson đưa xác ông về quê nhà ở Portsmouth. Phụ tá của ông, thuyền trưởng Hardy, đã mang những bức thư vào phút cuối của Nelson cho tình nhân của ông là Emma, vợ của Hamilton, và đã xác nhận: "Bức thư này được tìm thấy là để mở trên bàn của ông ta và được thuyền trưởng Hardy mang cho bà Halmilton. Ôi Emma đáng thương! Ôi Nelson vinh quang và hạnh phúc!"

Sinh ra ở Amy Lyon năm 1761, con gái của người thợ rèn Cheshire, lúc còn trẻ Emma Hamilton sống ở London như một gái điếm hạng sang. Năm 1782, sau nhiều mối quan hệ bất chính và có một cậu con trai ngoại hôn, nàng chấp nhận "sự bảo bọc" của Ngài William Hamilton, đại sứ Anh ở vương quốc Naples; họ cưới nhau năm 1791. Ở Naples, nàng đã gặp Nelson. Ông này đã lấy một phụ nữ góa chồng tên là Frances Nisbet năm 1787 nhưng lúc này lại mê mẩn vợ của ngài đại sứ Anh. Hai người sớm trở thành tình nhân của nhau. Ngài William Hamilton chấp nhận tình cảnh này nhưng vì ông hai người không được sống công khai với nhau.

Tháng Giêng 1801, Emma sinh cho Nelson một cô con gái, nàng có thai bé gái này lúc cùng Nelson

xuất dương trên con tàu *Foudroyant* hồi tháng Tư 1800. Họ chỉ làm khai sinh cho cô con gái và đặt tên là Horatia khi mọi sự đã vỡ lẽ.

Ngài William Hamilton qua đời năm 1803, nhưng vì thanh danh quá lớn của Nelson khiến ông không thể ly dị và tái hôn dù ông có ham thích Emma.

Nelson đã viết cho Emma rất nhiều thư lúc họ xa cách nhau chứng tỏ mối tình sâu nặng với nhau. Hình ảnh của Emma luôn ở trong đầu ông, kể cả trước ngày tham chiến ở Trafalgar, và cũng trong trận này Nelson đã tử trận. Vào ngày xảy ra trận giao tranh, nhìn thấy hạm đội của địch, Nelson nói lên ý định của mình, có thuyền trưởng Hardy và Blackwood chứng kiến. Ông yêu cầu Emma được trợ cấp xứng đáng nhằm duy trì địa vị xã hội của nàng. Ông cũng trăn trối nàng và Horatia cho quốc gia. Nhưng Emma Hamilton đã tạo ra nhiều kẻ thù do nghề nghiệp tai tiếng của nàng. Nàng và Horatia còn không được mời dự đám tang của Nelson, và yêu cầu của vị anh hùng bị lãng quên. Hoàng thân nhiếp chính đã hưởng tiền trợ cấp của Emma cho đến khi một đầy tớ đầy lòng căm thù, khi bị sa thải, đã đánh cắp một số bức thư của Nelson và bán cho báo chí. Những bức thư được phát hành cho thấy là vài năm trước đó Nelson đã cảnh cáo Emma không được bén mảng với vị hoàng thân nhiếp chính-một kẻ tán gái có tiếng. Vì thế mọi hy vọng trợ giúp của hoàng gia cho Emma coi như chấm dứt trong khi những người có quan hệ hợp pháp và máu mủ với ông được trợ giúp thật hào phóng. Năm

1813 Emma đã bị bắt vì nợ nần. Khi được tha, nàng trốn tới Calais và sống những năm tháng cuối đời trong nghèo túng và khổ sở.

Tiểu sử

Horatio Nelson (1758-1805) gia nhập hải quân năm 12 tuổi và năm 20 tuổi đã là thuyền trưởng. Trong cuộc chiến với nước Pháp Cách mạng hồi thập niên 1790, ông góp phần chính yếu đưa đến những chiến thắng ở Toulon (1795) và mũi St.Vincent (1797). Chiến thắng vang dội đánh bại quân Pháp trong trận trên sông Nile (1798) đã khẳng định tiếng tăm của ông và được phong làm Nam tước, được hưởng trợ cấp 2.000 quan mỗi năm. Vua xứ Naples phong ông là Nam tước Bronte. Được phong hàm phó đô đốc năm 1801, ông đã chiến thắng thêm trong trận Copenhagen cùng năm ấy. Ông càng nổi trội với chiến thắng ở Trafalgar năm 1805.



THƯ CỦA HORATIO NELSON GỬI EMMA, VỢ CỦA HAMILTON

Ngày 19 tháng Mười 1805

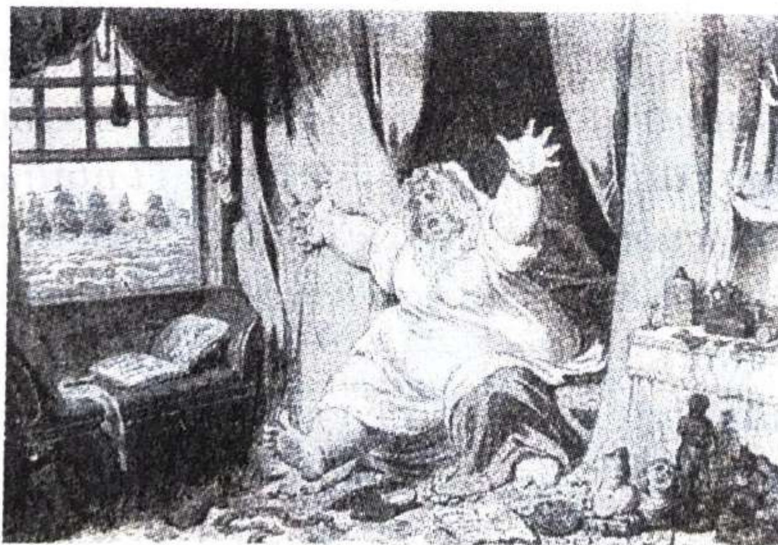
Ngày 19 tháng 10 năm 1805
HMS Victory
Cadiz ESE, 16 Leagues

Emma rất dấu yêu, người bạn quý mến của lòng anh, có dấu hiệu là hạm đội phối hợp của địch đã rời cảng. (Chỗ của bọn anh) có rất ít gió nên chẳng hy vọng gặp được họ trước buổi mai. Cầu Thần Chiến tranh ân thưởng các nỗ lực của anh bằng sự thành công; trong mọi biến cố, anh luôn muốn làm sao để tên tuổi của anh lúc nào cũng thiết tha nhất đối với em và Horatia, cả hai đều là những người anh yêu như chính mạng sống của mình. Và anh đang viết những dòng cuối cho em trước khi vào trận, anh cầu Chúa là anh còn sống để viết xong lá thư sau trận chiến. Xin Chúa chúc phúc cho em, hãy cầu nguyện cho Nelson và Bronte.

Ngày 20 tháng Mười

Sáng nay bọn anh đã tới gần cửa (biển) Stairs, nhưng gió không thổi đủ xa tới Westward các hạn đội phối hợp vượt những nguy hiểm ngấm ngầm khỏi Trafalgar; nhưng bọn chúng có cả thảy đến 40 tàu chiến, gồm 34 tàu dàn thành tuyến và 6 chiến thuyền. Sáng nay có một nhóm nằm mãi xa cách ngọn hải đăng Cadiz, nhưng thời tiết rất trong lành nhưng nhiều hơi nước khiến anh tin rằng họ sẽ vào cảng trước buổi tối. Cầu Chúa quyền năng giúp bọn anh thắng trận và cho phép chúng ta tái lập Hòa bình.

Horatio Nelson



HORATIO NELSON
TO
EMMA, LADY HAMILTON
October 19, 1805

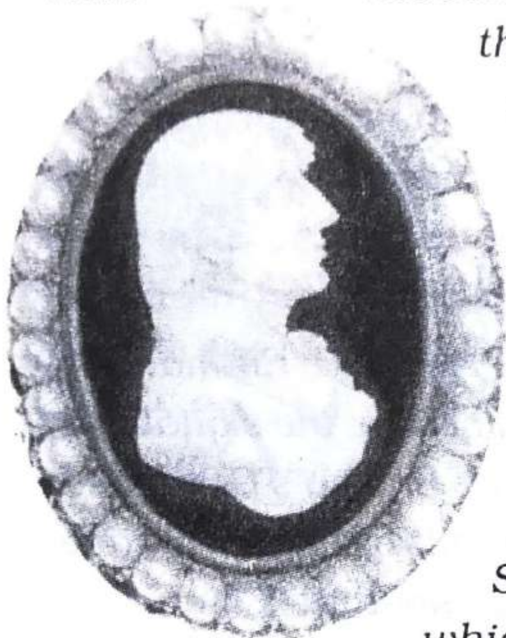
October 19th 1805
HMS Victory
Cadiz ESE, 16 Leagues

My dearest beloved Emma, the dear friend of my bosom, the signal has been made that the Enemy's Combined Fleet are coming out of Port. We have very little wind, so that I have no hopes of seeing them before tomorrow.

May the God of Battles crown my endeavors with success; at all events, I will take care that my name shall be ever most dear to you and Horatia, both of whom I love as much as my own life. And as my last writing before the Battle will be to you, so I hope in God that I shall live to finish my letter after the Battle. May Heaven bless you, prays your Nelson and Bronte.

October 20th

In the morning we were close to the Mouth of the Stairs, but the wind had not come far enough to the Westward to allow the Combined Fleets to weather the Shoals off Trafalgar; but they were counted as far as forty Sail of Ships of War, which I suppose to be thirty-four of the Line and six Frigates. A group of them was seen off the Lighthouse of Cadiz this morning, but it blows so very fresh and thick weather that I rather believe they will go into the Harbor before night. May God Almighty give us success over these fellows, and enable us to get a Peace.



Horatio Nelson

MARY SHELLEY

Tác giả của quyển Frankenstein *mô tả cái chết của người chồng thi sĩ của bà, bị chìm ngoài khơi vùng biển của Ý.*



Mary Shelley.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Năm 1822, thi sĩ người Anh Percy Bysshe Shelley đã viết, "Thuyền của ta tựa cánh én xinh xinh trông đúng là con tàu. Williams là thuyền trưởng và chúng ta lái con thuyền dọc vùng vịnh tuyệt diệu vào một buổi chiều lộng gió, dưới ánh trăng hè, cho tới khi trái đất biến thành một thế giới khác". Đúng là trong con thuyền buồm *Ariel* xinh xinh lướt nhanh, Shelley và bạn của anh là Edward Williams đã gặp tử thần ngày 8 tháng Bảy 1822. Trận bão bất thần đã chộp lấy họ trên đường trở về ngang qua Vịnh La Spezia; sau tám ngày xác của họ trôi giạt vào bờ. Shelley chưa đầy 30 tuổi. Độ tuổi đôi mươi của Shelley là thập niên lạ thường, đầy đam mê, sự chết chóc, và thảm kịch. Chàng đã

bỏ rơi vợ là Harriet và trốn theo Mary Godwin, tác giả của bức thư được trích dẫn ở đây. Năm 1816, khi Shelley 24 tuổi, Mary sinh hạ đứa con trai đầu lòng của họ, William. Cô chị gái của người vợ trước, Claire, cùng đi với họ trong các chuyến du lịch châu Âu, đã theo đuổi chàng thi sĩ Lord Byron không thành. Trở về London, Harriet nhảy xuống sông để quyên sinh, và người em cùng cha khác mẹ của Mary cũng tự vẫn. Giữa tình trạng hỗn độn, Mary bắt tay viết cuốn tiểu thuyết *Frankenstein*, còn Shelley cho ra đời tập thơ lớn nhất của chàng. Năm sau, 1817, họ sinh hạ thêm cô con gái Clara, và Allegra, đứa con của mối quan hệ giữa Claire và Byron. Clara chết ở Venice năm 1818 sau cuộc hành trình bằng xe ngựa mệt mỏi. Không lâu sau đó William và Allegra chết ở Rome. Đứa con trai thứ hai, Percy Shelly, ra đời năm 1819. Khi Shelly chuyển gia đình tới căn hộ hẻo lánh trên bờ San Terenzo gần Lerici, nằm ở bờ biển tây bắc nước Ý, Mary tràn ngập nỗi lo sợ về một điềm gở. Sau này nàng nói (1839): "Lúc nào tôi cũng có linh cảm như có điều gì bất hạnh sẽ xảy ra." Điều này chẳng mấy ngỡ ngàng. Vào lúc Shelly tới Lerici năm 1822, cuộc du hành châu Âu của chàng xem chừng đã xảy ra chuyện con cái bị chết.

Trước cuộc du ngoạn bằng thuyền tai họa, Shelly đã cảm thấy xốn xang. Chàng mơ về sự chết chóc, nhưng vì mê sông nước, chàng vẫn ra đi bất chấp giông bão, và chàng cùng Williams đã chết ở vùng biển nguy hiểm ấy.

Tiểu sử:

Mary Wollstonecraft Shelley (1797-1851) là con gái của triết gia bênh vực quyền bình đẳng nam nữ, Mary Wollstonecraft. Từ năm lên 17 tuổi cuộc sống của bà đã gắn bó với thi sĩ Shelley, người chịu ảnh hưởng sâu đậm quan điểm chính trị và triết học của cha, ông William Godwin. Sau khi Shelley qua đời, Mary biên tập và cho xuất bản nhiều tác phẩm của chồng, bản thân bà cũng là một tiểu thuyết gia và nhà văn viết về những chuyến đi. *Frankenstein* hay còn gọi là *Tân Prometheus* (1818) là tiểu thuyết đầu tay của bà. Những tác phẩm khác gồm: *Valperga, Hoàng tử xứ Lucca* (1823), *Người cuối cùng* (1826), *những vận may của Perkin Warbeck* (1830) và *Falkner* (1837). Shelley đã đóng góp nhiều cho quyển *Lục tuần Du ký* (1817), thuật lại những cuộc du hành thuở ban đầu của họ.



Buổi hỏa táng Shelley trên bờ biển nơi ông trôi dạt dào. Trong bức họa có sự hiện diện của nhà thơ Lord Byron, nhà phê bình văn học Leigh Hunt và nhà thám hiểm hàng hải Edward Trelawny.

THƯ CỦA MARY SHELLEY GỬI MARIA GISBORNE
Ngày 15 tháng Tám 1822

Em bảo rằng em sẽ tả cho chị nghe những tháng cực khổ vừa qua trong cuộc đời bất hạnh của em. Thứ Hai, ngày 8, Jane đã nhận được thư của Edward, viết ngày thứ Bảy, anh ta bảo rằng anh đợi Shelly ở Leghorn (vì Shelley (đang) ở Pisa). Như vậy chắc chắn Shelley sẽ trở về, "nhưng" anh ta vẫn biền biệt, "nếu anh ta không đến vào thứ Hai, em sẽ tới bằng tàu còn chị có thể chờ em trễ nhất là chiều tối thứ Ba". Đúng là ngày thứ Hai, ngày thứ Hai định mệnh, nhưng với chúng em nó là ngày bão táp suốt và chúng em chẳng nghĩ là họ có thể ra khơi. Chúng em nhận được những bản tin–chúng em hy vọng–thế nhưng phải nói với chị toàn bộ nỗi thống khổ mà chúng em chịu đựng trong 12 ngày ấy có thể giúp chị nhận ra cả trời khổ đau – mỗi phút giây đều quá quất lắm, và chỗ nào cũng có điều tồi tệ

hơn. Em bảo Jane – "Nếu tìm thấy bất cứ thứ gì trên bờ biển Trelawny, hãy quay về cho chúng em biết. Anh ấy đã không trở về vì thế em (càng) mong." Vào khoảng 7 giờ tối, anh ấy trở về – mọi sự qua đi–giờ thì thật yên ắng, người ta tìm thấy họ trôi giạt vào bờ – Thế là phải gánh chịu tất cả.

Bữa nay – chính bữa nay – mặt trời chiếu sáng trên bầu trời – họ đã ra đi tới vùng biển khơi hoang vắng để được an táng hài cốt trong lòng đất. Hunt, Lord, Byron và Trelawny. Luật kiểm dịch không cho phép chúng em cải táng sớm hơn – và hiện chỉ với điều kiện là chúng em đốt họ thành tro.

Em dừng bút ở đây–nhưng em sớm rời Ý – và rồi – thế là hết ngoài nỗi thất vọng. Tạm biệt. Em chúc chị mạnh khỏe và hạnh phúc.

Người em chân thành của chị,

Mary Ws.

MARY SHELLEY
TO
MARIA GISBORNE
August 15, 1822

I said that I would send you some account of the last miserable months of my disastrous life. On Monday 8th Jane had a letter from Edward, dated Saturday, he said that he waited at Leghorn for S (helley) who was at Pisa. That S(helley)'s return was certain, "but" he continued, "if he should not come by Monday I will come in felucca & you may expect me Tuesday evening at furthest". This was Monday, the fatal Monday, but with us it was stormy all day & we did not at all suppose that they could put to sea. Reports were brought us – we hoped – & yet to tell you all the agony we endured during those 12 days would be to make you conceive a universe of pain – each moment intolerable & giving place to one still worse. I said to Jane – "If any-

thing had been found on the coast Trelawny would have returned to let us know. He has not returned so I hope." About 7 o'clock P.M. he did return – all was over – all was quiet now, they had been found washed on shore – Well all this was to be endured.

Today – this day – the sun shining in the sky – they are gone to the desolate sea coast to perform the last offices to their earthly remains. Hunt, L(ord) B(yron) & Trelawny. The quarantine laws would not permit us to remove them sooner – & now only on condition that we burn them to ashes.

I rest now – but soon I must leave Italy – & then – there is an end of all but despair. Adieu. I hope you are well & happy

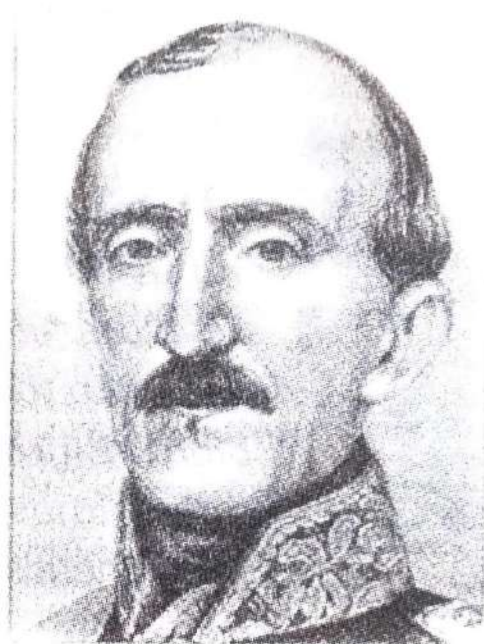
Yours ever truly,

SIMÓN BOLÍVAR

Nhà cách mạng giải phóng của Nam Mỹ viết trên giường bệnh cho vị tổng thống đầu tiên của Ecuador, dự báo rằng những tên bạo chúa sẽ nổi lên sau khi ông qua đời.



Simón Bolívar chết trong tâm trạng vỡ mộng về Nam Mỹ mà ông đã tạo nên.



Tướng Juan José Flores năm 1865, sau khi giúp thực hiện lời tiên tri của Bolívar.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Được viết vào tháng cuối của cuộc đời, lá thư này là của nhà cách mạng giải phóng của Nam Mỹ vừa là tiếng than khóc đầy thất vọng khi nhìn sự nghiệp của đời ông tiêu tan và là lời tiên đoán về bầu không khí chính trị sắp tới.

Bolívar trở thành nhà cách mạng sau tuyên bố độc lập của Venezuela khỏi tay người Tây Ban Nha năm 1811. Trong sáu năm kế tiếp, khi quân đội Tây Ban Nha chiến thắng trong những cuộc chiến giành độc lập, Bolívar phải tạm rút vào căn cứ. Nhưng sau năm 1817, việc đấu tranh giành quyền tự trị có bước tiến đáng kể do được nhiều tướng giỏi tham chiến và cuối cùng đã đánh bật người Tây Ban Nha khỏi Nam Mỹ.

Sau năm 1824, những con người chiến thắng bắt đầu có những bất hòa với nhau. Trước hết, người Peru tẩy chay Bolívar không coi ông là người cai trị họ. Rồi năm 1828, tân quốc gia Bolivia trục xuất tướng Sucre, tổng thống đầu tiên của quốc gia này, cùng quân đội người Colombia của ông. Khi Bolívar nắm quyền độc đoán ở Colombia năm 1828, Venezuela cũng chuẩn bị trở thành quốc gia độc lập. Vào năm cuối đời của nhà cách mạng giải phóng, mối đe dọa tách ra vẫn tiếp tục, vì tự Colombia lúc ấy được bốn lãnh đạo cùng cai trị hiệu quả.

Bolívar đã viết trong tuyệt vọng cho một trong những lãnh đạo này. Juan José de Flores (1801-1864) là một đại tá người Venezuela mới 23 tuổi phục vụ ở Peru khi ông nổi lên như nhà cách mạng giải phóng ở Lima năm 1824. Nhanh chóng nhảy lên hàng tướng, Flores là công cụ từng tuyên bố Bolívar có quyền hành tuyệt đối suốt đời trong từng thành phố chịu quy phục. Nhưng Flores có các khuynh hướng chuyên quyền. Khi chọn người kế vị, Bolívar muốn giao quyền cho Sucre.

Dù dè dặt về các mặt đặc điểm của Flores, Bolívar vẫn nghĩ ông ta có thể là người vĩ đại. Flores chứng minh mình là một trong những người nổi trội sau khi Bolívar qua đời; ông đã lãnh đạo phong trào ly khai ở nam Colombia, tách ra để trở thành tân quốc gia Ecuador mà ông là tổng thống đầu tiên.

Bolívar đã mơ ước các quốc gia Nam Mỹ hợp nhất thành hệ thống liên bang đủ mạnh để đương đầu với Mỹ. Điều ông thấy được vào cuối đời là một quốc gia duy nhất (Colombia) đang tan rã. Bolívar chứng tỏ là một nhà tiên tri thật sự. Cái chết của ông báo hiệu 60 năm thống trị khắp Nam Mỹ của các lãnh tụ – "những con người trên lưng ngựa", những nhà cai trị riêng lẻ với quân đội theo sau. Truyền thống lãnh tụ vẫn còn ở Nam Mỹ, đủ mạnh ở những vùng mà người ta hay gọi đùa là vùng nguyên vẹn "đất của đĩa hát chơi đến ba mươi phút một mặt–33 cuộc cách mạng một phút."

Tiểu sử:

Simón Bolívar (1783-1830) sinh ra trong một gia đình quý tộc ở Caracas, Venezuela. Ông học luật ở Madrid, Tây Ban Nha, và chịu ảnh hưởng sâu sắc khi chứng kiến hậu quả cuộc Cách mạng Pháp diễn ra tại Paris. Năm 1811, ông góp phần vào việc tuyên bố độc lập của Venezuela khỏi Tây Ban Nha, đã trốn qua Colombia năm 1812, và năm sau đã trở về, tiến vào Caracas như nhà "cách mạng giải phóng". Bị hất cẳng năm 1814, ông chạy trốn sang Haiti, ở Tây Ấn. Ba năm sau ông trở lại để mở chiến dịch bảy năm chống lại quân đội Tây Ban Nha trên các mặt trận trải dài qua Venezuela, Colombia, Ecuador và Peru. Vùng Thượng Peru được đổi tên thành Bolivia để tôn vinh ông, quốc gia duy nhất còn mang tên của một nhân vật.

THƯ CỦA SIMÓN BOLÍVAR GỬI TƯỚNG FLORES

Ngày 9 tháng Mười Một 1830

Anh biết tôi đã nắm quyền hành 20 năm, nên tôi đã vạch ra vài kết luận chắc chắn. 1- Chúng ta khó kiểm soát nổi châu Mỹ. 2- Ai phục vụ cuộc cách mạng đều phải rẽ sóng biển. 3- Điều duy nhất có thể làm được ở châu Mỹ là đổi chỗ ở. 4- Đất nước này chắc chắn sẽ rơi vào tay đám người bạo ngược thấp hèn không biết kiềm chế hầu như quá nhỏ để cần lưu ý và thuộc mọi màu da, chủng tộc. 5- Bị tàn phá bởi mọi loại tội ác và bị tiêu diệt bởi sự tàn bạo, chúng ta sẽ bị người châu Âu, những người không thèm chinh phục chúng ta, khinh thị. 6- Nếu một phần thế giới có thể rơi lại vào hỗn loạn, đó là châu Mỹ.

BOLÍVAR

Simón Bolívar
to
General Flores
November 9, 1830

You know I have held power for twenty years, and I have drawn but a few sure conclusions. 1- American is ungovernable for us. 2- He who serves a revolution plows the sea. 3- The only thing one can do in America is to emigrate. 4- This country will infallibly fall into the hands of an unbridled crowd of petty tyrants almost too small for notice and of all colors and races. 5- Devoured by all the crimes and extinguished by ferocity, we shall be disdained by the Europeans, who will not design to conquer us. 6- If it were possible for part of the world to fall black to primitive chaos, America would.





BOLÍVAR

JOHN BROWN

Được củng cố trong niềm tin của mình bởi dũng cảm thuyết phục, người theo chủ nghĩa bãi nô nổi tiếng, an ủi gia đình ngắn gọn trước khi chịu hành hình.



John Brown chờ giờ hành quyết "với đầu óc hết sức điềm tĩnh."

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Ngày 16 tháng Mười 1859, John Brown, người theo chủ nghĩa bãi nô nồng nhiệt, và người của ông (năm người trong số họ là người da đen) đã chiếm kho vũ khí liên bang ở Harpers Ferry, Virginia, như bước khởi đầu trong cuộc nổi dậy mang lại hy vọng cho nô lệ. Brown tuyên bố, "Một người cùng Thượng đế có thể đảo lộn thế giới." Ngày hôm sau, đại tá Robert E. Lee (sau này là tướng của các bang ly khai trong cuộc Nội chiến) đã tới mang theo toán lính thủy đánh bộ từ Washington. Brown cùng 6 người của ông đã cầm cự trong một trạm cứu hỏa, chiến đấu cho đến khi hai con trai của ông bị giết chết và bản thân ông bị thương nặng.

Bị tòa án Virginia khép vào tội nổi loạn và giết người, ông bị kết án và bị treo cổ ở thị trấn Charles, Virginia cùng với bốn người. Bị đặt ngồi trên quan tài chở đi bằng xe ngựa tới giá treo cổ, Brown nhìn chầm chầm dãy núi Blue Ridge và nhận định: "Đây *là* quê hương xinh đẹp mà tôi chưa từng mãn nguyện khi thực sự nhìn nó trước đây". Sau khi bị treo cổ, tên cai ngục mở miếng giấy mà trên đó Brown để lại một thông điệp mang tính tiên tri: "Tôi, John Brown, hiện *chắc chắn* rằng các tội ác của miền đất *tội lỗi* này sẽ không bao giờ được gột sạch ngoại trừ bằng Máu."

Brown là một trong những nhân vật thích tranh luận nhất trong lịch sử nước Mỹ. Đối với những người phỉ báng và một số người theo chủ nghĩa bãi nô, ông là một người cuồng tín, một người điên cuồng mộ đạo tập trung sự điên cuồng của mình vào vấn đề nô lệ. Đối với những người cảm phục ông, ông là vị thánh, một người mà cả khi sắp chết vẫn không muốn các cộng tác viên bị liên lụy.

Bài ca "Xác của John Brown nằm như khuôn dù trong huyệt" được phổ biến trong binh lính Mỹ thời Nội chiến, và Harpers Ferry có thể trở thành sự đối lập giữa Bắc và Nam chắc chắn xảy ra hơn là có khả năng xảy ra.

Lá thư của Brown viết cho gia đình là một bày tỏ tiêu biểu, chứa đựng hình ảnh thánh kinh và cảm nhận của kinh Cựu ước, kể cả trong việc dạy dỗ con cái. Ông coi việc đấu tranh cho người nô lệ như là hành vi tử đạo.

Tiểu sử

John Brown (1800-1559) sinh ra ở Torrington, bang Connecticut, thuộc phái Pilgrim. Một gia trưởng sống theo tinh thần thánh kinh, ông đã kết hôn hai lần và có 20 người con. Trong cuộc xung đột biên giới Kansas năm 1854-1856, chủ yếu là cuộc đấu tranh mang tính quốc gia rộng lớn về vấn đề nô lệ, Brown tự rèn luyện mình trở thành nhà lãnh đạo tự mình đấu tranh chấm dứt chế độ nô lệ. Ông bị tai tiếng vì gây ra cuộc thảm sát tại Pottawatomie Creek ở Kansas, khi ông cùng bốn trong những người con trai của mình dùng mã tấu tấn công và giết chết năm người ủng hộ chế độ nô lệ. Ông do dự khi tấn công vào trung tâm miền Nam khi dựng thành lũy và nơi trú ẩn cho những nô lệ chạy trốn. Cuộc tấn công vào kho vũ khí Harpers Ferry năm 1859 khiến ông bị bắt và bị hành hình.



THƯ CỦA JOHN BROWN GỬI GIA ĐÌNH
Ngày 30 tháng Mười Một 1859

Nhà tù Charlestown, tỉnh Jefferson.
Ngày 30 tháng Mười Một 1859
Vợ và các con trai, con gái yêu dấu,

Nếu lúc này phải bắt đầu điều gì thì có lẽ đây là bức thư cuối cùng anh muốn viết cho từng người; anh thu xếp để viết cho em và các con một thể. Anh đang chờ đến giờ bị giết nơi công cộng mà tâm trí vẫn bình thản, và hân hoan: cảm thấy rất tự tin là không còn cách nào khác mà anh có thể dùng để giương cao chính nghĩa của Thiên chúa; và của nhân loại. Sự phản ánh cho thấy rằng sự khôn ngoan, và sự khoan dung, cũng như sự công chính, và Thiên chúa linh thiêng không chỉ chi phối các vấn đề của thế giới này, mà là toàn thế giới; là tảng đá để đặt đôi chân chúng ta lên; dưới mọi hoàn cảnh. Giờ anh chẳng ngờ vực ngoài cái tưởng là tai họa của chúng ta: cuối cùng sẽ đưa đến kết quả vinh

quanh nhất. Vì thế, hỡi gia đình phân ly và tan vỡ; hãy hân hoan; và hãy cùng tin tưởng vào Chúa; anh xin em và các con thực hành kinh thánh mỗi ngày và nghiền ngẫm hàng đêm; với một tinh thần chân thật, ngay thẳng, dễ bảo như con trẻ. Vì lòng yêu thương và kính trọng chồng và cha; và anh xin Chúa là cha; để (Ngài) mở mắt em và các con khám phá ra sự thật. John Brown viết cho các con của mình là hãy mãi ghê tởm chế độ nô lệ "hết sức tồi tệ" ấy. Hãy nhớ rằng ai chậm giận dữ thì tốt hơn quyền lực; và ai chế ngự được lòng mình còn hơn là người chiếm được một thành phố." Cũng hãy nhớ rằng: "Những người khôn ngoan sẽ tỏa sáng, và họ làm cho nhiều người quay về với sự công chính, như những vì sao bất diệt, mãi bất diệt." Còn giờ đây anh từ giã những người thân yêu của mình. Anh gửi gấm em và các con cho Thiên chúa và lời ân sủng của Ngài.

Người chồng dấu yêu và người cha mến yêu của em và các con.

JOHN BROWN

JOHN BROWN TO HIS FAMILY

November 30, 1859

Charlestown,
Prison, Jefferson Co. Va.
30th Nov 1859

My Dearly beloved Wife, sons: & Daughters,

As I now begin what is probably the last letter I shall ever write to any of you; I conclude to write you all at the same time. I am waiting the hour of my public murder with great composure of mind, & cheerfulness: feeling the strongest assurance that in no other possible way could I be used to so much advance the cause of God; & of humanity: The reflection that a wise, & merciful, as well as just, & holy God: rules not only the affairs of this world; but of all the worlds; is a rock to set our feet upon; under all circumstances: I have now no doubt but that our seeming disaster: will ultimately result in the most

glorious success. So my dear shattered; & broken family; be of good cheer; & believe & trust in god; I beseech you every one to make the bible your daily & nightly study; with a childlike honest, candid, teachable spirit: out of love and respect for your Husband; & Father; & I beseech the God of my Fathers; to open all your eyes to a discovery of the truth. John Brown writes to his children to abhor with undying hatred, also: that "sum of all villainies" Slavery. Remember that " he that is slow to anger is better than the mighty: and he that ruleth his spirit; than he that taketh a city." Remember also: that "they that be wise shall shine: and they that turn many to righteousness: as the stars forever; & ever." And now dearly beloved Farewell. To God & the word of his grace I commend you all.

Your Affectionate Husband & Father

JOHN BROWN

ABRAHAM LINCOLN

Vào lúc cao điểm của cuộc Nội chiến, Tổng thống Lincoln dành thời gian viết lá thư cảm động chia buồn với một bà mẹ có đám tang.



Abraham Lincoln, người không được thông tin chính xác về các con trai của bà Bixby.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Cuộc Nội chiến của mỹ (1861-1864) đã tạo ra một số thương vong với tỷ lệ chưa từng thấy trong cuộc chiến từ cuộc chiến tranh Ba mươi năm ở châu Âu (1618-1648). Với số dân khoảng 21 triệu, số thương vong (chết và bị thương) có đến trên một triệu. Miền Bắc có khoảng 2.triệu chiến binh, số thương vong lên đến 640.000, trong khi miền Nam thương vong 450.000 trong tổng số 750.000 quân, riêng số quân tử trận của hai miền là 621.000 (miền Bắc 365.000, miền Nam 256.000).

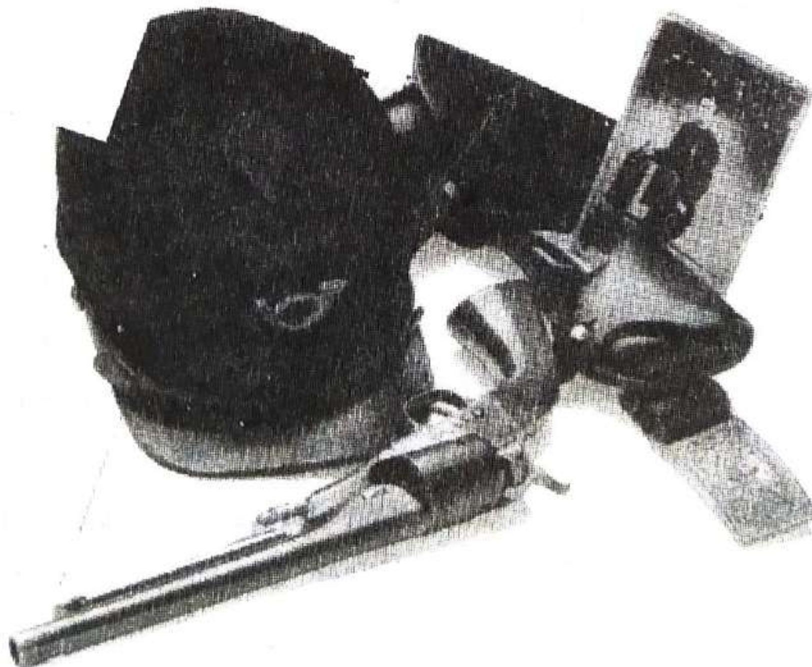
Trên thực tế, cuộc Nội chiến của Mỹ là sự chuyển tiếp sang chiến tranh hiện đại, vừa giết hại nhiều người vừa mang tính chất tàn nhẫn.

Giữa sự tàn sát lẫn nhau này, sự quan ngại liên lỉ của Tổng thống Lincoln về những mất mát của những người quen biết thể hiện sự tương phản chua chát. Năm 1862, ông gửi những lá thư cho những cô con gái của hai nạn nhân của chiến dịch Vickburg, và vì có đứa con trai của mình, Willie, cũng mất, nên ông hiểu được nỗi đau của cha mẹ. Sự cảm thông hết sức tình người của ông khiến ông luôn ở trong thế giới riêng của mình, mà bức thư ông gửi cho bà quả phụ Lydia Bixby ở Boston là một thí dụ nổi bật nhất; mà sự thể là ông được thông tin sai (chỉ hai đứa con của bà bị tử trận; còn ba người con khác, hai người đào ngũ và một thi hành xong nghĩa vụ vinh quang của mình) đã không làm suy giảm sự trong sáng của các động cơ hay lòng nhân đạo của ông.

Tính chân thực của bức thư này đôi khi trở thành vấn đề, phần lớn là do có quá nhiều bản sao chép tài tình hiện có. Một số người dẫn chứng là đâu phải Lincoln viết mà là thư ký của ông, John Hay. Thế nhưng, tính chất uyên thâm sâu sắc đã xác minh tính chân thực của nó. Dù cho có nhiều nghi vấn về tác giả, tính chân thực, và sự thông tin sai lạc, nó vẫn vươn cao trên mọi phê phán để mãi là những diễn cảm buồn đau trong nền văn học thế giới.

Tiểu sử

Abraham Lincoln (1809-1865), tổng thống thứ 16 của Hoa Kỳ, sinh ra ở bang Kentucky, trưởng thành ở Indiana, và là một luật sư (ông tự học hoàn toàn) ở Illinois. Được bầu vào cơ quan lập pháp năm 1834, năm 1846 đã là nghị sĩ. Năm 1856, Đảng Cộng hòa được thành lập để phản kháng lại sự bành trướng của chế độ chiếm hữu nô lệ, Lincoln lãnh đạo cuộc họp kín ở Illinois. Những bài tranh luận nổi tiếng của ông về chế độ chiếm hữu nô lệ với thượng nghị sĩ Stephen Douglas năm 1858 đã dẫn đến việc đảng này chọn ông làm ứng cử viên chức tổng thống năm 1860. Việc tranh cử của ông khiến cuộc Nội chiến sớm xảy ra. Năm ngày sau khi miền Nam đầu hàng, ông bị John Wilkes Booth ám sát trong khi đang xem kịch ở nhà hát Washington.



THƯ CỦA ABRAHAM LINCOLN GỬI BÀ LYDIA BIXBY

Ngày 21 tháng Mười Một 1864

Viện hành pháp
Washington, ngày 21 tháng Mười Một 1864
Gửi bà Bixby, ở Boston, Massachusetts.
Thưa bà,

Qua các tài liệu của Bộ Chiến tranh (được) sĩ quan quản trị cấp cao Massachusetts báo bà là mẹ của năm người con trai đã hy sinh vẻ vang trên chiến trường. Tôi cảm thấy những điều tôi nói ra thật nhạt nhẽo và vô ích khi cố làm bà khuây khỏa về sự mất mát to lớn. Nhưng tôi không thể không gửi lời chia buồn tới bà dù bà đã nhận được những lời biết ơn của nền cộng hòa mà các con bà đã xả thân (vì nó). Xin Cha trên trời ủi an nỗi đau tang tóc của bà và chỉ để lại nơi bà kỷ niệm thân thương về những người con thân yêu đã mất, cùng niềm tự hào khó phai là giá của sự hy sinh cho nền tự do.

Trọng kính,

A. Lincoln

ABRAHAM LINCOLN
TO
MRS. LYDIA BIXBY
November 21, 1864

Executive Mansion
Washington, Nov. 21, 1864
To Mrs. Bixby, Boston, Mass.
Dear Madam,

I have shown in the files of the War Department a statement of the Adjutant-General of Massachusetts that you are the mother of five sons who have died gloriously on the field of battle. I feel how weak and fruitless must be any word of mine which should attempt to be guile you from the grief of a loss so overwhelming. But I cannot refrain from tendering you the consolation that may be found in the thanks of the republic they died to save. I pray that our Heavenly Father may assuage the anguish of your bereavement, and leave you only the cherished memory of the loved and lost, and the solemn pride that must be yours to have laid so costly a sacrifice upon the altar of freedom.

Yours very sincerely and respectfully.

A. Lincoln

VINCENT VAN GOGH

Lá thư được tìm thấy trong túi của họa sĩ sau khi ông tự sát nói về vai trò của người em trong cuộc sống và nghệ thuật của ông.



Chân dung tự họa của Vincent van Gogh năm 1889, bức cuối cùng trong số nhiều tác phẩm của ông.



Theo van Gogh, em của họa sĩ, người sống sua khi Vincent qua đời mới được sáu tháng.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Buổi chiều Chủ nhật ngày 27 thnág Bảy 1890, Vincent van Gogh 37 tuổi rời căn nhà trọ của mình ở Auvers-sur-Oise, một làng cách phía bắc Paris khoảng hơn 30 cây số. Lạ là ông không mang theo

tranh vẽ, và một khách qua đường sau này nói rằng đã thấy ông ngồi bên một cái cây lẩm bẩm: "Không thể được, không thể được." Sau vài giờ ông trở về và nằm bất động. Bà chủ nhà nhìn thấy máu ở quần áo của ông đã gọi người bạn của ông là bác sĩ Paul Gachet. Khi ông này tới, Vincent bảo: "Tôi nghĩ là mình đã làm dối trá; anh bảo sao nào?" Viên đạn từ khẩu súng lục đi mượn đã xuyên qua ngực và bụng ông. Ông sống được hai ngày rồi chết bên người em là Theo, vẫn tỉnh táo để cho biết rằng ông không tự bắn mình trong lúc kiềm chế bằng mọi cách nhưng không được. Khuynh hướng tự sát và sự quyến rũ trước cái chết đã bộc lộ nơi ông từ sớm. Khi cha của Vincent qua đời năm 1885, Vincent bảo: "Tôi thấy mình dễ chết hơn là sống. Chết đã khó nhưng sống còn khó hơn." Bức tranh "Cài ghế trống" của ông được gợi hứng bởi câu chuyện mà họa sĩ người Anh, Luke Fildes, đã vẽ cái ghế của Charles Dickens vào sáng sau khi nhà văn này qua đời. Những lời ghi chú cho bức tranh nổi tiếng "Đêm sáng sao" với những vòng sáng xoắn mãnh liệt đến độ chúng hầu như nằm trong tầm với, van Gogh viết: "Tôi tự hỏi, tại sao tôi không thấp những đốm của bầu trời gần gũi những đốm đen trên bản đồ nước Pháp? Như thể khi ta đáp xe lửa tới Tarascon hay Rouen mà ta đem sự chết để đi tới vì sao."

Có lẽ vì sợ mất Theo đã mau đưa đến sự suy sụp sau cùng. Có sự cộng sinh lạ lùng giữa hai anh em. Những sự cố trong đời của một người, thì một cách vô thức, làm khởi phát phản ứng nơi người kia. Có lần Vincent nói với Theo: "Nếu anh không

có được tình bạn của em, anh sẽ chẳng ngại ngần gì tự tử. Đúng ra anh cũng hèn nhất thôi, nhưng anh dám kết liễu đời mình." Lại có lần ông ngụ ý rằng Theo là cái tôi khác của ông nên cách nào đó có trách nhiệm về sự sống của ông. Để đến khi Theo đã yêu khiến ông chao đảo nhiều mặt, mà sau này con trai của Theo đã phải bảo rằng tại cuộc hôn nhân của cha mẹ cậu đã giết chết bác mình.

Cũng có các ý kiến cho rằng Vincent bị một rối loạn tâm lý nên đã phát sinh sự xáo trộn tâm lý: nghiện rượu, chứng động kinh, bệnh tâm thần phân liệt, và bệnh Ménière, nhưng chẩn đoán chắc chắn nhất là chứng loạn thần kinh chức năng làm suy nhược kết hợp với các giai đoạn loạn thần kinh do căng thẳng.

Lá thư được trích dẫn ở đây không đề ngày và không ký tên được tìm thấy trong túi của Vincent, có thể là phác thảo bước đầu của lá thư mà ông gửi cho Theo vài ngày trước khi ông tự sát. Hai câu đầu của nó hầu như giống hệt nhau.

Cũng như nhiều điều khác trong cuộc đời của Vincent, việc tự vẫn của ông làm nổi lên những thắc mắc xưa cũ về vai trò của bệnh điên trong khả năng sáng tạo của họa sĩ. Triết gia người Roma, Seneca, đã nói thiên tài nào cũng có cái điên của ông ta.

Tiểu sử:

Vincent Van Gogh (1853-1890), con trai của mục sư người Hà Lan, đã gia nhập Goupil's, hội những người buôn bán trong lĩnh vực nghệ thuật và làm việc cho họ ở London, Pari và The Hague. Sau khi bỏ hội này, Vincent nghiên cứu lĩnh vực thần học và là một nhà thuyết giáo lưu động tại các vùng mỏ than ở Bỉ trước khi ông cống hiến đời mình cho nghệ thuật. Mặc dù liên tục bị hất hủi cùng những cuộc tình lận đận, ông vẫn sáng tác hàng loạt kiệt tác hội họa, tất cả đều vẽ trong 5 năm cuối của cuộc đời. Sau nỗ lực tìm kiếm một khu cho các họa sĩ ở Arles và cuộc cãi vả quyết liệt với người bạn họa sĩ Paul Gauguin, Vincent đắm chìm trong buồn chán và được đưa vào một bệnh viện tâm thần. Cuối cùng ông đã tự sát trong tuyệt vọng.

THƯ CỦA VINCENT VAN GOGH GỬI THEO VAN GOGH

Ngày 24 tháng bảy 1890

Em thân yêu,

Cám ơn (vì) bức thư ân cần của em cùng tờ ngân phiếu 50 quan gửi kèm. Tại sao anh hay nói về những việc ít quan trọng trong khi những vấn đề cần thiết nhất đang diễn tiến tốt đẹp nhỉ?

À, sự thật là, chúng ta chỉ có thể làm cho các bức tranh nói. Nhưng em à, còn điều anh luôn nói với em, anh xin nói lại, là anh sẽ luôn coi em là điều gì đó hơn là một kẻ buôn bán tầm thường ở Corot, là, qua suy nghĩ của anh, em hiện có (góp) phần trong việc sản sinh một số tranh, điều mà ngay cả trong cơn đại hồng thủy vẫn không mất đi vẻ thanh thản của chúng.

Bởi đây là vấn đề chúng ta phải giải quyết, và là điểm chính anh có thể nói với em trong lúc hơi bị khủng hoảng. Vào lúc mà có quá nhiều vết nhơ giữa những người buôn bán tranh của các hạo sĩ quá cố và các họa sĩ còn sống.

Đúng, đây là việc của anh, anh đang liều mạng vì nó, và lý lẽ của anh góp nửa phần mình sáng lập cũng nhờ nó – đúng là vậy – nhưng theo như anh biết em không nằm trong số những con buôn đó, nên anh nghĩ em có thể chọn hướng đi và hành động theo địa vị của mình. Nhưng để làm gì?

Vincent

Vincent van Gogh
to
Theo van Gogh
July 24, 1890

My dear brother

Thanks for your kind letter and for the 50fr: note that it contained. Since the thing that matters most is going well, why should I say more about things of less importance?

Well, the truth is, we can only make our pictures speak. But still, my dear brother, I have always told you, and I tell you again, that I shall always consider you something more than a simple dealer in Corot, that through my mediation you have your part in the actual production of some canvases which even in the cataclysm retain their quietude.

For this is what we have got to, and this is the chief thing I can tell you in a moment of comparative crisis. At a moment when things are very strained between dealers in pictures by dead artists, and living artists.

Well, as for my own work, I am risking my life for it and my reason has half-foundered owing to it– that's all right - but you are not among the dealers in men so far as I know, and you can choose your side, I think, acting with true humility. But what's the use?

Vincent



Bức "Con đường có cây bách và vì sao (tháng Năm 1890). Những cây bách thường giống như những ngọn lửa, và có thể biểu tượng cho sự chết, là đề tài thường xuyên trong tác phẩm của Vincent.

Robert Falcon Scott

Nhà thám hiểm Nam cực khi hấp hối đã xin bạn mình chăm sóc gia đình mình và gia đình của những người bỏ mạng cùng với ông.



Thuyền trưởng R. F. Scott, người đã cùng bốn người bạn (Bowers, Evans, Oates, và Wilson) tới Nam cực bằng con đường bộ từ Cross Sea vào ngày 17 tháng Giêng 1912, mà những bức thư của ông đã giành được thắng lợi về văn chương sau khi ông chết.



J. M. Barrie, người viết Peter Pan, là cha nuôi của đứa con trai mồ côi cha của Scott.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Vào tháng Ba 1912, ba trận đói làm những con người rúc trong căn lều mệt lả trong cái rét cực độ của cơn bão vùng cực Nam. Hai thành viên khác của đoàn thám hiểm Anh tới cực Nam đã chết. Khi thuyền trưởng Robert Falcon Scott, dẫn đầu đoàn thám hiểm, nằm chờ chết, ông đã viết một loạt thư cho người thân, bạn bè, và những nhà bảo trợ. Chúng phản ánh sự dũng cảm của những con người đang đương đầu với cái chết, và quan điểm riêng của Scott hiểu về đức tính anh hùng, và trên hết là sự quan tâm tới phúc lợi của gia đình của họ. Trong bức thư gửi nhà văn và kịch tác gia người Scotland, J. M. Barrie (1860-1937), nổi tiếng với tác phẩm *Peter Pan*, Scott đã hai lần xin bạn mình chăm sóc vợ con ông ta.

Tiểu sử

Robert Falcon Scott (1868-1912) đã chỉ huy cuộc thám hiểm Nam cực của người Anh năm 1901-1904, chứng tỏ mình là một nhà nghiên cứu khoa học và chỉ huy giỏi, Cùng với tiến sĩ Edward Wilson và Ernest Shackleton, Scott đã đi bằng đường bộ về vĩ độ 82 Nam. Năm 1910, Scott (người được thăng chức thuyền trưởng năm 1906) bắt đầu cuộc thám hiểm thăm dò, khoa học nhằm nghiên cứu vùng Ross Sea và tới vùng Cực. Trong chuyến hành trình trở về, họ bị đình trệ do cả thời tiết xấu bất ngờ và do Edgar Evans đau bệnh, cả đoàn của ông đều bỏ mạng. Văn bia của Scott được ghi những lời trích từ bài thơ *Ulysses* của Tennyson, đã tóm tắt về ông như sau: "Phấn đấu, tìm tòi, phát hiện và không chịu khuất phục."

THƯ CỦA THUYỀN TRƯỞNG ROBERT FALCON SCOTT GỬI J. M. BARRIE

Tháng Ba 1912

Barrie thân mến,

Chúng tôi đang đóng trại ở một vùng rất buồn tẻ. Hy vọng bức thư này được tìm thấy và được gửi đến anh, tôi viết lời vĩnh biệt... Đặc biệt hơn, tôi muốn anh trông nom người vợ góa cùng con trai tôi – cũng là con đỡ đầu của anh. Chúng tôi đang chứng tỏ là người Anh cũng có thể chết với tinh thần dũng cảm, chiến đấu đến cùng. Người ta sẽ biết là chúng tôi đã hoàn thành mục tiêu của chúng tôi (là) tới Nam cực và chúng tôi đã hoàn thành mọi việc có thể, ngay cả việc hy sinh bản thân để cứu các bạn ốm đau. Tôi nghĩ điều này tạo nên tấm gương cho người Anh sau này và đất nước phải giúp đỡ những ai bị bỏ lại phía sau để mà tiếc thương chúng tôi. Tôi đã bỏ lại người vợ tội nghiệp và đứa con nuôi của anh, Wilson để lại người vợ góa, và Edgar Evans cũng có một người vợ goá trong điều kiện thiếu thốn. Hãy làm những gì anh có thể để thỏa các ước nguyện của họ. Từ biệt. Tôi chẳng sợ tí nào cái kết cục cuối cùng, nhưng buồn khi đánh mất nhiều niềm vui nho nhỏ mà tôi đã tính cho tương lai trên các chặng đường dài của chúng tôi. Có thể tôi không chứng tỏ mình là nhà thám hiểm vĩ

đại, nhưng chúng tôi đã thực hiện cuộc hành trình vĩ đại nhất chưa từng có và sắp đi tới thành công. Tạm biệt, anh bạn thân mến của tôi,

Mãi mãi là bạn của anh,

R. Scott

Chúng tôi đang trong tình trạng tuyệt vọng, chân đã tê cứng... Không còn nhiên liệu và thức ăn cũng cạn, nhưng anh yên tâm vì chúng tôi ở trong lều, để nghe những bài hát của chúng tôi và trò chuyện vui vẻ những gì phải làm khi chúng tôi tới được Mũi Hut.

Lại nữa, chúng tôi rất cận kề cái chết, nhưng chúng tôi đã không và sẽ không đánh mất niềm vui của mình. Chúng tôi nằm trong lều chịu bão bốn ngày và chẳng lấy đâu ra đồ ăn và nhiên liệu. Chúng tôi tính tự kết thúc nếu sự thể cứ thế này, nhưng chúng tôi đã quyết định chết tự nhiên tại chỗ.

Là một người đang kề cái chết, anh bạn thân mến à, anh hãy (đối xử) tốt với vợ và con tôi. Hãy cho thằng bé cơ hội trong cuộc đời nếu nhà nước không làm điều đó. Nó phải có được người tốt ở bên nó... (mà) trong đời tôi chưa hề gặp được ai khiến tôi khâm phục và yêu mến anh, nhưng tôi chưa bao giờ có thể nói lên tình bạn sâu xa mà anh đã dành cho tôi, anh đã cho đi nhiều, còn tôi chẳng cho đi được gì cả.

CAPTAIN ROBERT FALCON SCOTT
TO
J. M. BARRIE
March, 1912

My dear Barrie,

We are pegging out in a very comfortless spot. Hoping this letter may be found and sent to you, I write a word of farewell. . .More practically I want you to help my widow and my boy–your godson. We are showing that Englishmen can still die with a hold spirit, fighting it out to the end. It will be known that we have accomplished our object in reaching the Pole, and that we have done everything possible, even to sacrificing ourselves in order to save sick companions. I think this makes an example for Englishmen of the future, and that the country ought to help those who are left behind to mourn us. I leave my poor girl and your godson, Wilson leaves a widow, and Edgar Evans also a widow in humble circumstances. Do what you can to get their claims recognized. Goodbye. I am not at all afraid of the end, but sad to miss many a humble pleasure which I had planned for the future on our long marches. I may not have proved a great explorer, but we have done the greatest march ever made and come very near great success. Goodbye, my dear friend,

R. Scott

Yours ever,

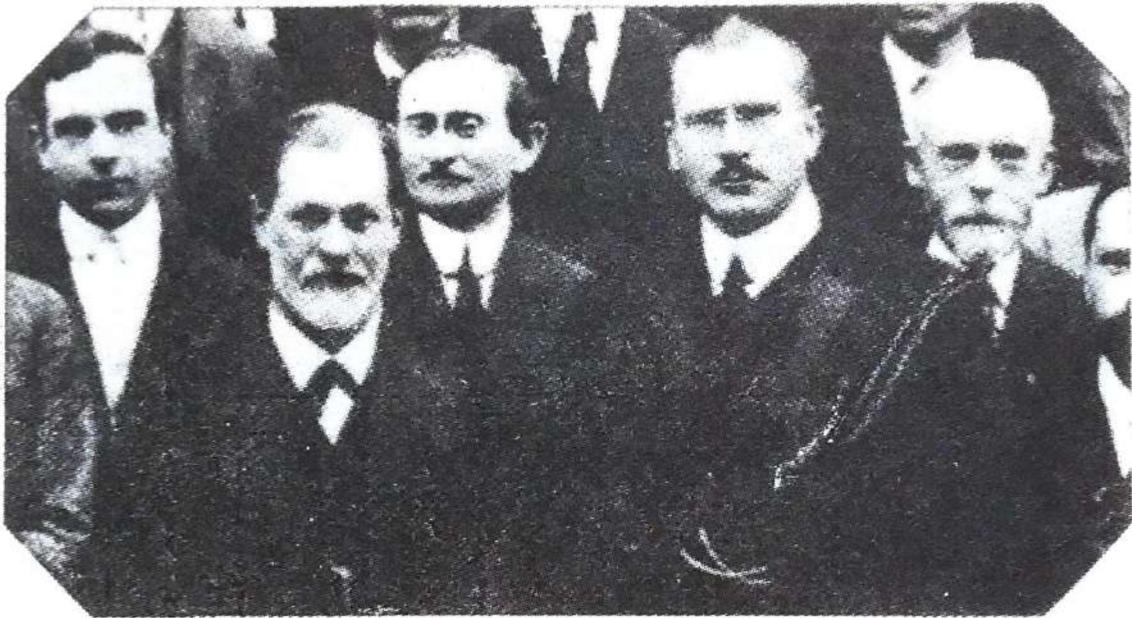
We are in a desperate state, feet frozen, ect. No fuel and a long way from food, but it would do your heart good to be in our tent, to hear our songs and cheery conversation as to what we will do when we get to Hut Point.

Later we are very near the end, but have not and will not lose our good cheer. We have had four days of storm in our tent and nowhere's food or fuel. We did intent to finish ourselves when things proved like this, but we have decided to die naturally in the track.

As a dying man, my dear friend, be good to my wife and child. Give the boy a chance in life if the State won't do it. He ought to have good stuff in him.... I never met a man in my life whom I admired and loved more than you, but I never could show you how much your friendship meant to me, for you had much to give and I nothing.

CARL JUNG

Jung viết lá thư phê phán nặng "ông tổ Freud" của mình vì đã đoạn giao tình bạn sáu năm trời của họ.



Hàng đầu trong hình chụp nhân hội nghị tâm lý năm 1909 ở Đại học Clark, Freud (bên trái) còn Jung (bên phải).

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

Đôi khi được người ta gọi là Copernicus của Tâm trí, Sigmund Freud người Áo (1856-1939) đã cách mạng hóa ngành tâm lý qua việc khám phá vai trò của tiềm thức ở chứng loạn thần kinh chức năng. Lý thuyết của ông phát biểu là xu hướng nguyên thủy nơi con người là năng lực tình dục hay

dục năng (libido), và khi ham muốn tình dục bị dồn nén có thể dẫn tới chứng rối loạn thần kinh chức năng.

Công trình này ảnh hưởng mạnh nơi người học trò xuất sắc là Carl Gustav Jung, nhà tâm lý trẻ người Thụy Sĩ. Jung được chuẩn bị để ứng dụng những ý tưởng này vào chứng rối loạn tâm thần (chứng điên) chứ không riêng gì chứng rối loạn thần kinh chức năng (bệnh tâm thần). Năm 1906-07, Jung xuất bản cuốn *Tâm lý học về chứng Tâm thần Phân liệt* (The Psychology of Dementia Praecox), một nghiên cứu phân tâm học về bệnh tâm thần phân liệt. Freud hứng thú chào đón cuốn sách, mở ra sự hợp tác kéo dài sáu năm. Năm 1909, hai người còn đi với nhau qua Mỹ diễn thuyết.

Một Freud hài lòng đã nói về Jung như "thái tử" của ngành phân tâm học, và xử sự với ông này như cha con (Freud hơn Jung 19 tuổi). Nhưng rồi cũng như bao đứa con chống lại cha mẹ, Jung bắt đầu quay lưng lại với Freud. Jung trở thành vỡ mộng khi Freud khước từ biện hộ để tự phân tích giúp tránh làm suy yếu uy thế của ông. Cùng lúc ấy, Freud, người cho rằng tôn giáo là một ảo tưởng do loạn thần kinh chức năng, bày tỏ sự lo ngại cho rằng Jung đang cố tìm thứ thay thế niềm tin Kitô giáo mà ông này đã đánh mất khi còn trẻ.

Những khác biệt về trí năng đến lúc nguy kịch một phần vì Jung muốn đánh giá lại dục năng mang ý nghĩa của năng lực sáng tạo chứ không chỉ là năng lực tình dục. Cũng còn những luồng mâu thuẫn

cá nhân sâu sắc giữa hai người, nào là việc Jung tố cáo Freud đối xử với các đồng nghiệp như những bệnh nhân. Lá thư của Jung hồi tháng Mười Hai 1912 được trích dẫn ở đây, đã chấm dứt hẳn tình bạn, và từ đó hai con người xuất sắc này đi mỗi người mỗi ngả và từ năm 1913 coi như họ chẳng bao giờ nhìn mặt nhau.

Tiểu sử

Carl Gustav Jung (1875-1961), học y khoa tại các trường đại học Basel và Zurich, sau đó theo chuyên ngành tâm thần học. Năm 1907, ông cộng tác với Sigmund Freud sáu năm nhưng rồi mối tương quan này chấm dứt đột ngột. Cuốn *Tâm lý học về Tiềm thức* (1911-1912) của ông đã tạo ra sự khác biệt rõ rệt giữa phân tâm học của Freud và "tâm lý phân tích", khi ông gọi tên cách tiếp cận riêng của mình. Jung đã là nhà trị liệu nhiều năm, nhất là cho những người trung niên có cuộc sống buồn tẻ, mất ý nghĩa. Ông đã phát triển ý tưởng về các loại tính cách, các nguyên mẫu và tiềm thức tập thể, rồi bản chất của tôn giáo. Ông giảng dạy ở Zurich (1933-1941) và Basel (1943).

THƯ CỦA CARL JUNG GỬI SIGMUND FREUD

Ngày 18 tháng Mười Hai 1912

Liệu tôi có thể nói đôi điều nghiêm túc với ngài? Tôi thừa nhận sự mâu thuẫn trong tình cảm của tôi đối với ngài, nhưng tôi sẵn lòng chân tình và hết sức thẳng thắn để nhìn vấn đề. Nếu ngài nghi ngờ những điều tôi nói thì thật tệ hại. Tuy thế, tôi phải chỉ ra rằng kỹ thuật đối xử của ngài đối với các học trò như những bệnh nhân là một sai lầm. Cứ cách đó, ngài tạo ra những đứa con nô lệ hoặc những anh chàng hợm hĩnh xấc xược. Tôi đủ khách quan để thấy qua điều hơi thủ đoạn của ngài. Ngài rảo khắp nơi đánh hơi mọi hành vi có triệu chứng quanh mình, để rồi giản lược mọi người thành những đứa con trai và con gái (phải) đỏ mặt thừa nhận những lỗi lầm có thực của chúng. Trong khi ngài vẫn giữ vị trí độc tôn như một người cha gặp may. Hoàn toàn do khúm núm nên chẳng ai dám giật râu nhà tiên tri.

Tuy chỉ là sự phân tích hết sức khiêm tốn nhưng hiểu rất rõ điều ấy. Dĩ nhiên ngài biết một bệnh nhân có thể tự phân tích được bao nhiêu: không do chứng loạn thần kinh chức năng của họ–cũng giống y như ngài. Nếu đã có khi nào ngài tự giải thoát hoàn toàn khỏi những phức cảm của ngài và ngừng chơi trò cha con, mà thay vì lúc nào cũng nhắm vào những điểm yếu của họ, hãy nhìn rõ vào chính ngài để có sự thay đổi, rồi tôi sẽ chỉnh đốn những cách của tôi và nhổ tận gốc rễ sự mâu thuẫn tình cảm về ngài. Tôi sẽ tiếp tục sát cánh bên ngài một cách công khai trong khi vẫn giữ quan điểm riêng của mình, còn khi nào cần tôi sẽ nói riêng qua các bức thư.

Hẳn ngài sẽ giận khi thấy dấu hiệu khác thường này về tình bạn, nhưng nó cũng có thể làm ngài tốt lên.

Trân trọng,

Thân ái,

C. G. Jung

CARL JUNG
TO
SIGMUND FREUD
December 18, 1912

May I say a few words to you in earnest? I admit the ambivalence of my feelings toward you, but am inclined to take an honest and absolutely straightforward view of the situation. If you doubt my word, so much the worse for you. I would, however, point out that your technique of treating your pupils like patients is a blunder. In that way you produce either slavish sons or impudent puppies. I am objective enough to see through your little trick. You go around sniffing out all the symptomatic actions in your vicinity, thus reducing everyone to the level of sons and daughters who blushingly admit the existence of their faults.



Meanwhile you remain on top as the father, sitting pretty. For sheer obsequiousness nobody dare pluck the prophet by the beard.

I have submitted lege artist et tout humblement to analysis and am much the better for it. You know, of course, how far a patient gets with self-analysis: not out of his neurosis–just like you. If ever you should rid yourself entirely of your complexes and stop playing the father to your sons, and instead of aiming continually at their weak spots took a good look at your own for a change, then I will mend my ways and at one stroke uproot the vice of being in two minds about you. I shall continue to stand by you publicly while maintaining my own views, but privately shall start telling you in my letters what I really think of you.

No doubt you will be outraged by this peculiar token of friendship, but it may do you good all the same.

With best regards,

Most sincerely, yours,

C. G. Jung

D. H. LAWRENCE

Lawrence thúc giục Russell bỏ lối sống lý thuyết suông, đừng sống bằng suy tư mà hãy sống bằng tình cảm.



David Herbert Lawrence, tiểu thuyết gia và thi sĩ, người tin vào uy thế của tình cảm thuộc bản năng.



Bertrand Russell, nhà toán học và triết gia, người trông chờ lý lẽ như ánh sáng dẫn đường trong các vụ việc của con người.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

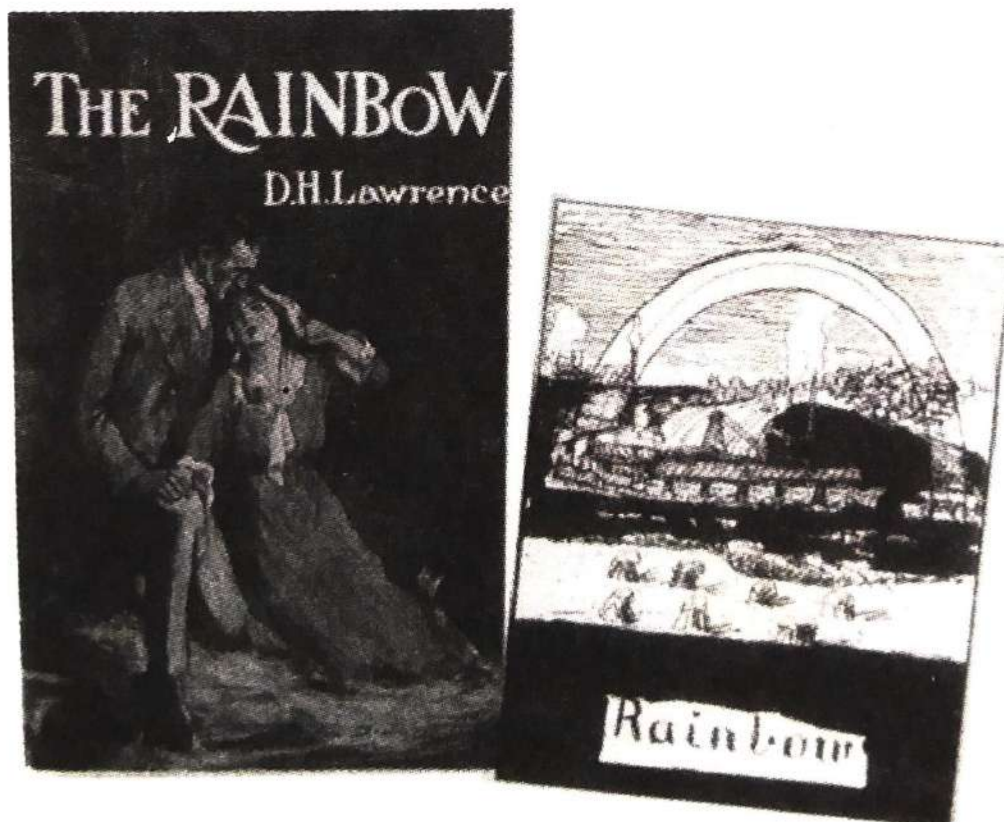
Development H. Lawrence và Bertrand Russell gặp nhau hồi tháng Hai 1915. Lawrence đã kiến tạo được tiếng tăm của mình khi viết cuốn *Con công trắng* (1911) và *Những Cậu Con trai và các Cô Nhân tình* (1913). Russell là nhà lý luận có tiếng

của thế giới, đã xuất bản (với A. N. Whitehead) tác phẩm ba tập có tên là *Nguyên lý Toán học* (Principia Mathematica). Hai người có hai quan điểm khác nhau lạ lùng. Russell gửi bản phác thảo cuốn sách về chính trị của Lawrence, người bất đồng ý kiến sâu sắc với các đề xuất ôn hòa của nó–một cách ngịch thường là, Russell, con trai của một bá tước, tin vào nền dân chủ; Lawrence, con trai người thợ mỏ, tin vào chế độ chuyên quyền. Ông ta gửi trả bản thảo đầy những chỗ sửa. Không nản lòng, Russell gửi một tiểu luận chính trị có tựa là *Mối nguy của Nền Văn minh.* Lawrence bực tức trả lời, cho rằng chủ nghĩa hòa bình của Russell thực chất là một dạng cải trang của sự say mê chém giết: "Khát vọng cơ bản của anh là khát vọng chiến tranh cực độ, đúng là anh cổ vũ chiến tranh... Chúng ta nên trở thành những kẻ xa lạ. Tôi nghĩ như vậy thì tốt hơn."

Lúc đầu Russell nghĩ Lawrence có những động lực vô thức siêu phàm mà ông ta không biết. Ông viết, "Trong hai bốn giờ tôi nghĩ là mình không đáng sống, và chỉ muốn tự vẫn." Hai người tiếp tục trao đổi, Lawrence thúc giục Russell, như trong thư được tóm tắt ở đây, từ bỏ lối sống suy tư. Sau này Russell viết: "Lawrenec là một con người thuộc một dòng dõi, khởi đầu với Heralitus và kết thúc với Hitler, mà động cơ cai trị là lòng căm thù phát xuất từ chứng hoang tưởng tự đại".

Tiểu sử

David He·bert Lawrence (1885-1930) sinh ra ở Eastwood, Nottinghamshire, học ở University College, Nottingham. Ông được đào tạo làm giáo viên và rồi bắt đầu công việc viết văn. Chuyện tình giữa ông với Frieda Weekley, vợ của giáo sư dạy ông ở trường đại học, làm cho gia đình họ đổ vỡ và bà tái hôn với Lawrence năm 1914. Mặc dù sức khỏe yếu do bị bệnh lao nhưng Lawrence vẫn sáng tác rất nhiều. Những tác phẩm chính của ông bao gồm 14 cuốn tiểu thuyết, thơ ca, truyện ngắn, kịch, du ký, và nhiều tác phẩm khác về văn chương, lịch sử và tâm lý. Các tác phẩm của ông đã gây ra sự tranh luận lớn, nhất là mặt khiêu dâm trong tác phẩm cuối được xuất bản năm 1960 sau khi ông qua đời, *Người tình của bà Chatterley*.



THƯ CỦA D. H. LAWRENCE GỬI BERTRAND RUSSELL
Ngày 19 tháng Hai 1916

Anh bạn Russell thân mến,

Tôi chẳng thích lá thư của anh. Đại khái là lối sống (được coi) là tốt đẹp của anh. Tôi không tin những bài thuyết trình của anh là hay. Thời đại này anh đúng là con người ngoại lệ, chẳng phải một giáo viên cũng chẳng phải nhà thuyết pháp: Một người phải rời bỏ khỏi cộng đồng rồi đánh bom vào nó. Anh nói trong bài thuyết trình về giáo dục mà anh không đếm xỉa nhiều đến vô thức. Thật là một sai lầm hoàn toàn. Toàn bộ ý thức và nội dung của ý thức là cái mũ cũ rích – một trách nhiệm nặng nề mà anh phải gánh vác. Kể cả môn toán của anh chỉ là chân lý chết; chẳng khác gì anh xay miếng thịt chết, anh đâu đem lại cho nó sự sống. Hãy dừng công việc và cùng nhau viết cũng như trở thành một thụ tạo thay vì công cụ máy móc.

Hãy dọn dẹp toàn bộ con tàu xã hội. Hãy làm vì chính sự kiêu hãnh, trở thành hư vô đơn thuần, một con chuột chũi, một tạo vật cảm nhận theo cách của nó chứ đừng suy tư. Hãy làm vì nước trời như một đứa trẻ chứ đừng là nhà bác học. Đừng làm thêm gì nữa – nhưng hãy vì nước trời – khởi sự từ chính điểm khởi đầu và hãy là đứa trẻ hoàn hảo: nhân danh lòng dũng cảm. Chẳng bao lâu nữa tôi sẽ trắng tay, và người ta xô vào các công xưởng, và tôi sẽ nói với họ điều tôi nghĩ về họ, để rồi kết thúc tháng ngày của tôi ở trong tù hay nhà thương điên. Nhưng tôi bất cần. Tôi vẫn có thể viết ra những trái bom. Có điều tôi không muốn mình trắng tay để được người ta thương hại. Cuộc sống vốn rất đẹp, và tôi sợ họ sẽ khống chế tôi. Đối với tôi họ là một đám chuột đông vô số kể, và một khi họ đánh hơi thấy tôi thì coi như là hết. Tôi rất quí trọng anh. Hãy ngưng làm việc là cái tôi của mình, và hãy can đảm là một tạo vật

D.H. Lawrence

D.H. Lawrence TO Bertrand Russell

February 19, 1916

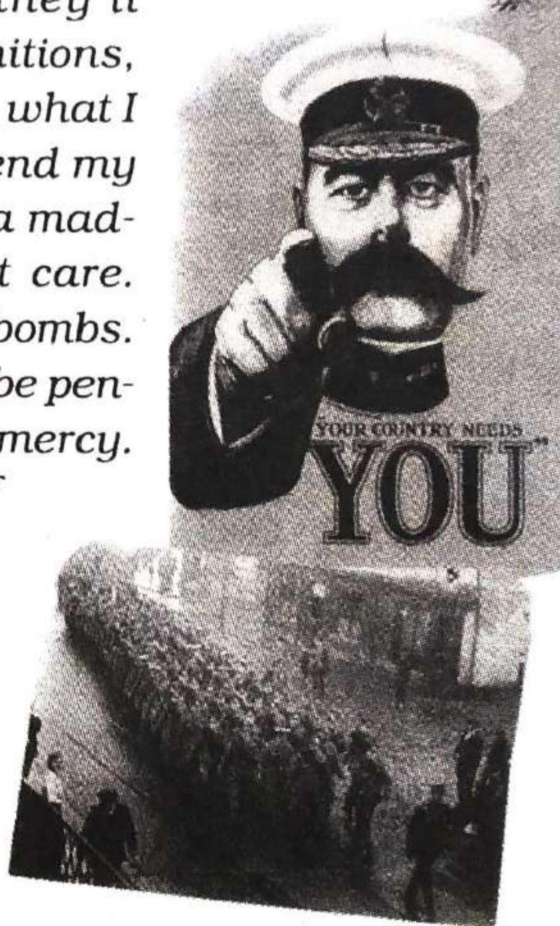
My dear Russell,

I didn't like your letter. What's the good of living as you do, anyway. I don't believe your lectures are good. One must be an outlaw these days, not a teacher or preacher. One must retire out of the herd and then fire bombs into it. You said in your lecture on education that you didn't set much count by the unconscious. That is sheer perversity. The whole of the conscious and the conscious content is old hat–the millstone round your neck. Even your mathematics are only dead truth: and no matter how fine you grind the dead meat, you'll not bring it to life again.

Do stop working and writing altogether and become a creature instead of a mechanical instrument. Do clear out of the whole social ship. Do for your very pride's sake become a mere nothing, a mole, a creature that feels its way and doesn't think. Do for heavens sake be a

My dear Russell,
I did not like your letter. Why

baby, and not a savant any more. Don't do anything any more – but for heavens sake begin to be – start at the very beginning and be a perfect baby: in the name of courage. Soon I shall be penniless, and they'll shove me into munitions, and I shall tell 'em what I think of 'em, and end my days in prison or a madhouse. But I don't care. One can still write bombs. But I don't want to be penniless and at their mercy. Life is very good of itself, and I am terrified lest they should get me into their power. They seem to me like an innumerable host of rats, and once they get the scent, one is lost. My love to you. Stop working and being an ego, and have the courage to be a creature.



D H Lawrence

MỤC LỤC

THAY LỜI TỰA 5

NHỮNG ĐỐI ĐẦU VÀ NHỮNG KHÁM PHÁ 11

1 THÁNH JEROME 15
2 KUYUK MONGOL KHAN 23
3 CHRISTOPHER COLOMBUS 30
4 HERNANDO PIZARRO 39
5 GALILEO GALILEI 47
6 SAMUEL PEPYS 54
7 BENJAMIN FRANKLIN 61
8 THE COMTE DE BOUGAINVILLE 67
9 QIANLONG, HOÀNG ĐẾ TRUNG HOA 79
10 M. G. PERRY 88
11 HENRY MORTON STANLEY 98
12 LOUIS PASTEUR 106
13 ALBERT EINSTEIN 113

CHÂN DUNG VÀ SỰ BIỆN HỘ 123

14 DANTE 126
15 LEONARDO DA VINCI 133
16 MARTIN LUTHER 141
17. ANNE BOLEYN 149
18 BONNIE PRINCE CHARLIE 157
19 GEORGE WASHINGTON 162
20 MARIE ANTOINETTE 169
21 THOMAS ALVA EDISON 176
22 WILLIAM RANDOLPH HEARST 181

23	VIRGINIA STEPHEN	187
24	BARTOLOMEO VANZETTI	193
CHÍNH SÁCH VÀ NHỮNG THÁCH THỨC		200
25	SAINT PAUL	203
26	PLINY CHÁU	209
27	JOAN THÁNH ARC	216
28	LORENZO DE' MEDICI	221
28	FRANCIS WALSINGHAM	230
30	LOUIS XIV	235
31	NAPOLEON BONAPARTE	242
32	ROBERT E. LEE	248
33	KARL MARX	252
34	ÉMILE ZOLA	262
35	NEVILLE CHAMBERLAIN	271
36	JOHN MAYNARD KEYNES	277
37	WINSTON CHURCHILL	283
38	YURI ANDROPOV	288
TÌNH YÊU, TÌNH BẠN VÀ CÁI CHẾT		295
39	CICERO	298
40	ABELARD	305
41.	MARY, NỮ HOÀNG XỨ SCOTS	313
42	HORATIO NELSON	323
43	MARY SHELLEY	331
44	SIMÓN BOLÍVAR	338
45	JOHN BROWN	343
46	ABRAHAM LINCOLN	350
47	VINCENT VAN GOGH	355
48	THUYỀN TRƯỞNG ROBERT FALCON SCOTT	362
49	CARL JUNG	368
50	D. H. LAWRENCE	375
MỤC LỤC		383

50 BỨC THƯ NỔI TIẾNG THẾ GIỚI

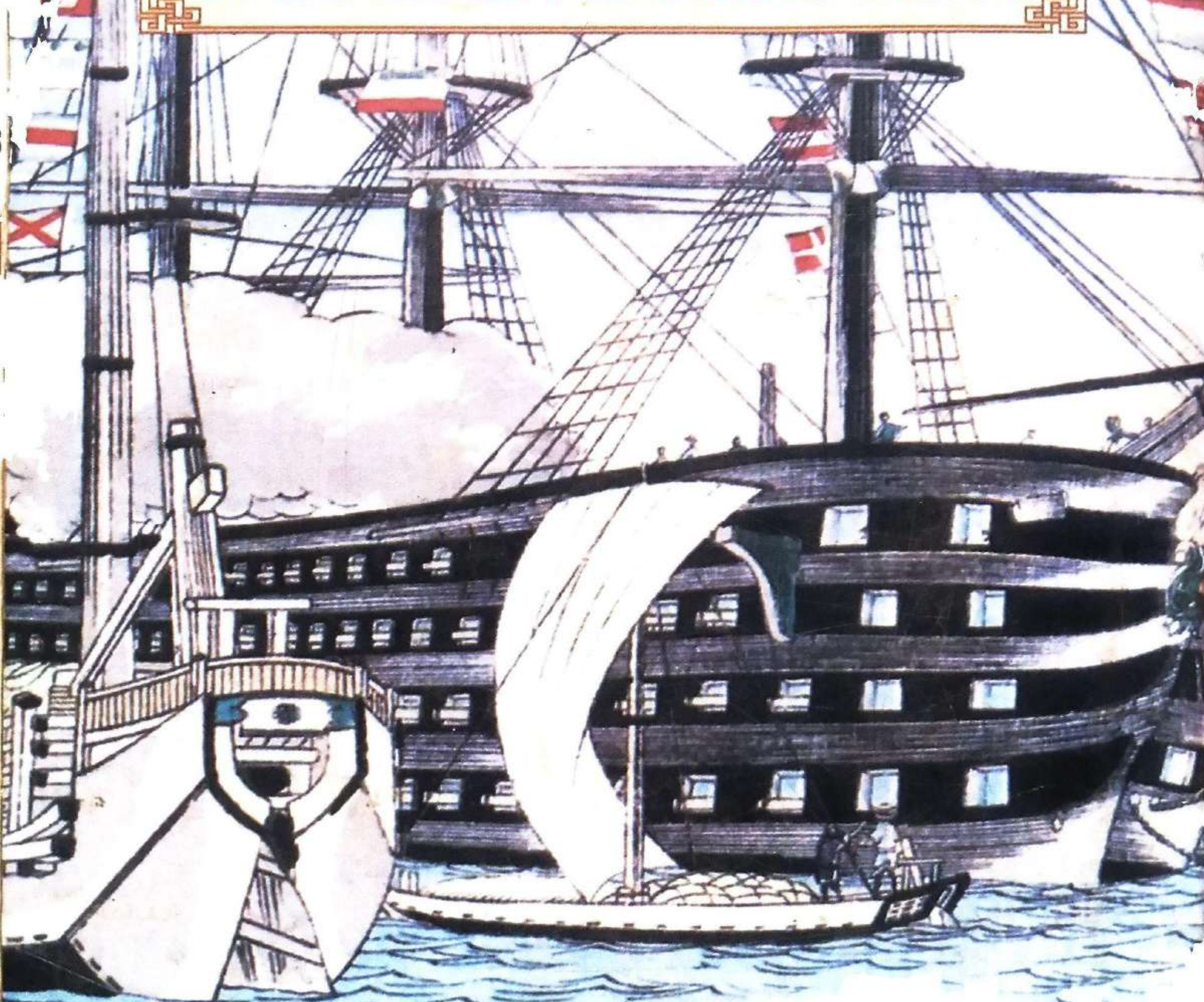
LƯU VĂN HY - THANH HOA -THANH LOAN

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

Chịu trách nhiệm xuất bản : MAI THỜI CHÍNH
Biên tập : NGUYỄN TRƯỜNG
Sửa bản in : THANH LOAN
Trình bày : NGỌC XƯƠNG
Thiết kế bìa : MINH LONG

In 1.000 cuốn, khổ 13 x 19 cm tại XN in Tân Bình
KHXB số 24/1681/CXB cấp ngày 7-12-2001.
Và giấy trích ngang kế hoạch 1-3-2002.
In xong và nộp lưu chiểu Quý III năm 2002.

50 BỨC THƯ NỔI TIẾNG THẾ GIỚI



8 935080 968501
50 bức thư tình nổi tiếng
Giá: 37000.0 đ

Nhà sách
THỊ NGHÈ
• 153 XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH - P.17 - Q.BT - TP.HCM
• ĐT & FAX: 8982359 - 0913 808093

Giá: 37.000 đồng